

XÁ LỢI PHÁT

TRÍ TUỆ ĐỆ NHẤT

1. TRƯỚC VÀ SAU ĐẢN SANH

Tại nước Ma-kiệt-đà ở Nam Ấn Độ, cách thủ đô Vương Xá khoảng hai, ba dặm, có một thôn trang tên Ca-la-tý-nỏ-ca, rừng đẹp trúc cao, núi xanh sông biếc, thật là một địa phương u tịnh, và đó cũng là quê hương của ngài Xá-lợi-phất.

Xá-lợi-phất sanh trong gia đình Bà-la-môn, thân phụ Đề-xá là luận sư nổi danh trong giáo đoàn Bà-la-môn. Thân mẫu khi mang thai Ngài, trí tuệ trội vượt hơn mọi phụ nữ tầm thường (Theo truyền thuyết đó là do ảnh hưởng của thai nhi).

Em trai thân mẫu là Câu-hy-la, cũng rất giỏi nghị luận, nhưng mỗi khi cùng với bà chị đàm đạo, đều bị cạ lời bí lối, chẳng dám cầm cự phải thoái lui. Ông xấu hổ rời nhà ra đi, biết rằng đứa bé trong bụng chị mình ngày sau sẽ là một người đại trí tuệ, nếu tự mình không tiến hơn, mai sau cậu chẳng bằng cháu, thiên hạ sẽ cười cho thối óc. Do đó, ông đi khắp nơi tìm thầy học hỏi, nghiên cứu miệt mài đến nỗi móng tay ra dài mà không dám nghỉ để cắt. Người đương thời đặt cho ông danh hiệu là Trường Trảo Phạm Chí (Sau

này khi Xá-lợi-phất quy y Phật, ông cũng quy y theo làm Sa-môn).

Vào năm tám tuổi, Xá-lợi-phất đã có thể giải suốt mọi thư tịch. Thời ấy, trong nước Ma-kiệt-đà, có hai anh em trưởng giả, anh tên Cát-Lợi, em tên A-già-la, mở tiệc đãi đàng vua quan, thái tử, các vị luận sư... ca vũ nhạc kịch, luận cổ bàn kim. Đại hội quy định, ai ngồi theo chỗ đó, chỉ có cậu bé Xá-lợi-phất trèo lên bảo tọa của luận sư cao tốt, bên cạnh không người nào dám ngồi, mà chẳng hề sợ sệt. Ban đầu, mấy ông đại luận sư cho đó là một tên thiếu niên vô tri, không thèm đếm xỉa đến, sai các đệ tử nhỏ tuổi đến thù đáp, nhưng gặp Xá-lợi-phất lời lẽ khúc chiết, nghĩa lý thích hợp, làm kinh ngạc bốn phía. Lúc ấy các đại luận sư mới khâm phục, khen ngợi rồi rít, quốc vương cũng đẹp dạ, đem luôn một thôn trang phong tặng Xá-lợi-phất.

Ấu thơ tám tuổi đã xuất đầu lộ diện trong trường hợp như thế, phụ thân tuy nổi danh học giả, cũng tự cảm nhận: Thông minh tài trí của mình không bằng cậu con yêu.

2. LÃO SƯ CHÂN CHÁNH

Đến tuổi trưởng thành, người trong nước đều biết đại danh Xá-lợi-phất. Dáng người cao lớn, dung mạo thanh tú, mắt sáng như sao, tay dài quá gối, Xá-lợi-phất thừa hưởng truyền thống học giả của phụ thân nên cũng rất có phong độ học giả. Giới học thuật đương thời không ai không biết đến chàng thanh niên hậu sanh khả úy này.

Đến năm hai mươi tuổi, Xá-lợi-phất từ giã quê hương

phụ mẫu, lên đường tìm sư học đạo. Ban đầu, chàng đến bái yết vị Bà-la-môn nổi danh San-xà-dạ làm thầy, nhưng học chưa được bao lâu, chàng cảm thấy học vấn của thầy không đủ đáp ứng cho sức tìm hiểu của mình, bèn tính chuyện cáo từ. Bạn đồng học lúc bấy giờ, chỉ có Mục-kiền-liên là tâm giao, Xá-lợi-phất đem ý định của mình nói cho bạn nghe, và Mục-kiền-liên cũng cảm thấy như vậy. Cả hai bèn quyết định ly khai San-xà-dạ, thành lập riêng một học đoàn, chiêu tập đồ đệ. Hai chàng tuổi trẻ yên chí rằng trên đời này không có người trí thức nào sánh kịp mình, và cũng chẳng có ai đủ tư cách làm thầy mình.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tuổi tác tương đương, sức học và tư tưởng cũng gần gũi, cả hai đều có chí nguyện tìm cầu chân lý, nên tình cảm rất hòa hợp. Sức tự tu và dạy học, học giả trên toàn cõi Ấn Độ không có ai vừa mắt hai chàng.

Một ngày nọ, trên con đường đến thành Vương Xá, Xá-lợi-phất gặp một vị đệ tử Phật, Tỳ-kheo A Thị Thuyết. A Thị Thuyết là một trong năm vị Tỳ-kheo đầu tiên quy y Phật, Ngài đã trải qua nhiều năm khổ hạnh, đến khi nghe Phật nói pháp Tứ Đế, liền chứng Thánh quả. Ngài có thái độ trang nghiêm, đi đứng oai nghi, Xá-lợi-phất một phen thấy qua trong lòng sanh kinh ngạc, không thể ngăn nổi sự tò mò đến trước hỏi luôn:

- Xin lỗi, cho phép tôi hỏi thăm đạo giả, chẳng hay ngài tên gì ? Hiện ở đâu ?

- Đa tạ! Tôi tên A Thị Thuyết, ở Trúc Lâm tinh xá ngoài thành không xa.

- Thầy của ngài là ai ? Bình thường dạy ngài đạo lý gì ?

Xá-lợi-phất khi hỏi câu này thật là khẩu khí của một trưởng giả. A Thị Thuyết chậm rãi trả lời:

- Thầy tôi là bậc đại thánh Thích-ca Mâu-ni xuất sanh từ dòng họ Thích. Ngài dạy về chơn lý của vũ trụ nhưn sanh, kể ít học như tôi không thể lãnh hội trọn vẹn, nhưng tôi còn nhớ, đạo lý của Ngài thường giảng là:

Các pháp do nhân duyên sanh.

Các pháp do nhân duyên diệt.

Cũng dạy rằng: “Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui.” Đối với lời dạy của bậc Đạo sư, thật khó diễn tả được hết cảm kích của chúng tôi.

Xá-lợi-phất được nghe danh hiệu Phật-đà và giáo pháp của Ngài, dường như trời long đất lở, như sáng ngời mặt trời trước mắt, tất cả mối nghi ngờ về vũ trụ nhân sinh đều biến mất, chàng đứng bên đường đàm đạo với A Thị Thuyết như là bạn tri kỷ trăm năm, và sau cùng ước hẹn, sẽ đến bái phỏng đức Phật.

Xá-lợi-phất về đến nơi, Mục-kiền-liên thấy bộ dạng hân hoan của bạn, liền hỏi thăm:

- Xá-lợi-phất, có việc gì trông bạn có vẻ cao hứng đến thế ?

- Mục-kiền-liên! Đây là dịp cao hứng đệ nhất trong đời tôi, thật hoan hỷ, tôi báo cho bạn biết, tôi đã tìm gặp vị lão sư của chúng ta.

- Bạn nói gì thế, ai là người có thể làm thầy chúng ta ?
- Phật-đà! Đó chính là đức Phật-đà!

Xá-lợi-phất liền đem những lời của A Thị Thuyết về đức Phật và giáo pháp, kể lại cho Mục-kiền-liên nghe, người kể, người nghe đều không ngăn được xúc động, bất giác rơi lệ.

Pháp nhân duyên, người bình thường nghe sẽ không lãnh hội được ra sao, nhưng đối với người tìm cầu chân lý như Xá-lợi-phất, thì phải ném hết những công phu tu hành từ nhiều năm nay. Có thể nói không lầm rằng người nhận thức được pháp nhân duyên mới có thể nhận thức được Phật pháp.

Ngày hôm sau, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đem hai trăm đồ chúng, đồng đến Trúc Lâm tinh xá, quy y dưới tòa đức Phật. Đức Phật cũng rất hoan hỷ, Ngài biết rằng chân lý mình chứng ngộ đến hôm nay mới gặp đúng người có thể tiếp thọ, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cũng cảm thấy mình đã gặp đúng bậc minh sư.

3. GIÁM ĐỐC CÔNG TRÌNH KỶ VIÊN

Sau khi Xá-lợi-phất quy y Phật, lực lượng Tăng đoàn bắt đầu tăng thêm. Đức Phật rất tin dùng Xá-lợi-phất. Người thứ nhất vâng lãnh sứ mạng sang phương Bắc hoằng pháp, và trông coi việc xây cất Kỳ Viên tinh xá, là Xá-lợi-phất.

Trúc Lâm tinh xá nằm ở Ma-kiệt-đà, Nam Ấn Độ, còn trong thời gian Phật thành đạo hai năm đầu, ở phương Bắc không có một căn cứ để thuyết pháp. Nhân duyên kỳ ngộ,

Tu-đạt trưởng giả ở thành Vương Xá nước Kiều-tát-la (Kosala) phương Bắc, nhân đến phương Nam thăm người quen, được gặp thánh nhan của Phật, liền phát tâm quy y, và phát tâm kiến lập một tinh xá ở phương Bắc cúng dường Phật để khắp rưới nước cam lồ.

Trưởng giả Tu-đạt dùng vàng ròng trải khắp mặt đất mua vườn hoa của Thái tử Kỳ-đà làm nơi kiến tạo tinh xá. Ông thỉnh Phật cử cho một người thiết kế và trông coi công việc. Đức Phật biết chính Ngài không có nhân duyên đến phương Bắc, ở đấy toàn là ngoại đạo. Đến đấy không những chỉ hướng dẫn việc xây cất tinh xá, mà còn phải hàng phục chúng ngoại đạo. Vì thế, Xá-lợi-phất cùng Tu-đạt đến thành Xá-vệ trước.

Tinh xá vừa khởi công không bao lâu, quả không lầm, ma nạn khởi lên. Nhiều nhóm ngoại đạo ganh ghét sự phát triển của Phật giáo, đến yêu cầu Tu-đạt bỏ ý định xây dựng tinh xá cúng Phật, thậm chí bảo ông đừng tin ngưỡng Phật-đà.

Tu-đạt là người đã lãnh thọ pháp ân của Phật, dù bất cứ thế nào ông cũng không nghe theo lời của ngoại đạo, họ bèn nghĩ đến việc biện luận với đệ tử Phật, ngài Xá-lợi-phất. Họ chắc rằng đánh đổ Phật giáo, để làm cho Tu-đạt tỉnh ngộ. Tu-đạt nghe qua tin này rất kinh sợ, nghĩ thầm một mình ngài Xá-lợi-phất làm sao tranh biện nổi với từng ấy ngoại đạo ?

Ông rầu rĩ báo cho Xá-lợi-phất biết ý định của bọn họ, trái lại Ngài rất hoan hỷ, đây chính là cơ hội tốt nhất để Ngài thay Phật tuyên dương giáo pháp.

Đã ước định về thời gian, địa điểm mở cuộc đại hội biện luận, ngoại đạo cử mười vị luận sư danh tiếng, bên nhà Phật chỉ có một ngài Xá-lợi-phất. So sánh về lực lượng, bên Phật giáo tuy ít, nhưng một mình ngài Xá-lợi-phất có thể hạ ngàn vạn ngoại đạo. Xá-lợi-phất là đệ tử vô tỷ trong hàng đệ tử Phật, lại xuất thân từ gia đình Bà-la-môn, ông nội, phụ thân đều là những luận sư danh tiếng trong Bà-la-môn giáo, đều là học giả bậc nhất của toàn cõi Ấn Độ. Học vấn của Xá-lợi-phất đã thừa hưởng truyền thống danh giá đó, Ngài tinh thông tất cả kinh điển ngoại đạo, và hiện tại là người đắc Thánh quả. Chọn Xá-lợi-phất để tranh luận với ngoại đạo, thiệt là không còn ai hơn.

Trong trường biện luận, khởi phải nói Xá-lợi-phất thắng lợi hoàn toàn, có một số ngoại đạo tiếp thu chân lý, đều xin nhờ Xá-lợi-phất giới thiệu, trở lại quy y bậc đại thánh. Đức Phật chỉ ngồi ở phương Nam mà ánh sáng oai đức đã chiếu trùm đến phương Bắc.

Phen này Xá-lợi-phất hướng dẫn trên cả ngàn vạn người quy y Phật, Tu-đạt đến lúc này mới nở lỗ mũi, càng khâm phục Xá-lợi-phất, càng cảm kích oai đức của Thế Tôn.

Việc xây cất Kỳ Viên tiến rất mau, theo thiết kế của ngài Xá-lợi-phất, trụ liệu có mười sáu giảng đường dành cho đại hội giảng kinh, lại có mười sáu tiểu đường, chia ra làm phòng ngủ, nhà khám bệnh, nhà tắm, nhà kho... Ngoài ra còn có sân vận động, ao tắm, suối nước giặt giũ...

Lúc tinh xá sắp hoàn thành, Xá-lợi-phất nói với Tu-đạt:

- Trưởng giả! Ông nhìn xem, trên trời xuất hiện những

gì kia ?

- Thưa Tôn giả! Con chẳng thấy có gì cả – Tu-đạt thất vọng trả lời.

- Chẳng có gì lạ, mắt thường không thể thấy được những biểu hiện, bây giờ ông nương sức thiên nhãn của tôi, xem lại một lần nữa.

- A! Tu-đạt vui mừng kêu lên: - Thưa Tôn giả con thấy có nhiều cung điện trang nghiêm rực rỡ.

- Đó là cung điện của sáu cõi trời Dục giới, vì ông cúng dường tinh xá cho Phật thuyết pháp, tinh xá tuy chưa hoàn thành, nhưng cung điện của ông trên sáu cõi trời đã sớm dành sẵn cho ông.

- Nhưng, trong sáu cõi trời ấy nhiều những cung điện đến thế, con phải ở cõi trời nào mới tốt ?

- Cõi trời Đao Lợi thọ mạng rất lâu, biết tu hành, siêng năng trong Phật đạo, khó đọa lạc. Xá-lợi-phất giải thích cho Tu-đạt nghe.

- Vậy sau này con nhất định nguyện về cõi Đao Lợi.

Khi Tu-đạt nói xong, những cung điện kia dần dần ẩn mất, chỉ có cung điện của cõi trời Đao Lợi sáng rực đẹp đẽ hiện ở không trung. Tu-đạt thấy rồi rất mừng rỡ, trong cuộc bình sanh chưa bao giờ được như vậy.

4. KHÔNG THOÁI CHUYỂN TÂM ĐẠI THỪA

Nhân chuyện trưởng giả Tu-đạt cúng dường tinh xá cho Phật, nhờ thần lực thiên nhãn của ngài Xá-lợi-phất thấy được

cung điện cõi trời. Về đôi mắt của tôn giả, trong thời quá khứ tu nhân sáu mươi kiếp về trước khi Ngài tu khổ hạnh, có một sự kiện liên quan đến đôi mắt ấy.

Xá-lợi-phất phát tâm tu đạo Bồ-tát hành hạnh bố thí của Đại thừa, Ngài không những nguyện đem nhà cửa, ruộng vườn, tài sản v.v... những vật sở hữu nơi thân vui lòng bố thí, tối hậu cho đến thân thể, mạng sống, cũng không tiếc một mảy may, nguyện bố thí cho người.

Phát tâm nguyện chơn thiết như vậy, làm kinh động trời đất, bèn có một Thiên nhơn đến thử đạo tâm của Ngài.

Thiên nhơn biến thành một thanh niên khoảng hai mươi tuổi, ngồi chờ trên đường Xá-lợi-phất thường đi qua. Thanh niên vừa thấy Ngài đi đến bèn lớn tiếng khóc rống, Xá-lợi-phất thấy vậy bất nhẫn, đến trước mặt an ủi hỏi han:

- Úy da! Đây cậu kia, vì sao ngồi đây khóc lóc trông thương tâm như vậy ?

- Ông đừng hỏi lời thôi, nói cho ông nghe cũng chẳng được gì.

- Tôi là Sa-môn học đạo, phát nguyện cứu giúp khổ nạn cho chúng sanh. Anh cần gì nếu tôi có sẵn, tôi sẽ giúp anh miễn nguyện.

- Ông chẳng thể giúp tôi được đâu, tôi khóc đây chẳng phải vì thiếu tài vật thế gian, mà vì mẹ tôi mang bệnh không thể trị được, thầy thuốc nói cần phải có con mắt của người tu để hòa thuốc, bệnh mẹ tôi mới lành. Con mắt của người đời đã khó kiếm, con mắt của người tu làm sao chịu cho tôi? Nghĩ đến mẹ già rên rỉ trên giường bệnh chờ thuốc, tôi bất

chợt đau đớn mà phát khóc đó ạ!

- Chuyện đó đâu khó gì, tôi vừa nói với anh, tôi là Sa-môn kia mà, tôi sẽ bố thí cho anh một con mắt để cứu bệnh nan y cho mẹ anh.

Thanh niên vui mừng nhảy lên.

- Ý! Ngài bố thí cho tôi một con mắt ?

- Tất cả tài sản của tôi đều bố thí hết, chính lúc muốn tiến một bước trên hạnh Đại thừa tôi nguyện đem thân ra bố thí. Đang khổ sở vì chẳng gặp ai nhận, nay gặp lúc anh đang cần, tôi được mãn nguyện tâm đạo, tôi rất vui mừng cảm ơn anh, anh nên tìm cách lấy con mắt của tôi đi.

Sáu mươi tiểu kiếp trước trong tâm thầy tu Xá-lợi-phất nghĩ rằng: “Ta có hai con mắt, bố thí cho người một con, còn một con mắt cũng đủ thấy đường, đối với mình cũng chẳng trở ngại chi”.

Ngài bảo thanh niên tìm cách lấy con mắt đi, thanh niên không chịu, nói:

- Thiệt chẳng nên, làm sao tôi dám cưỡng đoạt con mắt của ông ? Như lời ông phát nguyện thì ông tự móc mắt ra mà cho tôi.

Xá-lợi-phất nghe nói có lý, liền quyết tâm, dũng mãnh chịu đau, lấy tay móc ngay con mắt bên trái ra, đưa tận tay thanh niên và nói:

- Đa tạ anh đã giúp tôi thành tựu tâm nguyện, anh hãy cầm lấy!

Thanh niên cầm con mắt la lên:

- Hồng hét! Ai biểu ông móc con mắt trái ra đây. Bệnh của mẹ tôi, phải dùng con mắt bên phải mới tốt.

Xá-lợi-phát nghe nói, thiệt là hồng tuốt, Ngài tự trách mình không hỏi kỹ rồi hãy móc mắt, bây giờ làm sao ? Cho con mắt bên trái, còn con mắt bên phải để xài, nếu cho luôn con mắt bên phải sẽ không thấy gì ráo. Thật đáng kính phục, Xá-lợi-phát không bao giờ trách người, Ngài nghĩ tiếp, phát tâm phát cho triệt để, cứu người cũng cứu triệt để, khó gặp được người nhận thí để thành tựu đạo hạnh của mình, nên móc con mắt bên phải cho người mới xong. Xá-lợi-phát nghĩ như vậy rồi bèn an ủi thanh niên:

- Anh đừng nóng ruột, vừa rồi tại tôi hấp tấp không kịp hỏi nên móc lộn con mắt, bây giờ tôi biết rằng, thân thể này là hư huyền vô thường. Tôi còn con mắt bên phải, tôi xin móc luôn cho anh làm thuốc chữa bệnh cho mẹ anh.

Xá-lợi-phát nói xong, lại quyết tâm một phen nữa, mạnh dạn chịu đau móc luôn con mắt bên phải cho thanh niên nọ.

Thanh niên cầm con mắt Xá-lợi-phát không thềm nói một lời cảm ơn, đưa con mắt lên gửi một cái, quăng luôn xuống đất, mắng:

- Ông là thầy tu cái gì ? Con mắt hôi rình khó gửi, làm sao nấu thuốc cho mẹ tôi dùng!

Thanh niên mắng xong còn lấy chân chà lên con mắt của Xá-lợi-phát.

Tuy không thấy, nhưng lỗ tai còn thính, Ngài nghe lời thanh niên mắng mỏ, nghe tiếng chân thanh niên chà đạp

con mắt của mình, ngài thở dài, nghĩ thầm: “Chúng sanh khó độ, tâm Bồ-tát khó phát, ta chẳng dám vọng tưởng tiến tu Đại thừa, ta nên quay lại chú trọng việc tu hành tự lợi thôi!”

Trong tâm Ngài vừa khởi ý niệm ấy, tức thời trên không trung xuất hiện rất nhiều Thiên nhơn nói với Xá-lợi-phất:

- Tu đạo giả! Ngài đừng chán nản, người thanh niên lúc này là do Thiên nhơn chúng tôi đến thử thách Bồ-tát hạnh của Ngài, Ngài phải dũng mãnh tinh tấn lên, theo như tâm nguyện mình mà tu học.

Xá-lợi-phất nghe nói rất xấu hổ, tâm Bồ-tát lợi tha khởi phát trở lại, ngay lúc ấy thành tựu được đạo tâm bất thoái.

Từ sáu mươi tiểu kiếp đến nay, Xá-lợi-phất không ngừng học đạo, đời này được gặp Phật, chứng Thánh quả, do đó được Thiên nhơn thông.

5. THỌ THỨC ĂN BẤT TỊNH

Xá-lợi-phất là thủ tọa trong hàng đệ tử Phật, đại trí đại tuệ, thần lực siêu quần, Ngài đối với đức Phật thật là bách y bách thuận, đối với lời chỉ dạy của Phật chưa từng cãi lời.

Đức Phật đối với các đệ tử, tín nhiệm nhất là Xá-lợi-phất, sau ngày thành đạo, lần trở về cố hương Ca-tỳ-la thứ nhất, gặp La-hầu-la muốn xuất gia, đức Phật bảo ông bái Xá-lợi-phất làm thân giáo sư, theo Xá-lợi-phất thọ giới Sa-di.

Một hôm, Xá-lợi-phất dắt Sa-di La-hầu-la đi khất thực trở về, đức Phật thấy vẻ mặt của La-hầu-la không vui, biết trong tâm ông có chuyện bất bình, bèn gọi ông đến gần, hỏi

ông trong lòng bất mãn việc gì.

Sa-di La-hầu-la cúi đầu tỏ ý không vui, giọng nói bất mãn:

- Phật-đà! Con là Sa-di, đáng lẽ không nên nói lỗi bậc Thượng tọa, nhưng nếu không nói thì không ai biết hoàn cảnh của Sa-di chúng con.

- Sự việc như thế nào ? Ông giải thích ta nghe.

- Phật-đà! Các vị Thượng tọa và Trung tọa dẫn chúng con ra ngoài thành khất thực, tín chúng cúng dường các vị ấy toàn những món ngon thượng đẳng, còn hàng Sa-di sơ học chúng con, chỉ bố thí toàn cơm trộn xác mè, rau rừng lộn lạo. Thân thể con người đối với việc ăn uống đâu có phân biệt tuổi tác và giới hạnh, đều có nhu cầu giống nhau. Các vị trưởng lão ngoài sự thọ dụng của riêng mình, không có lòng từ bi đoái hoài đến chúng con, khiến tín chúng cúng dường sanh tâm phân biệt.

- Việc ấy đâu đáng gì để nói, chỉ có chút tiểu sự mà ông không thể nhẫn!

- Phật-đà! Xin Ngài từ bi đừng trách mắng chúng con, được ăn dầu mè và tô lạc mới có thể tăng trưởng khí lực, thân thể khỏe mạnh mới có thể an tâm tinh tấn tu hành, còn chúng con mỗi ngày ăn xác mè và rau rừng, dinh dưỡng không đủ, lâu ngày thân thể mỏi mệt, thường chẳng có thể chuyên tâm tu trì.

Đức Phật nghe La-hầu-la nói, cũng công nhận là đúng, tuy nhiên Ngài cũng răn dạy:

- La-hầu-la! Ông rời hoàng cung gia nhập Tăng đoàn là

vì thọ sự hảo cúng dường phải không ?

- Thưa không! Bạch Thế Tôn, con vào Tăng đoàn là vì để học đạo tu hành.

- Vậy thì ông mới nói chuyện gì đó ? Như nếu nghĩ đến việc tu hành, thì khi thọ nhận của tín thí một hạt mè, một hạt cơm cũng thấy là đầy đủ. Ông đi mà lo tu hành, đừng quá quan tâm đến việc ăn uống.

Tuy dạy bảo La-hầu-la như thế, nhưng Ngài cũng biết tín chúng khi cúng dường có khởi tâm phân biệt, trong lòng không vui. Ngài kêu Xá-lợi-phất đến sau khi bảo La-hầu-la lui ra, hỏi:

- Xá-lợi-phất, hôm nay ông thọ đồ ăn bất tịnh, ông biết không ?

Xá-lợi-phất nghe nói kinh hãi, lập tức cho những thức ăn hôm nay ói hết ra đất và bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Từ lúc con quy y với Ngài, con vẫn y pháp khát thực của Phật mà xin ăn, con không hề trái phạm mà xin thức ăn bất tịnh.

Phật biết rõ tâm Xá-lợi-phất, giải thích:

- Việc khát thực của riêng ông, ta biết là hoàn toàn không trái phép, nhưng Tăng đoàn có lục hòa, không nên chỉ biết riêng mình. Về pháp chế nên bình đẳng, lợi ích cũng đều nhau, làm bậc trưởng lão nên thường thương tưởng để ý đến các Tỷ-kheo nhỏ tuổi và Sa-di, khi khát thực nên chú ý đến họ.

Đức Phật dạy xong, Xá-lợi-phất đối với lời dạy không có một chút bất bình, đều cảm kích lãnh thọ.

6. KHIẾN KẼ PHẢN BỘI KINH SỢ

Trong hàng đệ tử Phật, có một Tỳ-kheo tên Đề-bà-đạt-đa, ông ta vốn là đường đệ của Phật khi Ngài còn làm vương tử, sau khi theo Phật xuất gia được mười năm, bị ma quỷ làm mê mờ tâm trí, bèn phản lại đức Phật, tách rời khỏi Tăng đoàn.

Một hôm, sau khi đức Phật đi khất thực về, cùng các đệ tử nghỉ ngơi tại giảng đường, Đề-bà-đạt-đa ngang nhiên dẫn đầu nhóm bè đảng đến yêu cầu Phật nhường quyền lãnh đạo Tăng đoàn cho ông.

Phật chẳng hề trả lời, mặc cho Đề-bà-đạt-đa la lối om sòm, Phật vẫn im lặng nhường lời, Đề-bà-đạt-đa lại kêu gọi các Tỳ-kheo đi theo ông. A-nan là bào đệ của ông, lúc ấy mới nói:

- Xin anh đừng hồ đồ, anh là huynh trưởng của tôi, tôi nghĩ đến anh tạo tội nặng như thế, tương lai sẽ bị đọa mà cảm thấy ghê sợ. Đức Phật là bậc đại từ bi, con người như anh không thể sánh với Ngài. Nếu hôm nay có mặt Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ở đây, chắc chắn không để cho anh tung hoành như vậy.

Sau đó, Đề-bà-đạt-đa dùng các phương pháp uy hiếp, dùng lợi lộc dụ dỗ các đệ tử Phật, có một số người lòng tin không vững, vì tham mê sự cúng dường nồng hậu của vua A-xà-thế đối với Đề Bà, đổi lòng đi theo ông.

Ngày nọ, đang khi các phản đồ cùng với số đệ tử của Đề-bà-đạt-đa nhóm họp một chỗ, Xá-lợi-phất uy nghiêm đi đến và hỏi:

- Nay quý vị, tôi hỏi quý vị một câu, quý vị xuất gia tu đạo là vì thọ cúng dường ? Hay vì tu đạo?

Đại chúng đồng đáp:

- Vì mục đích tu đạo, vì muốn thoát ly sanh tử.

- Nếu như vậy, các ông không tu theo chánh đạo của đức Phật, lại để cho lòng tin thuần khiết tôn quý của mình bị lay động vì chút vật chất cỏ con, các ông phải mau mau phản tỉnh giác ngộ mới được.

Khi Xá-lợi-phất nói lời ấy, từ thân mình phóng ra muôn đạo kim quang, trong đó hiển hiện từ dung của Phật, các Tỳ-kheo phản bội và môn đồ của Đề-bà thấy rồi đều quỳ xuống sám hối, Xá-lợi-phất lại dẫn họ trở về Tăng đoàn.

Đức Phật từ đó càng tin cậy Xá-lợi-phất, Ngài có công lớn trong sự hòa hợp Tăng đoàn. Đề-bà-đạt-đa không sợ Phật, mà rất sợ Xá-lợi-phất.

7. LÃNH THỌ ĐẠO CỨU KHỔ

Khi đức Phật ở Kỳ Viên tinh xá, thương cho chúng sanh trôi nổi trong biển khổ sanh tử không chỗ nương cậy, nghĩ đến mọi loài luân hồi trong sáu nẻo không có một nơi trở về an vui, hạnh phúc, Ngài muốn nói lên pháp môn cứu độ nhưng sợ hạng căn cơ thấp kém nhỏ hẹp không thể tin tưởng thọ trì. Sau cùng, chọn lựa cặn kẽ, Ngài quyết định: Dùng trí tuệ của Xá-lợi-phất chắc chắn sẽ thông hiểu được cõi Cực lạc trang nghiêm thanh tịnh, chắc chắn có thể lãnh thọ tín ngưỡng A-di-đà-phật. Trong chúng hội tuy có đủ ba hạng căn cơ thượng, trung, hạ nhưng đức Phật chọn Xá-lợi-phất làm

đương cơ để nói lên một pháp môn dễ thực hành mà sáng tỏ.
Đức Phật dạy:

“Xá-lợi-phất! Ở phương Tây, cách thế giới của ta rất xa xôi, có một thế giới tên là thế giới Cực lạc. Ở đó có vị giáo chủ là đức Phật A-di-đà đang thuyết pháp.

Xá-lợi-phất! Thế giới ấy tại sao gọi là thế giới Cực lạc ? Vì thế giới ấy không giống thế giới Ta-bà này có nhiều xấu xa, nhỏ hẹp, đau khổ. Chúng sanh ở quốc độ đó chỉ có đầy đủ không hề thiếu thốn, chỉ có an vui không hề đau khổ, cho nên gọi là thế giới Cực lạc. Cõi ấy cảnh vật bằng phẳng, sạch sẽ, giàu có. Người trong nước về phần ăn mặc, đi đứng, thuốc men... đều tùy theo nhu cầu mà đầy đủ tiện nghi. Những người ấy đều là các bậc thượng thiện ở chung một cõi. Phong cảnh như một rừng hoa tuyệt mỹ, kiến trúc như đô thị nguy nga.

Xá-lợi-phất! Chỉ cần nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, gieo trồng nhân duyên phước đức, tu học ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tương lai sẽ được Phật A-di-đà tiếp dẫn, được vãng sinh về nước của Ngài.

Xá-lợi-phất! Chúng sanh ở thế giới Ta bà nếu muốn thoát khỏi khổ não trong sáu đường luân hồi, chỉ nên phát nguyện cầu được sanh về cõi ấy. Ta từng bảo A-nan lễ bái Phật A-di-đà, ông ấy cũng từng được thấy đức Phật kia phóng hào quang lớn, các ông nên tin pháp môn khó tin mà ta vừa nói, đó thật là con đường cứu khổ.”

Đức Phật nói xong, Đại trí Xá-lợi-phất không hề có một niệm hoài nghi. Tôn giả và đại chúng đều tin sâu pháp

môn Tịnh độ của Phật A-di-đà.

8. ĐỨC HẠNH NHÃN VÀ NHƯỜNG

Xá-lợi-phất đối với giáo pháp của đức Phật luôn tôn kính và phụng trì, đối với việc bố giáo chưa từng thoái chí, chỉ đối với riêng mình thì vinh nhục khen chê đều chẳng lưu tâm, thấy đều nhường nhịn.

Có một hôm, đức Phật dẫn đại chúng đi bố giáo và trở về thành Xá-vệ, lúc đó nhóm đồ đệ của Lục Quân Tỳ-kheo, đã nhanh chân đến Kỳ Hoàn tinh xá trước đức Phật và đại chúng, chiếm luôn những chỗ nghỉ ngơi tốt đẹp, ngay cả cư thất của Xá-lợi-phất cũng bị chiếm. Họ lại nói: Chỗ này là chỗ của thầy chúng ta, chỗ này là chỗ của chúng ta.

Xá-lợi-phất về sau đức Phật, ngày đó vì hơi chậm chân, khi về đến tinh xá thấy chỗ của mình bị Lục Quân Tỳ-kheo đã ở trước, không còn cách nào khác, Tôn giả bèn ra gốc cây ngồi thiền qua đêm. Sáng sớm, đức Phật dậy, nghe dưới gốc cây có tiếng ho hen, Ngài bèn hỏi:

- Ai ở đó ? Sao không tịnh tọa trong phòng ?

Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con là Xá-lợi-phất, vì hôm qua có rất nhiều Tỳ-kheo theo Phật về tinh xá, tất cả phòng đều có người, con tạm ngủ dưới gốc cây một đêm cũng không sao.

Đức Phật nghe xong rất khen đức tốt nhẫn nhường của tôn giả, nhưng nhóm các Tỳ-kheo lại dạy:

- Các Tỳ-kheo! Ta hỏi các ông, trong giáo đoàn ta, người nào xứng đáng được thọ lãnh sàng tòa thượng đẳng,

nước thượng đẳng, ẩm thực thượng đẳng ?

Các Tỳ-kheo ôn ào bày tỏ ý kiến.

- Đó là Tỳ-kheo xuất thân từ dòng vua chúa!

- Đó là Tỳ-kheo xuất thân từ dòng giáo sĩ!

- Tỳ-kheo nào tu hành và có khả năng bố giáo mới xứng đáng được sàng tòa hạng nhất, nước và thực phẩm hạng nhất!

Sau khi nghe các câu trả lời lung tung, đức Phật nghiêm nghị bảo:

- Các Tỳ-kheo! Thuở xưa tại núi Tuyết có chim chá cô, con khỉ, con voi đồng ở chung. Tuy chúng là bằng hữu, nhưng vì thân thể, sức lực và trí khôn của mỗi con không đồng nhau, nên mạnh ai nấy tự cao, tự đại, không tôn kính lẫn nhau. Sau biết như vậy là sai trái, mới cung kính và nghe lời răn dạy của loài lớn tuổi, đến khi thân hoại mạng chung, chúng đều sanh vào đường lành.

Các Tỳ-kheo! Các ông phải tôn kính bậc niên lão về pháp hạnh, hiện tại được người khen ngợi, về sau mới được sanh chỗ lành. Nay các Tỳ-kheo! Trong giáo pháp ta không có giai cấp cao thấp, nhưng có bậc trưởng lão về pháp lạc và giới lạc, các ông phải cung kính, phụng sự, lễ bái. Các bậc trưởng lão ấy đáng được thọ sàng tòa đệ nhất, nước và thực phẩm đệ nhất.

Đức Phật nói như thế, đại chúng đều hiểu ý, Xá-lợi-phất rất cảm kích, đại chúng cũng rất cảm kích.

9. KHEN MỘT CÁI CHẾT ĐẸP

Xá-lợi-phất tuy là bậc trưởng lão chứng Thánh quả nhưng đối với người nữ tu hành thành tựu, cũng rất tôn trọng.

Ngày nọ, Tôn giả đang ngồi thiền trong một khu rừng gần thành Vương Xá, đang lúc buông hết để nhập chánh định, bỗng nghe Tỳ-kheo ni Ưu-ba-tiên-na ngồi thiền trong hang động đối diện lớn tiếng gọi Ngài, Ngài bước đến thì Ưu-ba-tiên-na nói:

- Thưa tôn giả! Khi tôi đang tọa thiền, trên thân mình bỗng chạm nhằm vật gì, ban đầu tôi không lưu ý, sau mới biết là một loài rắn độc. Tôi đã bị nó cắn, thế nào cũng chết. Bây giờ thừa lúc chất độc chưa hoành hành, xin Ngài từ bi vì tôi tìm cách mời đại chúng đến cho tôi được cáo biệt!

Khi nói câu ấy, Ưu-ba-tiên-na không tỏ một chút gì kinh sợ, như là chẳng có việc gì xảy ra.

- Ở đây vừa xảy ra việc đó sao ? Ta xem sắc mặt cô không có gì biến đổi. Nếu như bị rắn cắn, nhất định cô sẽ biến sắc.

Ban đầu Xá-lợi-phất cho là không có việc gì nên nói như thế. Ưu-ba-tiên-na trầm tĩnh đáp:

- Bạch tôn giả! Thân người là do tứ đại, ngũ uẩn hư vọng mà thành, không có chủ tử, vốn là vô thường, vốn là không. Tôi đã chứng được đạo lý ấy, độc xà làm sao cắn được cái “không” ?

- Cô nói rất đúng, cô đã đến trình độ thoát khỏi mọi đau đớn của thân thể, cô dùng tuệ mạng của mình mà giữ gìn

sắc mặt không biến đổi.

Xá-lợi-phất khen ngợi Ưu-ba-tiên-na và thông tri cho các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni tu tập gần đó, đem Ưu-ba-tiên-na ra khỏi động, nọc độc mới dần dần xâm nhập khắp người. Ưu-ba-tiên-na vô sự nhập Niết-bàn. Thấy được bậc giải thoát như thế, đại chúng rất tán thán, Xá-lợi-phất nói:

- Người tu hành điều tâm, tấn nhập Niết-bàn, đối với cái chết của thân mình, coi như bỏ một cái bát độc, như bệnh nặng được lành. Có cầu ắt có báo đáp, có chí nguyện nhất định thành, sắp chết không đổi sắc, đó là dùng mắt trí tuệ mà xem tướng thế gian, ra khỏi nhà lửa, thật là đẹp vô cùng.

Lời ngài Xá-lợi-phất khen Ưu-ba-tiên-na, cũng vốn là phương pháp quán sát của Phật giáo đối với chuyện tử sinh. Chuyện ấy trong con mắt người tu hành, xem giống như một đám mây qua.

10. LÒNG KHOAN DUNG RỘNG RÃI

Tuổi tác của Xá-lợi-phất tùy theo vô thường năm tháng gia tăng, Ngài đến lúc là một bậc cao niên tám mươi tuổi. Năm ấy, sau mùa an cư ở Kỳ Viên, vì việc hoằng pháp độ sanh, Ngài không nề tuổi già, không từ lao khổ, thỉnh cầu đức Phật cho phép Ngài đi du phương hóa đạo. Phật hứa khả và rất khen ngợi tinh thần vì người, vì giáo lý của Xá-lợi-phất.

Tôn giả rời tinh xá không bao lâu, có một Tỳ-kheo đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xá-lợi-phất đi vân du hôm nay không

phải vì tuyên dương Phật pháp, mà vì ông ấy đã làm nhục con, gặp mặt con thấy hổ thẹn muốn tránh mặt nên mới kiếm chuyện đi phương khác.

Đức Phật không thích kẻ phỉ báng người vắng mặt, nghe xong lập tức sai người mời Xá-lợi-phất trở lại, và ở trước đại chúng, Phật nghiêm nghị hỏi Xá-lợi-phất:

- Xá-lợi-phất, sau khi ông đi không lâu, có một Tỳ-kheo đến mách với ta rằng ông đã khi dễ, nhục mạ ông ấy, có thật vậy không ?

Xá-lợi-phất ôn hòa cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi con theo Ngài đến nay, nay là gần tám mươi tuổi, con nhớ con chưa từng sát hại sinh mạng, chưa hề nói lời hư vọng, chỉ trừ khi vì muốn tuyên dương chân lý, cũng chưa từng nói chuyện riêng tư lợi hại được mất của người, cùng người bàn tán tốt xấu. Hôm nay là ngày rớt sau của an cư, trong ba tháng qua, mỗi ngày con đều sám hối, không mất chánh niệm, tâm con trong lặng, không có một vẻ bất bình, con làm sao khinh thị người khác được ư ?

Bạch Thế Tôn! Đất bùn hay nhẫn nhục, bất cứ vật gì nhơ ố đổ lên, đất không cự tuyệt. Phần tiểu, máu mủ, đờm dãi đất đều cam thọ cũng như kẹo ngon. Tâm con hôm nay bộc bạch trước đức Thế Tôn, nguyện như sức nhẫn nhục của đại địa, nguyện không trái nghịch ý người.

Dòng nước thanh tịnh, không kể vật sạch dơ hay cũ mới đều dùng nước để rửa sạch. Tâm con không yêu ghét, cũng như dòng nước.

Bạch Thế Tôn! Cây chổi dùng để quét bụi, khi quét

dọn không chọn lựa tốt xấu, tâm con hôm nay thật là không hề khởi phân biệt tốt xấu. Con ở trong chánh niệm, quyết không hề khinh tiện vị Tỳ-kheo kia, con đối Phật mà nói lời này, con biết việc làm của con, Tỳ-kheo kia cũng biết việc làm của vị ấy. Như nếu con có lỗi, con xin hưởng về Tỳ-kheo ấy sám hối để tâm con khỏi cần rứt.

Vị trưởng lão gần tám mươi tuổi, đã đối trước Phật cáo bạch mọi việc như thật, đại chúng nghe qua đều cảm động.

Phật bảo ông Tỳ-kheo vu cáo kia:

- Ông có lỗi hủy báng trưởng lão, bây giờ không thể không sám hối. Ông đã có ý khiến Tăng đoàn phân vân, ông chẳng muốn cho Tăng đoàn hòa hợp. Nếu như ông không chí thành sửa đổi, sẽ bị khổ báo vô cùng!

Tỳ-kheo kia vội vàng quỳ trước Phật ai cầu sám hối:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất là người không lỗi chi, con đối với bậc trí huệ năng lực như thế mà không biết nhún mình học tập, lại sanh tật đố, xin Phật từ bi thương xót, cho con cơ hội đầu tiên sám hối.

Đức Phật trang nghiêm từ hòa bảo:

- Ông hãy đến sám hối Xá-lợi-phất.

Tỳ-kheo ấy phủ phục cúi đầu quỳ trước Xá-lợi-phất, Tôn giả bèn để tay lên đầu ông mà từ tốn nói:

- Tỳ-kheo! Trong giáo pháp của Phật, sám hối có sức mạnh vô cùng. Làm người ai không khỏi lầm lỗi ? Biết lỗi liền sửa, đó là việc lành rất lớn. Tôi nhận sự sám hối của ông, từ đây về sau đừng tái phạm.

Thái độ và lời nói của Xá-lợi-phất, ai nghe cũng cảm động. Lòng quảng đại, tâm bình đẳng của tôn giả thật là không kể kể oán người thân.

11. VÀO KIM CANG ĐỊNH

Khi đức Thế Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương Xá, tôn giả Xá-lợi-phất nhập Kim Cang tam muội ở núi Kỳ-xà-quật. Trong núi có hai con quỷ một thiện một ác, một đứa tên Ưu-bà-ca-la, một đứa tên là Già-la. Chúng nhìn xa xa thấy Xá-lợi-phất đang ngồi kiết già tĩnh tọa, ác quỷ Già-la bèn nói với thiện quỷ Ưu-bà-ca-la.

- Này Ưu-bà-ca-la, ta sẽ đánh bể cái đầu của lão Sa-môn kia!

- Anh chớ nên nói như thế, vị Sa-môn ấy là đệ tử Phật, thông minh trí huệ số một và có thần lực, nếu như anh khởi ác tâm hại vị ấy, về sau sẽ trầm luân vĩnh cửu, chịu khổ vô cùng. Thiện quỷ Ưu-bà-ca-la can ngăn.

- Anh sợ lão Sa-môn ấy sao ? Sa-môn là người rất dễ bắt nạt. Anh chú ý một chướng của tôi, cái đầu Sa-môn lập tức nát như cám.

- Anh nói vậy chớ tôi thật kiêng nề Sa-môn, Sa-môn tuy là nhẵn nhụi dễ bị lấn áp, nhưng các vị ấy có oai đức rất lớn. Anh mà đánh Sa-môn ấy, ổng tuy bị khổ nhứt thời, nhưng chúng ta sẽ vĩnh viễn bất an.

Thiện quỷ nói xong, ác quỷ vẫn không nghe liền tung chướng đánh ngay đầu Xá-lợi-phất. Thiện quỷ không nỡ nhìn cảnh ấy, bèn tàng hình biến đi. Câu chuyện tuy nói dài dòng

nhưng xảy ra chỉ trong nháy mắt, ác quỷ đánh tới, mà Xá-lợi-phất chỉ có cảm giác như một chiếc lá rơi trên đầu. Ngài mở mắt ra kịp thấy một con quỷ thất khiếu chảy máu rớt xuống địa ngục.

Xá-lợi-phất từ Kim cang tam muội dậy, chỉnh y phục, đến vườn Trúc gặp Phật, Phật bèn hỏi:

- Xá-lợi-phất! Hôm nay, thân ông có việc gì không ?

- Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con không có bệnh nặng, hiện tại trên đầu chỉ đau chút đỉnh.

- Xá-lợi-phất! Hôm nay, ông nhập Kim cang định rất tốt. Quỷ Già-la đánh trên đầu ông mà chẳng gây thương tích cho ông, phải biết quỷ Già-la mà đấm núi Tu-di cũng phải bể hai. Sức định Kim cang lớn mạnh như thế, Tỳ-kheo các ông cần phải tu trì.

Xá-lợi-phất thường dạo chơi trong Không tam muội và Kim cang tam muội, tai nạn bên ngoài không thể làm hại Ngài tí nào.

12. XIN ĐƯỢC NHẬP NIẾT-BÀN TRƯỚC

Đức Phật ở trong rừng của thôn Trúc Phương, gần thành Tỳ-xá-ly, sau khi thuyết pháp xong liền báo cho mọi người một tin kinh hãi, đó là ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết-bàn.

Mọi người đều buồn thảm, chuyện ấy không cần nói, Xá-lợi-phất cũng không thể nào nhìn thấy đức Phật Niết-bàn. Tôn giả ở trong định nghĩ thầm:

- Những đệ tử thượng thủ của chư Phật quá khư đều

nhập Niết-bàn trước, nay ta là đệ tử thượng thủ của Thế Tôn, ta nên nhập Niết-bàn trước Ngài.

Sau khi nghĩ như vậy, Xá-lợi-phất liền xả thiền đến trước Phật, quỳ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con nay muốn nhập Niết-bàn, xin đức Thế Tôn hứa khả.

Phật chú ý nhìn Xá-lợi-phất rất lâu, mới hỏi:

- Vì sao ông muốn nhập Niết-bàn mau như vậy?

- Bạch Thế Tôn, Ngài nói Ngài sẽ nhập Niết-bàn gần đây. Thế Tôn đã ban cho con pháp tình và ân huệ rộng lớn, làm sao con có thể thấy Thế Tôn vào Niết-bàn. Vả lại, Thế Tôn từng nói, các đệ tử thượng thủ của chư Phật quá khứ đều vào Niết-bàn trước các Ngài. Con thiết tưởng nay là đúng lúc con vào Niết-bàn, xin Thế Tôn từ bi hứa khả.

Xá-lợi-phất nói xong, rất có vẻ thương cảm nhưng vẫn không để mất phong độ an tịnh. Phật lại hỏi:

- Ông định vào Niết-bàn ở nơi nào ?

- Ở cố hương của con, thôn Na-la-tỳ-nỏa-ca. Mẹ già trăm tuổi của con vẫn còn mạnh khỏe, con muốn về thăm mẹ già một lần. Và sẽ nhập Niết-bàn nơi phòng con đã được sinh dưỡng.

- Ta không cản ngăn ông, ông có thể làm theo ý mình, nhưng ông là đệ tử thượng thủ trong hàng đệ tử ta, nên đợi các chúng hội họp và lưu lại cho mọi người đôi lời giáo huấn.

Phật sai A-nan tập hợp chúng Tỳ-kheo. Mọi người nghe tin Xá-lợi-phất cáo từ để vào Niết-bàn, đều mau mau

vân tập. Trước tiên Xá-lợi-phất cáo biệt đức Phật:

- Thưa Thế Tôn, con từ quá khứ vô lượng kiếp, luôn luôn mong được sanh nhằm thời Phật ra đời, và rốt cuộc đã được mãn nguyện. Nỗi vui mừng khi gặp Phật chẳng có gì so sánh được. Trong bốn mươi năm, lãnh thọ lời dạy từ bi của Thế Tôn, khiến kẻ ngu si như con được mở mắt trí tuệ, giác ngộ chân lý, chứng Thánh quả. Ngôn từ và hình dung trong thiên hạ không thể diễn tả được sự cảm kích và vui mừng của con. Hôm nay, thời hạn lìa cõi tục của con gần kề, con sắp xả bỏ mọi ràng buộc thế gian, sắp sửa tấn nhập cảnh giới Niết-bàn tự do, tự tại. Như người gánh nặng đi xa, sắp được buông xuống. Con tự lấy làm vui mừng, con thừa thọ pháp thủy cam lồ của Thế Tôn, đã giúp con cởi mở sự trói buộc của ngũ uẩn, không còn thọ những khổ não các cõi nữa. Đây là lời từ giả cuối cùng đối với Thế Tôn, xin Ngài cho con đánh lễ.

Xá-lợi-phất nói xong, gieo năm vốc sát đất, không khí rất trầm lắng nghiêm túc.

Phật gật đầu nói với Tôn giả:

- Xá-lợi-phất! Những lời giảng dạy của ta ông đã lãnh hội, nay ta thọ ký cho ông, tương lai ông sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như-Lai, sẽ trở lại nhân gian giáo hóa chúng sanh, thành tựu quả Phật tối cao.

Đức Phật nói xong, liền bảo đại chúng tiễn đưa Xá-lợi-phất một đoạn đường. Tôn giả đứng dậy đi lui ra cho đến lúc không còn nhìn thấy Thế Tôn, mới xoay mình lại bước đi.

Các Tỳ-kheo đều mang hương hoa đưa tiễn Tôn giả, đây là lúc đượm vẻ vắng lặng, trang nghiêm thâm lương, phần

lớn các Tỳ-kheo đều rướm lệ.

13. LỜI TẶNG SAU CÙNG.

Các Tỳ-kheo đi theo tôn giả Xá-lợi-phất một đoạn không xa, Tôn giả dừng lại nói với mọi người:

- Quý vị hãy ngừng lại đây, không cần đưa tiễn thêm. Chỉ cần Sa-di Quân Đầu theo tôi mà thôi. Xin quý vị hãy trở về, tự mình gấp rút tu hành, mong rằng quý vị nỗ lực tinh tấn thoát ly ưu bi khổ não, mau vào cảnh giới giải thoát tự do.

Đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian này như hoa Ưu Đàm mấy ngàn vạn năm mới gặp kỳ nở hoa. Thân người khó được, tín tâm thuần khiết khó nuôi dưỡng, đời nay chúng ta được xuất gia lại được tự thân nghe Phật thuyết pháp, thật là việc hy hữu trong trăm ngàn vạn ức đời. Hy vọng đại chúng tinh tấn thêm lên. Các hành vô thường, cần yếu phải chiến thắng cái khổ vô thường đó, đạt đến cảnh giới Niết-bàn vô ngã, đó mới là nơi trở về vĩnh viễn chơn thật của chúng ta, đó mới là một thế giới an vui tịch tĩnh.

Tôn giả nói lời ấy xong, đại chúng nghĩ đến đây là lời tặng cuối cùng trong dịp tử biệt sinh ly, không nén nổi bi ai, mọi người đều khóc với Tôn giả:

- Tôn giả! Ngài là đệ tử thượng thủ của đức Thế Tôn, là bậc trưởng lão trong hàng Tỳ-kheo chúng con, về sau chúng con rất cần Ngài lãnh đạo trong công tác hóa đạo, vì sao Ngài sớm vào Niết-bàn như thế ?

Xá-lợi-phất biết rõ tâm sự đại chúng, nhưng rất an tĩnh đáp:

- Xin các vị đừng thương cảm như thế. Thế gian này là vô thường, Phật đã chẳng thường nói với chúng ta như vậy sao ? Núi Tu-di còn có lúc hoại, biển lớn còn có ngày khô cạn, cái chết của sắc thân Xá-lợi-phất tôi như hạt cải nhỏ xíu, đó là chuyện đương nhiên, đó cũng là thật tướng của thế giới.

Lời sau cùng tôi muốn dặn dò quý vị là cần phải nhất tâm tu đạo, thoát ly khổ hải, cần gấp về thế giới Cực lạc thanh lương. Đức Phật ngày xưa đã từng nói với tôi, quốc độ của Phật A-di-đà ở phương Tây là nơi giải thoát an lạc. Các vị nên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì nguyện vọng của quý vị sẽ như ý.

Tôi lại mong quý vị tuyên dương lưu bố giáo pháp của Phật-đà, không nên so đo toan tính về danh lợi của riêng mình; không vì phước lợi cho quần sanh thì đừng xuất gia. Cho đến thời mạng pháp, đời đời kiếp kiếp chỉ cần có chúng sanh nghĩ đến việc cầu vui dứt khổ, giải quyết xong chuyện của chính mình, họ cũng có thể nối tiếp huệ mạng của Phật-đà.

Xá-lợi-phất nói xong, mọi người đều bi thương cảm động. Mọi người đều biết đây là lần chia tay sau cùng với Tôn giả, về sau sẽ vĩnh viễn không thể tương phùng. Tuy Tôn giả bảo đại chúng trở lui, mà ai nấy đều bước theo Ngài. Ngài không thích thái độ lưu luyến như thế, lại một lần nữa cự tuyệt sự tiễn đưa của họ. Cuối cùng, mọi người phải dừng lại, nhìn theo bóng Tôn giả mất hút mà không nghĩ chuyện quay về. Nghĩ đến từ nay không còn gặp lại vị Trí tuệ đệ nhất, mà bất giác nước mắt rơi không ngừng. Các vị ấy tuy đã giác ngộ, nhưng như tình và pháp tình không khác vậy.

14. HỒI GIA

Từ già đức Phật và Tăng đoàn, Xá-lợi-phất chỉ dắt theo Sa-di Quân Đầu. Trên đường đi, trong tâm Tôn giả khởi lên những đợt sóng cảm nghĩ triền miên. Tuy nhiên như thế nhưng trong tâm Ngài vẫn không loạn động, phẳng lặng và sáng suốt như đứng lặng trên đỉnh Tuyết Sơn, toàn vũ trụ đều hiện rõ trong tâm.

Khi đó Xá-lợi-phất về đến cố hương, mặt trời nghiêng về Tây, trên thôn làng Ca-la-tý-nỏa-ca, một ráng mây hồng ở góc trời. Tôn giả ngồi nghỉ bên đường, thốt nhiên đưa cháu gái tên Ưu-bà-ly-bà-đa đến bên lễ bái, Tôn giả hỏi:

- Bà nội có nhà không ?
- Bà nội không đi đâu cả.
- Cháu thưa với bà có ta trở về.
- Dạ!

- Thưa với bà cho người quét dọn căn phòng của ta sạch sẽ, ta sẽ nghỉ ở đó một đêm.

- Dạ!

Xá-lợi-phất về làm gì, đưa cháu nhỏ chẳng hề biết ất giáp, chỉ dạ lia lịa, vội chạy về thưa với bà, báo tin bá phụ hồi gia.

Mẫu thân của Tôn giả nghe tin con mình từ lâu không về nhà, nay về đến, rất vui mừng. Xá-lợi-phất tuy đã tám mươi tuổi, nhưng đối với tấm lòng của bà mẹ già một trăm tuổi, lúc nào cũng xem Tôn giả như đứa con nhỏ.

Bảo quét dọn căn phòng sanh dưỡng của Tôn giả sạch

sẽ, mẩu thân Ngài rất lầy làm lạ, nhưng nỗi vui mừng mẹ gặp con khiến bà phấn khởi không cần vạ lý do.

- Bà nội! Hãy nghỉ đi, chúng cháu quét dọn cũng được rồi – Ưu-bà-ly-bà-đa nói.

- Mấy đứa bây làm nhanh nhanh, cẩn thận quét dọn cho thật kỹ, bác bây là người rất ưa thanh tịnh đó nghen!

Mặt trời khuất núi, Tôn giả về đến nhà, hỏi thăm từng người trong gia đình. Mẹ Ngài vui mừng đến rơi lệ, nói:

- Cuối cùng rồi con cũng trở về!

Xá-lợi-phất an nhiên nhìn mẹ, mỉm cười, và đem ý định trở về đây để nhập Niết-bàn báo cho mẹ cùng gia nhơn hay, ai nấy đều kinh hãi.

- Mọi người đừng bận tâm – Xá-lợi-phất nói –Thưa mẹ! Xin mẹ đừng coi cái chết của con giống như mọi người. Khi chết ai cũng khóc lóc, nhưng con vào Niết-bàn là việc rất vui mừng. Lúc này, thâm tâm con rất vui, rất an ổn. Một đời con được gặp bậc thầy cứu thế Phật-đà, nghe được giáo pháp và thực hành theo đó, con đã được cứu vớt khỏi biển sanh tử, đã được giải thoát từ trong phiền não không còn việc gì phải sợ hãi. Sở dĩ hôm nay con trở về vì để tấn nhập Niết-bàn. Con là đệ tử thượng túc của Phật, con phải vào Niết-bàn trước Ngài. Xin cả nhà yên lòng, đời người ai khỏi chết ? Như con không chút mê mờ mà vào cảnh giới Niết-bàn thường trụ, đó thật là một hạnh phúc lớn lao.

Mẹ già trăm tuổi của Tôn giả nghe xong rất buồn, nhưng nghĩ đến con mình xả bỏ thế gian một cách tốt đẹp tự do giải thoát như vậy thì cũng đáng mừng. Bà nghĩ đến cái

chết của mình trong tương lai cũng hy vọng được như Tôn giả, đem hết tâm tình hoan hỷ mà đón nhận.

Xá-lợi-phất lại đem lời dạy của Phật nói lại cho mẹ nghe. bà rất thông hiểu ý Tôn giả, nói với Ngài:

- Con giảng giải rất đúng, mẹ cũng vì con mà vui mừng. Không mê muội mà vào Niết-bàn, không còn cái khổ sanh tử là hạnh phúc trên hết. Con hãy nghỉ ngơi một chút đi!

Tuy bà nói vậy nhưng cũng rơi nước mắt mà về phòng.

15. NIẾT-BÀN

Mẹ và gia nhor đi rồi, Tôn giả mới nói với Quân Đầu:

- Con hãy qua phòng bên kia, để một mình ta trong phòng này.

Tin Xá-lợi-phất trở về nhập Niết-bàn lan truyền trong thôn xóm. Đến canh ba, nửa đêm, những người trong thôn lân cận đã quy y với Phật đều tụ tập. Vua A-xà-thế cũng đem nhiều đại thần đến, ai cũng muốn được gặp Tôn giả lần cuối, viếng thăm và nghe lời thuyết pháp của Ngài.

Quân Đầu dẫn mọi người ngồi tại một nơi và bảo hãy đợi Tôn giả nghỉ ngơi xong sẽ tái kiến.

Đêm càng sâu càng vắng, nơi tịnh thất Tôn giả chỉ có một ngọn đèn sáng, ngoài ra không nghe một tiếng động nào.

Phương Đông dần sáng, Tôn giả gọi Sa-di Quân Đầu đến hỏi:

- Có người nào đến phải không ?

- Thưa phải, nhiều người nghe tin Tôn giả nhập Niết-bàn đều đến xin được gặp, cả vua A-xà-thế cũng đến.

- Con mời họ vào đây.

- Họ rất mong được thấy Tôn giả.

Quân Đầu ra nói với mọi người, Tôn giả sẽ cùng mọi người tương kiến, ai nấy còn đang sợ rằng không được thấy Tôn giả hiện tiền, nghe nói vậy đều rất phấn khởi. Mọi người rón rén bước vào phòng Tôn giả, chẳng dám ho hen, bao quanh lớp trong lớp ngoài.

Cuộc gặp gỡ thật thiêng liêng. Tôn giả nói với mọi người:

- Các vị đến đây rất đúng lúc. Tôi cũng muốn gặp quý vị một lần này. Bốn mươi năm qua, tôi vâng lãnh lời chỉ dạy của đức Thế Tôn, đi các nơi giáo hóa, hoặc là tu học bên đấng đạo sư, tôi đối với Ân sư chưa hề có một niệm không vui, hoặc một chút bất mãn, tôi càng lúc càng cảm kích ân lớn của Ngài. Trên đời này, đối với giáo thị rộng lớn sâu xa như biển lớn của Thế Tôn, cũng còn có những chỗ thậm thâm tôi chưa hiểu hết, hôm nay nghĩ đến điều ấy thật là thiếu sót vô cùng. Tôi được mọi người tôn xưng là trí huệ đệ nhất, chẳng qua nhờ sức từ bi của Phật, vâng theo lời dạy mà hành trì, nỗ lực tinh tấn mà chứng Thánh quả.

Tôi nói như vậy, là muốn nhắc cho các ông biết rằng được gặp Phật ở đời là ngàn năm khó thấy, vạn năm không dễ hội ngộ, các ông phải mau mau theo lời Phật dạy mà tu học, bảo bối trong biển pháp tuy nhiều, các ông không tham cầu thì không được.

Tôi không còn chút gì chấp ngã, hôm nay cáo biệt các ông, tôi sẽ vào cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh. Tôi nguyện theo sau Phật đến nơi bất sanh bất tử vĩnh viễn trường tồn.

Mọi người nghe Tôn giả thuyết pháp, thấy dáng mạo an tịnh của Ngài, ai có thể nghĩ rằng đây là người sắp rời bỏ cõi đời. Vua A-xà-thế và tất cả đều cung kính khâm phục và cũng rất thương cảm. Tôn giả an trụ trong định, nằm nghiêng bên hữu, vào cảnh giới Niết-bàn.

16. TINH THẦN CÒN MÃI TRÊN THẾ GIẠN

Tôn giả Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn được bảy ngày, Sa-di Quân Đầu đem hài cốt trà tỳ. Sau đó trở về chỗ Phật, kể hết sự tình cho A-nan nghe, A-nan rơi nước mắt, đưa Quân Đầu đến báo cáo tử mĩ với đức Phật, Thế Tôn yên lặng lắng nghe.

Quân Đầu báo cáo xong, đức Thế Tôn thấy A-nan rất đổi bi thương, nước mắt đầm đìa, mới hỏi:

- A-nan! Ông buồn thảm lo lắng việc gì ? Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn điều ấy không quý báu ư ? Ông ấy lãnh thọ giáo pháp của ta, rồi khi viên tịch đã đem hết chân lý đi không để lại chút gì sao ?

A-nan cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Con chẳng phải buồn rầu lo lắng điều ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất phụng trì giới luật, trí huệ cao siêu, thuyết pháp khéo léo, mạnh mẽ bố giáo, Ngài luôn luôn nhiệt tình trong công tác, điều ấy không những chỉ chúng con biết mà chúng sanh cũng hoan hỷ xưng

tán. Nghĩ đến hôm nay Tôn giả không còn nữa, vì sự lưu bố chánh pháp, vì sự tồn tại của giáo đoàn ngàn vạn năm sau, chịu ảnh hưởng sự Niết-bàn quá sớm của Tôn giả, chẳng phải riêng con lo lắng, con thiết tưởng cả đại chúng cũng đều buồn rầu lo lắng.

Đức Phật biết điều đó là đúng, nhưng điềm đạm an ủi A-nan.

- Ông chẳng nên lo nghĩ. Xá-lợi-phất tuy không còn nhưng chánh pháp chưa từng mất, vô thường xưa nay là thật tướng của thế gian, sanh diệt là lý đương nhiên. Đại thọ trước khi ngã, trước tiên gây những cành lớn; núi báu trước khi hoại, thì tảng đá to hoại trước, Xá-lợi-phất là người nhập Niết-bàn đầu tiên trong chúng Tỳ-kheo, cũng là thuận theo pháp tự nhiên. Ta không bao lâu cũng nhập Niết-bàn. Các ông đừng thất vọng, giáo pháp của ta chưa từng theo ta mà mất đi. Ta sống mãi ngàn vạn năm trong lòng người tin tưởng, ta luôn chiếu cố đến họ. Các ông cần phải nương nơi pháp, nương nơi chân lý ta đã nói, không nên nương tựa vào ai khác. Tấn nhập Niết-bàn, qua thế giới Cực lạc là công phu cần thiết đệ nhất.

Phật nói xong, nhận linh cốt Xá-lợi-phất từ tay Sa-di Quân-Đầu, nói với đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Linh cốt này trước đây vài ngày còn vì chúng sanh thuyết pháp bố giáo, còn là Đại trí Xá-lợi-phất. Trí huệ ông ấy rộng lớn vô biên, trừ Thế Tôn ra không ai sánh kịp. Ông ấy chứng ngộ pháp tánh, ít muốn biết đủ, dững mãnh tinh tấn, thường tu thiền định, vì giáo vì người, hàng phục ngoại đạo, tuyên dương chánh pháp, ông đã chứng quả

giải thoát, không còn khổ nữa.

Các Tỳ-kheo! Hãy xem đây! Đây là di thể do Thế Tôn đích thân cầm lấy.

Khi đức Phật nói lời ấy, bất giác đại chúng đều đánh lễ linh cốt Tôn giả, cung kính gieo năm vốc sát đất.

Tôn giả tuy ra đi nhưng tinh thần còn mãi mãi trên thế gian.



MỤC KIỀN LIÊN

THÂN THÔNG ĐỆ NHẤT

1. NGƯỜI THỊ TÙNG ĐẦU TIÊN

Hiện nay, trong mỗi đại hùng bảo điện, chúng ta thường tôn trí thánh tượng Phật-đà ngay chính giữa, bên tả là ngài A-nan, bên hữu là Ca-diếp, nhưng vào thời tối sơ của đức Phật mới hoằng pháp, sự tình không phải là như vậy.

Trong hai năm đầu đức Thế Tôn thành đạo, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên quy y Phật. Từ khi ấy, Mục-kiền-liên luôn luôn ở bên tả của Ngài, Xá-lợi-phất bên hữu. Trừ những lúc bận hoằng hóa phương xa, bình thường hai vị không hề rời Phật nửa bước.

Xá-lợi-phất theo Phật xuất gia, nửa tháng sau mới dứt hết kiết sử, đoạn trừ phiền não, nhưng Mục-kiền-liên chỉ trong vòng bảy hôm liền hết các lậu hoặc, hiện sức thần thông, chứng quả A-la-hán.

Mục-kiền-liên dáng người cao lớn, mặt vuông tai dài, biểu lộ tính cứng rắn. Tôn giả rất lạc quan, dũng cảm, thường vì chánh nghĩa đả phá việc bất bình.

Trong hàng Tỳ-kheo đệ tử Phật, có nhiều vị thần thông

phi thường, nhưng Mục-kiền-liên được danh hiệu Thần thông đệ nhất là vì trong lúc hóa đạo, Ngài ưa hiện thần thông. Đức Phật tuy không cho phép các đệ tử hiển phép lạ mê hoặc người nhưng riêng đối với Mục-kiền-liên thì Ngài thường khen ngợi.

2. NGUYÊN NHÂN PHÁT NGUYỆN CẦU THẦN THÔNG

Vì sao Mục-kiền-liên có thần thông ? Chuyện này có liên quan đến một đoạn nhân duyên vi diệu của Ngài trong quá khứ.

Thời quá khứ, Mục-kiền-liên làm nghề đánh cá, thường ở bờ biển lượm tôm chài cá đem đi bán, sinh sống bằng nghề ấy qua ngày. Cho đến một hôm thiện lương phát hiện, thức tỉnh rằng nghề của mình là một nghiệp khổ to lớn. Tuy sống đời này nhưng cần phải tạo công đức cho đời sau, và do ý niệm hướng thiện ấy chàng ngư phủ quyết định đổi nghề. Chẳng bao lâu chàng thấy trong thành có một vị Bích chi Phật, mỗi ngày đi ngang qua đường với oai nghi đi đứng tĩnh lặng, phong độ thật trang nghiêm đáng kính, bèn thỉnh về nhà cúng dường thỉnh soạn. Nhưng vị Bích chi Phật ấy tuy bên ngoài hiện thần thông mà không khéo thuyết pháp, Ngài chỉ dùng thần thông hóa độ, ngoài ra không có pháp môn khác. Sau khi thọ thực xong, Ngài bay lên hư không đi tới đi lui, lên xuống như thường. Ngư phủ thấy rồi trong lòng rất vui mừng bèn phát nguyện đời sau xin được thần thông.

Có chí thì nên, do nhân duyên đó, tôn giả Mục-kiền-

liên đời nay quy y Phật và được xưng là Thần thông đệ nhất.

3. CẦU BÁU ĐUA PHẬT ĐÀ

Thần thông của Mục-kiền-liên tai nghe thấu mọi âm thanh xa gần, mắt thấy hết sự vật không bị trở ngại, không kể đường dài ngắn, vừa nghe liền hiện thân, Tôn giả thường dùng phép lạ ấy để trợ Phật giáo hóa.

Một hôm dân chúng trong kinh thành Xá-vệ tổ chức buổi yến tiệc cúng dường chín mươi sáu giáo phái xuất gia, và mời vua Ba-tư-nặc, thái tử, quần thần cùng đến dự. Bàn tiệc dọn tại quảng trường đối diện bờ sông A-kỳ, Mục-kiền-liên là vị khách đến đầu tiên. Giấy lát sau chúng ngoại đạo tấp nập đến thọ cúng, ai cũng muốn đến trước để chiếm một chỗ ngồi tốt nhất. Nhưng hôm đó, nước sông A-kỳ bỗng dâng cao không thể qua được. Lúc ấy, Mục-kiền-liên nhìn xa xa thấy đức Phật thống lãnh đại chúng oai nghi an tường đi đến, Ngài lập tức hóa một chiếc cầu trên bảo bắc ngang sông, giăng mắc hương hoa, dùng thất bảo nghiêm sức để đón Phật.

Lúc đức Thế Tôn chưa đến, chúng ngoại đạo đứng bên bờ thấy nước dâng cao bỗng nghĩ thầm: “Hôm nay nước dâng cao quá, chúng ta không thể sang bên kia thọ cúng. Thôi hãy đợi Phật và các đệ tử đến xem Ngài có biện pháp gì chăng ?” Còn đang tính toán, chiếc cầu báu vừa hoàn thành, bọn họ vừa thấy rất vui mừng, reo hò inh ỏi, tranh nhau nói:

- Sa-môn đến chậm rồi! Trời cho cây cầu này đưa chúng ta qua trước, chúng ta sẽ là thượng khách chiếm ghế

chủ tịch.

Ngoại đạo nói xong chen nhau lên cầu. Đến giữa cầu bỗng nghe một tiếng nổ lớn, chiếc cầu gãy ngang, mọi người rơi xuống nước lùm ngùm, tiếng kêu cứu chấn động một vùng.

Khi đức Phật đến, cầu trở lại như cũ, Phật và các Tỳ-kheo đi qua, thấy các ngoại đạo đang vùng vẫy lo ngại dưới nước, Ngài động lòng từ bi vận dụng thần lực cứu hết mọi người đem lên, cho đi theo sau đức Phật, sau đó mới được yên ổn theo thứ tự mà qua sông, rồi cầu cũng biến mất.

Trong khi đức Phật và các đệ tử thọ thực, chúng ngoại đạo y phục ướt mem, phải ngồi phơi nắng hong khô. Sau đại hội, họ đều biết sức yếu hèn của mình không thể so sánh với quang minh rạng rỡ của đức Thế Tôn và chư đệ tử.

4. TRONG ĐỊNH THỬA HỎI

Một ngày nọ, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn của nước Xá-vệ, Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất vâng lời Phật đến vườn trúc Ca-lan-đà thành Vương Xá lãnh đạo các Tỳ-kheo đi giáo hóa trong dân gian.

Hai vị ngụ trong một thiền phòng, đêm yên tĩnh, bốn bề không một tiếng động, ánh đèn trong phòng hòa cùng ánh trăng. Gần sáng, Xá-lợi-phất phá tan không khí trầm mặc, hỏi Mục-kiền-liên:

- Này Tôn giả! Cho phép tôi hỏi đường đột thế này, vậy chớ đêm nay Ngài có trụ tại chánh định tịch diệt hay không ?

Mục-kiền-liên nhẹ nhàng hỏi lại:

- Vì sao Ngài hỏi tôi như thế ?

- Vì lâu thật lâu, tôi không nghe hơi thở hô hấp của Ngài, cũng không thấy Ngài cử động, dường như không có mặt Tôn giả trong phòng này.

- Tôn giả Xá-lợi-phất! Đêm nay tôi vừa khởi lên một vấn đề cần thiết tinh tấn trên sự tu hành, nên tôi đến thỉnh ý Phật. Vừa rồi Ngài không nghe tiếng tăm tôi là vì tôi vừa ở bên Phật hỏi chuyện.

- Ngài nói sao khó hiểu quá, hiện giờ Phật đang ở vườn Kỳ-Đà phương Bắc, còn chúng ta ở vườn Trúc phương Nam, hai nơi cách nhau rất xa, làm sao tôn giả nói chuyện với Phật ? Tôn giả dùng thần túc đến chỗ Phật ? Hay đức Thế Tôn dùng thần túc đến đây ?

- Không, chẳng phải vậy đâu – Mục-kiền-liên trả lời – Tôi không dùng thần túc đến nơi tòa Phật mà Phật cũng chẳng dùng thần túc đến chỗ chúng ta.

- Như vậy, rốt cuộc làm sao Tôn giả nói chuyện với đức Phật ?

- Thưa tôn giả, chẳng có gì lạ lùng hết. Đức Thế Tôn có Thiên nhãn và Thiên nhĩ thông. Tôi và Tôn giả cũng có thần thông ấy , chỉ cần để tâm vận dụng, chúng ta đều có thể nói chuyện với đức Thế Tôn bất cứ lúc nào và ở đâu.

Xá-lợi-phất cũng biết vậy, nhưng Ngài luôn luôn có thái độ khiêm cung với bạn đồng trụ xứ. Nghe Mục-kiền-liên nói xong, Tôn giả rất hoan hỷ, liền khen:

- Tôn giả Mục-kiền-liên! Ngài thật có đại thần lực, đại công đức, tôi được làm bạn với Ngài thật vô cùng hân hạnh.

Tôn giả như đỉnh núi nguy nga, tôi như tiểu thạch đứng bên núi, được ngồi đồng tòa với tôn giả thật là nhân duyên hiếm có. Người nào được giao du với Tôn giả, cung kính cúng dường, nhất định được lợi ích tốt lành.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đều là bạn cũ. Hai vị cùng tôn kính nhau, khen ngợi nhau từ thỉ chí chung, đạo tình thâm trọng.

5. AI LÀ THẦN THÔNG ĐỆ NHẤT

Nói về tôn giả Xá-lợi-phất, lão bằng hữu của Mục-kiền-liên, không những có đại trí huệ mà cũng có đại thần thông. Đầu tiên, khi Tôn giả đến thành Xá-vệ làm giám đốc cho công trình Kỳ Viên, đã cùng với Lao Độ Sai, thủ lãnh ngoại đạo, thi triển mười tám phép thần biến và được thắng lợi. Xá-lợi-phất đã lưu lại ảnh hưởng trong dân chúng thành Xá-vệ là một vị Tôn giả đại thần thông, đại trí huệ.

Một hôm, nhằm ngày rằm Phật thuyết giới cho chư vị Tỳ-kheo bên mé ao A-nậu-đạt; trong tòa thiếu Xá-lợi-phất, Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Mục-kiền-liên! Ông đến thành Xá-vệ mời Xá-lợi-phất về đây. Hãy nói đây là ý của ta.

Mục-kiền-liên vâng dạ ra đi, đến bên tòa Xá-lợi-phất liền nói:

- Tôn giả! Đức Thế Tôn bảo tôi mời ngài đến ao A-nậu-đạt, nơi thuyết giới hiện tại.

Xá-lợi-phất nghe nói lộ vẻ hoan hỷ:

- Đa tạ huynh đã truyền thánh ý đến cho tôi, chúng ta

đi ngay thôi, nhưng tôi với tôn giả làm một cuộc du hí nhé.

- Du hí kiểu nào ? – Mục-kiền-liên nghi ngờ nhìn Xá-lợi-phất.

- Tôn giả là một bậc trưởng lão đại thần thông, đây là một sợi dải áo, tôn giả thử đem nó kết thành một cây cổ thụ!

Xá-lợi-phất vừa nói xong, liền ném sợi dây ra, Mục-kiền-liên đưa tay bắt lấy, nhưng sợi dây không nhúc nhích. Tôn giả vận dụng hết sức thần thông kéo sợi dây đến nỗi chân động đại địa. Xá-lợi-phất mau mau đem sợi dây quấn quanh núi Tu-di, Mục-kiền-liên liền nhấc núi Tu-di lên, Xá-lợi-phất bèn đem dây cột vào tòa sư tử của đức Phật. Mục-kiền-liên một lần nữa dùng hết thần lực cũng không lay động được nó. Xá-lợi-phất cười nói với Mục-kiền-liên:

- Tôn giả! Chỗ học và chỗ chứng của chúng ta sánh với vạn đức vạn năng của Phật-đà cách xa trời vực. Thần lực của chúng ta có thể dời núi Tu-di, rung chuyển thiên địa, nhưng pháp tòa của Phật không lay động mảy may. Tôi đâm ra nghi ngờ thần lực của tôi, nên mới mời Ngài thí nghiệm. Thôi bây giờ chúng ta mau đến bái kiến đức Thế Tôn, mời Ngài đi trước, tôi theo sau.

Mục-kiền-liên rất khâm phục lời nói của người đạo hữu thâm giao, gật đầu và dùng thần túc bay về ao A-nậu-đạt. Đến nơi đã thấy Xá-lợi-phất kiết già, ngồi bên cạnh đức Thế Tôn, Mục-kiền-liên đánh lễ Phật xong, bèn hỏi Phật, đây nghi ngờ:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ con mất hết thần túc thông rồi sao ? Con từ tinh xá Kỳ Viên về đây trước Xá-lợi-phất,

tại sao Tôn giả lại đến nơi trước con ? Phật thường nói con thần thông đệ nhất, danh xưng đó con thiết tưởng tặng cho tôn giả Xá-lợi-phất mới phải.

Đức Phật từ bi an ủi:

- Mục-kiền-liên! Ông có đại thần lực, trừ ta ra không kém thua ai, ông chẳng hề thối thất thần thông, nhưng ông cần phải biết, Xá-lợi-phất là người đại trí huệ đấy!

Phật thuyết giới bên ao A-nậu-đạt xong dẫn các đệ tử trở về thành Xá-vệ. Tín chúng trong thành biết chuyện vừa rồi, ai nấy đều xôn xao bàn tán, nói rằng thần thông của Xá-lợi-phất hơn Mục-kiền-liên.

Mục-kiền-liên nghe tiếng bình phẩm ấy không hề cảm thấy bực bội. Tâm của Ngài rộng rãi và rất khiêm tốn, cho rằng Xá-lợi-phất xứng đáng hơn mình. Mọi người khen Xá-lợi-phất, điều đó vinh hạnh như khen ngợi chính Tôn giả.

Nhưng trong lòng Xá-lợi-phất không yên, Ngài cho điều đó có gì uẩn khúc với Mục-kiền-liên, Tôn giả bèn đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Mục-kiền-liên có sức đại thần thông, đại công đức, hôm trước con đến ao A-nậu-đạt trước là vì con gấp rút muốn nghe Thế Tôn thuyết giới, tuy tôn giả Mục-kiền-liên vận dụng thần lực nhưng không nghĩ đến việc tranh thủ thời gian. Hôm nay, mọi người xôn xao bàn tán, nói con thần thông hơn Mục-kiền-liên, thật con không dám nhận. Xin đức Thế Tôn dùng phương tiện giải trừ lời phê bình bất công ấy.

Đức Phật nghe xong, từ hòa vi tiếu gật đầu, Ngài biết

rõ hai vị này rất khiêm nhường đối với bạn.

Ngày khác, tại giảng đường sau một thời pháp, Phật bèn gọi Mục-kiền-liên:

- Mục-kiền-liên! Ông là đệ tử thần thông vô tỷ trong hàng đệ tử ta, hôm nay ông có thể ở trong đại chúng hiện thần lực để khai phát tâm cho hàng sơ học.

Mục-kiền-liên vâng lời Phật, liền từ tòa đứng dậy, một chân đạp trên địa cầu, một chân đạp cõi trời Phạm Thiên, khiến đại địa chấn động sáu cách, và ở trong không trung dùng Phạm âm thuyết pháp, khiến sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Từ đó, đại chúng đều đồng thanh công nhận Mục-kiền-liên là thần thông đệ nhất.

6. DỜI NÚI ĐỘ PHẠM CHÍ

Ấn Độ thời Phật, phần đông ngoại đạo không tin theo Phật pháp lại có ngũ thông. Đáng tiếc họ không thấu rõ chân lý, không tu đức hạnh từ bi trí huệ, cho nên không thoát sanh tử, trở lại trầm luân trong sáu nẻo.

Đối với ngoại đạo thần thông này, dùng chính sở trường của họ để độ họ, Phật thường sai Mục-kiền-liên trong việc hóa độ chúng ngoại đạo Phạm chí.

Một hôm, Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên:

- Mục-kiền-liên! Tại biên giới Ấn Độ, có một nước lớn, vua và thần dân đều không biết Phật pháp, thờ phụng Phạm chí ngoại đạo, có nhiều Phạm chí đắc thần thông, họ dời núi lấp sông, phân thân biến hóa dễ dàng. Ông hãy đến đó,

phương tiện vận dụng oai thần, khiến họ tin tưởng Phật pháp, bỏ tà về chánh, sửa đổi mê lầm.

Tôn giả vâng lời, liền bay lên không trung đến nước ấy, nhìn xuống thấy một ngọn núi lớn có rất nhiều ngoại đạo bao quanh, xem tình hình này dường như họ đang dùng đạo lực di động trái núi kia.

Mục-kiền-liên liền đáp xuống đỉnh núi, đứng trụ bộ trên ấy, thân hình cao thầu hự không, ngọn núi kia chẳng lay động mảy may. Chúng ngoại đạo hoảng kinh bàn tán:

- Núi này đã dời lên, ai lại làm cho nó cứng ngắc, không nhúc nhích như vậy. Có lẽ nào trong chúng ta có người không thanh tịnh sao ?

Vừa nói xong, bỗng ngó lên thấy ngài Mục-kiền-liên đang đứng trên đỉnh núi cao vòi vọi, họ bèn hét lên:

- Tên kia! Mi là ai ? Sao dám đến đây lộng hành ? Ngọn núi này làm trở ngại giao thông, nhà vua ra lệnh chúng ta dẹp nó đi, vì dân trừ hoạn nạn, tại sao mi lại đề nó đứng yên, không cho di chuyển?

Mục-kiền-liên cười nói:

- Rõ ràng là tôi đứng giữa hư không, ai đề trái núi của các ông làm chi ?

Ngoại đạo lại huy động hết đạo lực, ba lần muốn dời núi mà hòn núi vẫn y nguyên như cũ.

Đang lúc ngoại đạo cảm thấy hết phương cách, kinh sợ hoang mang, Mục-kiền-liên lớn tiếng kêu:

- Các Phạm chí! Định thần xem đây, núi kia sẽ biến

mất.

Mục-kiên-liên nói xong, hòn núi cao ngất, hùng vĩ kia tức khắc biến thành bình địa.

Các ngoại đạo cúi đầu nói:

- Đại đức từ đâu đến ? Nếu chẳng phải là bậc trí huệ sáng suốt, đạo đức sâu dày không thể được như vậy. Xin Ngài thấu nhận chúng tôi làm đệ tử, chỉ dạy bờ mê cho chúng tôi.

Mục-kiên-liên từ trên không hạ xuống, nói:

- Các ông có chí tâm thành hối cải, tôi biết đó không phải là lời dối gạt. Nhưng tôi nói thật, nếu các ông muốn bỏ tối cầu sáng, bỏ ác làm lành, tôi còn có bậc tôn sư, đức Phật-đà Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật là bậc trời trong loài trời, bậc Thánh trong các Thánh, đầy đủ Nhất thiết trí, vạn đức vạn năng. Các ông hãy theo tôi đến chỗ Phật quy y, đức Phật nhất định từ bi nhiếp thọ.

Các Phạm chí vui mừng nhảy nhót, hỏi thăm:

- Giáo pháp của Phật chẳng lẽ hơn lão sư ư ?

Mục-kiên-liên trang nghiêm nói:

- Đức Phật như núi Tu-di, tôi chỉ như hạt cải, hạt cải không thể so sánh với Tu-di. Phật-đà như biển lớn, tôi chỉ như dòng nước nhỏ, dòng nước không thể sánh với biển cả. Phật ra đời khó gặp, các ông quy y Phật mới có thể được cứu thoát.

Các Phạm chí nghe xong vui vẻ, đều theo Mục-kiên-liên đến chỗ Phật quy y thọ giáo.

Tôn giả Mục-kiền-liên thường dùng thần thông chiết phục ngoại đạo, khiến khởi tâm quy hướng Phật pháp. Ngài là người có nhiều biện pháp trong việc hàng phục ngoại đạo.

7. HÀNG PHỤC QUỶ ÁC

Tôn giả Mục-kiền-liên tuy hay hàng phục ác ma ngoại đạo, nhưng bọn chúng cũng thường tìm cách chọc ghẹo Ngài.

Một phen, Mục-kiền-liên vâng lời Phật đơn thân đến nước Bạt-già giáo hóa. Có một tộ quỷ thấy tôn giả đang tản bộ trên đường, hấn bèn dùng thần thông chui vào bụng tôn giả. Tôn giả cảm thấy đau nhói nơi bụng, dường như có vật gì như cái chén lợn cợn trong đó, mà lại kêu rầm rầm như sấm. Tôn giả liền dừng bước, trở về thất tịnh tọa tư duy, biết đây là tộ quỷ khiêu khích mình, bèn nói:

- Ác ma! Mau mau đi ra, không được xâm phạm đệ tử Phật. Mi chẳng thể làm tổn hại đức Phật và đệ tử Ngài, trừ những đệ tử nghiệp lực đến thời, nếu không mi vĩnh viễn chẳng làm gì được.

Ác ma nghĩ thầm:

- Lạ thật! Hình dạng ta ra sao ngay cả Phật còn không biết, Mục-kiền-liên tuy có thần thông, làm sao biết được ?

Tôn giả lại nói:

- Ác ma! Mi đừng lấy làm lạ. Ta biết trong bụng mi đang nghĩ rằng Phật-đà chẳng biết hình thù mi ra sao, Mục-kiền-liên tuy có thần thông làm sao lại biết.

Tộ quỷ nghe rồi kinh hãi, liền biến thành nước miếng vọt ra, từ đó chẳng dám trêu chọc đến Tôn giả.

Thần thông của Mục-kiên-liên khiến người tin Phật khâm phục, và ma ngoại sợ hãi.

8. SẮC ĐẸP KHÔNG CỰ NỔI THẦN THÔNG

Có thần thông như Mục-kiên-liên, chẳng những không bị ác quỷ gia hại mà sắc đẹp cũng không lay động đạo tâm.

Một hôm, Tôn giả đi khát thực trở về, ngang qua một khu vườn, trong đó có một người đàn bà trung niên đang chờ Ngài. Người này tuy khoảng ba mươi tuổi, nhưng thời gian không làm giảm vẻ đẹp. Đôi mắt kiều mị, hình dong yếu điệu rất hấp dẫn nam nhi.

Nàng thấy Mục-kiên-liên sắp đến gần bèn đứng dậy cúi chào:

- Tôn giả! Ngài có bận đi đâu không ? Ngài có thể dừng chân nói chuyện với em không ạ ?

Mục-kiên-liên dừng bước, chú ý nhìn và không những Ngài thấy dung mạo thanh lịch của cô ta, mà còn biết rõ bên trong tâm cô ta đang có ý đồ gì.

Tôn giả không động trước thình sắc, oai nghiêm nói:

- Thật đáng thương cho cô! Cô phải chịu những điều ô nhục. Tuy được chút đỉnh tiền bạc mà lương tâm mờ ám, nghe lời xúi sủ của ngoại đạo, tưởng rằng đối trước ta có thể bày âm mưu phi pháp!

Cô nàng nghe nói kinh hoảng, nhẹ giọng:

- Tôn giả! Ông...ông...tại sao ông nói như vậy ?

Mục-kiên-liên oai nghiêm như một ngọn núi:

- Cô không thể che giấu tội lỗi của mình. Cô đến đây với ý định gì tôi vừa nhìn qua biết liền. Cô mê muội theo sắc đẹp hư vọng, sắc đẹp giúp cô tăng trưởng tội ác, giống như voi già sa lầy, càng cựa quậy càng lún sâu thôi.

- Tôn giả! Ngài đã biết rõ tâm tôi, tôi cũng biết không thể qua mắt Ngài. Tôi sớm nghe danh Ngài là vị đệ tử thần thông đệ nhất của Phật, tôi không tin rằng thần thông có thể vượt qua sắc đẹp. Tôi biết tôi là một kẻ tội lỗi, tôi cũng tưởng đến việc hướng thiện nhưng rất đổi tuyệt vọng. Tôi nghĩ tôi là một kẻ không thể cứu vớt, có một quá khứ ghê rợn, mai sau chắc chắn sẽ chịu quả báo đáng sợ.

Mục-kiền-liên an ủi:

- Cô không nên tự làm khổ mình, cũng đừng thất vọng. Tội nghiệp dù nặng đến đâu chỉ cần một phen sám hối thì đều có thể cứu vãn, y phục dơ có thể giặt giũ, thân thể ô uế có thể dùng nước tẩy trừ, tâm không thanh tịnh có thể dùng Phật pháp rửa sạch. Trăm dòng sông nhớp nhúa một phen chảy vào biển cả, nước biển lớn thủy đều làm sạch nước trăm sông. Lời dạy của Thế Tôn ta đủ sức khiến thanh tịnh lòng người ô uế, có thể cho sám hối những tội nghiệp quá khứ.

Nghe tôn giả nói như vậy, cô kia rất mừng rỡ, mắt đầy hy vọng nói:

- Tôn giả, giáo thị của đức Phật từ bi vĩ đại đến vậy ư? Quá khứ tôi rất là tội lỗi, tôi chỉ gặp toàn những điều bất hạnh, tôi mà nói ra đây, Tôn giả chắc sẽ bịt tai ngoảnh mặt.

- Chẳng có gì quan hệ, cứ nói ra cũng tốt. Cô tên gì?

- Thưa, tôi tên Liên Hoa Sắc, là con gái một nhà trưởng

giả thành Đức-xoa-thi-la, khi tôi được mười sáu tuổi, phụ mẫu thành lập gia thất cho tôi, nhưng chẳng bao lâu cha tôi qua đời, bà mẹ góa bụa của tôi bèn tư thông với chồng tôi, biết việc này tôi rất đau lòng. Lúc ấy tôi đã có một đứa con gái, bèn bỏ nó ra đi. Sau đó tôi tái giá với người khác. Có một lần, người chồng sau này đi xa buôn bán, khi chàng từ Đức-xoa-thi-la trở về, lén tôi lấy một ngàn lượng vàng mua tiểu thiếp. Ban đầu y giấu nhem không cho tôi hay, đưa tiểu thiếp gửi nhà bạn. Sau đó tôi biết được nóng nảy muốn coi mặt tiểu thiếp đó là người nào mà dám đoạt chồng tôi. Thiệt là, thưa Tôn giả, không thấy thì thôi, thấy rồi tôi té xỉu tại chỗ, người đó đâu phải ai xa lạ, chính là con gái của đời chồng trước.

Liên Hoa Sắc nói đến đó, khóc không ra tiếng. Mục-kiền-liên bèn an ủi:

- Liên Hoa Sắc! Cô không nên thương tâm quá đỗi, người biết rõ quá khứ vị lai thì xem đó chỉ là một sự luân hồi nhân quả. Nói thật mà nghe, đời người là một bể tội lỗi. Rồi sau thế nào ?

- Làm sao tôi có thể nhẫn nhục được đối với nỗi khổ đau đó ? Nghĩ đến ban đầu thì mẹ đoạt chồng mình, bây giờ con mình lại tranh chung vợ chồng mình. Tôi còn mặt mũi nào ở đời ? Tôi bỏ nhà ra đi, tôi chán ghét thế gian, chán ghét mọi người. Tôi làm kẻ mua vui cho thiên hạ. Tôi muốn đù cợt thế nhân, tôi phát triển mọi sinh hoạt tội lỗi của mình. Việc gì tôi cũng làm được miễn có tiền. Tôn giả đã biết tại sao tôi đến đây khiêu khích Ngài, may mà Tôn giả có đại thần lực, bây giờ không biết tôi phải sám hối như thế nào

?

Mục-kiền-liên nghe Liên Hoa Sắc kể hết sự tình, không hề khởi tâm khinh khi, trái lại Tôn giả biết trong tâm Liên Hoa Sắc rất chân thành, rất lương thiện. Ngài dùng lời từ hòa đến gần bên an ủi:

- Liên Hoa Sắc! Thân thể của cô thật đáng thương, cô nên theo lời dạy của đức Phật mà sửa đổi, thời tiết nhân duyên đã đến, cô hãy theo tôi ra mắt Phật.

Liên Hoa Sắc rất mừng rỡ. Sở dĩ cô được cứu độ, chuyển họa thành phước đều nhờ sức thần thông, phương tiện thiện xảo của Mục-kiền-liên.

9. THỬ NGHE TIẾNG PHẬT XA GẦN

Trong Tăng đoàn, Mục-kiền-liên là người sống động, chuyện người khác làm không được Ngài đều làm xong, chỗ nào người khác không đến được Ngài đều có thể đến.

Một hôm Phật thuyết pháp tại giảng đường Trúc Lâm tinh xá, Mục-kiền-liên ngồi thiền trong tịnh thất không đi nghe giảng, nhưng tiếng thuyết pháp của Phật như sấm rền bên tai. Ngài lấy làm lạ, ở một nơi cách xa Phật như thế mà vẫn nghe tiếng, bèn nảy ra ý định dọ thử xem pháp âm của Phật còn xa đến đâu. Ngài vận dụng thần túc bay qua mười ức cõi Phật, đến một quốc độ, nơi ấy đức Phật Thế Tự Tại Vương là giáo chủ và đang thuyết pháp. Mục-kiền-liên cũng thường du hành đến cõi này cũng như một khách rong chơi giàu có lịch lãm, đến đâu cũng đều xem là gia hương cố quốc.

Bây giờ đến đây, thấy đức Thế Tự Tại Vương đang thuyết pháp, Tôn giả rất hoan hỷ liền nhanh tay lẹ chân tìm chỗ ngồi trong pháp hội. Nói đến chỗ này thật là bất khả tư nghì, Mục-kiền-liên chẳng những nghe tiếng Phật của quốc độ này, mà cả tiếng của đức Thích-Ca ở cõi Ta bà cũng nghe luôn.

Đức Thế Tự Tại Vương thuyết pháp xong, một vị Bồ-tát hướng về Phật đánh lễ và chỉ Mục-kiền-liên nói:

- Như-Lai! Trong lúc Ngài thuyết pháp, chẳng biết từ đâu bò đến một con sâu lớn trông thật quái dị, chúng con muốn đuổi nó đi .

Đức Phật vội ngăn:

- Đừng nói thế! Đó là Mục-kiền-liên, đệ tử thần thông đệ nhất của đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà!

- Sao lại nhỏ bé như vậy ?

Các Bồ-tát đều thưa hỏi. Nguyên lai, thân thể của chư Bồ-tát và chúng sanh trong cõi nước Phật đây to lớn gấp trăm ngàn lần người cõi Ta bà, chẳng lạ gì họ ngạc nhiên khi thấy Mục-kiền-liên.

Đức Thế Tự Tại Vương giải thích:

- Các ông đừng khinh thị Tôn giả này. Ông ấy có đại thần lực, đại oai đức. Ông ấy hành hóa tự tại, dạo chơi các quốc độ. Chẳng qua thân thể thấp bé là vì chúng sanh mỗi quốc độ nghiệp lực chẳng đồng.

Đức Phật nói xong từ hòa nhìn Mục-kiền-liên:

- Tôn giả! Ông từ phương khác đến, có thể đối với

chúng Bồ-tát đệ tử ta, hiện các thần thông để trừ nghi hoặc của họ.

Mục-kiền-liên bèn thừa oai thần Phật, hóa hiện các thứ thần kỳ. Chúng Bồ-tát thấy rồi đều sanh lòng cung kính.

Mục-kiền-liên hiện phép lạ xong, trở về chỗ ngồi. Đức Phật hỏi:

- Tôn giả! Ông đến quốc độ ta là muốn thử nghe tiếng thuyết pháp của Phật Thích-ca xa bao nhiêu phải không ?

- Thưa phải, quả thật đệ tử có dụng tâm đó – Mục-kiền-liên cung kính đảnh lễ đáp.

- Tôn giả! Ông không nên nghĩ như vậy. Oai lực của chư Phật hàng phàm phu và nhị thừa không thể biết hết. Thanh âm thuyết pháp của chư Phật biến khắp tất cả hư không, cảnh giới các căn phan duyên của chúng sanh thì có xa gần, mà dùng tâm phân biệt không thể thử biết được âm thanh Phật.

Lời khai thị của đức Thế Tự Tại Vương Như Lai, Mục-kiền-liên nghe xong rất hổ thẹn. Từ đó về sau, Tôn giả vẫn giữ vẻ linh hoạt nhưng không dám thử thăm dò Phật đức và Phật âm nữa.

10. CHÚNG QUỶ HỎI VỀ NHÂN DUYÊN NGHIỆP BÁO

Tôn giả Mục-kiền-liên không những thường du hành các cõi Phật, mà còn thừa thần lực xuống địa ngục quan sát chúng sanh thọ quả báo.

Một hôm, Tôn giả hành khước bên bờ sông Hằng, lúc ấy ánh nắng nhạt dần, nhạt dần như rút theo con nước, màu hoàng hôn hoang vắng. Tôn giả thấy ban đêm đi hành hóa không tiện, bèn ngồi tịnh lự bên bờ sông.

Gió chiều nhẹ thổi, không trung lác đác vài vì sao. Bên bờ sông Hằng, các loài ngạ quỷ lăm phen tụ tập muốn tìm nước uống để trừ đói khát nhưng gặp phải một con quỷ hung ác giữ mé sông, tay cầm gậy sắt xua đuổi, do đó các quỷ đói không dám đến gần bờ nước. Mục-kiền-liên ngồi ngay thẳng chánh niệm, thấy các loại quỷ thọ tội không đồng, bèn gọi chúng lại. Nhân cơ hội ấy chúng quỷ hỏi Ngài về nhân duyên tội nghiệp.

Quỷ thứ nhất hỏi:

- Tôn giả! Đời trước chúng tôi làm người, nay bị đọa làm thân quỷ đói, thường bị khổ đói khát, nghe nói nước sông Hằng trong mát, mà khi đến lấy nước uống, nước liền nóng sôi, chỉ cần hớp một miếng lục phủ ngũ tạng liền cháy tiêu, còn bị quỷ giữ nước sông cầm gậy đánh đuổi. Xin hỏi tôn giả, chúng tôi do nghiệp gì mà thọ khổ báo này ?

Mục-kiền-liên dùng sức định thần thông quan sát nhân quả ba đời, bèn nói với nó:

- Đời trước người làm thầy toán số, khi xem tướng kiết hung cho người, nói dối nhiều hơn nói thật, tùy ý khen chê, tự xưng mình thông suốt mà thật là dối láo, vì muốn cầu lợi dưỡng, không thương người mê muội, mới thọ nghiệp báo như vậy.

Quỷ thứ hai hỏi:

- Tôn giả! Tôi thường bị một con chó lớn hung dữ nhai nuốt thân thể, ăn hết thịt xong, một cơn gió thổi qua bộ xương, lại sống trở lại. Chẳng biết nhân duyên gì khiến tôi chịu khổ báo này ?

- Đời trước người giết heo, dê, gà, vịt cúng tế trời thần nên chịu quả báo ấy.

- Tôn giả! – Quý thứ ba hỏi ? – Tôi thì bụng to như cái lu, tay chân cổ họng nhỏ như cây kim, thấy thức ăn ngon mà chẳng thể ăn được, chẳng biết nhân duyên gì ?

- Người đời trước làm quan tự thị giàu mạnh, tung hoành theo ý thích, khinh khi người, tài sản người do mồ hôi nước mắt tạo ra, người ý mạnh chiếm đoạt nên nay phải chịu khổ báo.

Quý thứ tư:

- Tôn giả! Lưỡi tôi le dài khắp thân, mà máu huyết cứ vọt ngược từ dưới lên trên khiến đầu to bằng cái đầu lớn. Mỗi khi huyết quản sắp đứt, mệnh như chỉ mảnh, chẳng biết nhân duyên gì thọ khổ báo này ?

- Người đời trước ưa nói chuyện thị phi, tốt xấu của người, mỗi lời nói ra không lợi ích cho chúng sanh, nếu có lời gì đều làm tăng khổ não cho người, nên nay mới chịu khổ như thế.

Mỗi ngạ quỷ lần lượt thưa hỏi tội nghiệp đã tạo ở đời trước, nhân duyên của quả báo đời nay, tôn giả đều mỗi mỗi trả lời. Thần thông của tôn giả thật là lên trời xuống đất tự tại vậy.

11. DO LAI CỦA VU LAN BỒN

Tôn Giả Mục-kiên-liên dùng Thiên nhãn thông biết nhân quả báo ứng của loài quỷ, hốt nhiên nhớ đến mẫu thân quá cố, Ngài bèn vận dụng thần lực quan sát, thấy vong mẫu đang đọa trong ngạ quỷ chịu nhiều đau đớn, cố gắng hòng nhỏ như cây kim, chỉ còn da bọc xương. Mục-kiên-liên thấy tình trạng ấy, động lòng hiếu thảo, không ngăn được nỗi thương cảm vạn phần, bèn dùng bình bát đựng đầy cơm, mượn sức thần đem đến trước lão mẫu, nhưng mẹ Ngài ôm bát cơm chưa kịp đưa vào miệng, cơm trong tay đã hóa thành lửa đỏ chẳng thể nuốt trôi. Mục-kiên-liên thấy vậy buồn bã rơi lệ nghĩ mình bất lực. Ngài biết được nghiệp quả của chúng ngạ quỷ, nhưng không thể biết mẫu thân do nhân duyên nghiệp báo gì mà chịu khổ sở như vậy. Ngài mang tâm tình trân trọng, mau mau đến trước Phật bảm bạch:

- Phật-đà! Hôm nay đệ tử dùng thần thông thấy mẫu thân đang bị đọa vào ngạ quỷ, chịu nhiều khổ não, thức ăn biến thành lửa đỏ, chẳng biết do nhân duyên gì ? Thần thông của đệ tử có thể quan sát thấu đáo nhân duyên tội báo của chúng quỷ, vì sao đối vong mẫu lại chẳng biết được ? Cúi xin Phật từ bi chỉ dạy.

Đức Thế Tôn lộ vẻ lân mẫn đáp rằng:

- Mục-kiên-liên! Mẹ ông lúc sanh tiền báng Phật mắng Tăng, không tin nhân quả, tham sân tà ác, đối gạt mọi người. Do đó mới thọ khổ báo này. Ông vì mẫu tử tình thâm, thần thông bị thần tình che lấp nên không biết được!

- Ngài có diệu pháp gì để cứu mẫu thân của đệ tử thoát

khổ nga quý ? – Mục-kiền-liên hướng về đức Phật ai cầu.

- Mục-kiền-liên! Tội báo của mẹ ông cấu kết sâu dày, không thể dùng lực lượng một cá nhân mà cứu bạt được. Hiếu đạo của ông tuy cảm động trời đất, nhưng thiên địa thần kỳ đối với người đọa lạc vì phỉ báng Tam bảo không thể làm gì được. Hiện tại ông chỉ nương sức oai thần của thập phương Tăng chúng mới giúp mẹ ông thoát khổ nga quý. Mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy là ngày giải hạ tự tứ của chư Tăng, ngày đó những người làm con nên vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tại đang ở trong chốn nguy nan, sửa soạn trăm thức ăn ngon, quả vật tươi tốt nhất thế gian, đặt trong mâm đầy để cúng dường chư Đại đức Tăng mười phương. Nhân vì ngày ấy là ngày tự tứ của chư Tăng, tất cả Thánh chúng hoặc tọa thiền ở rừng núi bên dòng nước hoặc đắc tứ quả A-la-hán, hoặc kinh hành dưới cội cây, hoặc là bậc được lục thông đi giáo hóa, cho đến những Bồ-tát trong mười phương hiện làm Tỳ-kheo, đều đồng nhất tâm thọ thực, do vì chư Thánh chúng đều đầy đủ giới hạnh thanh tịnh, đức độ rộng sâu như biển, bất khả tư nghì. Nếu ai hay cúng dường các vị Tăng ngày Tự tứ thì cha mẹ hiện đời và lục thân quyến thuộc nhất định ra khỏi đường khổ, liền được giải thoát, y thực tự nhiên. Nếu cha mẹ còn sống thì phước lạc trăm năm, mọi việc đều an lành thuận hảo. Đó thật là diệu pháp để cầu siêu cứu bạt.

Mục-kiền-liên nghe Phật nói, hoan hỷ vâng làm. Ngày chúng Tăng tự tứ làm lễ cúng dường đại chúng Thánh Tăng, ngày đó mẹ Ngài thoát ly khổ nga quý.

Mục-kiền-liên rất cảm kích ân đức Phật, bèn tán thán công đức Tam bảo, khuyến khích thế gian làm theo pháp Vu

Lan Bồn, cúng Phật cấp Tăng để báo đáp ơn huệ sanh dưỡng nuôi nấng thương yêu vô về của song thân. Cử hành pháp hội Vu Lan, đó vốn là lợi ích cho những ai cùng khổ tâm như Mục-kiền-liên.

Tôn giả không những thần thông số một mà cũng nổi danh đại từ đại hiếu.

12. GIẢNG THUYẾT BÀI KỆ CỦA BẢY ĐỨC PHẬT

Một hôm, chúng đệ tử đến yêu cầu Phật nói về nhân duyên bốn sanh của dòng họ Thích. Đức Phật nghĩ đến vấn đề này, nói việc tốt của bốn tộc thì e khó tránh khỏi tiếng tuyên truyền. Sau khi suy xét, Ngài bèn gọi Mục-kiền-liên thay Ngài giảng thuyết.

Mục-kiền-liên vận dụng Túc mạng thông quan sát sự tích của nhiều kiếp đã qua rõ ràng như vẽ trước mắt. Ngài thuật lại tử mĩ lịch sử dòng Thích-ca. Mọi người nghe xong đều cảm đến việc đức Phật giáng sanh trong dòng họ Thích và thành Chánh giác, không phải không có nhân duyên.

Mục-kiền-liên là người thường thay Phật thuyết pháp.

Lại một hôm, chúng Tỳ-kheo nhóm họp lại cùng đàm đạo, mỗi người đều trình bày chỗ tâm đắc trong việc tu học, tôn giả Mục-kiền-liên nhân đó nói bài kệ của bảy đức Phật:

*Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.*

Dịch:

*Chớ làm các việc ác,
Nên làm các việc lành,
Tự tịnh ý của mình,
Đó là lời dạy của chư Phật.*

Giáo thị của chư Phật ra sao ? Từ bài kệ đơn giản của Mục-kiền-liên khiến hàng sơ học biết rõ mục đích lời dạy của đức Phật. Bài kệ này cùng tôn giả đều được mọi người lưu giữ trong tâm.

13. THẦN THÔNG CHẴNG QUA NGHIỆP LỰC

Thần thông của Mục-kiền-liên trong hàng đệ tử Phật không ai sánh bằng, phạm làm việc gì Ngài vận dụng thần thông đều thành tựu.

Thần thông rất tiện cho việc tiếp dẫn chúng sanh, nhưng thần thông không thể trái ngược phép tắc nhân quả, không thể thắng nghiệp lực, không thể giải thoát sanh tử phiền não, đó là sự thật.

Một lần nọ, thành Ca-tỳ-la bị vua Lưu Ly nước Kiền-tát-la (Kosala) xâm lược. Ban đầu đức Thế Tôn cũng động lòng ái quốc tìm cách giải cứu, ba phen ngồi chặn đường cản trở đại quân của vua Lưu Ly. Tuy vua Lưu Ly mỗi lần gặp Phật, mỗi lần lui binh nhưng lòng thù hận muốn báo thù và xâm lược không dứt được. Đức Phật biết sự báo ứng của nhân quả, muốn để cho nó tự kết thúc nên sau đó để cho vua Lưu Ly tự do đi.

Thật là thần thông của Mục-kiền-liên không thể giải

được hết sạch nghiệp báo. Tôn giả biết đại quân của vua Lưu Ly bao vây thành Ca-tỳ-la, và rất kích động đến bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Thành Ca-tỳ-la bị vua Lưu Ly xâm lược, chúng con cần phải tận lực để bảo cứu nhân dân trong thành.

Đức Phật nhìn Tôn giả giây lâu rồi từ hòa nói:

- Mục-kiền-liên! Dòng Thích-ca chịu quả báo của tội nghiệp nhiều kiếp đã qua. Đó là cộng nghiệp chiêu cảm, ông không thể chịu thay cho họ. Họ chẳng chịu sám hối, một bề kiêu mạn, không sửa đổi, nhà cửa mục nát thì đến ngày sụp đổ thôi!

Mục-kiền-liên nghe Phật nói, tuy biết đó là sự thật, nhưng nghĩ đến thần thông quảng đại của mình, muốn dùng để cứu nạn dân chúng trong thành.

Vua Lưu Ly dùng trăm vạn đại quân vây khốn Ca-tỳ-la, một giọt nước cũng không lọt, người ta làm sao đi lại. Chỉ có Mục-kiền-liên vận thần thông nương hư không bay vào thành. Tôn giả vào thành rồi, chọn năm trăm người ưu tú trong dòng Thích Ca thâm nhiếp vào trong bình bát, và bay ra. Đến một nơi an ổn, Ngài mở nắp bát tính thả năm trăm người ấy ra, chẳng dè không thấy gì cả. Một phen nhìn xuống thất kinh hồn vía, năm trăm người trong bát đều hóa thành máu cả.

Đến lúc này Tôn giả mới biết lời Phật nói không sai, phép tắc nhân duyên chẳng thể làm ngược lại, dầu kể là thần thông cũng không qua nghiệp lực.

14. NGƯỜI TUẦN GIÁO ĐỆ NHỨT

Mục-kiền-liên nhờ thần thông lên trời xuống đất hỗ trợ tuyên dương Phật pháp, công ấy rất lớn. Nhưng Phật đã nói, thần thông không phải pháp môn cứu cánh. La-hán này dài vốn là đại thần vua Ưu Điền, tên là Tân-đầu-la-ba-la-đọa, theo Phật xuất gia đắc thần thông, hay biến hiện kỳ diệu trước hàng cư sĩ. Đức Phật từng quở trách và dạy ông rời khỏi Tăng đoàn, một mình qua châu Tây Cù-da-ni giáo hóa. Chỉ có đối với thần thông của Mục-kiền-liên, đức Phật chẳng những không quở trách mà lại thường khen ngợi. Chẳng phải đức Thế Tôn có tâm thiên lệch nhưng Ngài biết một điều là dùng thần thông của Mục-kiền-liên để hỗ trợ tuyên hóa rất tốt, nhưng kết cuộc thần thông không thể hơn nghiệp báo. Nghiệp lực của mỗi người tạo tác rõ ràng dù là thần thông cũng không khỏi chết. Đức Phật dùng sự thật ấy để răn dạy người sau.

Tôn giả Mục-kiền-liên tuổi gần về già nhưng hoạt động truyền giáo vẫn như nước chảy mây bay, càng lúc càng tinh tấn. Tôn giả không biết rằng chính vì nhiệt tâm tuyên dương giáo pháp của mình lại khiến cho ngoại đạo tậ đố. Bọn chúng đối với đức Phật không có biện pháp gì, chỉ đợi cơ hội ám sát Mục-kiền-liên.

Mục-kiền-liên gánh vác trách nhiệm hoằng hóa lợi sanh. Một lần nọ trên đường tuyên dương chân lý, đi ngang qua núi Y-tư-xa-lê, bị bọn lõa hình ngoại đạo bắt gặp. Chúng bèn từ trên núi xô đá xuống, muốn sát hại Mục-kiền-liên. Đá rơi loạn xạ như mưa khiến nhục thân vô thường của Tôn giả

nát ngũ như tương, nhưng bọn lõa hình ngoại đạo hai ba ngày sau còn chưa dám đến gần nơi Tôn giả tử nạn, họ vẫn còn sợ sức thần thông của Tôn giả. Thật là Tôn giả vì truyền bá chủng tử Bồ-đề cho nên gặp sự bức hại của ngoại đạo, để lưu lại cho hậu thế tấm gương hy sinh. Nhục thân của Tôn giả cũng trường tồn với thế gian. Máu của Tôn giả đổ ra không phải là vô ích, bao nhiêu vị tiên hiền thánh triết đã vì hồng pháp lợi sanh, noi theo dấu chân của tôn giả Mục-kiền-liên hiến tất cả sinh mệnh cho ánh sáng chân lý, để cho Phật pháp bất diệt. Sự hy sinh ấy thật có giá trị lớn lao.

Tin tôn giả Mục-kiền-liên bị ngoại đạo ám hại truyền đến tai vua A-xà-thế. Nhà vua nổi cơn phẫn nộ, hạ lệnh bắt hết các hung thủ, mấy ngàn lõa hình ngoại đạo đều bị nhà vua ném vào hầm lửa!

Chuyện ấy cũng không giải trừ được nỗi bi ai của các Tỳ-kheo, đại chúng than thở cho rằng trên thế gian không công bình, tại sao Mục-kiền-liên thần thông đến thế mà không tránh được sự phục kích của ngoại đạo.

Tâm các vị Tỳ-kheo không cam chịu được bèn tập hợp đến thỉnh ý Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đều là đệ tử thượng thủ của Phật. Mục-kiền-liên là một người hoàn toàn, khi Phật lên thiên cung thuyết pháp cho mẫu hậu, tôn giả nhận lời yêu cầu của chúng con lên cung trời bái vọng Thế Tôn. Mẫu thân ông vì phỉ báng Tam Bảo mà bị đọa địa ngục, ông cũng xuống địa ngục cứu mẹ. Tôn giả là một người có thần thông oanh liệt, tại sao không dùng sức thần đối kháng ngoại đạo ?

Đức Phật đã thể chứng chân lý vũ trụ, chỗ thiết yếu pháp sanh trên thế gian, đại trí giác của Ngài minh mông như đại hải. Ngài đã biết trước nên không kích động như các Tỳ-kheo. Ngài an nhiên bảo đại chúng:

- Mục-kiền-liên không phải không chống cự nổi với ngoại đạo, nhưng ở lần trước khi vua Lưu Ly xâm lược Ca-tỳ-la, ông ấy dùng thần thông mà cứu không được nhân dân trong thành, nên biết thần thông không qua nghiệp lực, nhục thể là vô thường, nghiệp báo cần phải trả, trong đời quá khứ ông ấy làm nghề chài lưới, sát hại oan uổng không biết bao nhiêu sanh linh. Các ông đừng lấy làm khó chịu, Mục-kiền-liên tuy chết nhưng chân lý không hề mất!

- Nhưng bạch Thế Tôn! Chúng con vẫn cảm thấy Mục-kiền-liên bị hại quá ư thâm!

- Các Tỳ-kheo! Các ông không nên nghĩ như vậy. Vấn đề sanh tử đối với người giác ngộ không quan trọng. Có sanh ắt có tử, chuyện tử không nhất thiết là chuyện kinh sợ hoang mang, đừng chấp chặt vào đó. Mục-kiền-liên khi vong thân chẳng mê muội tấn nhập Niết-bàn, đó là điều đáng quý. Mục-kiền-liên hy sinh vì sự nghiệp tuyên dương giáo pháp, đó mới là cái đẹp vô hạn.

Trong hàng Tỳ-kheo vẫn có người còn thắc mắc, họ than thở lắc đầu, thương cảm hết sức, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con vẫn biết cần phải có tinh thần hy sinh vì đạo, nhưng Tôn giả hy sinh như vậy thật quá sớm, còn biết bao sự nghiệp hoằng hóa, chúng con đều cần sự lãnh đạo của Tôn giả. Thế Tôn! Sao Ngài không bảo trước

với Tôn giả để ông ấy dự phòng ?

Qua những lời trên, chúng ta có thể biết mọi người rất xúc động trước sự tuấn giáo của Tôn giả, và cũng biết các Tỳ-kheo rất khâm phục Mục-kiền-liên. Một lần nữa, đức Phật lại dùng lời an ủi khích lệ đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Khi Mục-kiền-liên lâm nạn chẳng phải ông ấy không biết dự phòng, ông ấy có thể bảo vệ cho mình khỏi chết, nhưng đó không là biện pháp cứu cánh, người tu hành không thể sai trái pháp tắc nhân quả. Ông ấy gieo nhân chà cá, nghiệp sát sanh phải kết thúc bằng quả bị hại. Và lại, Mục-kiền-liên đã phát nguyện đem mạng sống hy sinh cho chân lý, đó là bản nguyện của ông, ông ấy rất hoan hỷ nhập diệt. Nếu đệ tử của ta đều có tinh thần của Mục-kiền-liên thì Phật pháp lại phát huy rộng lớn. Các ông nên bắt chước theo Mục-kiền-liên.

Pháp ngữ khai thị của đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni nghe rồi rất cảm động. Một sắc thân Mục-kiền-liên tử vong, sẽ còn có vô số Mục-kiền-liên vì tuyên dương chân lý, vì sự lưu truyền của Thánh giáo mà hoan hỷ tự nguyện noi dấu!



PHÚ LÂU NA

THUYẾT PHÁP ĐỆ NHẤT

1. DANH HIỆU MÃN TỬ TỬ

Làm đệ tử đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tu đạo thoát ly sanh tử cố nhiên là điều khẩn yếu, nhưng việc tuyên dương chân lý, thuyết pháp độ sanh, cũng rất cần thiết.

Một người xả bỏ ràng buộc ân ái của gia đình, quy y đức Thế Tôn, có hoài bão suốt đời theo việc vận động tuyên dương chân lý, đối với thế gian không hề chán nản thối chí, đối với chúng sanh vĩnh viễn từ bi và nhiệt tình, đó là tôn giả Phú-lâu-na, Thuyết pháp đệ nhất.

Đủ sức đảm trách việc tuyên nói giáo lý của đức Phật thật là một công tác to lớn. Vì nói pháp cốt yếu không những là phải khế lý, mà còn phải khế cơ. Phú-lâu-na trong số ngàn vạn đệ tử, được công nhận là thuyết pháp đệ nhất, không phải không có lý do.

Muốn hiểu rõ Phú-lâu-na, trước tiên chúng ta phải nói đến danh hiệu của tôn giả. Danh hiệu ấy rất dài và rất nhiều. Ngài vốn được gọi là "Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử". Phú-lâu-na chỉ là tiếng gọi tắt. Danh hiệu Ngài dài như thế chính là

biểu hiện cho Tôn giả khi thuyết pháp cũng trường mãn vô cùng - Hoài bão vô tận, lòng từ vô tận như núi cao sông rộng, danh xưng của Ngài được dịch là "Mãn Từ Tử" cũng chính là ý đó.

Dung mạo Tôn giả cũng như danh hiệu Mãn Từ Tử, mặt tròn, mắt đầy vẻ từ hòa khoan dung an lành.

2. QUẢ VỊ SAU KHI XUẤT GIA

Gia đình của Tôn giả khá đầy đủ, tài sản tuy không phải trù thiên hạ nhưng cũng thuộc hàng giàu có danh tiếng của Ấn Độ. Cha mẹ Ngài rất thương yêu, nhưng Tôn giả biết rằng ân ái, tài bảo thế gian rồi cũng phải đến lúc biệt ly mất mát, điều cần yếu nhất của đời người là cầu được chân lý pháp tài vĩnh viễn. Do đó, Tôn giả cắt ái từ thân, quy y với Phật, phát nguyện suốt đời xiển dương chân lý.

Xuất gia không bao lâu, Phú-lâu-na chứng quả A-la-hán. Đó là quả vị tối cao trong hàng Thanh văn, phá trừ phiền não, dứt hết sanh tử, vận dụng thần thông, có thể đi các nơi tự tại hành hóa.

3. ĐỨC PHẬT THỌ KÝ

Một hôm trong pháp hội, đức Phật nói rất nhiều về Bốn sự Nhân duyên Túc thế, Phú-lâu-na nghe xong rất cảm động, liền từ tòa đứng dậy, chỉnh đốn ca-sa trên thân, đến trước Phật đánh lễ sát đất, chí thành chiêm ngưỡng từ nhan Thế Tôn. Ngài nghĩ đối với công đức cao vọi của đức Phật dùng lời để xưng tán không cùng tận, nên dùng hai tay vỗ vào

ngực và chắc rằng Thế Tôn sẽ thấu rõ bốn nguyện thâm ý của mình.

Như là dùng tâm ấn tâm, đức Phật hiểu ý Phú-lâu-na, nên nói:

- Phú-lâu-na! Ông tinh tấn tu đạo, không buông lung giải đãi, tùy lúc tùy nơi hỗ trợ ta tuyên dương chân lý, thường ở trong bốn chúng khai thị giáo hóa lợi ích, chúng sanh đều được hoan hỷ. Ông ở trong hàng người thuyết pháp là bậc nhất, qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sẽ ở tại thế giới này thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai.

Đức Phật thọ ký xong, Phú-lâu-na đạt được pháp hỷ, không thể nói hết được sự cảm kích của Tôn giả, Tôn giả lại trang nghiêm cung kính đánh lễ Phật, đi nhiều bên hữu ba vòng, trở về tòa ngồi, mắt rơi lệ vì cảm động.

Phú-lâu-na tương lai sẽ thành Phật ? Điều ấy khiến chúng Tỳ-kheo vừa vui mừng vừa kinh ngạc. Phú-lâu-na chỉ là một vị A-la-hán không phải Bồ-tát, làm sao lại được đức Phật đích thân thọ ký ?

Đức Phật biết điều ấy bảo đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Các ông có thấy ta vừa thọ ký cho Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử chăng ? Vì ông ấy khéo thuyết pháp, tương lai sẽ ở tại quốc độ này thành Phật hiệu là Pháp Minh.

Các ông cũng nên xưng tán Phú-lâu-na. Ta thường khen ông ấy là bậc nhất trong hạng người thuyết pháp. Ông ấy thâm nhập biển Phật pháp hay làm lợi ích cho tất cả người đồng tu học đạo, trừ đức Phật, không ai có thể biện bác ngôn luận với ông.

Các ông chớ tưởng rằng Phú-lâu-na chỉ giúp ta tuyên thuyết chánh pháp, ông ấy ở thời quá khứ chín mươi ức cõi Phật đều hộ trì trợ tuyên Phật pháp, đều được xưng là Thuyết pháp đệ nhất.

Các ông nên noi gương Phú-lâu-na!

Đức Phật thọ ký cho Phú-lâu-na, giá như đem mũ báu bằng trân châu anh lạc đội cho tôn giả cũng không sánh bằng hân hạnh được thọ ký. Từ đó tôn giả được địa vị là bậc đạo sư trong trời người.

4. CÕI PHẬT VỊ LAI

Phú-lâu-na tương lai thành Phật, chẳng biết tình hình cõi Phật của Tôn giả thế nào, nếu như đủ khả năng, nhân duyên đến thời, sau khi Phú-lâu-na thành Phật, chúng ta cũng nên phát nguyện đến cõi nước Phật ấy mà tu hành.

Đức Phật từ bi biết tâm ý đại chúng, không nệ gì mà bảo cho chúng biết rõ:

- Cõi Phật của Phú-lâu-na, trên cõi đất không có núi sông khe gò, không có đá sỏi gai góc, những lầu các cung điện cao vút tầng mây, trên đất trải toàn các báu vàng bạc.

Cõi ấy không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không có người nữ, không nghe nói về dâm dục, loài người đều do biến hóa sanh, phi hành tự tại, không chấp ngã và ngã sở, cũng chẳng có đao binh. Mọi người đều được đầy đủ tiện nghi và nhu cầu.

Cõi Phật của Phú-lâu-na, không phân chia chủng tộc, không phân biệt mạnh yếu, không oán thù, không có kẻ

ngịch, không có trộm cướp giành giật, xâm chiếm. Mọi người tôn kính lẫn nhau, ca ngợi lẫn nhau.

Lúc ấy không còn gọi là thế giới Ta-bà mà là một cõi thiện tịch, giống như cõi Cực Lạc phương Tây của Phật A-di-đà!

Lời Phật dạy hoàn toàn chân thật, từ xưa đến nay lời của Ngài không hề hư dối. Phú-lâu-na dùng sự nghiệp thuyết pháp để trang nghiêm cõi tịnh của mình. Điều ấy là một khích lệ lớn lao và thích hợp đối với người đã vì Phật tuyên hóa chân lý.

5. NGƯỜI CAN GIÁN TRONG HÀNG TỶ KHEO

Phú-lâu-na đối với việc hoằng pháp rất nhiệt tình, không tham cầu danh dự lợi dưỡng. Ngài biết rõ nhân gian như hoa đốm trong không, bóng trăng đáy nước, chính là Ngài gấp giải quyết cho xong việc sanh tử, quảng độ chúng sanh là việc lớn, là đạo tràng tối hảo.

Phú-lâu-na không ưa người bề ngoài mặc ca-sa xưng đệ tử Phật, mà trên thực tế làm việc gì đều toàn vì mình, không vì Phật pháp.

Oai đức từ bi của Phật cảm đến các quốc vương trên toàn Ấn Độ. Các vua sau khi quy y Phật bèn ban sắc lệnh rằng: Hễ người nào phạm trọng tội đáng chết, chỉ cần xuất gia làm đệ tử Phật, gia nhập Tăng đoàn liền được đại xá. Tuy Phật biết điều ấy sẽ khiến Tăng đoàn thanh tịnh thành nơi rấn rờng hỗn tạp, nhưng lòng từ của Ngài như biển lớn dung

nap mọi con sông, không nỡ nhìn tội phạm mà không cứu, vì vậy Ngài trở lại khen ngợi chính sách nhân từ của các quốc vương.

Và như thế trong Tăng đoàn cũng có lắm người bê bối, mượn cửa Phật để tham cầu danh lợi, thậm chí còn làm việc tà vạy mua bán Như Lai.

Phú-lâu-na thấy bọn Tỳ-kheo trên danh nghĩa ấy thường bảo thẳng họ rằng:

- Các vị! Các vị không nên làm những việc trái với lời dạy của Phật, không nên một mặt khuyên người bố thí mà tự mình ưa chứa cất tiền của vàng bạc, nói với người ngu dục là nguy ách, là tai hại cho thân tâm, mà tự mình ưa đắm chìm, an trụ trong ngu dục. Chúng ta được gặp bậc thầy là đấng Thế Tôn cứu thế thật là nhân duyên ngàn đời khó gặp. Phạm làm việc gì, không thể trái lời giáo huấn của Phật, đừng phạm giới điều Phật đã quy định. Điều quan trọng cần yếu là đừng để mọi người thấy được mất lòng tin.

Các vị xuất gia học đạo, đó là đức Phật từ bi cho các vị cơ hội sám hối diệt tội, mà các vị không vì sự trong sáng của giáo pháp, không yêu thích Tăng đoàn, không nhiệt tình trong việc hoằng hóa lợi sanh, tuy một thời đức Phật từ bi nhiếp thọ các vị nhưng về sau đối với tương lai các ông sẽ không tốt đẹp.

Phật thường dạy, làm người không sợ có lỗi, có lỗi mà biết sửa đổi đó là người đại thiện. Trong Tăng đoàn, làm một kẻ lục đục thường tình không can chi, nhưng rất dễ tệ là làm người ích kỷ, không đoái hoài đến lời Phật dạy, không màng

đến đại chúng mà tự tung tự tác.

Tôi và các vị đồng học một thầy, tôi có nói lời gì dù quý vị đánh mắng cũng không sao, chỉ mong Phật pháp hưng long, chúng sanh được độ. Hy vọng rằng từ nay về sau, chúng ta chân chánh phát tâm tu học Phật pháp, y giáo phụng hành.

Những lời trung thực của Phú-lâu-na đối với các Tỳ-kheo bất chính khiến họ rất cảm động. Đối với người, Phú-lâu-na không ưa bởi lông tìm vết, khiến người phiến não, mà chính là muốn trừ bỏ những danh lợi cá nhân, để nỗ lực làm cho giáo pháp được lợi ích, được rạng rỡ.

Đức Phật biết Phú-lâu-na thường vì người nên khen ngợi Tôn giả làm người chỉ đạo, người can gián trong các hàng Tỳ-kheo đồng học.

6. MUỐN ĐEM PHẬT PHÁP PHỔ BIẾN TRONG DÂN GIAN

Phú-lâu-na làm việc rất điềm tĩnh, thận trọng đối với chúng Tăng và việc của đại chúng, Tôn giả suy nghĩ đôi ba phen mới phát biểu ý kiến. Chỉ đối với việc hoằng pháp là luôn luôn nhiệt tình, mỗi khi có cơ hội gieo chủng tử Bồ Đề, thì không kể lợi hại đắc thất về cá nhân, luôn luôn tinh tấn đi đầu.

Trong hàng đệ tử Phật, người hỗ trợ Phật thuyết pháp độ sanh rất nhiều, nhưng tự mình không cầu danh lợi, không sợ nguy nan thất bại, thủy chung vì xã hội nhân quần mà bố giáo, rất ít người sánh kịp ngài Phú-lâu-na. Có một số Tỳ-

kheo, tuy theo Phật học bưng đầy kinh sách, nhưng đối với chúng sanh không đủ bi tâm nhiệt tình, xem nổi khổ sanh tử của kẻ khác không dính dáng gì đến mình, khép kín thân mình trong tháp ngà. Lại có số Tỳ-kheo không ưa hoằng pháp lợi sanh mà ưa phan duyên ngoài xã hội, không dùng đạo tiếp độ mà dùng tình giao thiệp, nhận thức sai lầm. Phú-lâu-na đối với những hạng người này không đồng ý chút nào.

Một hôm trên đường hoằng hóa, Phú-lâu-na đi ngang vùng rừng núi nước Kiều-tát-di. Nơi này có một số Tỳ-kheo đạo học đang ẩn cư tu hành. Phú-lâu-na thấy các vị ấy bèn rất cung kính hỏi thăm:

- Các Đại đức! Tôi nghe nói các vị ẩn cư trong núi rừng, đối với nhân cách thanh cao không giống phàm tình ấy tôi rất kính phục. Nhưng các vị vâng lời Phật dạy làm sứ giả đi các nơi giáo hóa sao không vào làng xóm mà độ chúng sanh ?

Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả đến rất vui mừng nhường tòa và đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi cũng đã đi các nơi giáo hóa, nhưng chúng sanh thật khó hóa độ. Đức Phật dạy đem cam lồ pháp thủy ban cho họ, họ trở lại cho đó là một thứ hôi hám khó nghe. Bọn chúng ngu si cang cường, ngoan cố chấp trước, đắm chìm trong ngũ dục, sát sanh tế thần cầu phước, thật là tạo nhân ác đạo. Chúng tôi từ bi đưa tay tế độ mà chúng chẳng thềm ngó ngang tới. Tôn giả! Đạo lớn của chân lý không phải ai ai cũng theo được, thế giới tràn đầy ánh sáng, chẳng phải ai cũng có thể đến được, bởi do họ đã chối bỏ. Hãy để cho họ chịu khổ hết mức rồi khi nhơn duyên chín

muối sẽ tự nhiên quày đầu.

Phú-lâu-na nghe xong, biết các vị này khi hoằng pháp đã gặp thất bại, gặp ma chướng cản trở, nên đối với chúng sanh thất chí nản lòng, không thể khởi nhiệt tình bố giáo. Tôn giả nói:

- Hành vi tu đạo của các vị tôi rất khâm phục, nhưng ý kiến của các vị về việc hoằng pháp tôi không đồng ý. Nếu Phật pháp dễ truyền, chúng sanh dễ độ chúng ta đã không theo đuổi công tác ấy. Chính vì đời ngũ trược ác thế, việc hoằng pháp lợi sanh rất khó khăn cực nhọc, vì muốn báo đáp ân Phật, chúng ta mới hăng hái theo đuổi sự nghiệp cao quý đó.

Hoằng pháp là gia vụ, lợi sanh là sự nghiệp, chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, không nên xem Tăng đoàn là một nơi ty nạn, hoặc là viện dưỡng lão, đã là Tỳ-kheo chỉ cần lo phận sự cho tròn còn chuyện thế gian nên dẹp một bên. Phật pháp chưa truyền, chúng sanh chưa độ mà cho là không dính líu đến mình thật là trái lời dạy của Phật. Lòng từ nguyện bi của ngài chắc chắn không hoan hỷ đối với tác phong ấy.

Chúng sanh khó tiếp nhận Phật pháp là vì chúng rất nghèo cùng khổ, người nghèo chỉ mong xin được vài đồng bạc là quý. Chúng ta đem gia tài Phật pháp cả ỨC VẠN mà cho không họ, bảo sao họ không nghi ngờ lòng tốt của chúng ta ? Làm sao họ dám nhận lãnh tài bảo trân quý đó ?

Chúng ta mang tấm lòng từ bi vô hạn, mang nhiệt tình sung mãn, để trang nghiêm thân tứ đại vô thường của chúng ta, trang nghiêm tịnh độ của chính mình, đem pháp lạc hoan

hỷ ban khắp mọi người, đem ánh sáng trí huệ, từ bi, oai đức của Phật-đà chia đều tất cả chúng sanh cùng hưởng. Đó là trách nhiệm của hàng xuất gia, không cho phép chúng ta an nhàn trốn tránh, từ chối.

Các vị! Phật pháp tại nước Bạt-đà chưa xương long, mong rằng các vị cùng với tôi đến đó hoàng hóa.

Các Tỳ-kheo nghe xong, rất cảm động trước lời chí tình của Phú-lâu-na, các vị đều nguyện theo Tôn giả sang nước Bạt-đà.

Phú-lâu-na thường cổ động phát khởi cho các Tỳ-kheo lười nhác, ưa mưu cầu an nhàn, để mong Phật pháp lưu bố khắp nhân gian. Do đó, đức Phật cũng thường khen ngợi giữa đại chúng, Phú-lâu-na là người khích lệ, vận động trong hàng Tỳ-kheo.

7. THÁI ĐỘ HOÀNG HÓA

Phú-lâu-na một bát xin cơm ngàn nhà, đi các nơi hoàng hóa, ngàn núi muôn sông, muôn sông ngàn núi cũng đều giữ một mức sinh hoạt, giữ một lối sống đúng như hoạch định. Biết bao người nhờ sự giới thiệu của Tôn giả, đã biết đến đức Phật, đã tiếp thọ được chân lý từ bi.

Khi thì Tôn giả ở nước Ma-kiệt-đà, lúc ở nước Kiêu-tát-di-la, hôm nay hóa đạo nơi thành Tỳ-xá-ly, ngày mai lại đến thành Ca-thi thuyết pháp. Tôn giả đã vận động nhiều người tin tưởng Phật pháp, quy y với đức Thế Tôn, trong Tăng đoàn chẳng ai sánh bằng. Chúng sanh nào ngoan cố, kiên cường nghe Tôn giả thuyết pháp đều bỏ tâm cuồng

vọng mà tiếp thọ sự tịnh hóa của Phật pháp. Ngài có sức mạnh nào ? Chúng ta chẳng biết. Một hôm, vài Tỳ-kheo cùng đàm đạo với Phú-lâu-na, đã hỏi:

- Tôn giả! Ngài đi hóa độ nơi nào liền khiến từ một chỗ cỏ rậm hoang vu thành một vùng thánh địa trang nghiêm, lại có nhiều thính giả nhờ ảnh hưởng pháp âm của Ngài mà được an ổn, tĩnh lặng, thành khẩn. Trừ đức Phật, không ai thuyết pháp thành công như Tôn giả. Ngài làm sao được oai đức như thế ?

Phú-lâu-na khiêm tốn đáp:

- Tôi cũng chẳng biết tôi có sức gì, tôi chỉ biết một điều đức Phật là vị Đạo sư. Trước mỗi lần thuyết pháp tôi luôn luôn hướng về đức Phật cầu nguyện, cầu nguyện từ quang của Thế Tôn che chở nhiếp hộ tôi, hỗ trợ tôi hoàn thành sự nghiệp tịnh hóa nhơn gian. Tôi không cần mọi người biết đến Phú-lâu-na, tôi chỉ mong ai ai cũng biết đức Đại giác Phật-đà. Nhỏ bé như tôi đâu có sức gì khiến người cảm động. Cảm động đến người chính là đức Thế Tôn, chính là giáo thị chân lý của Ngài.

Lời nói thành thật của Phú-lâu-na, mọi danh dự đều dành cho đức Phật. Các Tỳ-kheo nghe xong ai cũng gật đầu khen phải, lại hỏi tiếp:

- Tôn giả! Nếp sống bố giáo hoằng hóa của Ngài rất kham khổ, Ngài đã chẳng chịu nghỉ ngơi, cũng chẳng xin thực phẩm bồi dưỡng thân thể, ngoài thời thuyết pháp Ngài lại đi kinh hành rồi tĩnh tọa, khổ nhọc đến thế làm sao chịu được lâu dài ?

- Đa tạ các vị lưu tâm đến tôi. Chúng ta làm được chút ít cho Phật pháp đã cho là khổ nhọc, như đức Thế Tôn từ nhiều kiếp lâu xa đã tu hành, độ sanh, ngày ăn một hột mè, hột bắp, bố thí đầu, mắt, tủy não, thì chẳng biết nói ra sao đây ?

Sau những lúc thuyết pháp cho chúng sanh, tôi liền trở về bên đức Phật nghe lời Phật dạy, nếm mùi vị cam lồ, đó là thức bổ dưỡng tối hảo cho huệ mạng của tôi. Tôi hành cước vân du các nơi, một ngọn cỏ, cội cây đều dường như khiến tôi mỉm cười, ngọn núi con sông đều là niềm an ủi. Ánh sáng của đức Thế Tôn thấm nhuần trên thân tôi, tâm Phật sống trong tâm tôi, tôi chẳng biết khổ nhọc là gì. Các vị, lúc tôi thấy ngàn vạn người quy hướng Phật-đà, chấp tay đánh lễ, tôi bất giác cảm động đến rơi lệ. Tôi cũng hướng về phía Phật chấp tay đánh lễ. Tôi cầu nguyện đức Phật nhiếp thọ những người ấy, ban cho họ lòng tin và sức mạnh!

Các Tỳ-kheo nghe xong đều sanh lòng khâm phục, chấp tay khen ngợi.

8. QUÊ HƯƠNG KHẮP NƠI

Tôn giả Phú-lâu-na đi hành khước như mây bay gió cuốn, không có nơi chốn nhất định. Ban ngày ở đại lộ, đường hẻm, đất trống tùy duyên thuyết pháp, chiều đến thì riêng mình tựa thiền nơi núi non, rừng cây hoặc là bờ suối.

Tôn giả không trụ nơi nào cố định, đến đâu cũng xem là gia hương. Có khi, vì muốn Phật pháp thường trụ, Ngài cũng vận động kiến tạo tinh xá, giảng đường, nhưng khi xây

cất xong Ngài chưa từng xem đó là tài sản tư hữu của mình. Thỉnh một vị tài đức trụ trì và Ngài lại lên đường đi nơi khác.

Phú-lâu-na không cất chứa vàng bạc, ngoài ba y bình bát, không đem theo món gì bên mình. Chúng ta không thể căn cứ trên sự biểu thị của vật chất, Phú-lâu-na không cần sự biểu thị ấy, Ngài cũng có vô lượng công đức trí huệ pháp tài. Biết bao nhiêu chúng sanh nhờ lãnh được pháp tài ấy mà trở nên giàu có một đời, thành tựu được sự nghiệp sinh mệnh hằng cửu.

Phú-lâu-na không hề lưu ý đắn đo về sự ăn mặc. Ngoài ba y hoại sắc, Tôn giả không đắp y gấm vóc sang trọng, bình bát hóa duyên không phân nghèo giàu, không chọn ngon dở, chỉ vừa đủ no là tốt thôi. Tôn giả không nghĩ đến việc chọn thức ăn bổ dưỡng làm gì, đối với Ngài thực phẩm bổ dưỡng nhất là cam lồ của đức Phật.

Một hôm, khi Phú-lâu-na hành cước nơi thành Câu-lợi, trên đường gặp một người đồng hương. Người ấy làm lễ Tôn giả và thăm hỏi:

- Tôn giả! Tôi nghe nói Ngài mỗi ngày vân du hành cước, bốn ba mọi nơi như thế này, chẳng biết Ngài bận rộn chuyện gì ? Từ khi Ngài xuất gia tôi chưa thấy Ngài trở về quê thăm bà con, chúng tôi đều mong nhớ ngài. Ngài xuất gia đã lâu, mà chẳng có một mảnh ruộng vườn trang trại, chẳng có chút gia tài nào, vì đâu Ngài nghèo nàn đến vậy ? Bao giờ Ngài mới trở về nhà ?

Phú-lâu-na cũng rất lễ phép đáp:

- Đa tạ! Đa tạ! Hôm nay gặp ông thật cao hứng. Ông

hỏi tôi mỗi ngày bận rộn điều gì ư ? Tôi xin nói, mỗi ngày tôi bận lo cho chúng sanh lìa khổ được vui. Đến nơi nào cũng là cố hương của tôi, cũng là thân quyến. Hiện tại, tôi là đệ tử đức Đại thánh Phật-đà, ruộng vườn huyễn hóa, gia đình tài sản vô thường, tôi chẳng thể nô lệ những thứ ấy, tôi không thích bị mấy thứ hư dối ấy ràng buộc. Tôi thích đi hành khước, hoằng pháp mọi nơi. Tôi làm sứ giả cho chân lý, tôi vì chúng sanh chỉ dẫn con đường đến chánh giác. Xin ông vì tôi trở về cảm ơn những ai lo lắng cho tôi. Phú-lâu-na này cũng sẽ giúp ích các ông, đến lúc cần về quê tôi sẽ trở về.

- Tôn giả! Xa cách lâu năm tôi không ngờ rằng sau khi theo Phật xuất gia, Ngài vẫn còn tích cực như thế, vẫn còn nhiệt tình đầy tràn. Ngài hoàn toàn quên mình mà vì mọi người, tôi thật khâm phục hết sức! Khi Ngài trở về cố hương nhất định tôi sẽ rất hoan nghênh. Hoan nghênh Ngài đem ánh sáng của đức Phật về cho quê hương chúng ta.

- Đa tạ! Tôi sẽ y nguyện vọng của ông!

Phú-lâu-na nói rồi vội vã đi nơi khác gieo hạt giống Bồ-đề.

9. PHƯƠNG PHÁP BỔ GIÁO

Phú-lâu-na thuyết pháp đệ nhất là một nhà truyền giáo vĩ đại, khéo sử dụng những phương pháp thí giáo của đức Phật như: phương tiện thuyết pháp, tùy bệnh cho thuốc, xem căn cơ dạy dỗ, sự lý viên dung. Có thể nói Tôn giả đã được môn tam-muội thuyết pháp của đức Phật.

Tôn giả biết rằng thuyết pháp là hoàn toàn vì chúng

sanh chớ không phải vì mình, nói pháp là để cho chúng sanh nghe chớ không để cho mình nghe. Đạo lý cao sâu nhiệm mầu chỉ có số ít người lãnh hội, ở trước đại chúng Tôn giả chỉ nói những đạo lý đơn sơ dễ tiếp nhận.

Gặp hạng người nào nên nói giáo pháp nào, đó là sở trường của Phú-lâu-na.

Khi Tôn giả gặp thầy thuốc, liền nói:

- Các ông làm thầy thuốc có thể tạm trị lành những bệnh khổ về thân, còn căn bệnh lớn tham, sân, si trong tâm người các ông có phương chi trị liệu chăng ?

- Tôn giả! Y sĩ chỉ có thể trị bệnh đau đầu, đau bụng, đau chân, không trị được bệnh khổ trong tâm. Ngài có biện pháp gì không ?

- Có – Phú-lâu-na khẳng định – Giáo pháp của đức Phật như giọt nước cam lồ có thể rửa sạch cấu uế trong tâm chúng sanh. Giới, định, huệ tam học như liều thuốc vạn linh, có thể trị lành tâm bệnh tham, sân, si.

Gặp thầy thuốc thì nói như vậy, còn gặp quan chức, Phú-lâu-na lại hỏi:

- Các ông làm quan, có thể trị tội phạm nhưng các ông có cách gì trị người vô tội chăng ?

- Tuy là quốc pháp, nhưng cũng chẳng thể trị phạt người vô tội.

- Ngoài quốc pháp các ông và tất cả dân chúng nên phụng hành Phật pháp. Đạo lý của Ngũ giới Thập thiện, pháp tắc nhân quả luân hồi, nếu ai giữ đúng sẽ không hề phạm tội.

Phú-lâu-na khéo thuyết pháp như thế, không kể là y sĩ, quan chức đều theo đó mà quy y Tam Bảo, tín ngưỡng đức Phật.

Một hôm, Phú-lâu-na đi ngang thôn xóm nọ, gặp mấy người nông phu đang làm ruộng, bèn hỏi:

- Các ông làm ruộng, trồng những thứ lúa để nuôi thân, tôi sẽ dạy các ông phương pháp canh tác ruộng phước để nuôi dưỡng huệ mạng, chịu không ?

Nông dân đều hỏi:

- Cày ruộng phước nuôi huệ mạng thì phải làm sao ?

- Tin Phật, phụng sự Tam Bảo, cung kính với Sa-môn, chăm sóc người bệnh, nhiệt tâm đối với những việc từ thiện lợi ích chung, hiếu thuận với cha mẹ, với làng xóm nên ăn điều xấu phôi điều lành, đừng sát hại vô độ. Đó là cách tốt nhất để canh tác phước điền.

Hết thầy nông dân đều chắp tay thưa hỏi, xin lãnh thọ lời dạy của Tôn giả.

Phú-lâu-na không có nơi chốn cố định, thuyết giáo cũng không có phương pháp cố định, khi thì diễn thuyết công khai giữa quần chúng, khi thì đến từng gia đình để phỏng vấn, có khi ngâm vịnh tán ca đức Phật, lúc lại hiện thân thông khiến người phát tâm. Vì vậy giáo pháp của đức Phật rất dễ được chúng sanh lãnh thọ.

10. THUYẾT PHÁP CHO VUA TẦN BÀ SA LA

Nói về Phú-lâu-na từng vận thần thông. Đó là khi vua Tần-bà-sa-la bị A-xà-thế nhốt trong ngục, đức Thế Tôn sai

Phú-lâu-na và Mục-kiền-liên bay vào trong ngục thất thuyết pháp và trao giới Bát quan trai cho nhà vua.

Tần-bà-sa-la là vua nước Ma-kiệt-đà. Trong các vị vua đương thời, nhà vua là người quy y Phật đầu tiên. Về sau vì Đê-bà-đạt-đa xúi giục, thái tử A-xà-thế đem vua nhốt vào ngục tối không cho ăn uống, A-xà-thế bèn lên kế vị.

Nhà vua ở trong ngục bị thái tử cấm chỉ không cho người mang thức ăn. Đối với đứa con ngỗ nghịch ấy, nhà vua cũng cam tâm tự an ủi rằng: Đây là do nhân duyên quá khứ. Càng chịu nguy ách khốn khổ, nhà vua càng nhớ lời Phật dạy: Trời đất, trăng sao, núi Tu-di, biển lớn còn không thể trường tồn, có thành ắt có hoại, có thịnh thì có suy, hợp thì phải tan, sống rồi sẽ chết, hết sướng đến khổ, vui phải có buồn. Trên thế gian chẳng có niềm vui nào vĩnh cửu, chỉ có khổ là miền man không cùng tận.

Tuy nhà vua nghĩ như vậy nhưng cũng không thể hoàn toàn buông bỏ, nghĩ tới mạng sống ngày mai thật là lo âu.

Phú-lâu-na và Mục-kiền-liên bay qua mấy tầng ngục phong tỏa, tối om, đen kịt, không khí nặng nề như mô chôn tử thi, đến phòng giam Tần-bà-sa-la. Phú-lâu-na ngồi kế bên nhà vua nói nhỏ:

- Đại vương! Tôi vâng lời Phật đến đây. Phật dạy tôi nói với đại vương rằng: “Sắc thân này là do nghiệp lực chiêu cảm, rốt cuộc đều chịu khổ báo. Nghiệp quả nên để nó kết liễu. Người tu đạo cần yếu là có thể tiêu diệt nghiệp báo, được giải thoát. Người bị giam trong ngục, bị trói buộc mất tự do. Thật ra, người chưa vào ngục mà bị tiền tài, danh lợi, sắc

đẹp vậy khốn thì cũng giống người đang ở tù. Thế giới Ta-bà đều là một thứ ngục lớn, không kể ngồi tù hay không ngồi tù đều không thoát chết, cho nên cái chết chẳng phải là điều đáng kinh hãi, đang lúc còn sống mà đã hứa hẹn chắc chắn với tử vong, điều đáng sợ là khi chết mà không có chỗ trở về tốt đẹp. Phật dạy, xưng niệm thánh hiệu Phật A-di-đà, phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực lạc ở phương Tây, đó mới là một cõi nước an lành tự do giải thoát.”

Vua Tần-bà-sa-la nghe Tôn giả nói xong trong lòng rất an ổn, thấy được ánh sáng của vấn đề chết sống. Và sau đó nhà vua an tịnh vãng sanh.

Phú-lâu-na đối với việc cứu độ chúng sanh khổ nạn không ai bì kịp, thật là khéo thuyết pháp.

11. TINH THẦN BỐ GIÁO

Phú-lâu-na thuyết pháp độ sanh không cầu sự cung kính, không mong dễ dàng, những nơi khó giáo hóa đến đâu, hẻo lánh đến đâu, Tôn giả cũng nhiệt tâm, mong muốn đến đó truyền bá Phật pháp.

Một hôm, sau mùa an cư, Phú-lâu-na nghĩ đến việc đi hoằng hóa, bèn đến thưa đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi cho phép con đến nước Du-lô-na bố giáo!

Đức Phật nghe nói rất hoan hỷ. Nhưng đức Phật là một nhà truyền giáo vĩ đại, Ngài biết chuyện ấy không phải dễ, chỉ cần đến một nơi như nước Du-lô-na sẽ biết sự thật, Thế Tôn nói:

- Phú-lâu-na! Việc giáo hóa chúng sanh lợi mình, lợi người, ta rất vui hứa cho chí nguyện của ông. Ông đi giáo hóa các nơi ta đều yên lòng. Nhưng ta bảo ông, bố giáo không nhất định phải đi đến nước Du-lô-na. Tốt nhất ông nên chọn nơi nào khác rồi sẽ ra đi.

- Vì cơ sao ? Thưa Thế Tôn! Hễ nơi nào có chúng sanh đáng độ, chẳng phải đều có thể đến đó dạy dỗ ư ?

Đức Phật giải thích:

- Phú-lâu-na! Du-lô-na là một nước nhỏ hẻo lánh, không có đường giao thông thuận tiện, giáo hóa chẳng được như ý. Dân chúng tánh tình rất hung bạo, đánh chửi thành thói quen, người nước ngoài đến đó dễ bị mất mạng. Hôm nay ông muốn đến nước đó chẳng lẽ ông không sợ nguy hiểm sao?

Nghe Phật nói như vậy, Phú-lâu-na chỉ mỉm cười, biểu lộ chí nguyện cương quyết của mình:

- Thưa Thế Tôn! Ngài từ bi thương tưởng chúng đệ tử, con không thể dùng lời diễn tả mối cảm kích. Con vì cảm động ân ấy mà hoan hỷ nguyện đem thân nhỏ mọn này phụng hiến cho đức Phật, phụng hiến chánh pháp và tất cả chúng sanh. Chính vì Du-lô-na là một nước biên địa hoang dã, trước đây chưa người nào phát tâm giáo hóa, nên con mới nghĩ rằng không đến đó không xong. Đến đó, con cũng biết có tất cả nguy hiểm theo bên mình, nhưng vì muốn tuyên dương chánh pháp thì sự an nguy của một cá nhân bé nhỏ của con không phải là vấn đề cần yếu. Cúi xin đức Thế Tôn từ bi hứa khả, dùng từ quang nhiếp hộ con, cho phép con đi

khai mở một cõi Tịnh độ nhân gian.

Trên gương mặt đức Thế Tôn lộ vẻ an tường rất mực từ bi, Ngài vui thích tinh thần vì pháp quên mình của Phú-lâu-na. Nhưng đức Thế Tôn nhìn hàng đệ tử tả hữu đông nhiều, họ cần phải cụ bị tinh thần của một nhà truyền giáo, nên thân thiết hỏi Phú-lâu-na:

- Phú-lâu-na! Ông nói đúng, làm đệ tử ta bố giáo là việc tu hành trọng yếu thứ nhất, nhưng ta hỏi ông, ông đến nước Du-lô-na, nếu như họ không chấp nhận ông mà lớn tiếng chửi mắng, ông mới làm sao ?

- Bạch Thế Tôn! Họ mắng chửi con, con vẫn thấy họ còn tốt vì họ cũng chưa lỗ mãng đến nỗi dùng roi gậy đánh đập con.

- Nếu như họ dùng nắm tay, gạch ngói, roi gậy đánh đập ông ?

- Con vẫn thấy họ còn tốt, chưa đến nỗi đâm chém con.

- Nếu như họ dùng dao búa như thế ?

- Con cũng cho họ rất tốt, họ cũng còn tình người chưa đến nỗi giết con chết.

- Nếu như họ giết ông chết ?

- Như thế con lại cảm ơn họ, đã giết sắc thân của con, hỗ trợ cho đạo nghiệp của con, giúp con mau vào Niết-bàn, giúp con đem sanh mạng báo đáp ân đức của Thế Tôn. Điều ấy đối với con tuy không có trở ngại, chỉ sợ di hại ảnh hưởng không tốt cho họ thôi.

Đức Phật rất hoan hỷ, khen ngợi Tôn giả:

- Phú-lâu-na! Ông không hổ là đệ tử thứ thiệt. Tu đạo, bố giáo, nhẫn nhục, tâm cảnh của ông rất bình an. Chúng ta sẽ đưa ông lên đường.

Phú-lâu-na được Phật khuyến khích rất cảm động, tâm bố giáo bất thối chuyển càng tăng cường mạnh mẽ. Tôn giả đánh lễ Phật xong, thẳng đến nước Du-lô-na giữa những tiếng hoan nghinh đưa tiễn của chúng Tỳ-kheo.

12. PHẬT SỰ TẠI NƯỚC DU LÔ NA

Phú-lâu-na cáo biệt đức Phật và Tăng đoàn, riêng một mình đi về hướng Đông Bắc, nước Du-lô-na, bước chân mãi miết rồi cũng đến nơi.

Nước Du-lô-na đất xấu dân nghèo, chỗ nào không núi cao thì cũng nước sâu, toàn quốc đã không có đô thị phần hoa, lại rất ít có xóm làng đông đúc, nhân dân chỉ sinh sống bằng nghề săn bắn, ăn lông ở lỗ.

Khi Tôn giả mới đến, chẳng vội giáo hóa thuyết pháp ngay. Trước đó Tôn giả đã học xong ngôn ngữ địa phương Du-lô-na và trong công tác truyền giáo, ngoài ngôn ngữ ra còn phải chuẩn bị nhiều điều kiện.

Nhân dân Du-lô-na đối với tiếng nói của tôn giả không thấy cách biệt, nhưng mọi người thấy Ngài đắp y mang bát đều nhìn với cặp mắt kỳ quái. Tôn giả biết rằng tại một địa phương văn hóa lạc hậu như thế, nếu không dùng phương tiện thì khó mà khai phát lòng tin cho họ. Ngài cũng biết lúc này mà nói chân lý đàm huyền luận diệu thì chẳng có ma nào nghe, chủ yếu trước tiên là phải cải thiện nếp sống của

dân chúng. Hoàng pháp không ra ngoài sinh hoạt của thế gian. Do đó, tạm thời Ngài không cho biết thân phận Sa-môn của mình, chỉ như một ông thầy thuốc mỗi ngày lo thăm bệnh và khám hộ người bệnh.

Phú-lâu-na có nhiều phương thuốc trị bệnh rất đơn giản, không kể xóm làng xa xôi, cho đến phải trèo đèo, vượt suối, hễ nghe tiếng bệnh nhân rên rỉ, Ngài liền lập tức đến nơi không kể ngày đêm, không kể đầu non, cuối biển. Người bệnh thấy Ngài như thấy vị cứu tinh, bệnh nặng đến đâu cũng tiêu nhiên qua khỏi.

Phú-lâu-na lại có tư cách một nhà giáo dục, dạy họ học hành chữ nghĩa rành rẽ. Ban ngày dạy cho cách trồng trọt kịp thời tiết, những phương pháp trị gia, chiều đến nhóm họp mọi người lại giảng dạy về đạo lý nhân quả báo ứng của Ngũ giới, Thập thiện. Chẳng bao lâu, dân nước Du-lô-na đều quy y Phật, và tại đây, Tôn giả thân phục năm trăm đệ tử, thành lập năm trăm ngôi tinh xá.

13. ĐIỀU KIỆN CỦA MỘT NHÀ BỐ GIÁO

Phú-lâu-na theo sự nghiệp hoàng pháp lợi sanh, thường ghi khắc trong tâm lời dạy của đức Phật về mười đức phải có trong công tác bố giáo.

Đó là:

Khéo biết pháp nghĩa.

Có thể giảng thuyết.

Không sợ sệt trước đám đông.

Biện tài vô ngại.

*Nhiều phương tiện khéo.
Tùy theo pháp mà ban bố.
Đầy đủ oai nghi.
Dũng mãnh tinh tấn.
Thân tâm không mệt mỏi.
Thành tựu oai lực.*

Tôn giả tuy thân đi hoằng hóa mọi nơi nhưng tâm luôn luôn ở bên Phật. Mỗi lúc gặp ngày Thánh đản của Phật, hoặc Thế Tôn mở đại hội giảng kinh, dù ở xa ngàn dặm, Tôn giả cũng về bên tòa dự thính pháp âm và thăm viếng thưa hỏi Thế Tôn.

Ngày nọ, Thế Tôn trên pháp tòa nhìn xuống thấy Phú-lâu-na đang cùng chúng đánh lễ, Ngài mỉm cười hỏi:

- Phú-lâu-na! Ông về đấy ư! Đại chúng đều lo lắng cho ông! Ông hóa độ chúng sanh tại nước Du-lô-na thành công chăng? Ông giúp ta tuyên dương chân lý, tinh thần bố giáo, thể chất thanh khiết đều hoàn toàn. Về phương diện tinh thần, ông đã xác định lòng tin vững chắc nơi Tam bảo, ông đã tu dưỡng đầy đủ từ bi, trầm tĩnh, tài trí, dũng cảm, về mặt thể chất ông đã rèn luyện thân thể khỏe mạnh, phẩm hạnh, phong độ, âm thanh, biện tài đều hoàn bị. Phú-lâu-na, ta rất an lòng khi ông đến Du-lô-na bố giáo.

Đức Phật ngưng một chút, lại bảo đại chúng:

- Các Tỳ-kheo! Trong hàng đệ tử ta, được như Phú-lâu-na mới xứng đáng với danh xưng Thuyết Pháp Đệ Nhất, các ông nên noi gương Phú-lâu-na.

Các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy, đều quay về phía Phú-

lâu-na vẫn tấn, đảnh lễ, khen ngợi, chúc mừng. Phú-lâu-na một mặt cảm thấy e ngại, một mặt lại được cổ động tinh thần.

14. KHÁNG NGHỊ VỚI ĐẠI CA DIẾP

Thời gian như nước chảy vô tình, năm tháng theo vô thường luân lưu chuyển biến, xuân hoa thu nguyệt, hạ nóng, đông lạnh, ngày qua ngày, năm qua năm, ứng hóa thân của Thế Tôn trên thế giới Ta-bà dần dần già nua. Đến năm Ngài tám mươi tuổi bèn nhập diệt tại thành Câu-thi-na.

Các đệ tử đều rất bi ai, Phú-lâu-na đi giáo hóa phương xa, nghe tin Phật Niết-bàn, bèn vội vàng dẫn đệ tử về thành Câu-thi-na thọ tang. Về đến nơi, kim thân Thế Tôn đã trà tỳ. Phú-lâu-na ngoài mối thương tâm ấy, còn rất quan tâm đến giáo pháp của Phật, Tôn giả biết rằng giáo pháp chính là Pháp thân Phật.

Biết được các Thượng tọa Tỳ-kheo do ngài Đại Ca-diếp lãnh đạo, đã chủ xướng cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất tại Kỳ-xà-quật. Sáng sớm hôm sau, Phú-lâu-na vội đến tham dự. Lúc ấy cuộc kết tập đã gần xong, Đại Ca-diếp thấy Phú-lâu-na đến rất vui mừng nói:

- Tôn giả! Ngài đến rất đúng lúc. Chúng tôi kết tập giáo pháp của Phật gần xong, đang chờ ý kiến của Ngài.

Phú-lâu-na lắng nghe tỉ mỉ phần kết tập và đáp:

- Thưa chư tôn giả! Các vị kết tập giáo pháp như thế này khiến mọi người cảm phục! Về nội dung toàn bộ tôi không có bàn bạc gì thêm. Nhưng về phần Luật tạng, liên hệ

đến tám pháp ẩm thực đều dẫn ra để cấm ngăn, tôi khó mà đồng ý, vì điều ấy trái với bản ý của Phật.

Hiện tại các vị cấm tám việc như: Chứa thức ăn trong phòng, nấu nướng trong tự viện, tự nấu, tự lấy thức ăn, từ chỗ khác đem thức ăn về, ăn các thứ trái cây, ăn những vật thực sản xuất từ hồ ao. Cấm tám điều ấy thật là rất bất tiện cho các nhà tu trong Tăng đoàn. Gặp lúc lúa bắp khan hiếm, gặp thời đói khổ, khi đi xin không được thức ăn, Phật đều cho phép tám việc trên.

Ngài Đại Ca-diếp là vị trưởng lão oai quyền trong chúng, từ trước chưa ai dám đưa ra ý kiến khác biệt với Ngài, tuy trong tâm họ cũng có đôi chút không vui nhưng ngoài mặt vẫn mặc nhiên. Phú-lâu-na cũng là vị trưởng lão cao đức nên mới đưa ra điều này. Đại Ca-diếp nghe xong, nghiêm túc đáp rằng:

- Điều đó đúng, đức Thế Tôn cho phép làm tám việc ấy, nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt mới hứa khả thôi.

Cả hai Tôn giả đều biện luận cho ý mình, rốt cuộc không giải quyết được là nên cấm hay không nên cấm. Cuối cùng Phú-lâu-na nhượng bộ nói:

- Đã không có biện pháp khác, thì từ đây tôi chỉ giữ y theo những điều tự thân nghe Phật nói, theo sự lãnh ngộ của tôi.

Phú-lâu-na nói xong, lại lên đường tiếp tục hành trình hoàng pháp.

Phú-lâu-na nhập Niết-bàn lúc nào, và ở đâu ? Chuyện đó không có tài liệu khảo cứu, chúng ta chỉ biết rằng, sau khi

Phật nhập diệt Phú-lâu-na vẫn nhiệt tâm đi giáo hóa khắp nơi. Xem cuộc kháng nghị của Tôn giả với ngài Đại Ca-diếp, chúng ta thấy Đại Ca-diếp cố giữ đúng y pháp, còn Phú-lâu-na thì đứng về phương diện tự do.

Tôn giả Phú-lâu-na luôn luôn lưu tâm đến Phật pháp, luôn luôn vì đại chúng mưu cầu hạnh phúc. Ở thời ma cường pháp nhược này, chúng ta tìm đâu ra một tinh thần và nhiệt tình bố giáo như Tôn giả ?



TU BỒ ĐỀ

GIẢI KHÔNG ĐỆ NHẤT

1. ĐIỀM LÀNH “KHÔNG” SANH

Lời dạy của đức Phật về sự hiện hữu của vũ trụ nhân sinh thật đa dạng và linh hoạt như khói sóng, không có bờ mé. Trong Phật pháp, lấy Đại thừa làm trung tâm điểm, và trong pháp Đại thừa lại dùng Bát nhã là trung tâm. Bát nhã là gì ? Lời giải thích hay nhất cho danh từ ấy là Trí huệ hiểu về tánh "không".

Chữ KHÔNG rất huyền diệu, khó biết, nói "có" chẳng trúng, nói "không" chẳng nhằm. KHÔNG, chẳng thể dùng ngôn thuyết, cũng chẳng thể dùng tâm tư để thấu đáo đạo lý đó. Dưới tòa đức Phật, trong số một ngàn hai trăm năm mươi vị đại A-la-hán, người hiểu rõ lý Không, chân thật thể chứng được diệu nghĩa của Không, chính là tôn giả Tu-bồ-đề, Giải không đệ nhất.

Nói về Tu-bồ-đề, chúng ta có thể nhìn ngay từ điềmlành thuở sơ sanh của Tôn giả, mới biết đó là một nhân vật phi phàm đặc biệt.

Ngày vừa chào đời, tất cả tài bảo, dụng cụ trong nhà Tu-bồ-đề bỗng nhiên biến mất, không thấy một cái nào.

Người trong nhà đều lo sợ, vội mời thầy xem tướng đến bói một quẻ. Tướng sư gieo quẻ rồi nói:

- Đây là một hỷ sự, trong nhà sanh quý tử. Tiền bạc, bảo vật trong nhà đều trống rỗng ngay khi cậu bé chào đời đó là tượng trưng cậu bé là người Giải không đệ nhất. Chúng ta nên đặt tên cho cậu bé là Không Sanh! Điều này rất đại cát đại lợi, tương lai chú bé sẽ không bị danh văn lợi dưỡng thế gian ràng buộc, gọi chú là Thiện Cát cũng tốt.

Lời nói của nhà thầy làm an lòng mọi người. Từ đó mọi người gọi tên "Không Sanh" hay "Thiện Cát". Ba ngày sau, tài bảo và dụng cụ trong nhà mới trở lại như trước. Tôn giả Giải Không Đệ Nhất mới sanh bày điếm là một chuyện hy hữu xưa nay ít có.

2. NHÀ TỬ THIỆN NHỎ BỐ THÍ

Thuở ấu niên, khi chưa quy y Phật, Tu-bồ-đề xem các pháp thế gian, và đối xử với mọi người chẳng giống ai.

Tuy sanh trưởng trong gia đình giàu có, cha mẹ rất cưng chiều, nhưng từ nhỏ Tu-bồ-đề đã không nô lệ vào tiền tài báu vật. Cha mẹ cho đồng nào, cậu thường đem cho người nghèo cùng. Đi đường mà gặp kẻ hành khất áo không kín thân, cậu liền cởi áo ngoài cho luôn, chỉ mặc áo ngắn quần cụt về nhà.

Cha mẹ không tiếc một vài đồng, nhưng với việc làm của cậu con yêu thương không bằng lòng kêu lại dạy dỗ:

- Không Sanh! Con làm như vậy không được, tiền bạc có sẵn không kể lý do gì mà đem cho người, quần áo mặc

trên người cũng cởi ra cho, để trần thân thể thiệt khó coi.

Tu-bồ-đề ôn hòa, cung kính thưa với song thân:

- Con chẳng biết vì sao trong tâm con lại nghĩ rằng tất cả trên thế gian này rất quan hệ với con, thân thể mọi người cũng như thân con. Khi sanh ra đã chẳng áo quần thì trần trụi sao lại không tốt ? Đem của mình cho người, người và con sao lại không như nhau ?

Nghe Tu-bồ-đề nói, cha mẹ chẳng vui chút nào:

- Con chỉ là con nít mà thiệt kỳ cục, có tiền không biết xài, quần áo chẳng thiết, nói lý lẽ gì đâu chẳng sợ người ta chê cười. Từ nay về sau nếu con không sửa đổi thì cha mẹ sẽ nhốt trong nhà, không cho ra ngoài nữa.

Vậy mà Tu-bồ-đề chẳng sửa đổi, tánh ưa bố thí làm lành, cha mẹ bèn giữ luôn trong nhà. Điều đó lại là một điều hạnh phúc cho Tu-bồ-đề. Mỗi ngày cậu tìm đọc và nghiên ngẫm những sách vở về triết học và tôn giáo của Ấn Độ đương thời, do đó đối với vấn đề nhân sanh có một sự hiểu biết rành rẽ. Cậu thường tự hào nói với cha mẹ:

- Tất cả sum la vạn tượng trên vũ trụ đều hiện rõ trong tâm con. Tâm con như hư không rỗng rang chẳng có chút gì. Nếu như trên thế gian này không có bậc Thánh nhân đại trí đại giác, thì ai có đủ tư cách để luận bàn với con về tâm cảnh của người giải thoát, ai cũng không rõ được thế giới trong tâm con.

Lời nói tự đắc của chàng thanh niên Tu-bồ-đề, cha mẹ nghe qua lại liên tưởng đến việc lạ kỳ khi chàng mới sanh. Thật là người khác thường, lời nói cũng kỳ lạ. Trong lòng

song thân cũng thăm nghĩ con mình thiệt lạ đời.

3. QUY Y VỚI ĐỨC PHẬT

Một hôm, đức Thế Tôn đến quê hương của Tu-bồ-đề giáo hóa. Dân làng xôn xao truyền miệng rằng Phật-đà là bậc Nhất thiết trí, trên thế gian không ai sánh bằng.

Mọi lời bàn tán đến tai Tu-bồ-đề, hơn nữa cha mẹ chàng cũng theo dân làng quy y với đức Thế Tôn. Gia đình chàng chỉ có một truyền thống là tín ngưỡng Bà-la-môn giáo, tại sao hôm nay cha mẹ lại theo mọi người dễ dàng cải giáo. Lần này đến lượt Tu-bồ-đề lại thấy cha mẹ mình kỳ quái.

Một hôm, phụ thân chàng nói:

- Không Sanh! Con thường tự cho mình rất có trí huệ, đã thông suốt chân lý như sanh, nhưng sánh với đức Phật con khác xa. Đức Phật chẳng những có đại trí huệ mà cũng đại từ bi, đại thần thông. Từ khi Ngài quang lâm đến làng ta, người trong làng phần nhiều quy y với Ngài. Cha định thỉnh đức Thế Tôn về nhà cúng dường, đối trước mặt Ngài con nên bỏ tâm cuồng ngạo đi nhé.

Trong tâm Tu-bồ-đề không phục chút nào, chàng nói:

- Đối với con mắt mọi người, Phật-đà là bậc Nhất thiết trí, nhưng với con ông ấy cũng chỉ là một người bình thường.

Tuy nói như vậy, nhưng rốt cuộc Phật-đà là người như thế nào? Tại sao lại có sức cảm động lớn lao đến thế? Khi bình tĩnh lại, Tu-bồ-đề đã tự thắc mắc rất nhiều, và chàng không muốn đợi đến khi đức Phật đến nhà thọ trai mới tương kiến. Chàng nghĩ, nếu như đức Phật bận rộn việc gì mà

không đến thì làm sao ? Cho nên chiều hôm ấy, chàng lén đi trước xem Phật-đà ra thế nào ?

Chiều tối, gió mát hiu hiu, trăng thượng tuần lơ lửng trên không, muôn sao nhấp nháy như cười nhạo tính hiếu kỳ của Tu-bồ-đề. Một mình chàng đến nơi, gặp lúc đức Phật đang ngồi trên tòa cao thuyết pháp, bốn bên sáng lòe, trước mặt là cả ngàn vạn thính chúng đang quỳ rạp. “Ồ kìa! Thân Phật dường như phóng hào quang! Người ấy không giống người thường, tướng mạo viên mãn, trang nghiêm”. Thân tướng của Phật đã vượt quá tầm mức tưởng tượng của Tu-bồ-đề. Giữa khung cảnh yên tĩnh chỉ có tiếng thuyết pháp của Phật, ngàn vạn thính chúng chẳng dám thở mạnh. Phật dạy:

“Thế gian này chẳng nên tranh đấu với nhau, xưa nay vốn không phân biệt nhân ngã, mọi người đều là một thể. Tất cả pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà sanh ra, chẳng có vật nào có thể độc lập mà tồn tại. Mình và vạn vật đã nương nhau để sống còn, thì việc ban bố lòng thương và ân huệ cho chúng sanh mới xem giống như vì người, nhưng thật ra đối với chính mình có lợi ích lớn.”

Pháp âm của Thế Tôn rất từ hòa, đạo lý Ngài nói đó khiến Tu-bồ-đề cảm động. Chàng lẩn vào trong Thánh chúng, len lén chấp tay bái Phật.

Phật thuyết pháp xong trở về tịnh thất an nghỉ. Tu-bồ-đề cứ đứng bồn chồn trước cửa thất, nghĩ muốn vào gặp Thế Tôn lại không dám.

Đức Phật biết ý chàng bèn ra gọi:

- Anh là ai ? Hãy vào trong này nói chuyện với ta!

- Con, Tu-bồ-đề, rất mong được đức Phật thân nhận cho con làm đệ tử xuất gia!

- À! Anh là Tu-bồ-đề. Ta từng nghe nói anh là người thông minh nhất trong thôn. Rất tốt, người thông minh chân chánh mới có thể chân chánh tin hiểu và vâng theo Phật pháp. Cha mẹ anh biết không?

- Con nghĩ rằng cha mẹ con nếu biết chắc chắn rất vui mừng cho con được hân hạnh gặp Phật-đà để làm vị đệ tử xuất gia.

Đức Thế Tôn gật đầu hoan hỷ. Từ đó Tu-bồ-đề khoác áo ca-sa, thành một đệ tử khác thường trong chúng.

4. XIN NHÀ GIÀU KHÔNG XIN NHÀ NGHÈO

Sau khi xuất gia, Tu-bồ-đề sống với ba y một bát, mỗi sáng sớm đi vào làng khát thực, chiều đến thì theo Phật nghe pháp, tham thiền.

Chúng Tỳ-kheo mỗi ngày đi khát thực đều tuân theo pháp chế của Phật, thứ tự mà xin, dù đi một mình hay đi với chúng Tăng, bất luận nhà người cho hay không đều phải tuần tự qua hết.

Nhưng Tu-bồ-đề, lúc đầu lối sinh hoạt khát thực đã không đồng chúng. Mỗi khi rời tinh xá, Tôn giả đã tách đường đi riêng, Tôn giả vẫn giữ oai nghi nghiêm chỉnh của người đi một mình, từng bước an tường tìm chỗ mà xin cơm. Các Tỳ-kheo ban sơ không lưu tâm đến việc ấy, nhưng lâu ngày mới phát giác trong hành động của Tôn giả có vẻ lạ thường. Mọi người chú ý mới biết sự việc ra thế nào.

Nguyên lai, Tu-bồ-đề khát thực hành hóa thích đến cửa nhà giàu có, Tôn giả mà thấy nhà cửa nhỏ hẹp hoặc biết nhà nào kinh tế nghèo cùng thì không ôm bát đứng trước cửa. Chẳng kể đường xa đến đâu, Tôn giả cũng đi tìm nhà phú quý, còn không thì thà để bụng đói chứ không khát thực.

Một hôm, trong thành Tỳ-xá-ly, có một vị Tỳ-kheo cười mỉm với Tôn giả trên đường đi và nói:

- Nghèo khó thì ở ngay mặt cũng không ai hỏi thăm, giàu sang ở núi sâu cũng có người thân. Trong thành Tỳ-xá-ly này toàn là thương buôn phú hộ, chẳng biết hôm nay Tôn giả chọn được nhà nào?

Tu-bồ-đề nhìn vị Tỳ-kheo một cái, rồi mới giải thích:

- Đại đức! Tôi chẳng phải không ưa người nghèo, tôi cũng là một người đích thực bản cùng vậy! Thiệt tôi có phát nguyện chỉ đến nhà giàu mà xin, không đến nhà nghèo đưa bát. Đó là điều khổ tâm của tôi, xin đạo hữu lượng xét.

- Tôn giả xin nhà giàu không xin nhà nghèo, mỗi ngày dinh dưỡng đầy đủ, không lạ gì mà thân thể mạnh khỏe như thế. Ngài xem Ngài béo tốt thế kia!

- Đại đức! Xin đừng nói như vậy!

Tu-bồ-đề ôn hòa nhỏ nhẹ giải thích nguyên nhân khát thực chọn lựa của mình:

- Tôi đến khát thực nhà giàu, không phải vì tham thức ăn ngon, như quả thật tham ăn tôi đã không xuất gia học đạo. Vì sao tôi không đến nhà nghèo? Vì người cùng khổ, tự họ đã sinh sống khó khăn, đâu có dư dả thức ăn mà cúng dường chúng ta? Nếu khiến họ cố ý phát tâm, thì cũng chỉ là lòng

có dư mà sức không đủ. Chúng ta đã không có thức ăn cứu tế họ, đâu lẽ lại thêm gánh nặng cho họ. Trái lại, chúng ta đến xin nhà giàu, họ bố thí chút thức ăn đối với họ chẳng nhằm gì. Cho nên tôi xin nhà giàu không xin nhà nghèo là vì vậy.

Tu-bồ-đề nói rõ quan niệm của mình, vị Tỳ-kheo kia mới thôi, không nói nữa.

Trong Tăng đoàn, người có phong độ tương phản với Tu-bồ-đề là Đại Ca-diếp. Tu-bồ-đề xin giàu chẳng xin nghèo, còn Đại Ca-diếp xin nghèo chẳng xin giàu. Tu-bồ-đề không hiểu rõ dụng tâm của Đại Ca-diếp, nhân một buổi chuyện trò rỗi rảnh mới hỏi:

- Tôn giả Đại Ca-diếp! Thái độ xin ăn nhà nghèo của Ngài trái ngược với tôi, tôi vô phép xin Ngài nói cho biết nguyên nhân.

- Tôn giả Tu-bồ-đề! Chúng ta là Sa-môn xuất gia, làm việc theo đạo lý, đó là phước điền của nhân gian. Chúng ta thọ sự cúng dường của họ, là để cho họ có cơ hội tăng trưởng phước huệ. Tôi đến nhà nghèo khát thực là để cho họ gieo phước điền để trừ nhân nghèo khổ cho tương lai. Người giàu đã nhiều phước đức, chúng ta cần gì thêm hoa trên gấm ?

Lời nói của Đại Ca-diếp, một mặt giải thích cho mình, một mặt để đả kích Tu-bồ-đề xin giàu không xin nghèo. Tu-bồ-đề nghe xong chỉ gật đầu. Tôn giả không bắt buộc người phải giống mình, chỉ nói:

- Khất bần, khát phú đều là vì lợi ích chúng sanh. Tôn giả! Phương tiện của Phật pháp rất nhiều, chúng ta mỗi người có thể tự làm theo đường lối riêng, kỳ thật đều là giáo pháp

của Thế Tôn.

Thái độ khát thực của Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp thành hai thái cực đối chọi nhau. Lời nói và cung cách của hai vị, sau đức Phật biết được, Ngài đều không tán thành cả hai và từng quở trách tâm hai người không quân bình, đều không hợp với pháp khát thực.

Pháp khát thực chân chánh, là không chọn lựa nghèo giàu, không chia dơ sạch, oai nghi nghiêm túc, thứ lớp hành khát.

Đại Ca-diếp cố chấp hơn, sắc thái khổ hạnh rất mạnh, Tôn giả xưa nay không nguyện xả bỏ khổ hạnh. Tu-bồ-đề tánh rộng rang, đối với chỉ thị của Phật trăm y trăm thuận. Từ đó, Tôn giả sửa đổi thái độ khát thực của mình, luôn luôn cảm ơn mà tiếp thọ lời chỉ giáo của Như Lai.

5. RỜI LỆ TRÊN HỘI BÁT NHÃ

Tu-bồ-đề ở trong Tăng đoàn, nghe pháp tu hành rất nhiệt tâm. Trong mười sáu hội, bốn nơi thuyết pháp Bát nhã, nếu như không đi giáo hóa ở địa phương khác thì chưa từng vắng mặt.

Một hôm, Phật ở tại tinh xá Kỳ Viên, dự bị thuyết Kim Cang Bát Nhã. Trăm ngàn đệ tử trì bát khát thực trong thành trở về đều tuần tự đi nhiễu quanh đức Phật. Trước tiên, Thế Tôn nhắm mắt tịnh tọa, và trong chúng không ai dám hướng Phật đưa ra vấn đề hỏi han.

Lúc ấy, Tu-bồ-đề hiểu rõ ý Phật, ở trong đại chúng đứng dậy, trích áo bày vai hữu, đánh lễ Phật rồi, cung kính

hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử chúng con đều biết Thế Tôn là bậc tối thiện, nhiếp hộ chúng con, nhưng đối với hàng thiện nam tín nữ phát tâm Bồ ĐỀ, làm thế nào để an trụ ? Với những vọng niệm nhiều loạn như thế, làm thế nào có thể hàng phục ? Xin đức Thế Tôn từ bi vì đại chúng tuyên nói.

Câu hỏi của Tu-bồ-đề, Phật rất hoan hỷ, khen ngợi Tôn giả hiểu rõ căn ý đại chúng, Ngài đáp:

- Như muốn an trụ nơi tâm Bồ ĐỀ, không bị vọng niệm quấy rối, thì khi bố thí nên hành bố thí vô tướng, khi độ sanh nên hành độ sanh vô ngã, nên y theo đó mà an trụ, y theo đó mà hàng phục.

"Vô tướng bố thí, vô ngã độ sanh" Tu-bồ-đề thâm thâm liễu giải đạo lý và nghĩa thú này, Tôn giả cảm kích pháp âm của Phật, vui mừng rơi nước mắt, quỳ dài trước tòa của Thế Tôn thưa:

- Bạch Phật! Từ khi con làm người đến nay, cái đạo lý sâu xa vi diệu như thế này mới được nghe đến lần đầu. Từ đây con không còn vướng vào chấp pháp và chấp ngã. Bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả cũng không thể trói buộc con. Lìa tất cả chấp trước mới thấy được lý không, lìa tất cả danh tướng mới thấu đáo nhơn sanh. Hôm nay, con đã thể hội tâm ý của Phật, như là nhận thức rõ chính con.

Tu-bồ-đề khai ngộ, từ đó được xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất.

6. NGHE TÍCH XUA TẶNG LÒNG TIN

Đức Thế Tôn tuy biết Tu-bồ-đề đã lia chấp trước, nhưng vì lòng từ bi, lại thêm một phen tha thiết nhắc lại sự tích tu hành của mình, để làm tăng thêm lòng tin của Tu-bồ-đề trong sự bố thí vô tướng và độ sanh vô ngã. Đức Phật hồi tưởng lại đời quá khứ và kể rằng:

“Tu-bồ-đề! Trong đời quá khứ ta từng tu hành trong núi sâu, trải qua một đoạn nhân duyên như sau:

Khi ta đang tĩnh tọa dưới cội cây đại thọ, nhắm mắt nghiên ngẫm những lẽ bí áo của vũ trụ và khởi nguyên của nhân sanh, bốn bề gió mát lai rai, hoa cỏ bay mùi hương u nhã, hốt nhiên một trận cười lạnh lớt vang lên, ta mở mắt nhìn xem, té ra một bầy cô nương yêu kiều diễm lệ đang đứng trước mặt ta.

Bọn họ mặc y phục cung nhân, châu ngọc óng ánh, khiến người mới nhìn không tưởng là tiên nữ trên trời thì cũng là vương phi chốn nhân gian. Họ nắm tay nhau, cười nói đến trước ta, hỏi:

- Ông đạo ạ! Ở chỗ núi cao rừng rậm này sao dám ngồi tu một mình? Ông không sợ cọp, beo, hùm, sói làm hại sao?

Ta nhìn các cô, ngồi nghiêm chỉnh đáp:

- Thưa các cô nương! Ở trong núi sâu này mà tu đạo, đích thị chỉ có mình tôi. Tu hành không nhất định phải có nhiều bạn lũ. Người có lòng từ thì rắn độc, thú dữ không làm tổn hại. Ở chốn thành thị, những thứ tiền vàng, sắc đẹp, cai trị hà khắc uy quyền, cũng là một thứ hổ báo sài lang của rừng núi đấy!

Ta nói vậy, bọn cung nữ kia liền từ bỏ thái độ kiêu mạn, cung kính thỉnh ta thuyết pháp. Ta bèn ngắt một bông hoa nhỏ bên cạnh, tiếp tục nói:

- Nay các cô! Người đời xưa nay ưa tìm cầu khoái lạc, nhưng khoái lạc cũng có thứ chân thật, thứ giả dối, có lâu dài và ngắn ngủi tạm bợ. Thiệt là mọi người đều bị mê hoặc bởi thứ khoái lạc hư giả và ngắn ngủi. Giống như đóa hoa này tuy thật đẹp, nhưng không vĩnh viễn nở hoa bay hương. Tuổi trẻ với sắc đẹp, sức khỏe và sự hùng mạnh đều không đủ cho chúng ta nương tựa. Người đời quý ở chỗ học đạo, mong được thăng hoa sinh mệnh, được kéo dài sức sống, đó mới là việc khẩn yếu!

Lúc ta đang nói, bỗng một người mặc y phục vương giả, tay cầm gương báu từ rừng cây bước ra, đến bên ta lớn tiếng mắng rằng:

- Mi là ai ? Dám cả gan đùa cợt với cung phi của ta ?

- Đại vương! Xin phép hỏi quý danh của ngài. Xin đừng hạ nhục người như thế.

Ta thấy y đến với vẻ hung bạo phải nói như vậy.

- Người ngủ mê phải không ? - Nhà vua hung hăng nói
- Oai danh của ta chấn động khắp nơi, người há không biết ta là Ca Lợi Vương sao ? Hèn gì dám cả gan mê hoặc cung phi ta.

- Đại vương! Xin đừng nói thế. Người tu hạnh nhẫn nhục không mắng trả lại nhà vua, nhưng ngài tạo khẩu nghiệp ấy tương lai sẽ không tốt đâu!

- Người tu hạnh nhẫn nhục à ? Ta sẽ cắt đứt thân thể

người ra từng mảnh, xem người còn nói tu nhẫn nhục không ?

Tu-bồ-đề! Lúc ấy Ca Lợi Vương xuống gươm xẻo tai, móc mắt, xẻo mũi, chặt hai tay, hai chân ta đứt đoạn, mà ta vì muốn độ chúng sanh, vì lòng từ đối với chúng sanh, lúc ấy không có chút gì sân hận. Ta theo tinh thần độ sanh vô ngã, dần dần tu tập tích chứa phước huệ, trang nghiêm quả Phật. Tu-bồ-đề! Hành hung người không thể thắng người, chỉ có người hành nhẫn nhục mới là người thắng lợi tối hậu!”

Tu-bồ-đề nghe qua một đoạn sự tích nhân duyên tu hành của đức Thế Tôn thời quá khứ rất là cảm động. Tôn giả thể hội được chân lý vô ngã tối cao và đạt đến huệ KHÔNG sâu xa.

7- KHÔNG LÀ GÌ ?

Đối với lời chỉ dạy của Phật, Tu-bồ-đề biết rõ sự tương quan nhân duyên trong vũ trụ, tất cả đều do nhân duyên thành lập, cũng do nhân duyên tiêu diệt. Nhân duyên là lời chú giải rõ ràng nhất cho lý “Không”.

Không, chẳng phải là Không của cái chẳng có gì, cũng chẳng phải trống rỗng không ngờ; Không, chẳng hề là nhân quả của sự vật mà có; Không, chẳng phải là phá hoại nhân duyên sanh ra các pháp; Không, là đầy đủ tánh chất cách mạng và tánh chất tích cực.

Không, là nghĩa lý của Phật pháp Đại thừa, Không, đại biểu cho tinh thần Phật giáo Đại thừa. Chẳng phải đệ tử Phật cố nhiên không thể hiểu rõ được lý Không. Lại có một số đệ tử Phật cũng ít thấu hiểu rõ diệu nghĩa của Không. Tu-bồ-đề

thường than rằng người hiểu “Không” quá ít.

Một hôm, một ngoại đạo Bà-la-môn thuộc giới trí thức, gặp Tu-bồ-đề trên đường đi bèn chất vấn:

- Tôn giả Tu-bồ-đề! Nghe nói Ngài là người Giải không đệ nhất trong hàng đệ tử Phật. Tôi xin hỏi: Tất cả sự vật trên thế gian đều tồn tại rõ ràng mà Ngài cho là Không, giải thích là Không, thì làm sao cho trọn vẹn lời giải thích ấy ?

Tu-bồ-đề đưa tay chỉ một ngôi nhà và nói:

- Ông xem gian phòng này do bốn yếu tố đất, nước, gạch, ngói và các nhân duyên hòa hợp mà thành hình, nếu đem phân tán đất, nước, gạch, ngói thì tướng trạng cái phòng còn không có, mà tên gọi “gian phòng” cũng không có nốt. Từ phương diện “Tất cả đều do hòa hợp” có thể thấy lý “Không”. Gian phòng này mà ở trong thôn xóm này, thì thật ngon lành đẹp đẽ tinh xảo, nhưng nếu đem so sánh nó với những phòng ốc của chốn đô thành thì nó thật là xấu xí, đơn sơ, nhỏ hẹp. Những phòng ốc nguy nga cao lớn của phố thị mà đem so sánh với hoàng cung của thành Xá-vệ thì rõ ràng không đủ sức để nói. Từ mặt sự lý tương đối ấy, cũng có thể thấy lý “không”. “Không” chẳng phải là phủ định hết thảy; Không, có bối cảnh của không, có nội dung của Không. Không, đó là diện mục bản lai của tất cả sự vật.

Bà-la-môn nọ nghe xong, trầm tư một phen, đưa tay làm lễ Tu-bồ-đề, nói:

- Tôn giả! Ngài chẳng hổ danh là bậc đệ tử Giải không đệ nhất của Phật-đà. Lời chỉ dạy của Ngài khiến tôi rất cảm

phục. Thiệt xấu hổ cho tôi chẳng đủ tư cách cùng Ngài đối luận. Xin chào Ngài, chúng ta sẽ gặp sau!

Tu-bồ-đề trang nghiêm gật đầu chào, vẽ một nét trong không trung biểu thị ý rằng:

- Đang lúc ông tóc đen thành tóc bạc, đang lúc ông thấy trên cành, lá rụng xuống đất, rồi lại hoa rơi hạt rụng, nảy mầm, tăng trưởng và nở hoa, kết trái, qua bao nhiêu tuần hoàn biến hóa và trở lại nguyên thể của nó, Ngài nhớ kỹ đó là “Không”!

Và họ chia tay.

8. NGƯỜI THỨ NHẤT NGHINH ĐÓN ĐỨC PHẬT

Tu-bồ-đề thể chứng lý Không, tuyên dương lý Không, tất cả oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi của Tôn giả cũng biểu thị lý Không.

Một hôm, bỗng nhiên không thấy bóng đức Phật trong Tăng đoàn, tứ chúng đệ tử xôn xao tìm kiếm, đều không biết đức Phật đi đâu. Sau ngài A-na-luật dùng thiên nhãn xem xét mới biết Thế Tôn đã lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho thánh mẫu Ma-da phu nhân, khoảng ba tháng nữa mới trở xuống. A-na-luật báo cho đại chúng biết tin ấy. Mọi người đều mong mỏi, mỗi một đệ tử đều cảm thấy một ngày không gặp Phật lâu bằng ba năm.

Ba tháng trôi nhanh, đức Thế Tôn lại trở về nhân gian. Đang khi Ngài chưa đến Tăng đoàn, các đệ tử biết tin đều tranh nhau nghinh đón. Lúc ấy Tu-bồ-đề đang vá y trong một

hang động tại núi Linh Thứu, nghe truyền tin đức Phật trở về, liền đứng dậy buông áo xuống cũng định đi nghinh tiếp. Ngay lúc đó, trong tâm khởi lên một ý nghĩ, Tôn giả lại ngồi xuống chỗ cũ. Tôn giả nghĩ rằng: "Ta đi đón Phật, để làm gì? Chân thân của Thế Tôn không thể thấy bằng sáu căn, ta mà đi nghinh tiếp Ngài chẳng khác nào cho rằng pháp thân Ngài do tứ đại hòa hợp, đó là ta không nhận thức được tánh Không của các pháp. Không thấy tánh Không tức là không thấy được pháp thân Phật. Vì pháp thân Phật chính là tánh Không của các pháp, không có chủ tạo tác, cũng không bị tạo tác. Muốn thấy Phật, trước tiên phải hiểu rõ ngũ uẩn, tứ đại là vô thường, biết rõ tất cả sự vật hiện có đều không tịch, biết các pháp sum la vạn tượng là vô ngã. Không ngã, không nhân, không năng tác, không sở tác. Tất cả pháp đều rỗng lặng, pháp tánh biến khắp mọi nơi, pháp thân Phật chỗ nào cũng có. Ta phụng hành giáo pháp của Phật, đã thể chứng lý Không của các pháp, ta nghĩ mình không nên lầm mê trên sự tướng".

Với nhận thức ấy, Tôn giả lại an nhiên ngồi vá áo, không đến nghinh tiếp đức Phật.

Phật trở về. Thật là sự vui mừng lớn lao trong Tăng đoàn, chỗ nào cũng đầy vẻ hân hoan, mọi người đều muốn bái yết Phật trước người khác. Khi ấy, trong hàng Tỳ-kheo ni có bà Liên Hoa Sắc - Thần thông đệ nhất, là người đón Phật trước nhất, bà vừa đánh lễ Phật vừa nói:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử là Liên Hoa Sắc, người thứ nhất nghinh đón Thế Tôn, xin Phật nhận cho con bái yết.

Đức Phật mỉm cười chậm rãi nói:

- Liên Hoa Sắc! Ta trở về, nghinh đón ta trước nhất chẳng phải là người đâu!

Liên Hoa Sắc lấy làm ngạc nhiên, nhìn hai bên, trưởng lão Đại Ca-diếp đều còn ở phía sau, Liên Hoa Sắc hoài nghi, thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử chẳng dám hỏi, nhưng trước con ai là người nghinh đón Ngài ?

Đức Phật lại mỉm cười, nhìn các đệ tử đông đảo kéo đến, trả lời Liên Hoa Sắc mà cũng như bảo với đại chúng:

- Các ông rất tốt, xa xôi đến mấy cũng đi đón ta, nhưng người gặp ta trước nhất chính là Tu-bồ-đề. Ông ấy lúc này đang quán sát tánh Không của các pháp trong hang núi Kỳ-xà-quật. Ông ấy mới là người chân chánh nghinh tiếp ta. Người thấy pháp mới là người thứ nhất thấy Phật, người đệ nhất nghinh tiếp Phật.

Liên Hoa Sắc và các đệ tử nghe Phật nói, mới biết đối với giáo pháp của Thế Tôn, đối với việc lãnh hội chân lý vũ trụ, mọi người đều không bằng Tu-bồ-đề.

Qua lời khen ngợi đặc biệt của Thế Tôn, Tu-bồ-đề càng nổi danh, càng được đại chúng tôn kính.

9. VỊ A LA HÁN SỐ MỘT TRONG LOÀI NGƯỜI

Lối sống và tâm tư của Tu-bồ-đề, rất điềm đạm tự tại, thường ở trong Không tam-muội giải thoát.

Làm người trên cõi đời này, dù là một ông thánh đi nữa

cũng lắm phen bị chê cười phỉ báng. Cho nên chẳng kể bạn như là một viên ngọc không tỳ vết, xa lìa mọi thứ danh văn lợi dưỡng, vì chúng sanh giúp ích rất nhiều, vậy mà cái bọn phàm phu tục tử của thế gian cũng muốn kiếm chuyện nói xấu bạn thế này thế nọ.

Tu-bồ-đề tu đạo, hoằng hóa, mỗi ngày làm việc lợi lạc khắp quần sanh, nhưng nhân tình ấm lạnh, miệng lưỡi lắm lời cũng không buông tha Tôn giả. Song, Tôn giả xem những thứ ấy như gió thoảng ngoài tai, chẳng hề động tâm sanh lòng.

Một hôm, trên đường thuyết pháp hoằng hóa, Tôn giả nghe có người phê bình mình. Họ nói: “Tu-bồ-đề là cái thá gì. Ông ấy chẳng làm nên tích sự, ở trong Tăng chúng giống như một tên ngáo, không có chút sống động coi cho ra hồn.”

Lại có các Tỳ-kheo nghe như vậy, bất bình dùm Tôn giả. Họ hỏi Tu-bồ-đề sao không trả lời lại, Tu-bồ-đề an nhiên, hòa nhã mà đáp:

- Thưa các vị! Đa tạ các vị có lòng yêu mến bạn đạo, nhưng xin các vị chớ có khởi lòng bất bình như vậy. Biện bạch vô ích là một thứ tranh luận, tranh luận là tâm còn hơn thua, rất trái xa chân lý. Chúng ta là người tu, đối với những lời gièm pha, phỉ báng, cho tới nghịch cảnh ma nạn đều phải xem đó như là cái duyên tăng thượng để trợ đạo. Nhờ đó mà tiêu trừ nghiệp chướng, lại tăng lòng tin mạnh mẽ. Vả lại, trong thế giới của chân lý, không có chuyện tranh cãi. Chân lý là không ta không người, không đây không kia, không có cao thấp, không còn thánh phàm. Tôi đã biết lý chân không vô trụ, một tướng bình đẳng, cho nên cái tâm của tôi, như vạn lý tình không, một chút xíu cũng không có, tôi biện bạch

với họ để làm chi.

Tu-bồ-đề - Giải không, tấm lòng và tâm niệm khoáng đạt tự tại như thế, nên các Tỳ-kheo rất khâm phục tác phong của Tôn giả.

Tu-bồ-đề đối với chúng sanh luôn dùng đức nhẫn nhục, thật là người cao thượng hạng nhất. Tôn giả thường nói: Nếu như có chúng sanh nói tôi đứng hoài không tốt, thì tôi liền ngồi suốt ngày, như còn chê tôi ngồi hoài không được, thì tôi sẽ đứng luôn cả ngày. Tôi đối với tất cả pháp không khởi một tí phiền não và không làm phiền một chúng sanh nào.

Tu-bồ-đề, hay tùy thuận thế gian, hành đại nhẫn nhục, đối với bất cứ ai đều không nào loạn họ, không tranh cãi với họ, đều là vì Tôn giả thông đạt tánh Không.

Đức Phật biết Tu-bồ-đề tu hành như thế rất hoan hỷ vui lòng, một hôm trên hội Bát nhã Ngài khen ngợi:

- Tu-bồ-đề! Trong hàng đệ tử ta, người Tu-đạt đến trình độ như ông thật hiếm có. Ông đã thể chứng Vô tránh tam-muội, đó là đệ nhất trong loài người, ta chúc mừng cho ông. Ông đã là vị A-la-hán ly dục bậc nhất!

Tu-bồ-đề được Phật khen ngợi, trong tâm rất cảm kích mừng vui, nhưng lại chẳng dám tự đắc. Tôn giả chấp tay đánh lễ và nói:

- Bạch Thế Tôn! Ngài ban cho đệ tử chúng con những lời từ bi ái hộ, khích lệ chúng con, con đem hết tâm tư cùng bất tận sự cảm kích. Thế Tôn nói con là bậc nhất trong loài người, là A-la-hán ly dục số một, nhưng con chẳng hề nghĩ rằng con là A-la-hán ly dục, nếu con nghĩ như vậy thì chưa

dứt hết ngã chấp, rốt cuộc cũng còn chìm đắm trong pháp chấp, có chúng có đắc. Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ như vậy, cũng không làm như vậy, vì nhân duyên vô sanh vô vi, đức Thế Tôn mới nói với con những lời ái hộ mỹ mãn. Thật ra, chính tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Mục-kiền-liên mới đúng là bậc A-la-hán ly dục!

Tu-bồ-đề rất khiêm tốn và rất khéo dùng lời, từ đó chúng ta có thể biết Tôn giả là một vị thánh A-la-hán.

10. AN TỌA TRONG ĐỘNG ĐÁ, MƯA HOA RƠI RỜI

Tu-bồ-đề là vị A-la-hán ly dục, không tranh hơn thua với thế gian, không mong muốn gì ở thế gian. Có khi tôn giả ở trong Tăng đoàn tu học cùng với đại chúng, dự nghe lời Phật dạy, có khi tu tập thiền định trong rừng, pháp hỷ lại càng cao sâu.

Núi Kỳ-xà-quật, là một danh sơn, đỉnh non tú lệ, rừng sâu trúc đầy, phong cảnh rất hợp với người tu. Đức Thế Tôn thường ngự đến đây cũng vì lý do ấy. Tu-bồ-đề rất thích lối sống trong núi, cho nên lúc nào cũng thấy ở Linh Thứu Sơn.

Gặp ngày trời quang mây tạnh, Tôn giả tọa thiền dưới gốc cây, bên sườn núi, hoặc kinh hành quán tưởng. Gặp lúc mưa gió thì vào trong động, hoặc núp dưới cội đá tùy chỗ an thân.

Đối với Tôn giả, núi sâu rừng rậm là một đạo tràng kín đáo tu hành rất tốt, ban ngày chim bay thú chạy bên cạnh, đêm đến, trăng sao tròn để làm bạn bè. Chốn thiên nhiên

phong quang vô hạn. Tu-bồ-đề thường nghĩ, người ta vốn từ cõi Không mà đến, cũng nên trở lại với thiên nhiên không tịch.

Một hôm, Tu-bồ-đề ngồi thiền trong thạch động, nhập Không tam-muội, công hạnh thâm sâu ấy cảm động đến Chư thiên Hộ pháp, rất nhiều vị trời xuất hiện trên không, rải thiên hoa bay phới phới trước Tôn giả, chấp tay khen ngợi Tu-bồ-đề:

- Tôn giả! Làm người có danh vọng tiền của thế gian, thiệt chẳng có gì đáng tôn đáng quý, dầu cho quốc vương, phú hào cũng đều bị trói buộc trong phiền não dục vọng. Tôn giả! Đúng bậc tôn quý trên thế gian, thật là người đại tu hành như Ngài. Hiện nay, Ngài nhập Không tam-muội, ánh sáng oai đức của Ngài chiếu suốt Thiên cung của chúng tôi. Tu-bồ-đề ở cõi người xứng đáng thọ sự cúng dường của cõi trời. Ngài khéo nói Bát nhã, lúc nào cũng dạo chơi ở chốn Không tam-muội như trời xanh vạn dặm. Ngài thoát khỏi phàm tình nhân gian, dù phiền não hắc ám hay bồ-đề trong sáng cũng không thể che mờ Tôn giả. Ngài cắt đứt dây sắt dục tình và bẻ gãy xích vàng pháp chấp. Tôn giả vĩ đại, xin hãy tiếp thọ hoa trời cúng dường, chúng tôi xin đánh lễ Tôn giả để tỏ lòng tôn trọng.

Lời xưng tán của thiên nhân, hoa trời rơi tán loạn kinh động đến Tu-bồ-đề. Tôn giả sau khi xuất định, hỏi thiên nhân:

- Các ông là ai ? Vì sao đến đây mưa hoa khen ngợi ta ?

Vị thủ lãnh chư Thiên chấp tay thưa:

- Tôi là Thiên Đế Thích, mấy vị kia đều là thiên nhơn.

- Vì sao các vị ân cần khen ngợi tôi như thế ?

- Chúng tôi kính trọng Tôn giả nhập Không tam muội, khéo thuyết Bát nhã.

- Tôi chưa từng nói một chữ Bát nhã cố sao các ông khen ngợi ?

- Tôn giả không nói, chúng tôi không nghe. Không nói, không nghe là chân Bát nhã.

Tu-bồ-đề nghe xong, hài lòng mỉm cười, khen chư Thiên:

- Trên hội Bát Nhã, đức Phật nói pháp vi diệu thậm thâm, lúc ấy các ông hộ trì đạo tràng đã tín thọ thâm hiểu. Đa tạ các ông đem hoa thơm rải cúng, nguyện thiên hoa này, mùi hương biến mãn cõi người, cõi trời.

Tu-bồ-đề nói xong, chư Thiên lại làm lễ một lần nữa từ từ biến mất trong mây.

Chư Thiên mưa hoa cúng dường, trừ đức Phật, chỉ có tôn giả Tu-bồ-đề mới có danh dự đặc biệt ấy.

11. CHƯ THIÊN TẤU NHẠC THẨM BỆNH

Tu-bồ-đề thường trú tại núi Kỳ-xà-quật. Một hôm, bỗng nhiên tứ đại bất hòa, ma bệnh vấn vít tôn giả khiến thân tâm cảm thấy mệt mỏi không an.

Là một vị Thánh, sức tu hành thâm hậu mà còn bệnh sao ? Nhiều người không thông hiểu được chuyện này. Thật

ra, sắc thân bị nghiệp báo chiêu cảm là pháp hữu vi, đã là pháp hữu vi đâu tránh khỏi hiện tượng khổ, không, vô thường. Tu-bồ-đề đã chứng Thánh quả, tinh thần của Tôn giả giải thoát, nhưng sắc thân hữu vi còn đó, sắc thân là pháp thế gian, đương nhiên phải chịu luật sanh, lão, bệnh, tử của thế gian.

Khi tôn giả cảm thấy bệnh trầm trọng, bèn đem tọa cụ trải trên đất, và ngồi kiết già, đoan thân chánh ý tư duy:

“Cái bệnh khổ của thân này từ đâu đến ? Ta phải làm gì để có thể hết bệnh?” Tu-bồ-đề tự hỏi một cách thâm sâu như thế, và nghĩ tiếp: “Nguyên nhân đưa đến thân bệnh này, hoặc là nghiệp báo quá khứ đến thời phải chịu, hoặc là chướng duyên của đời hiện tại, thuốc men chẳng thể trừ tận gốc, chỉ có tin sâu nhân quả, sám hối tội nghiệp, tu tập thiền quán, từ tâm không khổ để khiến thân không khổ.”

Tu-bồ-đề thiền quán và chánh niệm như thế, lập tức cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng tự tại, không còn chút bệnh nào cả.

Ngay lúc ấy, Thiên Đế Thích dẫn thêm năm trăm thiên nhơn và rất nhiều nhạc thần, từ trên không bay xuống Kỳ Xà Quạt. Thiên Đế Thích liền bảo nhạc thần tấu khúc ủy vấn. Nhạc thần vâng lệnh đến trước tôn giả khảy đờn lưu ly. Năm trăm thiên nhơn đồng ca rằng:

*Tôn giả, đức vọng như trời cao thay!
Tôn giả, tu hành như trường thủy thay!
Qua khỏi bể sanh tử,
Tiêu dứt lửa hữu vi,*

*Già bệnh thống khổ đều đoạn trừ,
Hành nghiệp nếu sám trừ,
Cấu uế mới diệt hết,
Nguyện tôn giả thể ngộ từ thiên định.
Tôn giả, bệnh khổ liền tiêu trừ!
Tôn giả, thân người được lành bệnh.*

Tấu khúc chấm dứt, tiếng ca vừa ngưng, Thiên Đế Thích mang quyến thuộc đến đánh lễ Tôn giả. Tu-bồ-đề từ bi đáp lễ và khen rằng:

- Khúc ca và nhạc điệu của các ông thật là vi diệu hòa ca!

- Chúng tôi xin thỉnh vấn Tôn giả, hiện thời bệnh của Ngài còn hay hết? – Thiên Đế Thích cung kính hỏi thăm.

Tôn giả bèn bảo vua trời rằng:

- Các pháp từ nhân duyên sanh ra, các pháp lại theo nhân duyên mà diệt. Nhân duyên hòa hợp thì pháp thành, nhân duyên ly tán thì pháp bại hoại tan rã. Các pháp cùng nhau rối loạn, các pháp cùng diệt, trong pháp sanh pháp, mỗi pháp tự nó có quả báo nhân duyên. Pháp hắc dùng pháp bạch đối trị, bạch pháp dùng hắc pháp đối trị. Cũng như bệnh tham dục, cần dùng quán bất tịnh để đối trị, bệnh sân nhuế dùng tâm từ bi đối trị, bệnh ngu si dùng trí huệ Bát nhã đối trị.

Tất cả trên thế gian đều là không, chẳng có tướng ngã, chẳng có tướng nhân, không có phân biệt nam nữ, không có phải trái chẳng đồng, tất cả là pháp nhĩ như thế. Các ông thấy kia, gió đông thổi ngã đại thọ, hoặc là sương tuyết làm héo nụ hoa, làm cho cây cỏ khô gãy, như khi gặp gió xuân

mưa nhẹ, thì tự nhiên khôi phục lại mầm sống. Các pháp rối loạn cũng có khi tự bình định.

Một chút bệnh tật của thân tôi, đó là khi các pháp rối loạn, có thể dùng pháp thủy cam lồ của đức Phật và pháp thiền quán như gió xuân, bệnh của tôi lại chóng lành mạnh. Đa tạ các vị cực nhọc đến đây, hiện tại thân tâm tôi rất an ổn tự tại.

Trời Đế Thích nghe xong rất hoan hỷ, đánh lễ Tôn giả và cùng các thiên nhân trở lại cõi trời. Tu-bồ-đề nhìn theo họ và ngâm:

*Thế Tôn khai thị chúng ta,
Bệnh khổ, pháp Phật mới hay trị lành.
Chẳng cần đợi bệnh lo tu,
Bình thường cốt yếu vẫn tư rồi hành.
Cơ duyên chứng ngộ sẵn dành,
Sám hối nghiệp chướng mới đành an tâm.
Tin lý như quả thậm thâm,
Tích chứa phước huệ để tặng đạo mầu.
Đó là diệu được trong đời,
Trị lành mọi bệnh mọi thời khổ đau.*

12. XƯƠNG MINH LÝ KHÔNG TRÊN HỘI BÁT NHÃ

Tu-bồ-đề huệ KHÔNG sâu dày, chẳng những có thể khám phá những lời khen chê của thế gian, giải thoát mọi ràng buộc của vật chất mà cũng có thể dùng trí Bát nhã và thiền quán để giải trừ bệnh khổ của thân tâm.

Một hôm, trên hội Bát Nhã, đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Tu-bồ-đề! Ông rất có biệt tài, thể hội sâu xa lý chân không. Hôm nay, các vị Bồ-tát nhóm họp nơi đây, ông có thể giải thuyết pháp tương ứng của Bát nhã ba-la-mật cho họ, để giúp cho sở học của các vị ấy thêm đầy đủ, để cùng nhau nỗ lực tinh tấn!

Phật nói như thế, chúng hội tại tòa đều biết pháp môn Bát nhã là pháp môn thâm thâm huyền diệu, mọi người đều khởi nghĩ: “Tôn giả Tu-bồ-đề có thể dùng trí huệ biện tài của mình để tuyên thuyết pháp vi diệu như thế chẳng ? Hay là nương sức oai thần của đức Phật mà nói ra ?”

Tu-bồ-đề biết tâm hội chúng bèn nói:

“Từ mệnh của Thế Tôn không thể cãi lại, chúng đệ tử mỗi khi thuyết giáo, không kể là giáo pháp cạn sâu, như nếu nói được khế lý, khế cơ đều là nhờ oai thần của Phật. Nương sức thần của Ngài mà nói pháp, khuyên người tu học mới là đạt được bản thể của pháp, mới là tương ứng với thật tướng các pháp, mới có thể thông đạt được tâm ý của Thế Tôn.

Hôm nay tôi nương oai thần của Phật, tuyên thuyết về lý tương ứng của Bát nhã ba-la-mật trong sự tu học đạo Bồ-tát, đó chẳng phải là sức trí huệ biện tài của tôi.

Lời nói của Tu-bồ-đề rất khiêm cung, Tôn giả nói xong lại đảnh lễ đức Phật và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử vâng lời dạy của Ngài, nói về pháp tương ứng giữa Bồ-tát và Bát nhã ba-la-mật đa, nhưng có pháp nào tên là Bồ-tát ư ? Pháp nào gọi Bát nhã ba-la-mật ư ? Con chẳng thấy có pháp tên gọi là Bồ-tát, cũng chẳng

thấy có pháp tên Bát nhã ba-la-mật. Trên danh xưng của hai pháp ấy, con cũng chẳng phân biệt. Con dùng nhận thức này mà nói về sự tương ứng giữa Bồ-tát và Bát nhã ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Cung thỉnh Thế Tôn từ bi khai thị trước, con có thể làm đầy đủ sở học cho các Bồ-tát chăng ?

Đức Phật hoan hỷ trả lời:

“Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát chỉ có danh từ Bồ-tát, Bát nhã ba-la-mật cũng chỉ có danh từ Bát nhã ba-la-mật, có danh xưng Bồ-tát và Bát nhã cũng chỉ là danh xưng mà thôi. Điều ấy vốn không sanh chẳng diệt, tuy nhiên để tiện nói bày mới giả lập danh xưng.

Giả danh ấy, không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng không ở khoảng giữa, xưa nay là bất khả đắc. Thí như nói rằng “ngã” cũng chỉ có giả danh, bản thể của ngã xưa nay vốn chẳng sanh diệt. Các pháp hữu vi như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như huyễn hóa, như sóng nắng, như trăng dưới nước. Do đó, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn chứng đắc pháp bất sanh bất diệt, cần phải tu học giả danh và giả pháp của Bồ-tát và Bát nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu học Bát nhã ba-la-mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thường và vô thường, vui và khổ, ngã cùng vô ngã, không với bất không, hữu tướng và vô tướng, hữu vi và vô vi, cấu và tịnh, sanh cùng diệt, thiện với ác, hữu lậu và vô lậu, thế gian cùng với xuất thế gian, luân hồi với Niết-bàn, đều là không thể chấp trước phân biệt, và tất cả pháp khác đều như thế cả.

Này Tu-bồ-đề! Vì sao nói như thế ? Khi Bồ-tát tu học

Bát nhã ba-la-mật, không nên đối với các pháp khởi tưởng phân biệt, nên trụ nơi không, trụ nơi vô phân biệt. Bồ-tát tu sáu pháp ba-la-mật và những hạnh khác không thấy có tên gọi Bồ-tát, cũng không có tên gọi Bát nhã ba-la-mật. Bồ-tát chỉ nên cầu Nhất thiết trí, biết tất cả là thật tướng các pháp, thật tướng ấy cũng chẳng nhớ chẳng sạch.

Nếu như Bồ-tát hay y như thế mà tu tập Bát nhã ba-la-mật, biết danh tướng đều là quyền xảo giả lập, thì đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức và tất cả các pháp khác đều chẳng sanh chấp trước, có trí huệ cũng không chấp trước, có thần thông cũng không chấp trước, đối với tất cả mọi thứ đều không chấp trước, vì sao vậy ? Vì nếu có chấp trước đều là bất khả đắc.

Tu-bồ-đề! Tu Bát nhã ba-la-mật như vậy, đối với tất cả pháp không chấp trước, mới hỗ trợ hoàn thành công tu Bát nhã, mới tấn nhập hành giả vào chánh vị, mới có thể trụ ở địa vị bất thối, đầy đủ thần thông, dạo chơi các cõi Phật, hóa độ lợi lạc chúng sanh, trang nghiêm Phật độ, tự mình an trụ nơi cảnh giới tự tại.

Tu-bồ-đề! Sắc, là Bồ-tát ư ? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát ư ? Nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý là Bồ-tát ư ? Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức là Bồ-tát ư ? Người xa lìa hết thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức là Bồ-tát ư ?”

- Bạch Thế Tôn! Tất cả những thứ kể trên đều chẳng thể gọi là Bồ-tát.

- Tu-bồ-đề! Ông nói những thứ ấy không phải là Bồ-

tát, vì cơ gì ? Có thể nói rõ được chăng ?

- Bạch Thế Tôn! Chúng sanh xưa nay, là chẳng thể biết, chẳng thể được, không kể là thứ pháp gì cho đến Bồ-tát đều là như thế. Nói có pháp ấy, nói không có pháp ấy, và nói xa lìa tất cả pháp tánh ấy, đều chẳng thể gọi là Bồ-tát.

Đức Phật nghe Tu-bồ-đề trả lời, rất vừa ý khen rằng:

- Đúng vậy! Nay Tu-bồ-đề, gọi là Bồ-tát, gọi là Bát nhã ba-la-mật đều là bất khả đắc, Bồ-tát tuy tu tập, mà vốn không tu tập. Tu-bồ-đề! Ta lại hỏi ông: Các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v... là nghĩa Bồ-tát chăng ?

- Bạch Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v... đều chẳng phải là nghĩa Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hiểu sâu rõ ràng, đáp lại như thế. Đức Thế Tôn hoan hỷ lại hứa khả cho Tôn giả:

“Tu-bồ-đề! Ông nói rất đúng! Khi Bồ-tát tu tập trí huệ Bát nhã, sắc, thọ, tưởng, hành, thức các pháp hoặc thường hoặc vô thường, hoặc hữu vi hoặc vô vi v.v... đều là bất khả đắc. Bồ-tát nên dùng tâm như biển rộng trời không để tu tập Bát nhã.

Này Tu-bồ-đề! Ông nói ông không thấy có pháp gọi là Bồ-tát và tên Bồ-tát, pháp cùng với pháp giới, pháp giới cùng với nhân giới, và ý giới v.v... Những pháp tương đối ấy đều đối lập nhau. Vì cơ sao ? Lìa hữu vi nói vô vi cũng không đủ, lìa vô vi, hữu vi cũng không thể thành lập. Tu-bồ-đề! Bồ-tát tu tập Bát nhã như vậy, không thấy một pháp nào, mới có thể không còn sợ hãi, tâm không trụ nơi pháp, mới không hối hận về sau. Như lời ông nói, Bồ-tát như thế mà tu

tập Bát nhã, cũng không được tên gọi Bồ-tát, đó mới thật là Bồ-tát, thật là Bát nhã ba-la-mật đa, đó mới là giáo pháp của Bồ-tát nói ra.”

Trong số ngàn vạn thánh chúng tại hội Bát Nhã, vì các đại Bồ-tát thuyết giáo, đức Phật và tôn giả Tu-bồ-đề một vấn một đáp như thế, vì chân lý "KHÔNG" sâu xa vi diệu ấy, triết học của KHÔNG, chỉ có Tu-bồ-đề mới có thể hiểu sâu, thể chứng và giải rõ. Rốt cuộc, thanh danh Giải Không Đệ Nhất của Tôn giả được tôn kính trong khắp Tăng chúng!

Phật pháp rất cao sâu, rất u huyền, rất rộng lớn, chúng ta muốn thật sự hiểu Phật pháp, nên noi gương Tôn giả Tu-bồ-đề.



CA CHIÊN DIÊN

LUẬN NGHỊ ĐỆ NHẤT

1. THI TÀI DIỄN GIẢNG VỚI ANH

Tại thôn Di Hâu, nước A-bàn-đê (Avanti) miền Nam Ấn, có một gia đình giàu có dòng Bà-la-môn, được dân chúng toàn thôn kính nể.

Hôm nay, tôi giới thiệu tôn giả Ca-chiên-diên, đã xuất sanh từ gia đình ấy. Phụ thân Tôn giả là quốc sư đương thời. Gia đình có nhiều đất đai rộng lớn, kẻ ăn người ở cả trăm, quyền thế, tài phú, là bậc đại nhơn gia đệ nhất của cả nước.

Tôn giả Ca-chiên-diên vốn tên gọi là Na-la-đà, con thứ hai của quốc sư Ca-chiên-diên. Ca-chiên-diên là họ, về sau Tôn giả nổi tiếng nên mọi người dùng họ để thay tên gọi.

Ca ca của Tôn giả cũng là một người thông minh, anh tuấn, hào sảng, ban đầu theo cha xuất gia làm Bà-la-môn, sau đi tham học khắp các nước, trải qua nhiều nơi, bái phỏng nhiều minh sư, cho nên thông đạt rất nhiều thứ học thuật, học rành nhiều tài nghệ. Sau thời gian du học, một hôm chàng trở về cố hương, triệu tập mọi người lại công khai tuyên thuyết chỗ nhận thức của mình về triết lý Vệ Đà tối cao.

Trong khi ấy, Ca-chiên-diên chưa hề bước ra khỏi cửa, biết anh trở về giảng luận Vệ Đà, chàng cũng ra một thông cáo và lập một giảng đài đối diện với giảng đài của anh, đồng thời diễn thuyết triết học Vệ Đà. Chàng trở biện tài vô ngại, thuyết minh rõ những chỗ bí yếu, thu hút hết thính chúng của anh quay về mình. Mọi người nghe xong đều phê bình rần rộ: “Em giỏi hơn anh xa”.

Ông anh vốn tánh háo thắng, bị một phen đả kích, sanh lòng tạt đổ với Ca-chiên-diên. Hai anh em bất hòa, gây gổ ồn ào đến trước phụ thân. Ca ca nộ khí xung thiên, thưa với cha:

- Thưa cha! Xin cha trừng trị em con. Hấn vô phép, vô tặc làm mất mặt con, con đã du học nhiều năm làm sao lại thua hấn ? Vậy mà khi con đang diễn giảng hấn cũng đang đàn đối lập, đoạt hết thính giả của con!

Thiếu niên Ca-chiên-diên điềm nhiên, chậm rãi giải thích:

- Xin cha lượng xét! Học vấn là chuyện công khai, ai cũng có quyền nghiên cứu và diễn giảng. Ca ca đi du học nước ngoài, con ở nhà nghiên cứu, con không có ý tranh hơn với Ca ca. Con chỉ nghĩ rằng: Mấy năm nay nghiên cứu ở nhà, không biết có được thành quả thế nào ? Ca ca đi du học về mà chỉ mang một bụng hơn thua, con ở nhà chỉ thật lòng học hỏi. Xin cha đừng bận tâm, chúng con tự giáo dục chúng con mới phải, mong rằng Ca ca cũng đồng ý với con như vậy.

Phụ thân tuy là quốc sư, nghe hai quý tử bàn cãi cũng không biết phân xử ra sao. Rốt cuộc, ông bàn với phu nhân

đem gởi Ca-chiên-diên đi phương Nam học đạo với tiên A-tư-đà ở núi Tân Đà, gần thành Ưu-thiên-da-ni. Nếu để chàng ở nhà thì ông anh không thể xuất đầu lộ diện.

2. LỜI CHỈ GIÁO CỦA CỬU PHỤ

Tiên A-tư-đà là cậu ruột của Ca-chiên-diên, trưởng huynh của mẫu thân chàng. Ông là vị tiên nhưn bác học, thần thông của Ấn Độ đương thời. Khi đức Thế Tôn đản sanh làm Thái tử, ông đã nhận lời mời của vua Tịnh Phạn, đến nội cung xem tướng Thái tử. Xem tướng xong, ông nói với vua Tịnh Phạn:

- Đại vương! Vị Thái tử hiền minh này tương lai nhất định sẽ xuất gia học đạo, và thành tựu quả Phật. Thật đáng tiếc cho tôi đã già quá rồi, không kịp đợi Ngài thành Phật, tôi đã qua đời. Tuy không thể lãnh thọ giáo lý của Ngài, nhưng tôi sẽ dạy đệ tử tôi theo Ngài học đạo.

Nói xong, ông rơi nước mắt và lui ra.

Từ khi Ca-chiên-diên bị phụ thân gởi đến đây, chàng rất được tiên A-tư-đà yêu mến. Ông đem hết sở học truyền dạy cho đứa cháu thông minh. Ca-chiên-diên cũng không cô phụ lòng hy vọng của cửu phụ, chẳng bao lâu chàng thông đạt cả tứ thiên, ngũ thần thông.

Từ đó, Ca-chiên-diên không còn nhớ nghĩ đến gia đình. Thứ nhất, chàng không muốn bám vào ảnh hưởng của thân phụ, bị thiên hạ cho là con của quốc sư mà cung cung kính kính. Thứ hai, là nghĩ đến ông anh háo thắng của mình, chàng biết không có cách gì ở chung cho nổi. Chàng quyết

định sống riêng thế giới của mình. Cha mẹ sai người đến đón chàng trở về nhà, chàng cũng khéo léo từ chối.

A-tư-đà biết Ca-chiên-diên không bị tình thương gia đình ràng buộc, rất vui. Một hôm, ông bảo Ca-chiên-diên:

- Ca-chiên-diên! Như chí nguyện của con bây giờ, mai sau con sẽ là một nhân vật vĩ đại, nhưng con phải gặp mình sư mới được. Chỗ hiểu biết của ta, hiện tại không đủ cho con cầu học. Đức đại thánh Phật-đà đã xuất thế, con hãy đợi sau khi Ngài thành đạo, mau mau theo học với Ngài.

Ca-chiên-diên nghe lời thầy dạy, bán tén bán nghi. Chàng chỉ tin một điều, đó là lời tiên đoán mai sau chàng sẽ trở thành một nhân vật vĩ đại.

Ngày nọ, A-tư-đà dắt Ca-chiên-diên xuống núi, đến vườn Lộc Dã nước Ba-la-nại, xây cất một ngôi tịnh thất và an trụ luôn ở đó. Tịnh thất hoàn thành, A-tư-đà bảo Ca-chiên-diên mỗi ngày cầu đảo ba lần, cầu cho đức Đại giác Phật-đà mau đến ngày chứng quả. A-tư-đà lại bảo cháu:

- Ca-chiên-diên! Theo ta tính quẻ dự đoán, đức Phật chẳng bao lâu sẽ thành đạo. Sau đó nhất định sẽ đến Lộc Dã Uyển mà quay bánh xe pháp trước nhất. Ta chỉ biết được như thế, còn đức Phật giác ngộ chân lý gì, e rằng ta không có phước để biết điều ấy. Con nên nhớ kỹ điều này, đức Phật thành đạo rồi, con phải mau mau đi tìm Ngài cầu đạo và tu học đó nhé!

Ít lâu sau, A-tư-đà chấm dứt thọ mạng, từ giã cõi đời. Ca-chiên-diên không còn thầy, từ đó phát huy học vấn và tài năng. Cha là quốc sư, cậu ruột là đại tiên A-tư-đà, tuy Ca-

chiên-diên không hề nghĩ tới điều này nhưng quần chúng trọng vọng nhà học giả không để đầu cho hết. Đáng tiếc, Ca-chiên-diên bị chìm trong danh văn lợi dưỡng, quên đi di ngôn của cậu là phải đi cầu đạo với đức Phật.

3. BÀI KỆ THÂN BÍ

Ca-chiên-diên tự cho mình đã đắc đạo, xứng đáng cho người đời cúng dường, đầu cần mong đợi đức Phật xuất thế làm gì. Do đó, vị thầy thân thiết qua đời không lâu, ông chẳng còn cầu đảo để sớm gặp Phật-đà.

Thời gian sau, tại miền đất hoang gần thành Ba-la-nại, người ta đào bới được nhiều di tích của một cổ thành mấy ngàn năm trước. Trong ấy có một tấm bia đá trên mặt khắc một lối chữ mà chẳng ai biết là thứ chữ gì. Dường như đó là một bài kệ, nhưng không ai đọc ra. Thiên hạ đồn rằng: Ai mà đọc được tấm bia đá đó, chắc chắn vị đó là một bậc đại giác mới hiểu được như vậy.

Một hôm, quốc vương Ba-la-nại bảo các đại thần:

- Nước chúng ta được một số bảo vật lưu truyền từ cổ đại, trong đó có tấm bia đá ghi kệ văn, các người phải mau mau tìm hiểu cho ra. Nếu không, các nước lân cận sẽ cười nước chúng ta không có người trí. Nội trong bảy hôm, nếu như không ai hiểu được bài kệ ấy, ta sẽ cách chức các khanh.

Mệnh lệnh của nhà vua tuy thật nghiêm khắc, nhưng các đại thần từ xưa đến giờ chưa từng thấy thứ chữ này, đều lấm lét nhìn nhau chẳng biết phải làm gì. Sau cùng, các quan dâng kiến nghị lên nhà vua, xin treo bảng thông báo cho toàn

quốc, ai đọc được bài kệ trên bia cũ sẽ được trọng thưởng mỹ nữ và tài vật châu báu.

Yết thị của nhà vua nêu ra, tin tức bay đến tai Ca-chiên-diên. Thầy lập tức nhớ đến cậu A-tư-đà đã từng dạy cho mình các thứ chữ trên mọi quốc gia, và những thứ chữ của chư Thiên mình cũng được học rất nhiều. Cho nên thầy rất mực tự tin ra gỡ bảng.

Quả thật, Ca-chiên-diên đọc được toàn bộ bài kệ. Thầy nói đó là thứ văn tự của Phạm Thiên, người không có thần thông chẳng thể nào thấu rõ được. Thầy bèn phiên dịch bài kệ ra cho quốc vương nghe, ý tứ như thế này:

Ai là vua trong các vị vua ?

Ai là thánh trong các bậc thánh ?

Thế nào là người ngu ?

Thế nào là bậc trí ?

Làm sao để lia cấu ướ ?

Làm sao để đạt được Niết-bàn ?

Ai là kẻ chìm trong biển sanh tử ?

Ai là người tiêu diêu nơi cõi nước giải thoát ?

Lâu nay, mọi người đọc không ra bài kệ thần bí, Ca-chiên-diên đã vén tấm màn bí mật lên, và toàn quốc đều truyền tụng rất nhanh chóng. Tuy ai nấy đều biết đọc suông như thế, nhưng chẳng người nào hiểu được ý chỉ của bài kệ ra sao, ngay cả Ca-chiên-diên cũng không giải đáp được.

Bài văn trên thạch bia ấy, mỗi câu là một nghi vấn trừu tượng, nếu đem các học thuyết đương thời để giải đáp cũng chỉ được phần nào, còn muốn thấu đáo toàn bộ vấn đề thiệt

là không có lời đáp. Nhà vua tuy công nhận sức bác học của Ca-chiên-diên, thông hiểu cả văn tự Phạm Thiên, nhưng thầy không giải thích được nghi vấn của bài kệ, đã lưu lại một dấu hỏi lớn. Nhà vua lại ra lệnh treo giải thưởng, yêu cầu học giả trong thiên hạ đến khai thông vấn đề.

Ca-chiên-diên không chịu thua, thầy bèn hứa với nhà vua nội trong bảy ngày nhất định sẽ trở lại giải đáp ý chỉ này.

4. THỈNH GIÁO ĐỨC PHẬT

Ca-chiên-diên đã hứa chắc với nhà vua, trở về khảo cứu triệt để, thiệt là cái ý chỉ của bài kệ chẳng thể dùng trí tưởng mà truy tầm cho được. Phen này chỉ có một bậc đại giác ngộ mới có thể giải đáp được thôi.

Đến lúc không còn biện pháp gì nữa, Ca-chiên-diên phải đi cầu cứu người khác. Ban đầu thầy đến chỗ Phú-lan-na Ca-diếp thỉnh giáo, sau đó lại tìm đến từng người trong nhóm lục sư ngoại đạo học hỏi, mà ý kiến của họ chỉ rất thô thiển, cũng giống như Ca-chiên-diên một thứ, chẳng phải là ý nghĩa đích thực của kệ văn.

Cùng đường hết lối, Ca-chiên-diên mới nghĩ đến Phật-đà. Nghĩ đến Phật, thầy lại càng không muốn đi thỉnh giáo. Thầy nghĩ: “Bài kệ này, văn tự cõi trời, các lão Bà-la-môn trưởng thượng, uy quyền một cõi mà còn không biết, Cù-đàm tuổi còn trẻ làm sao mà biết được ?” Sau cùng, nhớ đến lời cậu trước khi tạ thế, đã hai ba phen định ninh căn dặn, sau khi Phật thành đạo, nhất định mình phải đi tìm Ngài tu tập.

Nhưng Cù-đàm tuổi tác không bao lâu, làm sao thành tựu được công hạnh Phật-đà viên mãn ư ? Sau rốt thầy mới đã thông tư tưởng, ngộ đạo không thể căn cứ trên tuổi tác lớn nhỏ mà quyết định, và nhắm hướng Lộc Dã Uyển đi tới.

Từ xưa đến nay, quả thật người có thể giải đáp bài kệ ấy chỉ có Phật. Chẳng kể văn kệ trên tấm bia là thật hay không thật, nhưng nó ám chỉ một ý nghĩa sâu xa. Đức Thế Tôn nhiều năm nỗ lực tu hành, mục đích là để khai thông vấn đề đó. Sự chứng ngộ của Ngài là một giải đáp hết sức sống động cho câu hỏi đã nêu.

Ca-chiên-diên bá kiến đức Phật, mới biết lời nói của cữu phụ không sai. Thầy chưa biết được trí huệ của Phật như đại hải, chỉ mới thấy tướng hảo trang nghiêm của Ngài, đã khởi lòng cung kính vô biên.

Ca-chiên-diên chấp tay, tụng qua bài kệ một lượt, cầu mong đức Phật giải đáp cho.

Đức Thế Tôn chẳng cần suy nghĩ, như đại chung vừa chạm nhẹ đã vang tiếng, Ngài dùng kệ đáp lại rằng:

*Vua trong các vua là vua cõi trời thứ sáu.
Thánh trong các thánh là đức Phật đại giác.
Bị vô minh nhiễm ô gọi là kẻ ngu
Hay diệt hết các phiền não là bậc trí.
Tu đạo, trừ tham, sân, si tức là lìa cấu uế.
Hoàn thành giới định huệ tức chứng Niết-bàn.
Người chấp trước nơi ngã pháp chìm trong biển
sanh tử
Người chứng được pháp tánh duyên khởi dạo chơi
trong cõi giải thoát.*

Ca-chiên-diên rất thông minh, nghe Phật đáp xong, mỗi câu mỗi lời đều thâm nhập vào tạng phủ, mỗi nghi ngờ ám ảnh trong tâm đều được ánh sáng trí huệ dẹp tan. Thầy vui mừng lặng đi giây lâu không nói nên lời, sau cùng mới tung lại bài kệ của Phật và hướng về phía Ngài đảnh lễ. Mỗi cảm kích của Ca-chiên-diên chẳng lạ gì, vì vừa nghe lời đức Phật thầy liền khai ngộ, theo đó mà thông hiểu chân lý.

Đức Phật rất ưa thích ông thầy Bà-la-môn này, Ngài khen Ca-chiên-diên thiện căn sâu dày, và lại dạy đạo lý cho một phen nữa. Ca-chiên-diên lễ tạ xong, liền đem bài kệ đáp của Đức Phật trở về thuật cho nhà vua nghe. Sau đó tuyên bố với các tín đồ của mình rằng từ nay thầy sẽ quy y đức Phật, làm đệ tử bậc đại Thánh.

5. KHUYÊN NIỆM TAM BẢO

Ca-chiên-diên thiên tư thông tuệ, rốt cuộc bị trí huệ cao siêu và nhân cách vĩ đại của đức Phật cảm hóa, trở thành một đệ tử được khai ngộ và chứng quả trong Tăng đoàn. Ca-chiên-diên rất vui mừng, chẳng những tự mình từ đây được cứu độ, mà còn làm toại nguyện ngày xưa của cậu mình là A-tư-đà.

Tôn giả Ca-chiên-diên vốn là một nhân vật phi phàm, hướng chi hiện nay đã theo Phật xuất gia chứng quả A-la-hán. Tôn giả thông đạt rất nhiều kinh luận ngoại đạo, lại có rất nhiều bằng hữu ngoại đạo, tôn giả phát nguyện trước nhất sẽ cảm hóa những bạn tu còn ngơ ngẩn trên đường mê nẻo tà, mỗi mỗi đưa về quy y Phật, để lãnh thọ giáo lý của Thế Tôn.

Do đó, Ca-chiên-diên ở trong Tăng đoàn không những nhiệt tâm phục vụ và tu hành, mà đối với bên ngoài lại cũng nhiệt tâm hoằng pháp, tuyên dương giáo lý. Người hay hoằng đạo chẳng phải đạo hoằng người, chân lý của đức Phật, được sức phát động của tôn giả Ca-chiên-diên, đã dễ dàng phổ cập trong xã hội, đi sâu vào lòng người thì cũng là việc hiển nhiên.

Chân lý cứu đời của đức Phật vốn thường hằng xưa nay không biến đổi, dù trải qua ngàn vạn kiếp cũng trường tồn như mới, Ca-chiên-diên càng tuyên dương càng tăng thêm tín tâm. Tôn giả nhận thấy mình là sứ giả của đức Phật thiệt là một vinh hạnh lớn. Lòng tin và sự nhiệt thành của tôn giả khiến đại danh Ca-chiên-diên như hương thơm bay xa, ai ai cũng biết tên tôn giả.

Một hôm, Phật trở về Ca-tỳ-la hóa đạo. Ca-chiên-diên cũng theo Phật, ngụ tại tinh xá trong thôn Ha-lợi, và tất cả những gia đình trong thôn này đều lớn, đều nhỏ đều lưu dấu vết giáo hóa của tôn giả. Ngày nọ, trưởng giả Bát Thành bị bệnh, tôn giả bèn đến thăm và đặc biệt thuyết pháp cho ông nghe để giải trừ bệnh khổ.

Ca-chiên-diên bước vào nhà trưởng giả, thấy ông còn nằm bệnh trên giường, bèn đến bên thăm hỏi:

- Nay trưởng giả! Nghe tin ông có chút bệnh, tôi vâng lời Đức Phật, đến đây an ủi ông. Ông có chạy chữa thầy thuốc gì không ?

- Kính tạ ân đức Phật và Tôn giả, bệnh của con không còn hy vọng, bao nhiêu thầy đều nói con mang bệnh bất trị –

Trưởng giả Bát Thành rất thương cảm mà nói.

- Ông hãy xưng niệm Tam bảo, để nương nhờ oai đức Tam bảo khiến tâm ông được thanh tịnh, bệnh tình cũng thuyên giảm đi.

- Bạch tôn giả! Chúng con quy y Tam bảo là mong ủng hộ Tam bảo, tịnh hóa nhân gian. Chúng con đã hiến dâng tất cả tài vật của chính mình, thì không nên trở lại cầu mong nơi Tam bảo.

- Thật ra là như vậy, thế gian vô thường không thể cầu xin Tam bảo cho được thường trụ, thân thể bệnh hoạn không thể cầu Tam bảo cho mạnh luôn. Tín ngưỡng là hy sinh cá nhân nhỏ hẹp để thành tựu đại ngã. Đàn việt có chút ít bệnh khổ, chúng tôi có thể đến thuyết pháp không cần phiên đến Phật, Pháp, Tăng. Nhưng nếu sức người không có cách giải cứu, thành tâm cầu nguyện Tam bảo, thì từ quang phổ chiếu, ông làm như vậy chẳng có lỗi chi.

Bát Thành nghe tôn giả nói, mỗi ngày đều một lòng nhất tâm xưng niệm Tam bảo, căn bệnh bất trị của ông dần dần thuyên giảm.

Điều đó, tuy Phật pháp rộng lớn vô biên, nhưng cũng là do Ca-chiên-diên lưu tâm đến người bệnh, dùng nước cam lồ từ bi của Phật pháp trị liệu cho nỗi khổ của chúng sanh.

6. TUYÊN NÓI PHÁP BÌNH ĐẲNG

Ca-chiên-diên có khi tu học bên đức Phật, có khi một mình đi vân du giáo hóa các nơi. Phương pháp giáo hóa của Ca-chiên-diên và Phú-lâu-na có chỗ bất đồng. Khi Phú-lâu-

na thuyết pháp thường là tập hợp ngàn vạn thánh chúng đến nghe, còn tôn giả Ca-chiên-diên thì thích thuyết pháp riêng từng người.

Từng người, từng người một, đối diện mà giảng dạy, đó là lối thuyết pháp thân thiết nhất, khiến chân lý dễ dàng thâm nhập trong tâm người nghe. Quả thật chẳng lầm, không kể là ai ai, chỉ cần nghe Ca-chiên-diên nói vài câu liền có ấn tượng đẹp và niềm tin nơi lời nói của Tôn giả.

Một hôm, Phật trụ tại tinh xá Kỳ Viên, Ca-chiên-diên thì ba y một bát độc hành băng rừng núi, qua những cánh đồng mênh mông, đến nước Ma-thâu-la (Mathura) ở phía Tây, giáo hóa.

Tôn giả đến Ma-thâu-la, trước tiên xem xét dân tình, phong tục địa phương, lễ lối sinh hoạt tập quán của nước này xong xuôi mới vào thành bái kiến quốc vương.

Vua Ma-thâu-la một phen thấy Ca-chiên-diên bèn hỏi:

- Tôn giả! Tôi nghe nói Ngài vốn dòng dõi Bà-la-môn, đó là một chủng tộc cao quý nhất, còn Phật-đà dòng Sát-đế-lợi, mà nay Ngài trở lại quy y với ông ta, làm đệ tử ông ta, thiệt là chẳng ép uống lắm sao ?

- Đại vương! Chuyện đó chẳng những không ép uống gì hết, mà trái lại, tôi cảm thấy rất hân hạnh được làm đệ tử bậc đại thánh Phật-đà.

- Là thật! Từ bỏ dòng dõi thanh tịnh sanh từ miệng Phạm Thiên để làm đệ tử một người dòng Sát-đế-lợi, thiệt là chẳng ai hiểu nổi.

Nhà vua này ngoan cố và thủ cựu, chấp vào thành kiến

u mê, chấp ngã đầy bụng chẳng thèm nghe lời của Tôn giả chút nào.

Tôn giả chẳng hề giận, ôn hòa giải thích cho nhà vua nghe:

- Nay đại vương! Ngày xưa tôi là Bà-la-môn tôi cũng nghĩ như đại vương. Nhưng sau khi nghe Phật-đà giáo thị, tôi mới biết đó là nhận thức sai lầm. Trong xã hội chia ra giai cấp Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xà, Thủ-đà-la các chủng tộc không đồng. Còn trên nghề nghiệp thì có tôn giáo, chánh trị, thương nghiệp, nông công phân loại. Điều ấy không sai, nhưng do đó mà chia cách ra, giải thích về dòng dõi có hơn kém, thiệt là phi pháp. Người trong dòng dõi nào cũng có thiện có ác. Hiện tại trong chủng tộc Bà-la-môn nhiều người làm những điều ác như sát sanh, tà dâm, tà kiến, lại nói rằng là người tôn quý ư? Người tôn quý hay hạ tiện không phải do dòng họ, người tu đạo làm lành, giác ngộ chứng quả, thì chẳng kể thuộc chủng tộc nào đều là bậc tôn quý, là bậc nhất, là thanh tịnh cả.

Dưới lời thuyết giáo ấy, vua Ma-thâu-la chợt giác ngộ, nhà vua tự nói:

- À! Thì ra đó là lỗi của ta. Trong đất nước này, nhà tù chỉ nhất toàn chủng tộc Thủ-đà-la, còn Bà-la-môn phạm pháp thì không sao cả. Hèn gì, xã hội hỗn loạn, nhân dân ta thán bất bình.

Ca-chiên-diên biết nhà vua thấy được chỗ sai lầm, thật tâm hối lỗi, bèn nói tiếp:

- Đại vương! Đại vương cần tín phụng chánh pháp. Đức

Phật đại giác ngộ là bậc tối tôn tối quý trong loài người. Chúng ta quy y Phật làm đệ tử, tìm sự giải thoát tự do cho sinh mệnh, đó thật là hạnh phúc và vinh dự lắm!

Vua Ma-thâu-la được tiếp thọ Phật pháp bình đẳng, bèn yêu cầu Tôn giả giới thiệu để quy y Phật.

Nhà vua ra lệnh đại xá, thả hết những tù nhân dòng Thủ-đà-la, chỉnh đốn lại chánh trị, không còn nể mạnh hiếp yếu, bỏ luôn luật pháp bất công, không phân biệt giai cấp, giữa người và người đều chịu một quốc pháp như nhau. Từ đó toàn cả nước vui mừng, nhân dân lạc nghiệp. Ai nấy đều cảm kích sự giáo hóa của tôn giả Ca-chiên-diên, cảm kích Phật pháp từ bi, bình đẳng.

7. LUẬN VỀ TƯ CÁCH BẬC TRƯỞNG THƯỢNG

Ca-chiên-diên theo đức Phật, tuyên bố chủ trương “Bình đẳng giữa bốn chủng tộc”. Điều ấy khiến nhiều Bà-la-môn không chịu được. Hễ gặp cơ hội họ liền tìm Ca-chiên-diên chất vấn, họ nghĩ rằng “Không triệt hạ Ca-chiên-diên thì các Bà-la-môn từ nay không cất đầu lên nổi”.

Tôn giả Ca-chiên-diên rất giỏi biện luận, không kể người đó là Bà-la-môn quyền uy đến đâu, khi gặp mặt, Tôn giả chỉ dùng vài lời ngắn gọn, không nói dài dòng lời thôi, đều khiến kẻ vấn nạn phải vui vẻ khâm phục.

Một hôm, Tôn giả ở trong nước Ba-la-nại, cùng với các Tỳ-kheo đồng học thọ thực trong trai đường, tình xá nằm bên ao Ô-nê. Có một Bà-la-môn, niên kỷ thuộc hàng trưởng

thượng, biết Tôn giả đang ở đây liền đến khiêu chiến. Lão Bà-la-môn chống gậy, làm thỉnh đứng bên cạnh Ca-chiên-diên, ý ông ta tưởng rằng: Ca-chiên-diên thấy mình đến chắc sẽ đứng dậy nhường chỗ ngồi. Nào dè ngoài ý dự đoán của lão Ca-chiên-diên chẳng thềm nhìn đến ông, Bà-la-môn đợi hồi lâu bèn nổi giận, lớn tiếng trách:

- Các người là giống gì ? Đối với người già cả như ta tại sao không đứng dậy nhường ghế ngồi hử?

Các Tỳ-kheo một phen thất kinh, lấm vị đứng lên định nhường chỗ cho Bà-la-môn ngồi. Chỉ có Ca-chiên-diên chẳng nao núng chút nào, nói với Bà-la-môn nọ:

- Ông là người nào mà đến đây lớn tiếng âm ỉ ? Chúng ta có phép cung kính của chúng ta, nhưng mà ở đây không có ai là trưởng thượng và tiền bối.

Lão đạo sĩ Bà-la-môn nổi giận, quơ gậy chỉ vào cái đầu bạc của mình, nộ khí xung thiên la lên:

- Già cả như lão đây không phải là trưởng thượng hử ? Không đáng cho người cung kính hử ?

- Ông ấy à ? Ông không đáng gọi là già lão, cũng không đáng thọ sự cung kính của chúng tôi! –Ca-chiên-diên nói một cách khi dễ.

- Tại sao người khi người quá vậy ?

Lão Bà-la-môn nổi giận lôi đình, lẩy gậy chỉ chỗ Ca-chiên-diên. Đối lại, Ca-chiên-diên rất điềm tĩnh, từ tốn nói:

- Tôi thấy cử chỉ và lời nói của ông thô tháo như thế, tôi mới nói ông không đáng gọi là người lớn, không đáng cho người ta kính trọng. Đừng kể là Bà-la-môn, dầu cho tám,

chín chục tuổi, tóc bạc răng rụng mà không chân chánh tu đạo, đắm chìm trong trần sắc, không bỏ được phiền não, tham sân tật đố, người đó chỉ đáng gọi là thiếu niên. Như các người tuổi trẻ hai mươi quanh đây, da dẻ còn tươi nhuận, đầu tóc đen nhánh, nhưng họ đã thoát khỏi sự trói buộc của ái dục, không còn tham cầu nơi thế gian, không có chút xíu ý niệm bất bình sân hận. Được như vậy, chúng ta mới gọi người đó là bậc trưởng thượng, là bậc lão túc, đáng được tất cả chúng ta cung kính.

Lão Bà-la-môn nghe nói xong, chẳng biết trả lời lại thế nào, làm thinh đi ra.

8. CÓ ĐẠO ĐỨC KHÔNG PHẢI Ở TUỔI TÁC

Thuyết phục một Bà-la-môn râu bạc, từ đó chẳng được an ổn vô sự gì, danh tiếng Ca-chiên-diên càng to, các giáo đồ Bà-la-môn càng không thể tha thứ Tôn giả.

Lại có một Bà-la-môn khác, rất giỏi biện luận, nghe nói Ca-chiên-diên đối với Bà-la-môn lão niên của họ chẳng những không cung kính mà còn bắt bẻ lại khiến phải ngậm miệng chẳng nói được gì, ông Bà-la-môn này rất tức giận, từ xứ Câu-thi-ni-la ở phía Bắc xa xôi hỏi thăm tìm đến chỗ của Ca-chiên-diên tại thành Ba-la-nại, vừa chạm mặt ông ta đã kêu đích danh Ca-chiên-diên mà hỏi:

- Ca-chiên-diên! Tôi nghe người ta nói, Ca-chiên-diên là gốc Bà-la-môn, nay cải giáo làm Sa-môn, có phải vậy chăng ?

- Đúng vậy, ông xem tôi đang đắp ca-sa đây.

- Người phản bội tín ngưỡng của mình, lỗi nhiều ít ?

- Từ cái tín ngưỡng tà chấp nọ kia đi theo đạo lý quang minh chánh tín này, không có lỗi gì cả! – Ca-chiên-diên trả lời rất đanh thép.

- Ông chẳng phải là hạng người vô danh tiểu tốt, ông đã từng nghiên cứu tinh thâm pháp điển Mã Nổ của Bà-la-môn chúng ta, ông cải giáo theo Phật, chuyện đó chưa thể bỏ qua, mà còn nghe đồn ông hay giảng thuyết Phật pháp cho các Bà-la-môn để rủ rê họ theo mình, hành động ấy thật là vô lễ.

- Người đã đi qua, chỉ lại cho bạn đồng hành những chỗ lằm lạc của đoạn đường cũ, đó là lời dạy từ bi của đức Phật.

Được kể là hạng người ăn nói, mà gặp phải Ca-chiên-diên, ông Bà-la-môn này cũng chẳng làm gì được. Nhưng ông ta chưa chịu thua, nhớ đến mục đích của mình đến đây, bèn hỏi lại:

- Ca-chiên-diên! Tôi lại hỏi ông điều này. Nghe nói Ca-chiên-diên làm Sa-môn Tỳ-kheo đã không cung kính Bà-la-môn lão túc, không đứng dậy tiếp đón cũng không mời ngồi. Nếu quả như vậy, nếu ông tự cho là Tỳ-kheo, cũng không được vô lễ như vậy.

Ca-chiên-diên thẳng thắn, chậm rãi đáp:

- Câu hỏi của ông, sự thật là thế. Ca-chiên-diên tôi từ khi quy y với bậc Chánh biến tri Phật-đà, quả thật không cung kính phụng sự các lão túc Bà-la-môn, điều đó cũng hợp lý thôi, **vì tôi đã chứng thánh quả**. Ông đừng đem tuổi tác già trẻ mà đến đây chất vấn, lễ và pháp không thể lộn xộn được.

Bà-la-môn nghe lời biện luận khéo léo của Ca-chiên-diên, rốt cuộc thấy hổ thẹn không nói thêm lời nào. Về sau bỏ tà chấp, yêu cầu tôn giả giới thiệu để làm đệ tử Phật.

Tôn giả thật đáng kính trọng vậy!

9. GIẢI ĐÁP NGUYÊN NHÂN TRANH CÃI

Chân lý nếu không biện biệt thì không sáng tỏ được. Trong Tăng đoàn có một vị như Ca-chiên-diên, khiến bao nhiêu người vẫn nạn đều có phần kiêng nể.

Một hôm, Ca-chiên-diên đang ôm bát khát thực trên đường, gặp một đạo sĩ Bà-la-môn đi ngược chiều, ông ta mời Ca-chiên-diên đứng lại và hỏi:

- Tôn giả! Hôm nay gặp Ngài ở đây thật là may mắn. Tôi có một vấn đề muốn thỉnh giáo, mong Ngài lấy tư cách khách quan để giải nghi dùm tôi.

- Chẳng có chi, ông nghi hoặc điều gì ?

- Tôn giả! Tôi thấy trên thế gian, Sát-đế-lợi tranh đấu với Sát-đế-lợi, Bà-la-môn tranh với Bà-la-môn, vì lý do gì mà họ tranh đấu mãi như vậy ?

Ca-chiên-diên đáp:

- Vì tham dục mê hoặc.

- Thưa tôn giả! Vậy chớ Tỳ-kheo các Ngài tranh cãi nhau lại là lý do nào ?

- Do ngã kiến và pháp chấp.

Đạo sĩ Bà-la-môn nhắm mắt lại, đưa tay vào đầu dường như cố sức suy nghĩ về lời đáp của Tôn giả. Thái độ của ông

ta có phần kỳ quặc khiến dân chúng hai bên đường chú ý. Xưa nay, thầy Tỳ-kheo nói chuyện với đạo sĩ Bà-la-môn ở giữa đường đã là chuyện lạ, huống gì Bà-la-môn này lại có thái độ như thế.

Một vị Tỳ-kheo đắp y vàng, trang nghiêm tề chỉnh đứng đấy, cùng một đạo sĩ Bà-la-môn khỏ hạnh râu tóc phủ khắp mình, lại đứng nhắm mắt vò đầu lia lịa, bốn phía quần chúng chú mục vào hai người như sắp sửa xem một vở tuồng vui nhộn.

Đạo sĩ Bà-la-môn suy nghĩ một chặp, mở mắt ra lại hỏi:

- Tôn giả! Ngài đáp rất công bình hợp lý, song tôi nghĩ rằng trên thế gian này có nhân vật nào ly khai được tham dục, ngã kiến và pháp chấp không?

Ca-chiên-diên chẳng chút do dự đáp ngay:

- Có lão sư của tôi là đức Phật, hiện đang thuyết pháp tại thành Xá-vệ. Ngài là bậc Ứng cúng, Chánh biến tri, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài không còn phiền não tham dục, ngã kiến, pháp chấp, là bậc đạo sư của ba cõi, là mô phạm của nhân thiên.

Đạo sĩ Bà-la-môn rất cảm kích đối với lời thuyết pháp của Ca-chiên-diên, ông ta liền yêu cầu Tôn giả giới thiệu cho ông ta quy y Phật, làm một đệ tử cư sĩ.

Quần chúng bên đường mục kích cảnh Tôn giả thuyết phục đạo sĩ đều hoan nghênh. Nhiều người quỳ tại chỗ đánh lễ Tôn giả như chúc mừng thắng lợi! Tuy vậy, Tôn giả chẳng lộ vẻ tự đắc, Ngài khiêm tốn đáp lễ lại mọi người, và cùng

Bà-la-môn (nay đổi thành cư sĩ tục gia) cáo biệt, thản nhiên tiếp tục con đường khổ thực của mình.

10. RĂN DẠY BỌN THIẾU NIÊN VÔ LỄ

Ca-chiên-diên xuất thân từ Bà-la-môn và qua lại biện luận với Bà-la-môn rất nhiều. Thấy đều do Tôn giả là một nhân vật cao cấp, có danh vọng và địa vị trong giáo phái Bà-la-môn, một phen cải giáo quy y Phật. Điều ấy làm chấn động cả một tín ngưỡng thần quyền.

Các giáo sĩ Bà-la-môn công kích vấn nạn Ca-chiên-diên rất nhiều, nhưng số Bà-la-môn duy trì tình bằng hữu với Tôn giả, tự giác tín ngưỡng cần để tự do cũng không phải ít.

Một phen nọ, Ca-chiên-diên hành hóa tại cố hương A-bàn-đề (Avanti) thôn Di-hầu. Trong thôn có một Bà-la-môn tên Lỗ-ê-già, ông ta đối với Tôn giả rất cung kính tôn trọng.

Một hôm, đám thiếu niên con em của Bà-la-môn Lỗ-ê-già lên núi chặt củi, bọn chúng đi ngang một hang đá thấy Ca-chiên-diên đang tĩnh tọa bên trong, chúng liền kêu réo nhau ồn ào, đem Tôn giả làm trò đùa với nhau.

- Ê! Lại đây! Mà lại đây coi Sa-môn đầu trọc ở đây nè!

- Nhìn làm quái gì ? Lão trọc ấy chẳng có thú vị gì cả!

Đám đệ tử của Lỗ-ê-già nhao nhao mỗi người một câu rần rộ ngoài cửa động, trong bọn này có một tên can gián:

- Úy! Các bạn đừng chế nhạo người ấy, ổng là người thầy mình tôn kính lắm đó.

Tuy vậy, bọn thiếu niên bướng bỉnh vẫn cười đùa, chế nhạo âm ỉ, thậm chí còn lấy đá chọi vào hang.

Ca-chiên-diên đang tỉnh tọa phải đứng dậy bước ra ngoài, răn dạy bọn chúng một phen:

- Này các chú! Lúc trước các Bà-la-môn tu hành đàng hoàng, cấm tuyệt ngũ dục. Bây giờ thì Bà-la-môn cưới vợ đẻ con, giống như người thế tục. Các chú xem hành vi của các chú chẳng khác bọn trẻ nít hoang đàng vô lễ, bộ thầy các chú dạy như vậy đó hả ?

Thái độ của Ca-chiên-diên oai nghi như sư tử làm bọn thiếu niên nép một bên chẳng dám hó hé, nhưng trong bụng rất căm tức. Lúc về nhà, bọn chúng liền mách lại với Lỗ-ê-già, nói Ca-chiên-diên đã mắng chửi Bà-la-môn thế nọ, thế kia.

Lỗ-ê-già nghe xong, nổi giận nói rằng:

- Ta đối với Ca-chiên-diên rất tôn kính mà ông ấy trở lại mắng nhiếc chúng ta, ta phải đi tìm ông ấy hỏi cho ra lẽ!

Lỗ-ê-già sát khí đằng đằng tức tốc chạy đến thạch động của Tôn giả, phen này không làm lớn chuyện không xong. Nhưng khi gặp Ca-chiên-diên nghiêm trang, ôn hòa thuật lại những lời của bọn trẻ và lời nói của mình cho ông ta nghe. Lỗ-ê-già cảm thấy xấu hổ, cúi đầu chẳng nói lời nào.

Ca-chiên-diên thừa cơ hội nói tiếp:

- Này bạn Lỗ-ê-già! Ông nghe tôi nói đây, tín ngưỡng và sự tu tập của chúng ta là cốt giải thoát sanh tử, đạt được sinh mệnh tự do. Trăm ngàn lần không thể đem tín ngưỡng và việc tu biến thành một thứ nghề làm ăn. Hiện nay, trong

số các đạo sĩ Bà-la-môn, làm lễ cúng tế cho người đời, dường như là có ý kinh doanh, lừa gia đình để làm Bà-la-môn tu đạo có được mấy người chân chánh ? Phần lớn toàn là vì danh văn lợi dưỡng, tự mình làm ra vẻ chí thành mà thật là hư dối. Đã không được cứu độ mà mang chiêu bài tôn giáo để thỏa mãn dục vọng của riêng mình, thiệt là chuyện đáng buồn!

Các Bà-la-môn thời nay đều là ngoài tâm cầu pháp, nếu không cầu phước báo nhân thiên thì cũng đem hiện tượng trong vũ trụ ra mà giải thích tới lui, có mấy người nhận thức được chính mình ? Thầy của tôi là đức Phật, là vị cứu tinh cho các nhà tu đạo đang lẩn quẩn trên đường tôn giáo. Ông là hảo hữu của tôi, mong rằng ông sẽ bỏ mọi điều tà chấp, đừng ham làm thầy thiên hạ, đem tâm tình bao la đồng theo đức Phật mà học tập với tôi đi!

Lỗ-ê-già nghe xong, lộ vẻ thẹn mà nói:

- Tôn giả! Ngài nói rất đúng. Giờ đây tôi sẽ nhất nhất làm y theo lời chỉ giáo của ngài.

Thiệt là tợ như vác cây đại đao muốn đâm người, mà chẳng đâm trúng Ca-chiên-diên, trở lại bị Tôn giả dùng lời lẽ sắc bén bẻ gãy, Lỗ-ê-già chỉ còn cách buông hết các thứ võ trang vọng tà chấp, đầu hàng Ca-chiên-diên – Luận nghị đệ nhất.

11. THUYẾT MINH LÝ VÔ THƯỜNG

Ca-chiên-diên biện tài vô ngại, nghị luận già dặn không ai sánh kịp, trong Tăng đoàn cũng như ngoài xã hội, danh cao vòi vọi không ai không biết.

Đức Phật rất thích các đệ tử lỗi lạc, chỉ cần có chút khả năng cũng được nêu lên tán dương. Ca-chiên-diên là một thánh đệ tử phi thường, đức Phật mỗi khi nhìn thấy hoặc nghe nói đến tên tôn giả đều rất hài lòng. Cho nên một hôm Ngài đến giáo hóa nước A-bàn-đề, bèn bảo Tôn giả thay Ngài giảng nói đạo lý vô thường cho tứ chúng.

Ca-chiên-diên đánh lễ đức Phật trước sau mới nói:

“Các vị đại thiện tri thức! Tất cả mọi sự tụ hội đều có lúc ly tán, có sanh ắt có tử, có thành thì có hoại, các pháp hữu vi trên thế gian dù cho sơn hà đại địa, sum la vạn tượng cũng không thoát khỏi pháp tắc vô thường!

Các vị hãy nhìn xem, mùa xuân trăm hoa đua nở, một trận gió thu thổi tới liền biến thành cảnh tượng lá vàng rơi lả tả, vốn là tuổi trẻ mặt đẹp sắc hồng, trải qua năm tháng liền thành da nhăn tóc bạc, già nua lụm cùm.

Làm người nếu quả như không thoát khỏi sự vô thường thì cái sinh mệnh ngắn ngủi này thiệt là cô độc và bi ai lắm. Như giọt sương đọng trên cành, vừa lúc mặt trời lên chiếu rọi muôn ngàn tia sáng, nó đã tan biến theo bóng đêm.

Quyến thuộc, ân ái mà đến lúc già chết cũng không ai thay thế được. Con cháu hiếu thuận, trong lúc ông bà xuôi tay nhắm mắt cũng chỉ biết vây quanh người mà khóc kể, khóc đến mấy cũng không níu được vô thường, cũng không làm ông bà sống lại.

Kim ngân tài bảo cũng chẳng nương cậy được vững bền. Qua một cơn thiên tai, hỏa hoạn liền mất hết giá trị.

Danh vọng quyền thế cũng không thật, trên thế gian có vương hầu nào không từng bị lật đổ?

Không rõ lý vô thường sẽ bị màu sắc rối ren của thế gian lừa đảo. Kìa là thiên nhiên núi xanh sông biếc, kìa là loài người sức khỏe tráng kiện, đây xã hội, đèn hồng rượu lục, mấy thứ ấy mới nhìn qua thật thú vị vô cùng, mà cũng thật là cạm bẫy hại người, vì đã chứa sẵn sự vô thường lo sợ.

Suy nghĩ kỹ mà xem, thế gian chỉ có vô thường là trên hết, nơi nơi đều là hư ngụy, giả dối lừa đảo. Chỉ có chân lý nhân quả và nghiệp lực mỗi người tạo tác là không hư ngụy, không dối gạt thôi. Nhân quả và nghiệp lực như bóng theo hình, dù sống dù chết chúng đều theo dính bên ta.

Vì thế, thưa các vị đại thiện tri thức! Người tu chúng ta cần phải có tinh thần khiêu chiến với con ma vô thường. Theo lời chỉ dạy từ bi của Phật-đà, chúng ta cần phải nỗ lực khẩn thiết tu tập, nhận thức được bộ mặt thật của chính mình, phá tan thế gian vô thường, chứng đắc sinh mệnh vĩnh cửu. Chúng ta không cầu sống, mà cũng chẳng bị chết!”

Lời chỉ dạy thống thiết của Tôn giả, nghĩa lý phân minh làm cảm động tất cả tứ chúng trong hội.

Thay Phật thuyết pháp, chỉ có Ca-chiên-diên biện tài nghị luận, mới đầy đủ tư cách ấy, mới được vinh dự ấy.

12. NÓI ĐẠO LÝ PHÁT TÀI CHO KẺ NGHÈO

Sau khi tuyên hóa tại nước A-bàn-đề, Tôn giả trở về nước Xá-vệ để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp. Trên đường đi, Tôn giả gặp một phụ nữ tay cầm vò nước, ngổi khóc thảm

thiết bên mé sông. Thấy qua cảnh tượng, tự nhiên Tôn giả động tâm và sanh lòng lân mẫn, Ngài e rằng cô này vì một chuyện bất đắc chí nào đó, không giải quyết được mà nhào xuống sông tự vẫn.

Tôn giả đến trước và hỏi:

- Này cô! Chuyện gì khiến cô buồn thảm mà ngồi đây khóc lóc ?

Cô kia càng khóc lớn:

- Chẳng việc gì đến ông, nói với ông làm quái gì ?

- Này cô! Cứ nói tôi nghe, tôi là đệ tử Phật, tôi có thể giúp cô giải quyết vấn đề được chứ.

- Ông mà làm cái gì. Ông coi, trên đời này không công bằng, giàu nghèo khác nhau trời vực. Tôi là một kẻ nghèo cùng suốt đời khổ sở, tôi bị cái khổ bần cùng mãi, đến nỗi không còn muốn sống nữa.

Cô nói xong, lại lăm le nhảy xuống nước, Ca-chiên-diên vội kéo cô ta lại, từ bi giảng giải:

- Này cô! Đừng buồn thảm như vậy. Trên đời này có biết bao nhiêu người nghèo đâu phải mình cô. Vả lại, nghèo cùng không hẳn là bất hạnh, là khổ sở. Kẻ giàu chưa chắc là khoái lạc. Cô coi mấy người phú hộ lăm của nhiều tiền kia, hằng ngày cứ bị tham dục sân si quấy rối khổ sở. Làm người ở đời chỉ cần sống bình an là quý, bần cùng có gì bi thảm đâu nào ?

Cô ta lại vùng vằng la lối:

- Ông là sa-môn, ông không cần đến tình đời, còn tôi

đâu có được. Ông phải biết tôi là đầy tớ cho một nhà phú hộ, cùng đời mạt kiếp làm kẻ tôi đòi, cơm áo không đủ, tự do chẳng có, mà còn gặp chủ nhân hắc ám, tham lam hung dữ chẳng có chút xíu từ tâm. Tui tui làm công chuyện hễ sai một chút là lãnh đòn, nghe chửi, muốn sống không yên, muốn chết chẳng được, nghĩ đến nỗi cùng cực đó đều do kiếp nghèo mà ra, bảo sao tôi không buồn không khổ ?

- Cô à! Tuy nhiên như vậy, cô cũng đừng bi quan. Tôi sẽ chỉ cho cô một cách phát tài và thoát khỏi nghèo khổ.

- Cách gì vậy ông ? – Cô ta quệt nước mắt, hy vọng nhìn Tôn giả.

- Ô, cách này rất đơn giản. Cô đã bị bần cùng làm khổ, thì cô cứ đem bần cùng bán quách cho người khác đi.

- Bần cùng mà bán cho ai ? – Cô nọ lại la lên – Ông lại nói giỡn, bần cùng mà đem bán được thì trên cõi đời này không còn người nghèo. Có ai mà chịu mua cái nghèo bao giờ ?

Ca-chiên-diên trả lời:

- Bán cho tôi, tôi chịu mua.

- Bần cùng có thể bán được, mà cũng là ông mua. Nhưng ở đời này ai biết cách bán nó ra sao.

- Hãy bố thí! Tôn giả khai thị tiếp. Cô nên biết sự giàu nghèo ở đời đều có nhân duyên. Người nghèo sở dĩ nghèo hoài là vì đời trước không chịu bố thí và tu phước, người giàu sở dĩ giàu sang sung sướng là vì đời trước họ đã bố thí và tu phước. Vì vậy bố thí, tu phước là cách bán nghèo mua giàu tốt nhất đó.

Người nữ tỳ nghe xong, trí huệ khai thông, đến hôm nay cô mới biết cách làm giàu. Nhưng cô lại đau khổ mà hỏi rằng:

- Thưa Tôn giả! Ngài dạy chí phải, con đã biết cách để được phát tài. Nhưng con nghèo quá mức không có chút gì cả, cái vò nước trong tay con cũng là của chủ nhà, họ giữ của còn hơn giữ mạng sống, Ngài bảo con bố thí cái gì bây giờ ?

Ca-chiên-diên đưa bình bát cho cô ta, nói:

- Bố thí không cần phải là tiền bạc, thấy người khác bố thí mà mình phát tâm vui vẻ cũng được. Cô hãy múc nước đổ đầy bát cho tôi, đó là cô đã bố thí rồi!

Người nữ tỳ liền hiểu rõ ý nghĩa bố thí, liền làm theo lời dạy. Về sau nhờ công đức cúng nước cho Tôn giả, cô được sanh lên cõi trời Đạo Lợi.

Ca-chiên-diên đầy đủ phương tiện thuyết pháp, gọi rằng Luận Nghị Đệ Nhất, thật là danh bất hư truyền.

13. ĐỐI ÁI TÌNH THÀNH TỪ BI

Một hôm, Tôn giả đi giáo hóa tại một nước rất xa xôi tên Ba-la-lê-viên và cư trú trong rừng trúc của một trưởng giả.

Đương lúc đó, vua nước ấy – Văn Đồ Vương gặp một biến cố đau đớn, đó là vị đệ nhất vương phi mà vua rất yêu dấu chẳng may mệnh bạc. Nhà vua buồn khổ muôn phần, bỏ ăn bỏ uống, không ngó ngàng gì đến triều chánh, ngày nào cũng khóc lóc thảm thiết.

Người đã chết, dù là bậc quyền thế tôn quý như vua

chúa, cũng không thể bảo sống trở lại được. Vua Văn Đò thì không thể nào quên tình ân ái cũ, ra lệnh các quan đại thần ướp xác vương phi và quàn trong cung, mỗi ngày nhà vua đều đối diện tử thi mà than thở:

- Ôi! Cái miệng xinh kia sao không nói chuyện với trẫm ? Đôi tay kia sao không ôm trẫm ? Vương phi yêu dấu ôi! Sao không chịu mở mắt nhìn trẫm ?

Nỗi bi ai của nhà vua cứ triền miên bất tận như thế, các quan đại thần cũng chẳng có cách gì, họ khuyên can nhà vua xin đừng buồn thảm quá độ, nhà vua chẳng để tai lời nào, lại nói: “Muốn nhà vua hết buồn, cách tốt nhất là làm sao cho vương phi sống lại” nhưng chuyện ấy ai mà làm được.

Trong lúc bối rối, bế tắc, các đại thần chợt nghĩ ra: Tôn giả Ca-chiên-diên hiện đang giáo hóa ở đây, hy vọng nơi oai đức và tài biện luận khéo léo của tôn giả, chắc thuyết phục nhà vua có thể dứt bỏ mối bi ai, lấy lại dũng khí mà chinh đốn triều ca.

Các quan dâng kiến nghị lên vua:

- Muôn tâu đại vương! Trong nước ta hiện nay có một đại đệ tử của đức Phật đang du hóa, đó là tôn giả Ca-chiên-diên, một bậc đại thần thông, đại oai đức, trí huệ uyên bác không vấn đề gì không hiểu, ngay cả văn tự Phạm Thiên trên tấm bia cổ Ngài cũng biết được! Tôn giả biện tài vô ngại, mỗi khi nói chuyện gương mặt thường nở nụ cười. Xin thỉnh đại vương hãy đến gặp Ngài, chắc chắn sẽ có nhiều lợi ích.

Vua Văn Đò nghe tâu, vội hỏi:

- Thần thông của người ấy có thể gọi vương phi ta sống

dậy không ?

Các đại thần lúng túng, đều chẳng biết trả lời ra sao, trong ấy có một vị đã từng nghe tôn giả thuyết pháp, cung kính đáp:

- Muôn tâu đại vương! Có thể hay không thể làm cho vương phi sống dậy, điều ấy chúng thần không dám trả lời chắc, chuyện ấy chỉ có đến thỉnh giáo tôn giả Ca-chiên-diên mới biết được thôi.

Vua Văn Đồ chuẩn y lời tâu của các quan liền lập tức ban lệnh đi ngay. Nhà vua ngự xe loan, mang theo nhiều lễ vật đến rừng trúc. Gặp mặt Tôn giả vua liền yêu cầu cứu mạng cho vương phi hồi sinh.

Ca-chiên-diên bẻ một nhánh cây gần đấy, nói với nhà vua:

- Nay đại vương! Hãy đem nhánh cây này về cung, mà giữ cho nó tươi xanh hoài, đừng khô héo, được không ?

- Điều đó không thể được, cây đã lìa cội rễ, làm sao mà sống, mà xanh tươi.

- Vậy thì phu nhân đã hết nghiệp, thọ mạng đã chấm dứt, mà bảo sống trở lại, chuyện ấy làm được sao ?

Ca-chiên-diên hỏi trở lại, vua Văn Đồ ngay lúc đó liền giác ngộ lý vô thường, người đã chết không thể sống lại.

Tôn giả biết tâm nhà vua, liền thuyết pháp tiếp theo:

- Nay đại vương! Ngài là vua một nước, Ngài cai trị toàn dân, toàn thể dân chúng là người của nhà vua chớ chẳng riêng một mình vương phi là của vua đâu. Đại vương nên

đem tấm lòng thương một mình vương phi mở rộng ra thương khắp hết người trong thiên hạ, dùng từ bi thay thế tình yêu riêng tư, thì quốc gia mới hưng thịnh, dân chúng sẽ ủng hộ nhà vua mãi mãi.

Vua Văn Đế nghe xong, bưng tỉnh cơn mê, dứt hết mọi buồn thương, đánh lễ cáo biệt tôn giả, trở về cung an táng vương phi, chính đốn triều chánh, thương dân như con. Từ đó cả nước mừng vui, ai nấy đều cảm kích tài khéo thuyết pháp của Tôn giả Ca-chiên-diên.

Ngày nay khói lửa tràn lan trên thế giới, chúng ta mong mỗi tinh thần Nghị luận đệ nhất của Tôn giả Ca-chiên-diên sống lại trong Tăng đoàn Phật giáo để thuyết phục các nhà lãnh tụ hiếu chiến kia.



ĐẠI CA DIẾP

ĐẦU ĐÀ ĐỆ NHẤT

1. DƯỚI CÂY SANH VĨ NHÂN

Nếu như hai ngàn năm trăm năm trước, có người giữ gìn nhục thân sống đến hôm nay, thì đó là tôn giả Đại Ca-diếp, Đầu đà đệ nhất trong hàng đệ tử Phật.

Cách đây không lâu, bác sĩ Bá Khắc Sum người Pháp đã được gặp tôn giả Đại Ca-diếp tại Kê Túc Sơn, Ấn Độ, và đã quy y với Ngài. Cuộc đời của vị thánh đầy tánh cách truyền kỳ ấy, hôm nay đem giới thiệu ra đây, thật là một đoạn cổ sự mỹ lệ.

Chúng ta hãy trở lại từ lúc Tôn giả vừa chào đời.

Hai ngàn năm trăm năm trước, tại thôn làng Ma-ha Sa-la-dà cách thủ đô Vương Xá nước Ma-kiệt không xa, có một nhà hào phú trưởng giả dòng Bà-la-môn tên Ni-câu-lư-đà-kiệt-ba, tiếng đồn tài sản của ông có thể sánh với vua Tần-bà-sa-la đương thời.

Tôn giả Đại Ca-diếp đã xuất sanh trong gia đình hào phú ấy.

Nói về lúc đản sanh Tôn giả, có những điềm lành

không khác với điềm lành đản sanh Phật-đà là mấy. Ngày mẫu thân Tôn giả lâm bồn, chính là lúc bà đang dạo chơi trong đình viện, bỗng cảm thấy mệt mỏi, bà đến ngồi dưới bóng cây đại thọ Tất-bát-la nghỉ ngơi, lúc ấy chẳng biết thiên y từ đâu bay tới, và Đại Ca-diếp cất tiếng khóc chào đời.

Đại Ca-diếp, cha mẹ đặt tên vốn gọi là Tất-bát-la-da-na, lấy ý sanh dưới gốc cây. Đại Ca-diếp tướng hảo đầy đủ không thua kém ba mươi hai tướng của đức Phật. Gia đình đại phú hào chỉ có một quý tử, sự nuôi dưỡng và thương yêu của cha mẹ thật không thể nói hết. Nội số nữ mẫu đã hết bốn bà, còn số người hầu hạ chăm sóc chơi đùa lại rất nhiều.

Khi Đại Ca-diếp lên tám tuổi, đã được học các giới điều Bà-la-môn, và theo thầy học tập các thứ, từ pháp tế lễ, thi họa, toán thuật, văn học, ngũ minh, bốn bộ Phệ Đà, cho đến xem thiên văn, đoán âm dương kiết hung, đất động sấm nổ, âm nhạc ca vũ v.v... do sức thông minh của Ca-diếp, không có môn nào không thấu hiểu triệt để.

Duy có một điều rất lạ, ngay từ nhỏ Ca-diếp không giống các trẻ con khác, đối với dục lạc thế gian không ưa, chẳng thích tình âu yếm, chán ghét bất tịnh, thường ưa ở một mình xa đám đông, ngay cả cha mẹ, xa cách cũng không nhớ đến.

2. NGƯỜI VỢ KHÔNG CHUNG GIƯỜNG

Ngày tháng thoi đưa, Ca-diếp đã trở thành một thanh niên anh tuấn, phong lưu. Song thân chàng rất hài lòng, bèn bảo chàng, một ngày gần đây sẽ chọn một tiểu thư xinh đẹp

để cưới cho chàng, Ca-diếp vội vàng từ chối:

- Đó là điều không nên, con chỉ mong muốn duy nhất là được tu đạo, có vợ con rất trở ngại cho việc tu trì lắm.

Đương nhiên là song thân không thể nào đáp ứng yêu cầu đó, khi không còn cách nào để chối từ, chàng bỗng nghĩ ra một biện pháp. Chàng liền mời một nhà điêu khắc đến, lấy vàng đúc thành một pho tượng mỹ nữ sáng rỡ, và chàng đem trình với song thân.

- Cha mẹ nhất định bảo con cưới vợ, xin hãy chọn cô nào giống y tượng vàng này, nếu không con sẽ suốt đời không lấy vợ.

Song thân Ca-diếp thấy con yêu cầu điều này, biết là thật rối rắm khó khăn, sau cùng mới theo lời đề nghị của các thầy Bà-la-môn thường lui tới trong gia đình, quyết định tìm cho ra một cô nương giống tượng vàng ấy. Các thầy Bà-la-môn bèn thiết lập một nhà dù thật lớn đặt pho tượng trong đó, thờ cúng như một vị nữ thần, và đi rảo từ làng này sang làng nọ, từ phố này sang phố kia, đến đâu thiên hạ cũng bu theo xem rất đông đảo. Các thầy mới rao lên:

- Các cô thiếu nữ có cầu mong ước nguyện gì! Hãy đến cúng dường nữ thần! Các cô sẽ được toại nguyện như ý.

Cứ như thế các thầy dạo đi từ thành Vương Xá, qua sông Hằng, lần lần đến thành Tỳ-xá-ly. Ngoại thành này có một thôn trang tên Ca-la-ty-ca, và trong thôn có một gia đình Bà-la-môn cũng nổi danh đại phú. Họ có một cô con gái tên Diệu Hiền, thiên tư quốc sắc, nổi danh mỹ nhân, thường ở trong khuê phòng ít bước chân ra ngoài.

Hôm ấy nhằm ngày hội hoa đăng, nam thanh nữ tú vui chơi dập dìu. Diệu Hiền được bạn bè hẹn hò, đến chiêm bái pho tượng vàng thân nữ. Diệu Hiền nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, khi đến lễ nữ thần đã khiến lu mờ cả tượng vàng. Thầy Bà-la-môn quản lý một phen thấy rồi rất mừng rỡ, bèn theo hỏi thăm gia đình nàng, và đến gặp song thân Diệu Hiền trình bày ý muốn kết thân. Bên song thân nàng cũng nghe danh tiếng Đại Ca-diếp, nên rất hoan hỷ hứa gả con gái.

Thủ tục đính hôn hoàn thành, chọn ngày lành tháng tốt đón dâu. Hãy nhìn Diệu Hiền xem, nàng mặc áo gấm, đeo chuỗi ngọc, thật là tiên nữ cũng không đẹp bằng. Nhưng có điều rất lạ, tân nương tuy có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước, mà gương mặt rất buồn, như nặng mang một tâm sự.

Đờn ca xướng hát, lễ bái trời đất xong, Đại Ca-diếp và Diệu Hiền được đưa vào động phòng. Đôi vợ chồng mới, chẳng có một nụ cười, cũng không ai ngó ai, chỉ ngồi nhắm mắt làm thính, mỗi người một tâm sự trầm mặc. Đêm động phòng hoa chúc thế này, thật là lạnh lùng nghiêm trang!

Canh một rồi canh hai, canh ba, canh bốn, canh năm đã dứt, trời dần sáng mà cả hai không nói một lời nào. Cho đến lúc lâu, ánh nắng xuyên vào phòng, Ca-diếp mới mở lời:

- Xin hỏi nàng có tâm sự gì chăng ?

Diệu Hiền châu mày, ngồi làm thính.

- Có điều gì nàng cứ nói, chúng ta cùng thương lượng.

Diệu Hiền lại ứa nước mắt, mà cũng chẳng trả lời.

- Thế này là thế nào ? Tại sao nàng khóc ?

Ca-diếp hỏi tới, có vẻ giận.

Ca-diếp hỏi đôi ba phen, Diệu Hiền không dừng được, mới thở dài đáp nhỏ:

- Chàng phá hoại chí nguyện của tôi. Tôi xưa nay rất ghét ngũ dục, muốn tu phạm hạnh thanh tịnh. Ba má tôi bị mê hoặc bởi sự giàu sang của chàng, khiến nguyện vọng của tôi bị lỡ dở.

Đại Ca-diếp nghe nói rất mừng. Chàng liền nói cho Diệu Hiền biết, mình cũng rất ghét ái nhiễm, ưa tu hạnh thanh tịnh. Đây thật là khéo hợp ý trời, chúng ta có thể làm theo chí nguyện của mình.

Do đó hai người cùng ước định, trong phòng kê hai cái giường, trên danh nghĩa là phu thê mà không ngủ chung giường.

3. MƯỜI HAI NĂM THỬ ƯỚC

Câu chuyện ngủ riêng giường, lọt đến tai cha mẹ Ca-diếp. Hai ông bà bèn vào phòng xem xét, thấy hai giường kê hai nơi thật chẳng cao hứng tí nào, bèn rầy:

- Hai con là vợ chồng mới cưới mà trong phòng kê riêng hai giường thật chẳng nên. Ta sẽ gọi người đến dẹp bớt một cái.

Ca-diếp chẳng dám cãi lời, nhưng càng giữ vững lời hứa, càng cương quyết lập chí, chàng nói với Diệu Hiền:

- Không lo chuyện ấy. Còn một cái giường thì chúng ta thay phiên nhau ngủ. Đầu hôm đến giữa đêm thì nàng ngủ, tôi đi kinh hành tu niệm trong phòng, đến gần sáng thì nàng

thức dậy, tôi ngủ, nàng có thể đi kinh hành hoặc ngồi thiền.

Diệu Hiền rất bằng lòng đề nghị đó, nàng nói thêm:

- Chúng ta cần phải mau mau ra khỏi cái nhà nguy hiểm này, chớ còn trong vòng ngũ dục thì nơi nào cũng có nguy cơ ẩn nấp, mê hoặc người trong chốn đọa lạc.

Ca-diếp an ủi:

- Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng phụ mẫu còn hiện tại, tôi là con một không thể bỏ đi. Nàng hãy kiên nhẫn, lý tưởng và chí nguyện của chúng ta sẽ có ngày thực hiện.

Hai người tuy sống trong chốn bụi trần mà tâm vui trong đạo nghiệp thanh tịnh, không hề xúc phạm nhau, an ổn qua thời gian.

Có một đêm, Diệu Hiền ngủ trên giường, Ca-diếp đi kinh hành trong thất, bỗng nhiên có một con rắn độc màu đen bò ngang giường Diệu Hiền. Ca-diếp chú ý nhìn thấy cánh tay Diệu Hiền buông thõng xuống giường cách chỗ rắn độc không xa, chàng lo lắng, rủi như nàng bị rắn mổ nhằm mới làm sao ?

Trong lúc mười phần cấp bách, Ca-diếp liền dùng chéo áo quấn quanh cánh tay mình, rồi mới nhẹ đỡ cánh tay Diệu Hiền lên trên giường. Đang ngủ ngon bỗng bị động, Diệu Hiền giật mình choàng tỉnh, nàng kinh sợ lật đật ngồi dậy, có vẻ vừa giận vừa bực, nàng hỏi Ca-diếp:

- Việc gì xảy ra thế ? Có chuyện gì như thế này?

Sau khi nghe Ca-diếp giải thích nàng mới yên lòng, và rất cảm phục chàng. Cả hai giữ mức sống thanh tịnh như vậy trong suốt mười hai năm.

4. XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Hội hợp ất biệt ly, có sanh ất có tử, đó là đạo lý nhất định của thế gian. Song thân Đại Ca-diếp lần lượt qua đời.

Sau đó không lâu, ngày nọ Diệu Hiền sai gia nhân ép dầu mè, trong dầu mè có rất nhiều con bọ nhỏ lúc nhúc cựa quậy, nằng nghe gia nhân bàn tán với nhau:

- Ép chết bao nhiêu con vật nhỏ này không biết sau này chịu quả báo đáng sợ thế nào ? Nhưng thật ra đó không phải là lỗi của chúng ta mà là mệnh lệnh của nữ chủ.

Diệu Hiền nghe qua những lời ấy cảm thấy ghê sợ, lập tức bảo họ ngừng ép dầu, một mình lui vào phòng đóng cửa lại tịnh tọa tư duy.

Cũng hôm ấy, Đại Ca-diếp đi thăm ruộng. Chàng thấy đôi bò kéo cày nặng nhọc, nông phu làm việc không kể thân. Trong ruộng có những loài côn trùng bị đường cày chặt đứt, lớp chết, lớp bị thương quần quai thật thảm thương. Chàng nhìn cảnh tượng ấy càng chán ngán cho sự sống trên thế gian. Chàng nghĩ: “Chỉ vì sự ăn mặc của ta mà bao nhiêu người và bao nhiêu thú vật phải chịu đủ thứ khổ sở như thế sao ? Không kể là người nào, không kể ăn thức ăn gì, cũng trong khoảng một đấu cơm, không kể ngủ cách nào cũng chỉ trong khoảng cái giường sáu tấc. Còn những thứ cần dùng khác chẳng qua là một sự lãng phí. Chỉ vì những sự lãng phí xa xỉ vô dụng đó, mà làm tổn bao nhiêu người vật, giết hại bao nhiêu sanh linh như thế, thật là một điều quá ư bất công và rất không hợp lý!”

Đại Ca-diếp nghĩ như thế rồi, trở về nhà thấy Diệu

Hiền với những sự tình ưu não như vậy, thật chẳng vui chút nào. Sau đó, hai người ngỏ bày tâm sự, cả hai đều cảm thấy nỗi đau khổ của thế gian, nỗi buồn thảm của kiếp người.

Đại Ca-diếp bèn nói với Diệu Hiền:

- Nói gì thì nói, tôi sẽ rời bỏ cái nhà này để đi xa học đạo. Ở nhà thiệt chẳng khác ở trong chốn lao ngục, bao nhiêu thứ ràng buộc, khổ não đủ điều. Ở trong gia đình tạo nghiệp không có hồi kết thúc, tôi sẽ ra đi để tìm cho ra chơn lý của kiếp người. Tu hành trong chốn rừng núi như là lui tới trong chốn hư không, không có chút trở ngại. Tạm thời tôi đi trước tìm thầy hỏi đạo, nàng ở lại nhà đợi khi nào tôi gặp được bậc thầy hiền minh, tôi sẽ trở về dẫn nàng cùng xuất gia. Chúng ta sẽ đem hết tài sản cứu tế cho các người nghèo cùng cơ khổ, và chia cho các gia nhân. Nàng hãy đợi, nhất định tôi sẽ mang tin tốt đẹp trở về.

Diệu Hiền nghe xong, rất kính phục chí nguyện của trượng phu, cùng cảm kích mối quan tâm của chàng. Chuyện xuất gia tu đạo này vốn là nguyện ước từ lâu của hai vợ chồng, vì còn cha mẹ mà phải qua hơn mười năm chờ đợi.

Hôm nay, Đại Ca-diếp đi xuất gia tu hành, trong tâm tình thật hoan hỷ, thật không thể nói hết.

5. LÀM ĐỆ TỬ ĐỨC PHẬT

Lúc ấy Đại Ca-diếp đã ba mươi tuổi. Theo truyền thuyết, ngày chàng rời nhà tìm đạo cũng chính là ngày đức Phật ngồi dưới cội cây Bồ Đề, trên tòa Kim Cương thấy sao mai mọc và thành Đẳng chánh giác.

Đại Ca-diếp đi tìm thầy khắp nơi, nhưng thầy nào cũng không đáp ứng được nguyện vọng của chàng. Hai năm sau, trong lúc đang tìm đạo tại nước Uyên Già, có người mách với chàng, đức Phật Thích-ca Mâu-ni là bậc Đại giác của thời này. Ngài đang thống lãnh những đạo sĩ nổi danh như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp... cả ngàn đồ đệ tại tinh xá Trúc Lâm. Đại Ca-diếp nghe tin ấy rất vui mừng bèn hỏi thăm đường đến Trúc Lâm.

Tinh xá Trúc Lâm là đạo tràng tối sơ khi đức Thế Tôn tổ chức giáo đoàn, cách cửa Bắc thành Vương Xá không xa. Khi Đại Ca-diếp đến đây, chàng không trực tiếp thưa hỏi đức Phật, chỉ mỗi ngày theo tín chúng trong thành đến nghe pháp. Chàng nghĩ bụng nếu không phải là Phật thì không tôn bái làm thầy. Theo ý chàng, nếu không gặp Phật, không có tôn sư, chàng cũng có thể tu chứng được quả vị Độc giác.

Lời thuyết pháp của Phật, đức huệ của Phật dần dần kích động tâm can Đại Ca-diếp. Một hôm, sau khi nghe Phật thuyết pháp xong, chàng trở về thành Vương Xá. Gần cổng thành là tháp Đa Tử, cạnh đó có một cây đại thọ cành lá sum sê. Chàng ngạc nhiên thấy đức Phật đang ngồi tịnh tọa dưới gốc cây. Khi chàng ra về, còn thấy Ngài ngồi trên bảo tòa pháp vương ở trong tinh xá, sao bây giờ lại gặp Ngài ở đây ? Chàng càng nhìn càng thấy đức Phật tướng mạo oai nghiêm thuần tịnh, như một tòa kim sơn, rốt cuộc không đến lễ bái không xong. Chàng đến đánh lễ dưới chân Phật, và cảm động thành khẩn nói:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc đại sư của con, xin tiếp độ cho con – Đại Ca-diếp được quy y, từ nay Đại Ca-diếp là đệ

tử Phật!

Đức Phật biết lúc này lòng tin của Đại Ca-diếp đã chắc chắn, liền bảo:

- Nay Đại Ca-diếp! Ông chính thật là đệ tử của ta. Ta chính là lão sư của ông. Trên thế gian này, như người nào chưa chứng quả vị Chánh giác, không dám nhận ông làm đệ tử. Ông hãy theo ta.

Đức Phật từ từ đứng dậy, đi về tinh xá Trúc Lâm. Đại Ca-diếp theo sau chân Ngài, vừa cung kính vừa cảm động, vừa mừng vui đến rơi lệ.

Đức Phật ngoái lại nhìn Đại Ca-diếp sau mới nói:

- Ta nghe nói về ông đã lâu, ta biết thế nào ông cũng đến cầu đạo với ta. Hôm nay là ngày ông được tiếp độ, Phật pháp lưu truyền về sau cần ông rất nhiều, vì chúng sanh và vì chính mình, ông nên thận trọng!

Về đến Trúc Lâm, đức Phật làm lễ thế độ cho Đại Ca-diếp, và nói pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên, với oai đức tướng hảo của Thế Tôn, với từ ân thân thiết của Thế Tôn, có thể nói rằng bầu không khí chứng ngộ đã bao trùm Đại Ca-diếp. Lời dạy của Phật như đám mưa rơi trên thửa ruộng khô khao, tám ngày sau ông khai ngộ.

6. CỨU ĐỘ HIỀN THÊ

Đại Ca-diếp xuất gia một năm sau, là đức Phật thành đạo năm thứ ba. Đức Phật nhận lời thỉnh của phụ vương, cùng các Tỳ-kheo trở về cố thành Ca-tỳ-la, Đại Ca-diếp cũng có mặt trong ấy. Sau đó, Phật trở về tinh xá Kỳ Viên

nước Xá-vệ. Trong số những hoàng tộc theo Phật xuất gia, có cả Kiều-đàm-di di mẫu cũng được xuất gia và thành lập giáo đoàn Tỳ-kheo ni.

Do đó, Đại Ca-diếp nhớ đến lời hứa với Diệu Hiền, vì trước đó người nữ không được xuất gia nên Tôn giả không dám xin đức Phật. Bây giờ đã có giáo đoàn Tỳ-kheo ni, chính là lúc thực hiện lời giao kết với Diệu Hiền. Đại Ca-diếp từ khi rời nhà học đạo đã cách ba, bốn năm. Trong ba, bốn năm ấy chẳng biết tình hình của Diệu Hiền thế nào ? Tôn giả bèn an tĩnh nhập định quan sát, mới biết Diệu Hiền đang theo làm đệ tử một phái ngoại đạo bên bờ sông Hằng.

Nguyên lai là từ khi Tôn giả đi tìm đạo, Diệu Hiền cũng ở nhà một mình đợi tin tức. Nhưng năm tháng trôi qua vùn vụt, một năm rồi hai năm mà chẳng thấy âm hao của Đại Ca-diếp, nàng mới quyết định tự xuất gia, không đợi nữa. Lập chí rồi, nàng cho gọi người quản gia đến bảo đem hết trang sức, y phục của mình phân chia cho bà con, làng xóm, gia nhân. Nàng đi đến bờ sông Hằng, lễ bái nhóm lửa hình ngoại đạo đang tu tập tại đây làm thầy.

Làm đệ tử nhóm ngoại đạo này, vì dung mạo mỹ lệ mà nàng đã chịu nhiều sự lăng nhục. Đại Ca-diếp biết nàng đang cần sự tiếp độ của mình, đích thị là Tôn giả phải mau mau đem đạo lý chân thực của đức Phật sớm giác ngộ cho nàng. Tôn giả bèn nói chuyện ấy với một vị Tỳ-kheo ni, yêu cầu đi đón Diệu Hiền. Vị Tỳ-kheo ni ấy bằng lòng, chẳng bao lâu đã đưa Diệu Hiền về đến.

Diệu Hiền gia nhập ni viện rồi, cũng vì sắc đẹp ấy làm đề tài cho thiên hạ xâm xì xa gần. Nàng cảm thấy rất tủi hổ,

buồn bực đã trót sanh làm thân người nữ kém phước. Từ đó, nàng không đi ra ngoài khát thực, xa lìa đại chúng, không lộ mặt nơi đông người.

Đại Ca-diếp biết chuyện sanh tâm lân mẫn. Tôn giả xin phép Phật mỗi ngày chia bớt phần nửa phần thức ăn cho Diệu Hiền. Chuyện ấy lọt vào mắt cô Tỳ-kheo Thâu-lan-nan-đà. Cô là một người hay thị phi bàn tán nhất trong chúng. Chẳng biết là vì tật đố hay vì cơ gì, cô nhiều lời phi báng. Cô nói:

- Hai người này, nghe nói mười hai năm ở nhà không ngủ chung giường, mà bây giờ mỗi ngày thấy họ thân mật chia sớt thức ăn, tôi đoán thế nào cũng có tình ý gì đây.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói, trong tâm vị thánh giả thì rỗng rang không dính mắc, nhưng vì muốn khích lệ Diệu Hiền nỗ lực tu tiến, nên từ đó không giúp cơm nữa.

Thế gian đầy thị phi ác độc. Một vị Thánh thanh tịnh như Đại Ca-diếp, mà còn có người khiêu khích đồn đãi, thiệt là ai nghe cũng bất bình.

Qua sự khích lệ ấy, Diệu Hiền nhận thấy mình phải tu hành nghiêm túc. Bà suốt đêm không ngủ, thành tâm sám hối, và sau cùng được khai ngộ. Sau khi khai ngộ bà nói:

- Đoạn trừ mọi ràng buộc, hoàn thành tịnh hạnh, việc đáng làm ta đã làm xong.

Về sau Phật khen ngợi bà:

- Trong chúng Tỳ-kheo ni, không ai có thể sánh với Tỳ-kheo ni Diệu Hiền về mặt Túc mệnh thông!

Tôn giả Đại Ca-diếp rất hoan hỷ, đối với ân tình của

thế gian, Ngài chẳng lưu lại chút mảy may.

7. XÁ LỢI PHÁT PHỔNG VẤN

Từ đó Đại Ca-diếp được người tôn xưng là Thánh giả, thân danh hiển lộ trong Tăng đoàn.

Có lúc, Tôn giả cùng Xá-lợi-phất đồng tu tập tại núi Kỳ Xà Quật. Có nhiều chúng ngoại đạo đến phỏng vấn tôn giả Xá-lợi-phất, bao quanh Ngài đưa ra nhiều vấn đề gạn hỏi. Họ hỏi: Như Lai sau khi Niết-bàn có sanh tử hay không ? Hoặc là sau đó có sanh tử ? Hoặc là sau đó không có sanh tử ? Hoặc là chẳng phải sanh tử ? Cũng chẳng phải không sanh tử ?

Ngoại đạo dùng lối tứ cú để hỏi về vấn đề sanh tử của đức Phật như thế, tôn giả Xá-lợi-phất trả lời họ, nhưng chỉ có vấn đề này không thể nói là Như Lai ở trong cú nào¹.

Chúng ngoại đạo không vừa ý với lối đáp của tôn giả, họ gièm chê:

- Người không trả lời được vấn đề này, sao dám tự xưng là bậc Thượng tọa ? Nói là trí huệ số một mà giống như trẻ con.

Ngoại đạo đàm tiếu rồi bỏ đi, Xá-lợi-phất rời chỗ tu tập của mình, băng qua đám lá rậm của rừng cây, đến thạch động tham vấn tôn giả Đại Ca-diếp.

Xá-lợi-phất đem câu hỏi của ngoại đạo thuật lại cho Đại Ca-diếp nghe và hỏi:

¹ Vì Như Lai đã ra ngoài tứ cú.

- Tôn giả! Tại sao đức Phật chưa từng giải đáp về vấn đề ấy, đối với câu hỏi của ngoại đạo không thể nói ra sao.

Đại Ca-diếp liền trả lời:

- Đức Như Lai đã hết sạch ái chấp, tâm không còn phiền não, vĩnh viễn giải thoát, sự chứng ngộ của Ngài rộng lớn sâu xa, không thể dùng tứ cú của mê tình để hỏi, cũng không thể dùng ngôn từ để đáp. Chỉ vì vấn đề ấy không nên hỏi nên Ngài không giải đáp.

Xá-lợi-phất nghe câu trả lời, thật là thích thú, cáo từ và trở về động mình tu tập.

Trong hàng đại đệ tử, các vị thường chỉ dạy nhắc nhở nhau, cùng hỏi cùng nghiên cứu, vấn đáp qua lại để bàn soạn sự học, cho nên câu chuyện hỏi đáp của hai vị tôn giả chẳng có gì lạ, nhưng đối với vấn đề khúc mắc như Xá-lợi-phất nêu ra mà có thể tùy tiện giải đáp, mới thấy là sức tu đạo của Đại Ca-diếp cao xa đến mức nào!

8. ĐỘ BÀ LÃO NGHÈO SANH CÕI TRỜI

Một hôm, đức Phật và các đệ tử ở nước Xá-vệ, còn Đại Ca-diếp thì giáo hóa tại thành Vương Xá nước Ma-kiệt-đà. Tôn giả thường ra vào trong thành để bố thí phước điền. Khi tôn giả đi khát thực, thường tránh nhà giàu có mà chỉ chọn những nhà bần cùng. Trong tâm tôn giả nghĩ rằng: Nhà giàu tuy cũng cần nên lân mẫn với họ, nhưng so với người nghèo khổ mỗi ngày phải lo lắng sinh nhai lại đáng thương hơn.

Những người bần khổ không thể hưởng thọ niềm vui ngũ dục đầy đủ, tuy nghe được chánh pháp họ rất thích,

nhưng không đủ duyên may để thu được cái quả báo phước đức của sự bố thí. Cho nên tâm từ của Tôn giả như nước lành rưới khắp những hạng người nghèo cùng đáng thương.

Trong thành Vương Xá, có một lão bà rất nghèo khổ, đã không có bà con thân quyến lại không có nhà cửa gì cả. Sáng sớm, đi lang thang từ ngõ Đông sang ngõ Tây. Chiều tối, thì ngủ vất vưởng ở bất cứ xó hẻm nào. Trên mình bà đeo những mảnh lá khô chằm víu vào nhau tạm che thân. Một hôm bà mang bệnh trầm trọng, nằm quy trên gò đất chờ chết. Lúc ấy gặp gia nhrn của một nhà giàu nọ đem nước cơm đi đổ, bà lão bị đói khát hoành hành vợ lấy mảnh ngói bể hứng lớp nước bầy nhầy để uống cho đỡ đói.

Đại Ca-diếp biết bà lão đáng thương bị bệnh nghèo đeo đẳng, Ngài đặc biệt đến thăm. Bà lão từ trước giờ chưa từng được ai hỏi han đến nên khi thấy dáng Tôn giả đứng trước mặt, bà gương nhồm dậy nhìn kỹ. Té ra là một vị Tỳ-kheo trang nghiêm đang đi khát thực. Không lẽ thầy Tỳ-kheo này lại nghèo cùng hơn ta ? Bà mới nói:

- Thân tôi nghèo khổ đói khát, cát đất, gò mả, bụi bờ là nhà, Ngài xem tôi áo mặc không kín thân. Trong cái đất nước này không ai nghèo khổ hơn tôi. Ý da! Chẳng lẽ trên thế gian không có người hơn từ cúng dường Sa-môn sao ? Vì sao Ngài đến hỏi tôi? Xin Ngài chỉ dạy tôi phương pháp cứu tôi khỏi nghèo đói.

Đại Ca-diếp đáp:

- Trên thế gian này, người tôn quý nhất nhân từ nhất không ai bằng đức Phật, hoặc là những ai đã được tắm mát

trong giáo lý Phật-đà. Hôm nay, tôi muốn cứu độ bà thoát khỏi sự bần cùng, nên mới đặc biệt đến đây khát thực. Tôi cũng nghĩ đến việc đem tài vật đến giúp bà, nhưng điều đó chỉ giúp bà khỏi khổ nhất thời, mà sau lại tăng thêm bần cùng nữa. Chi bằng bà hãy tùy ý đem bất cứ thứ gì bên mình mà bố thí cho tôi, bà sẽ nhờ công đức đó đời sau được sanh trong nhà giàu có, hoặc được sanh lên trời, hưởng thọ sung sướng lâu dài.

Bà lão nghe Tôn giả từ bi thuyết pháp như vậy, rất cảm động, nhưng tìm hoài không có một chút gì để bố thí. Bà rất đổi bi thương, buồn khóc thưa rằng:

- Thưa thầy Sa-môn vĩ đại! Lời chỉ dạy quý báu của Ngài con ghi khắc sâu xa trong tâm. Nhưng Ngài cũng biết, con là kẻ bần cùng hạ tiện, con chẳng có một chút vật thực nào để cúng dường Ngài, cũng chẳng có y phục để bố thí nữa.

- Này bà lão! Đã khởi tâm bố thí thì không phải người nghèo, người biết hổ thẹn cũng đã mặc pháp y. Bà đã có hai món bảo bối hiếm có ấy, nên chắc chắn không còn nghèo. Hãy xem những người giàu có đầy tiền của châu báu trên thế gian này, không biết bố thí, không biết hổ thẹn, đó mới thật là người ngu, người bần vậy.

Bà lão nghèo nghe lời chỉ dạy, vui mừng phấn khởi, tâm đầy hỷ lạc, đầy hy vọng về tương lai, bà quên thân mình ô uế bưng chút nước cơm đựng trong mẻ sành đem cúng dường Tôn giả. Tôn giả cũng cung cung kính kính tiếp nhận, và để cho bà khỏi nghi ngờ, Tôn giả liền uống cạn miếng nước cơm. Bà lão thấy thế vui mừng vô hạn.

Chẳng bao lâu, bà lão rời bỏ cõi đời, được sanh lên cõi trời Đạo Lợi, do công đức cúng dường nước cơm, bà được trở thành một thiên nữ xinh đẹp. Một hôm, thiên nữ quan sát phước nghiệp đời trước, nhớ đến ân sâu của tôn giả Đại Ca-diếp, bèn bay xuống cõi trần dùng thiên hoa rải cúng dường Tôn giả.

9. QUAN SÁT TÌNH HÌNH TÍN CHÚNG

Một hôm, đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp đến thành Khoáng dã để quan sát tình hình giáo đoàn. Ở đấy, sáng sớm Tôn giả đắp y mang bát vào thành, oai nghiêm đi khát thực.

Đi qua một vài con đường, Tôn giả phát hiện một chuyện lạ. Dân chúng thấy Tôn giả đi ngang nhà đều đóng cửa. Tôn giả ra khỏi thành vào trong thôn khát thực cũng gặp một cách đối xử như vậy. Ngài khởi niệm nghi ngờ. Phật pháp ở đây rất hưng thịnh, vì sao dân chúng đối với các Tỳ-kheo không một chút tôn kính như vậy kia ?

Ngài bèn đến nhà một cư sĩ hiểu biết rộng, và hỏi thăm:

- Đức Phật rời khỏi đây không bao lâu, cũng còn các Tỳ-kheo ở lại giáo hóa, vì sao mọi người quên hẳn sự cung kính Tam bảo ? Các Tỳ-kheo đi khát thực chẳng ai cúng dường ?

Cư sĩ nọ đáp:

- Tôn giả! Từ khi đức Thế Tôn đi rồi, mấy năm trở lại đây các vị Tỳ-kheo trong thành này bày ra nhiều chuyện xây cất, mỗi người đều tự cất phòng ốc cho mình nói rằng đức

Phật đã cho phép. Xưa nay, nếu là kiến tạo giảng đường hay tinh xá công cộng để dùng trong việc hoằng pháp hoặc tu học tập thể thì đó là việc bổn phận chúng con phải hộ trì. Nhưng mà bây giờ các Tỳ-kheo đều cất nhà để an nhàn thân mình, các thầy cất cốc, cất am lu bù, đến từng nhà thí chủ kêu gọi cúng dường cửa lớn, cửa nhỏ, cột kèo, ngói gạch, dây mây,... mọi thứ đều kêu gọi quyên **tởi** tín đồ. Lâu ngày, tín chúng đều cảm thấy việc cung ứng này không có ngày chấm dứt, do đó nhân dân trong thành, ngoài thôn hễ thấy các vị Tỳ-kheo liền lật đật đóng cửa. Ôi! Nói đến việc này, chúng con thật hổ thẹn với Đức Phật!

Đại Ca-diếp nghe xong, trong tâm rất khó chịu. Tôn giả lập tức quay trở về thành Vương Xá, đem câu chuyện trên bạch với đức Phật. Đức Thế Tôn bèn đến thành Khoáng Dã triệu tập hết các thầy Tỳ-kheo, giáo giới các thầy không được bắt tín chúng cúng dường quá sự phát tâm của họ. Đức Thế Tôn dạy:

“Các Tỳ-kheo! Chánh pháp của ta lưu truyền lâu dài đều nhờ sức thanh tịnh và cao thượng của Tăng đoàn. Người đến mức vô cầu mới là thanh cao. Các ông không được yêu sách chúng sanh quá nhiều, trái lại các ông phải là người cố gắng hiến cho chúng sanh, các ông đừng để tín chúng chê bai, xa lánh. Nhiệm vụ quan trọng của các ông là hoằng pháp độ sanh, không phải là chuyện lo lắng về chỗ ở, chỗ ăn. Nếu như các ông xây cất giảng đường để thuyết pháp cho tín chúng, hoặc thiết lập tinh xá để tu chung với nhau, không phải xây cất cho riêng mình, điều ấy ta cho phép.

Còn làm nhiều tịnh thất lẻ tẻ, thiếu số người trong đó

hưởng thọ của cúng dường, đó là làm phân tán lực lượng Tăng đoàn. Am thất này tranh với am thất kia, ai cũng cho mình là ngon lành, lại càng dễ sanh tâm riêng tư.”

Lời dạy của Phật thật là tiếng chuông cảnh tỉnh trong giáo hội, tôi hy vọng các Tỷ-kheo khi đi hóa duyên các nhà cư sĩ, và các hàng cư sĩ tại gia của thời đại này nhận thức được điều ấy.

Đức Phật dạy các Tỷ-kheo xong, trở về thành Vương Xá. Tôn giả Đại Ca-diếp ở lại gây dựng tín tâm cho dân chúng.

Tôn giả không tính toán cho đời sống riêng mình, cho nơi cư trú của mình, chỉ bận lo mang niềm vui Phật pháp đến cho người, đợi cho tất cả đều tin tưởng hiểu biết chân lý của đức Phật xong, tôn giả liền rời thành Khoáng Dã đi nơi khác.

Lấy cái họa của giáo đoàn làm cái họa của mình, hoàn thành việc đáng làm rồi liền lui gót, không mong cầu cho mình mà chỉ làm việc vì Phật pháp, cái tư cách và chí nguyện cao cả của bậc thánh ấy thật đáng cho chúng ta khâm phục.

10. A-NAN TẶNG BÁT

Tôn giả Đại Ca-diếp chân thành vì pháp, rất được đức Thế Tôn tín nhiệm. Đức Phật đối với Tôn giả thường yêu mến ủng hộ luôn.

Trong giáo đoàn có nhóm Lục Quân Tỷ-kheo như Mãn Túc v.v... chuyên môn kết bè đảng làm việc ác. Do đó, đức Phật đã chế ra một số giới luật.

Có một thời kỳ, Phật đang ở Kỳ Viên tinh xá, Lục Quân Tỳ-kheo cũng ở đây cố tình tích chứa bình bát đủ loại. Bình bát thường thường có hai loại: bát bằng sắt thép và bát sành do địa phương sản xuất. Chất liệu, hình dáng mỗi thứ không giống nhau, cho nên phân biệt thì có: bát thiếc, bát của nước Tô-ma, bát của nước Ô-già, bát màu đen, bát nước Ưu-già, bát màu đỏ đủ loại v.v... Lục Quân Tỳ-kheo thường sưu tầm các thứ bình bát tốt đem về tàng trữ trong phòng, như là một cửa tiệm đồ gốm.

Mấy ông Tỳ-kheo này, từ sáng đến chiều chẳng lo tu hành gì cả, chỉ để hết tinh thần vào việc chứa bát, ngắm bát. Vì theo tinh thần của giáo đoàn, tuyệt đối cấm tích trữ vàng bạc, y phục, gạo thóc, tài sản... cho nên mấy thầy dồn hết hứng thú trong việc thu chứa đồ cổ.

Và do đó, đức Phật lại cấm chỉ việc chứa bát dư, chế định giới luật nếu ai chứa bát dư phạm Ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Trong lúc Phật sắp ban hành điều luật này, A-nan được cúng một cái bát nước Tô Ma rất quý, A-nan định đem tặng Đại Ca-diếp, nhưng tôn giả Đại Ca-diếp còn bận du hóa nước ngoài, không có mặt ở thành Xá-vệ. Nếu y theo giới luật không được chứa bát dư thì A-nan không thể để lại mà kịp tặng cho Đại Ca-diếp. A-nan chỉ còn cách đem ý ấy lên bạch Phật. Phật hỏi:

- Còn mấy ngày nữa Ca-diếp mới về lại Xá-vệ?
- Bạch Thế Tôn! Khoảng mười ngày trở lại tôn giả mới về đến.

Đức Phật bèn triệu tập đại chúng, giảng dạy pháp Đầu

đà chơn chánh, và khen ngợi Đại Ca-diếp vâng giữ hạnh đầu đà không sai phạm mảy may, dạy Lục Quân Tỳ-kheo nên noi theo hạnh của Tôn giả mà tu tập. Và sau cùng, vì sự tình A-nan đã trình bày, đức Thế Tôn đặc biệt sửa đổi giới điều này, cho phép được chứa bát dư trong mười hôm.

Theo dõi sự kiện này, chúng ta có thể biết địa vị của tôn giả Đại Ca-diếp đối với tâm tưởng của đức Phật, và trong giáo đoàn rất cao vậy.

11. ƯA TU KHỔ HẠNH

Đại Ca-diếp một bề ưa thích tu tập khổ hạnh đầu đà. Nói về sự tu tập của Tôn giả, từ trẻ cho đến tuổi già, không kể tình hình ra sao, hoặc là mọi người ân cần nói thế nào, Tôn giả không hề từ bỏ khổ hạnh.

Phàm người tu khổ hạnh đầu đà phải đủ mười hạnh:

1. Cầu chọn nơi vắng vẻ.
2. Chỉ sống bằng cách khát thực.
3. Thường ở một chỗ.
4. Ngày ăn một bữa.
5. Khất thực không chọn lựa.
6. Chỉ có ba y, bình bát, toạ cụ.
7. Thường ngồi tư duy.
8. Thường tịnh tọa chỗ trống.
9. Mặc y phẩn tảo.
10. Thường ở nơi gò mả.

Sinh hoạt của một vị đầu đà cần phải đơn giản và thanh

tĩnh như thế.

Đối với nhân vật như Đại Ca-diếp, không đi hóa độ chúng sanh mà ưa ở riêng một mình, sống quá ư khắc khổ, so sánh với các vị Tỳ-kheo tích cực tiến bộ thật không giống, tâm từ bi làm lợi lạc chúng sanh của Tôn giả đáng kính phục, nhưng nhiệt tình hoằng pháp thì còn thiếu.

Trừ đức Thế Tôn, việc biện luận với ngoại đạo và giáo hóa các Tỳ-kheo đó là việc của nhị vị tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, còn Đại Ca-diếp chỉ chuyên tâm tu đạo. Trong khi đức Thế Tôn và hai vị đại đệ tử còn tại thế, Đại Ca-diếp chỉ thỉnh thoảng thuyết pháp cho hàng tục gia cư sĩ mà thôi. Sau khi Phật diệt độ, thay thế Phật thống lãnh đại chúng, lực lượng ấy đã được hàm dưỡng từ thời độc tu khổ hạnh trước đây. Tôn giả như một cỗ đại hồng chung, thời lặng thinh thì lặng thinh trầm mặc, nhưng khi chạm duyên cũng phát tiếng lớn vang dội.

Ban đầu hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cũng thường khuyên Đại Ca-diếp nên quên mình để phát tâm Bồ-đề mà ra làm việc hoằng pháp lợi sanh, tuyên dương chân lý. Đại Ca-diếp cũng nhất quyết trả lời:

- Đối với việc hoằng dương chánh pháp, giáo hóa chúng sanh, tôi không thể làm được. Quên tự ngã không phải là chuyện dễ đâu. Dạy dỗ những bọn người không tín tâm, ác độc như thế, tôi thật chẳng có dũng khí và sức lực. Tôi tự lượng sức mình, chỉ kham sinh hoạt tự tu cho chính mình, bền bỉ trong việc khổ hạnh kham nhẫn, để ủng hộ kẻ hậu lai đối với hạnh đầu đà thiếu dục tri túc, biết tôn trọng và thật hành theo. Nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh lớn lao kia, hoàn toàn

trông cây vào các vị.

Hai tôn giả nghe Đại Ca-diếp nói thế không hề thất vọng, trái lại còn xưng tán:

- Trưởng giả đủ khả năng dựng lập pháp tràng về phương diện ấy, thật cũng rất khó khăn. Phật pháp rất nhiều mặt, mỗi người có thể làm theo lý tưởng của mình, theo chí nguyện của mình. Chúng tôi xin chúc hạ trưởng lão!

Đại Ca-diếp không thích sinh hoạt trong đoàn thể ở tinh xá rừng Trúc hay tinh xá Kỳ Viên, thậm chí Tôn giả không thích hòa vui trong cảnh ấy. Tôn giả chỉ ưa tịnh tọa nơi đồng trống, quán tử thi nơi gò mả, hay vá y dưới gốc cây. Tôn giả nhận thấy đồng xương trắng hoặc mùi hôi người chết rất thích hợp trong việc tu quán vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đại Ca-diếp không sợ mưa to gió lớn, không nê ngày nắng đêm sương, thân già khô gầy của Tôn giả luôn luôn ở dưới gốc cây trong rừng, hoặc nơi phần mộ xương trắng đồng hoang, mặc cho ai khuyên can, chẳng hề đình chỉ khổ hạnh.

12. ĐỨC PHẬT CHIA NỬA TÒA

Tôn giả niên lạc càng ngày càng cao, đối với việc khổ hạnh đầu đà càng lúc càng tinh cần.

Một hôm, đức Phật không thể nhìn thấy Tôn giả tuổi cao tác lớn mà cứ sống dầu dãi nắng mưa, ngày đêm phong sương như vậy, nên muốn khuyên Tôn giả bớt khổ hạnh.

Lúc ấy, bánh xe pháp dừng trụ tại giảng đường Lộc Mẫu, đức Thế Tôn cho gọi Đại Ca-diếp. Tôn giả mặc y bá

nap, râu tóc ra dài, chậm chạp đi đến. Các tân Tỳ-kheo ở đấy không biết Tôn giả, thấy hình dáng lôi thôi của Tôn giả đều tỏ ý khinh rẻ, có người còn định bước tới ngăn cản không cho đến gần Thế Tôn.

Phật biết ý đại chúng, liền từ xa gọi Tôn giả:

- Đại Ca-diếp! Ông đến đó ư! Ta còn chờ phân nửa tòa ở đây, ông hãy mau đến ngồi.

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nghe Phật nói, giật mình, không dè ông Tỳ-kheo già đó là tôn giả Đại Ca-diếp danh chấn tông môn. Tôn giả đánh lễ Phật xong, lui lại vài bước và bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con là đệ tử của Ngài, con thật chẳng dám ngồi tại tòa dành riêng cho Thế Tôn.

Lúc ấy, đức Phật nói cho đại chúng rõ oai lực vô biên của Đại Ca-diếp, lịch trình tu tập của Tôn giả tương đồng với Thế Tôn, đời nay nếu không gặp Phật, Tôn giả cũng có thể giác ngộ, chứng quả vị La-hán Độc giác.

Qua sự việc trên, có thể thấy đức Phật quý trọng Tôn giả đến thế nào, thậm chí đối đãi như khách, biểu lộ địa vị trọng yếu của Tôn giả trong giáo đoàn.

Đức Phật bảo Tôn giả không nên tiếp tục khổ hạnh, hãy bỏ bớt y thô nặng nề, mặc y nhẹ của tín thí cúng dường để tịnh dưỡng tuổi già, không nên mệt nhọc quá độ như thế.

Nhưng dù cho đến đức Phật ủy lạo đến đâu, Tôn giả cũng chẳng thay đổi cách tu. Tôn giả thưa với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hạnh đầu đà đối với con chẳng phải là khổ nhục, trái lại rất an lạc. Con không bị lo lắng ưu phiền

về thức ăn, y phục, không màng sự đắc thất trên nhơn gian, con chỉ cảm thấy một sự tự do thanh tịnh thôi.

Đương nhiên có người phê bình lối sống của con nặng về tự lợi, còn như các tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên thì thay Phật làm nhiệm vụ tuyên dương chân lý, không sợ khó khăn, chẳng tiếc thân mạng, cố động bánh xe pháp, ủng hộ chúng sanh thắm nhuần pháp vị, đồng được pháp lạc. Về phần con, tuy không đủ nhiệt tình vì người vì pháp, nhưng con không hề quên ân Thế Tôn. Cũng vì muốn báo ân Phật con mới tu học hạnh khổ đầu đà. Vì chúng sanh cần cứu độ hoàn toàn nương vào sự hoằng pháp của Tăng đoàn. Các Tỳ-kheo bố giáo là bậc thân pháp sư của tín đồ, cũng phải kiện toàn tự thân các vị mới có thể đảm đương công tác cao quý ấy. Còn bốn phạm của Tăng đoàn kiện toàn như thế nào ? Đương nhiên chỉ có theo sinh hoạt nghiêm túc để bồi dưỡng đức hạnh cho chính mình. Môn khổ hạnh đầu đà trong Phật pháp cũng là một phương pháp sinh hoạt nghiêm túc, tập quen được lối sống ấy mới có thể khắc khổ, nhẫn nại, kham nhẫn đạu bạc, nhất tâm nhất đức vì pháp vì chúng sanh! Bạch Thế Tôn! Con vì muốn trực tiếp củng cố Tăng đoàn, gián tiếp làm lợi ích chúng sanh, nên luôn luôn nguyện không xả bỏ khổ hạnh. Xin Thế Tôn lượng thứ cho tính cách chấp trước của đệ tử.

Phật nghe xong, rất hoan hỷ. Ngài nhìn Đại Ca-diếp, lại nhìn các Tỳ-kheo, và nói:

- Rất tốt! Tỳ-kheo các ông có nghe lời trưởng lão Đại Ca-diếp vừa nói không ? Tương lai chánh pháp của ta bị hủy diệt, không phải do thiên ma ngoại đạo phá hoại, mà vì sự hủ

bại tan nát của Tăng đoàn! Đại Ca-diếp nói rất đúng. Muốn hồng dương Phật pháp, để ánh chân lý mãi mãi chiếu sáng thế gian, điều trước tiên là phải củng cố Tăng đoàn. Muốn củng cố Tăng đoàn phải sinh hoạt nghiêm túc. Người như Đại Ca-diếp mới có thể phụ trách chủ trì chánh pháp của ta!

Này Ca-diếp! Ông cứ tiến tu đạo nghiệp, ta không ép ông. Ông cứ tu theo ý nguyện của mình. Khi nào ông muốn gặp ta, cứ tùy thời mà đến.

Đức Phật và Đại Ca-diếp, tuy là hai mà tâm chỉ một, thầy trò thông cảm nhau. Đức Phật đãi Ca-diếp như khách, như bằng hữu, nhưng tôn giả không quên lễ nghĩa, dùng tư cách đồ đệ mà đáp lại, khiến cho mối tương giao sư đệ càng thêm thâm sâu nồng hậu.

Chúng ta nghe nói đến đức Phật hoặc các vị La Hán, đều tưởng tượng rằng các vị ấy lạnh lùng nghiêm nghị như cây khô, đá lạnh, đối với thế gian chẳng lưu chút tình cảm nào. Thật ra không phải thế. Các vị ấy đã biến đổi như tình tạp nhiễm thành một thứ tình cảm tự nhiên cao thượng, gọi đó là từ bi. Hạt giống từ bi nảy mầm từ cây trí huệ, như đá nam châm thu hút chúng sanh, khiến chúng sanh sớm chiều gần gũi tiếp cận được nhân cách cao thượng ấm áp ấy, liền sửa đổi tập khí của mình.

Trong chốn rừng rậm um tùm của miền nhiệt đới, cây Sa-la trở hoa bát ngát. Những ngày hạ nhiệt đông hàn, những đêm trăng sáng trải ánh vàng trên vòm lá xanh, trong chốn cư trú thanh tịnh, vắng vẻ ấy, Đại Ca-diếp đã tu tập hằng năm, hằng năm qua đều đặn, dầu cho mười năm cũng như một ngày, cái phong tư cao cả của bậc Thánh đệ tử như còn

phảng phất đầu đây.

13. NỐI TIẾP Y BÁT CỦA ĐỨC PHẬT

Ngày tháng thoi đưa, nhanh như điện chớp, ứng thân hóa độ thế gian của đức Thế Tôn đã mãn duyên, vào năm tám mươi tuổi, Ngài báo tin sẽ nhập Niết-bàn.

Cũng năm ấy, trước tiên là Mục-kiền-liên tuần nạn, sau đến Xá-lợi-phất hồi hương nhập diệt, hiện tại đức Thế Tôn lại sắp nhập Niết-bàn, trong Tăng đoàn đầu đầu cũng thấy vẻ sầu thảm. Vì sự lưu truyền của chánh pháp và lãnh đạo Tăng đoàn, đức Thế Tôn đã sớm chú ý chọn người tiếp nối. Hiện nay trong Tăng đoàn, tôn giả Đại Ca-diếp già nua, và A-nan tuổi trẻ được coi như là những nhân vật có thể kế thừa Thế Tôn. Nhất là tôn giả Đại Ca-diếp. Ở trên hội Linh Sơn đức Thế Tôn đã ngầm trao “Chánh pháp nhãn tạng. Niêm hoa vi tiếu” là điển tích tối sơ của Thiền tông.

Khi đức Phật nhập diệt ở thành Câu-thi-na, tôn giả Đại Ca-diếp còn đang hưởng dẫn năm trăm Tỳ-kheo du hóa ở nước Đặc-xoa-na-xà phương Bắc. Sau khi nghe tin, tôn giả rất cảm thương, dắt các Tỳ-kheo đi ngày đi đêm về thành Câu-thi-na. Có người nước mắt đầm đìa, có người nằm lăn ra đất khóc than.

Trong chúng Tỳ-kheo có ông Bạt-nan-đà thuộc nhóm Lục Quân Tỳ-kheo, lại rất vui vẻ nói rằng:

- Mấy thầy cần gì phải thương cảm như vậy ? Phật-đà Niết-bàn rồi chúng ta mới được tự do. Lão nhân gia ấy còn sống đã bó buộc chúng ta, quản lý chúng ta, Ngài thường răn

ri chúng ta điều này không tốt, điều kia không được làm, cứ lải nhải đến bực mình. Bây giờ, Ngài Niết-bàn rồi, chúng ta càng nhẹ nhõm, thông thả chứ sao!

Không đợi Đại Ca-diếp quả trách, một thầy Tỳ-kheo bước đến định đánh Bạt-nan-đà. Đại Ca-diếp vội ngăn lại và răn:

- Đức Thế Tôn Niết-bàn, mọi người mất nơi nương tựa nên đều buồn thương, tại sao ông ngu si cho điều đó là việc vui mừng ? Kỳ thiệt Tôn giả phải đập cho ông một trận mới được.

Tuy là một bậc thánh, nhưng giây phút ấy Tôn giả cũng một phen vọng tưởng, có lúc tự như con thơ nhớ từ phụ, tưởng đến dung mạo và ngôn từ dạy bảo tha thiết, có khi nhớ đức Phật như nghiêm sư với đệ tử, oai đức khiến người kinh sợ chẳng dám gần, có lúc lại nghĩ đến việc kết tập Pháp bảo, phải nên mời những vị nào tham gia, người nào thuyết kinh, người nào đọc luật, Tôn giả đều suy nghĩ tới nơi. Tôn giả đem tấm lòng của một trưởng lão mà lo lắng cho tiền đồ Phật pháp.

Tóm lại, tâm tư của Tôn giả rất thâm trầm. Lúc ấy kim quan của đức Phật an trí tại chùa Thiên Phủ. Hàng đệ tử vây quanh buồn bã khóc than, và chuẩn bị tưới dầu thơm, sắp củi lửa để làm lễ trà tỳ, nhưng đốt hoài không cháy. Bảy ngày sau, Đại Ca-diếp về đến, từ trong kim quan đức Phật lộ hai chân ra, tôn giả trông thấy không cầm được nước mắt, chấp tay đánh lễ thưa rằng:

- Đức Thế Tôn từ bi! Bậc cứu thế vĩ đại. Xin an tâm,

chúng con sẽ đi theo bước chân của Ngài!

Đại Ca-diếp nói xong, đức Phật thâu hai chân vào. Và lúc ấy, giữa những tiếng khóc than kinh động của chúng đệ tử, đức Phật dùng “Tam muội châm hỏa” tự trà tỳ kim thân.

Từ đây trách nhiệm lưu truyền đại pháp, đã do tôn giả Đại Ca-diếp đảm đương.

14. KẾT TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN

Phật diệt độ khoảng chín mươi ngày sau, các Tỳ-kheo mở hội nghị kết tập pháp điển.

Ban đầu, Đại Ca-diếp cũng một phen khổ tâm khi chọn vị trí kết tập. Tinh xá Trúc Lâm thì quá rộng, ở đấy lại không có nhiều các Tỳ-kheo ly dục chứng quả cư trú. Sau cùng Tôn giả chọn một thạch động trong vùng núi phía Đông Nam của thành Vương Xá, tên gọi là động Tất-ba-la-diên.

Trong rừng núi tịch tịnh, hang động rộng rãi, chính là một cảnh thoát trần trong những cảnh ngoài vòng trần ai. Năm trăm vị A-la-hán đều suy cử tôn giả Đại Ca-diếp, A-nan-đà, A-na-luật, Ưu-ba-ly, Phú-lâu-na làm bậc thượng thủ. Song tôn giả Đại Ca-diếp với tư cách chủ tọa đã cử tội A-nan trước đại chúng, quả trách A-nan chưa chứng Thánh quả, mỗi tội bỏ xuống một thẻ, sáu tội sáu thẻ, oai nghiêm như đức Phật, A-nan dù kiêu khí ngất trời nhưng trước mặt Tôn giả cũng chẳng dám phản kháng, chỉ một bề nhận lỗi.

Đại Ca-diếp rất vĩ đại, sau khi Phật diệt độ, trong những hàng thánh đệ tử đông như thế mà đủ sức thống lý đại chúng, không để cho giáo đoàn bị chia năm xẻ bảy. Do đó đủ

biết thanh danh và oai quyền của Tôn giả thật vững chắc như bàn thạch.

Khi Phật còn tại thế, hai vị đại đệ tử anh tài như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã hoạt động trong và ngoài giáo đoàn, là hàng đệ tử thân tín của đức Phật. Còn Đại Ca-diếp thì trầm mặc tu đạo những hoạt động của Tôn giả đều có giới hạn. Nhưng đến khi đức Phật và hai vị đại đệ tử nhập diệt rồi, mới gọi rằng nước cạn bày đá, đảm nhiệm việc lãnh đạo giáo đoàn. Do đó mới thấy ra sức tu dưỡng cao sâu của Tôn giả, và độ lượng rộng lớn của Ngài.

Tác phong của Tôn giả là bảo thủ. Tôn giả không giống tinh thần tiến bộ và tích cực của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Phật giáo ngày nay có khuynh hướng thối ẩn, cư trú rừng núi bảo thủ chú trọng khổ hạnh, đã chịu ảnh hưởng của tôn giả Đại Ca-diếp rất nhiều, điều này là sự thực không thể phủ nhận.

Tôn giả Đại Ca-diếp không có thần thông quảng đại, nhưng đối với bất cứ điều khó khăn nào đều có thể kiên nhẫn, an nhiên mà vượt qua. Đem ánh sáng chân lý của đức Phật cao vọi như Thái Sơn chiếu khắp đại địa, lưu truyền đến đời vị lai vô cùng, đầy đủ tư cách ấy thì trong Tăng đoàn đương thời không có ai sánh bằng Tôn giả.

Ngày kết tập thứ hai trở đi, A-nan tụng kinh, Ưu-ba-ly tụng luật, Phú-lâu-na luận nghị. Đó là sự nghiệp thiêng liêng lớn lao của cuộc kết tập tam tạng lần thứ nhất, đã thuận hòa hoàn thành như thế.

Chúng ta được thừa hưởng cam lồ pháp thủy của đức

Phật, chúng ta có kho tàng Thánh điển minh mông như đại hải kia, chúng ta phải cảm tạ tôn giả Đại Ca-diếp!

15. LONG HOA TAM HỘI NGUYỄN TƯỚNG PHÙNG

Hai mươi, ba mươi năm sau lần kết tập ấy, Đại Ca-diếp bỗng nhiên khởi ý nghĩ yếm thế. Ngài nghĩ “Đức Thế Tôn là bậc đại sư của ta, ân sâu như đại hải, đối xử với ta tình như cha mẹ yêu con, ta đã vì đời sau mà lưu truyền đại pháp, có thể tính là báo đáp được ân Phật một phần trong muôn phần. Hiện nay, ta đã già yếu, thân thể lão hủ này còn luyến tiếc gì, tốt hơn ta nên nhập Niết-bàn”.

Lúc ấy Ngài đã hơn một trăm tuổi.

Ngài liền đến nơi A-nan đang du hóa, phó chúc pháp tạng, yêu cầu A-nan tiếp nối sứ mạng, và sau đó bay lên hư không đến tại các nơi có tháp thờ Xá Lợi của Phật, hết thấy tám chỗ, cúng dường lễ bái.

Tôn giả trở về thành Vương Xá, định đến cáo từ vua A-xà-thế, nhưng quân hầu của vua còn đang ngủ. Tôn giả bèn rời thành, đến núi Kê Túc phía Tây Nam, cách đó tám dặm. Ngọn núi này có ba đỉnh cao chót vót, hình dáng như chân con gà. Phần nửa núi trở lên là rừng cây rậm rạp, phần nửa núi trở xuống là thảm cỏ trải dài.

Khi Tôn giả đến dưới chân núi, thì ba đỉnh núi từ từ tách ra thành một nơi tọa thiền bên trong rất đẹp. Tôn giả liền lấy cỏ trải tòa mà ngồi và tự nói: “Hôm nay ta sẽ dùng sức thần giữ gìn nhục thân này, dùng y phấn tảo che phủ trên

mình, để đến sáu mươi bảy ức năm sau, Bồ-tát Di Lạc giáng sanh thành Phật, ta sẽ đến bái kiến Ngài, giúp Ngài giáo hóa chúng sanh.” Nói xong, ba ngọn núi khép lại như cũ, giấu kín tung tích Tôn giả.

Vua A-xà-thế nghe tin Tôn giả nhập diệt, rất đổi bi thương! Lập tức đến gặp tôn giả A-nan, yêu cầu cùng vua đi đến núi Kê Túc. Khi hai người vừa đến nơi, ba ngọn núi lại tách ra, cả hai cùng thấy Tôn giả Đại Ca-diếp đoan tọa nhập định trong đó, trên thân phủ đầy hoa Mạn-đà-la. Nhà vua cùng A-nan cúng dường lễ bái rồi lui ra. Núi tự nhiên khép lại. Ngoái lại nhìn rừng núi tịch tịnh, để sáu mươi bảy ức năm sau, tôn giả Đại Ca-diếp đã trường kỳ giữ gìn y bát của đức Phật, ở tại núi này đợi đức Di-lặc Tôn Phật đến thăm, lại trao y bát ấy cho Ngài. Phong độ lưu truyền giáo hóa ấy, cả hai đều khâm phục vạn phần.

Câu chuyện diễm lệ, huyền ảo này có ghi chép nhiều trong kinh điển. Từ đó, chúng ta có thể nhận ra tư cách vĩ đại của tôn giả, qua ngàn vạn kiếp không lu mờ!

Có người nói: Tinh thần của các bậc vĩ nhân đã hòa cùng tạo hóa, thâm nhập vào chỗ trí áo của trời đất, mà sinh mạng trường tồn với thời gian vô tận. Từ cố sự của tôn giả Đại Ca-diếp, chúng ta có thể thấy sinh mệnh của tôn giả đã vô cùng vô tận, và như thế, giáo pháp của đức Phật nói ra cũng lưu truyền vô cùng vô tận vậy.

Một đời của tôn giả Đại Ca-diếp thật huy hoàng lộng lẫy. Từ lúc sanh ra dưới gốc cây, đến đúc tượng vàng chọn vợ, mười hai năm danh nghĩa phu thê, cho đến khi quy y với Phật bên tháp Đa Tử, xuất thân là con nhà giàu mà kham

nhẫn tu tập khổ hạnh, niêm hoa vi tiếu trên hội Linh Sơn, nối tiếp chánh pháp của Phật, nhiếp giữ đại pháp cho đến hơn trăm tuổi, không hề buông lời một bước, phản đối A-nan tham dự kết tập mà đến khi A-nan khai ngộ chứng quả lại nguyện đem Phật pháp giao phó cho A-nan kế thừa. Đó thật là cuộc đời của một nhân vật vĩ đại, đáng cho chúng ta hộ niệm, học tập.

Tôi viết đến đây, đức tướng và phong tư của Tôn giả dường như hiển hiện trước mắt. Tôi ước nguyện được vinh hạnh tương phùng với Tôn giả trên hội Long Hoa, tôi sẽ hướng về Tôn giả kính lễ.



A NA LUẬT

THIÊN NHÃN ĐỆ NHẤT

1. TUỔI ĐỒNG NIÊN VÔ ƯU

Trong kinh A Di Đà phần giới thiệu chúng hội vân tập, có nêu lên mười sáu vị đại A-la-hán, trong đó A-na-luật-đà là một, và đó cũng chính là tôn giả A-na-luật.

A-na-luật sanh trong dòng dõi vua chúa, vốn là đường đệ của Phật. Sau ngày Tịnh Phạn vương băng hà, đại tướng Ma-ha-nam lên nối ngôi, là anh ruột của A-na-luật.

Tuổi thơ của A-na-luật, vốn là một đứa trẻ thiên tư hoạt bát, rất thông minh mắn tiếp, đối với âm nhạc, kỹ thuật dưỡng như có tài đặc biệt. Năm bảy, tám tuổi thường ca hát trước đông người, làm những điệu bộ khôi hài khiến ai nấy đều bật cười. Đó là một chú bé được mọi người yêu mến.

Vào độ tuổi ấy, A-na-luật chỉ ăn no rồi đùa giỡn, chơi chán lại đòi ăn. Xuân cũng như hạ, ngày tháng trôi qua trong chốn vương cung vô tư lự.

Năm lên bảy tuổi, cậu bé A-na-luật thường chơi đánh bạc ăn bánh, hễ đánh thua thì phải chung vài cái bánh. Mỗi ngày A-na-luật thua chừng năm, sáu lần, mỗi lần thua chạy

kiếm mẫu thân đòi bánh, mẫu thân cũng chịu theo luôn.

Một hôm, A-na-luật đã thua ba lần, ba lần bị mất bánh cho người, đến lần thứ tư cũng theo má má đòi bánh nữa, má má bảo:

- Đã hết bánh rồi! Không còn nữa!

Nhưng A-na-luật chưa từng biết ý nghĩa của câu “Đã hết” hoặc “Không có” là gì, cứ theo má má nheo nhéo đòi cho được cái “bánh không có”. Má má muốn trêu cậu, cầm một cái hộp không đưa cho, để ngỏ ý cho biết hôm nay nhà không còn cái bánh nào.

Nhưng lạ thay, do phước phần của cậu bé, khi má má đem hộp không đến, thì trong hộp lại tự nhiên đầy bánh. A-na-luật vui mừng, vì được một hộp đầy nhóc cái “bánh không có”.

Từ đó về sau, mẫu thân không dám xem cậu như mọi chú bé tầm thường. Qua câu chuyện hộp bánh không mà thành hộp bánh đầy, nhất định lai lịch của A-na-luật rất phi phàm, về sau sẽ được phước báo rất lớn.

Tuy A-na-luật thông minh nhưng vì được sinh dưỡng trong sự nuông chiều, trưởng thành trong cung điện nên cho đến khi mười lăm tuổi, không hề biết đến cuộc sống ở ngoài bốn bức tường hoàng gia.

Có lần, A-na-luật cùng Bạt-đề, Kiếp-tân-na dạo chơi, cả ba bàn tán về vấn đề “Hột gạo từ đâu mà có?”. Kiếp-tân-na nói trước:

- Gạo lấy từ trong nước vo gạo. Tôi thấy lần nọ cung nữ vo gạo vớt lên.

Bạt-đề khoát tay:

- Kiếp-tân-na nói không đúng rồi.

Cậu lại bảo:

- Gạo lấy từ trong nồi cơm, tôi thấy cung nữ bới cơm trong nồi mà.

A-na-luật nghe hai bạn nói không đồng ý. Cậu làm ra vẻ biết chuyện hơn, quả quyết:

- Gạo là do bát vàng sanh ra. Mỗi lần ăn hết cơm, tôi lại thấy cung nữ xới từ bát vàng đem đến.

Qua câu nói của ba vị vương tử, chúng ta có thể thấy nhận thức về xã hội của mấy ông hoàng con thật ấu trĩ.

Các tiểu vương tử này đối với xã hội bên ngoài mờ mịt chẳng biết gì, nhưng cơm áo vật chất hưởng thọ tột đỉnh hào hoa của nhân gian, cơm dâng đến miệng, nước mời tận tay, họ đã trải qua một đời tuổi trẻ vô ưu.

Các hoàng tử đã mười mấy tuổi đầu, vì sao đối với những chuyện thông thường mà hiểu biết lại cạn cợt như thế? Nguyên nhân là từ khi Thái tử dạo chơi bốn cửa thành, cảm thấy sự kinh sợ của sanh, lão, bệnh, tử đã phát nguyện xuất gia học đạo. Từ đó, trong hoàng cung đã quy định không cho phép các vương tôn vương tử ấu niên ra khỏi cung vi. Sống ở trong tháp ngà thì dù là người thông minh trí huệ cũng chẳng hiểu hết được chuyện thế gian.

2. NHIỆT TÂM XUẤT GIA

Đến tuổi trưởng thành, A-na-luật đã là một thanh niên tướng mạo đường đường, không còn là cậu bé ngây thơ nữa. Chàng dần dần hiểu được cuộc đời, nhận mặt kiếp nhân sanh, nhằm lúc ấy đức Phật thành đạo, trở về thành Ca-tỳ-la thuyết pháp giáo hóa. Sức cảm hóa của Thế Tôn rất mạnh, chẳng bao lâu trong hoàng tộc nhiều người quy y Phật, xuống tóc xuất gia. Trước tiên là Nan-đà, người sẽ là vua trong tương lai, theo Phật làm Sa-môn. Kế đến là La-hầu-la làm Sa-di. Điều ấy khiến các vương tử thanh niên chấn động. A-na-luật cũng nằm trong tình hình ấy, lập chí xuất gia theo Phật.

A-na-luật đến tìm anh Ma-ha-nam và nói:

- Ca ca! Đức Phật trở về hoàng cung khiến cho mấy ngày gần đây, dòng họ Thích chúng ta nhiều người cũng xuất gia làm Sa-môn, đem cam lồ pháp vũ của Phật truyền đi khắp tứ phương, đó là một cuộc sống đầy ý nghĩa. Nan-đà đã bỏ cô vợ đẹp Tôn-đà-lị, gia nhập Tăng đoàn. La-hầu-la nhỏ tuổi như vậy cũng xuất gia học đạo. Hai anh em ta nếu không có một người xuất gia thật khó coi. Ca ca à! Ý anh thế nào ?

Đại tướng Ma-ha-nam anh dũng đã lập nhiều chiến công với quốc gia, nghe em nói, bèn trả lời:

- Tiểu đệ! Lời nói của em giống ý của anh. Hai anh em mình nhất định phải có một người xuất gia mới đáng mặt. Anh định bàn với em, từ nay em hãy lo hiếu dưỡng cha mẹ, để anh theo Phật làm Sa-môn!

A-na-luật lắc đầu không chịu:

- Ca ca! Anh không thể xuất gia được, nước nhà rất cần đến anh. Tuy em cũng biết võ công nhưng sánh với anh thật là thua xa. Xin anh hãy để em xuất gia, tính em thích hợp với lối sống tịch tịnh của Tăng đoàn. Em không ưa chỗ ồn náo, mà cũng rất nhàm chán ngũ dục của hoàng cung.

Ma-ha-nam đành phải nhượng bộ trước lập luận của em. Nhưng Phật-đà quy định, muốn xuất gia phải có sự ưng thuận của cha mẹ, A-na-luật chỉ còn cách năn nỉ cầu khẩn xin với vương phụ vương mẫu, bằng lòng cho mình được gia nhập Tăng đoàn làm Tỳ-kheo.

Lòng cha mẹ thương con tha thiết, làm sao đồng ý trước yêu cầu đó. A-na-luật nói cách mấy cũng không được. Đôi ba phen năn nỉ, đôi ba phen bị từ chối.

Sau cùng vì chí nguyện xuất gia kiên cố, A-na-luật tính bề tuyệt thực cho đến chết. Song thân chàng không còn cách nào khác hơn, bèn phủ dụ:

- Nếu như con muốn xuất gia, con hãy thương lượng với vương tử Bạt-đề, nếu-bạt Đề xuất gia thì chúng ta cho con đi xuất gia với chàng. Nếu Bạt-đề không chịu thì con đừng đòi hỏi trông mong nữa.

Thuyết phục Bạt-đề xuất gia không phải là chuyện dễ. Ai cũng biết sau đức Phật, La-hầu-la xuất gia, vua Tịnh Phạn lập Bạt-đề làm Thái tử. Chàng sẽ thừa kế vua Tịnh Phạn làm quốc chủ Ca-tỳ-la-vệ, xuất gia sao được? Nhưng A-na-luật nghe vương phụ nói xong, chẳng hề thối chí. Chàng cao hứng đi tìm Bạt-đề, đem ý định xuất gia theo Phật ra nói và rủ

Bạt-đề cùng xuất gia với mình. A-na-luật chăm chú đợi Bạt-đề trả lời.

Đối với việc từ bỏ dục lạc, vinh hoa phú quý của cuộc đời để làm thầy Sa-môn học đạo, vương tử Bạt-đề cảm thấy rất khó. Nhưng đối với chỗ thân tình như A-na-luật, nếu chối từ thẳng thì chẳng tiện chút nào. Vương tử suy nghĩ giây lâu, miễn cưỡng nói:

- A-na-luật! Xuất gia làm Tỳ-kheo chẳng còn được lưu luyến dục lạc thế gian, tôi và em đều còn trẻ làm sao đủ sức chịu nổi ? Em hãy đợi vài năm, chúng ta vui hưởng hết những thú vui vương giả, bảy năm sau tôi sẽ đi xuất gia với em.

Rõ ràng là Bạt-đề khéo léo từ chối, nhưng A-na-luật đôi ba phen nói rõ niềm vui của cuộc đời xuất gia, nên từ bảy năm Bạt-đề hẹn lại một năm, từ một năm còn lại một tháng, từ một tháng giảm còn bảy ngày. A-na-luật thấy Bạt-đề hẹn sau bảy ngày sẽ cùng đi xuất gia, mới hoan hoan hỷ hỷ cáo biệt về nhà.

Bảy ngày sau, hai vị vương tử này cùng với A-nan, Đề-bà, Kiếp-tân-na, Bà-sa, Nan-đề cả bảy người đồng lên bỏ nhà ra đi, dẫn theo chàng thợ cạo Ưu-ba-ly. Họ tìm những con đường Phật thường đến du hóa. Khi đến mé rừng thôn Di-na, các vương tử cởi bỏ y phục, bảo Ưu-ba-ly cạo hết râu tóc cho bảy người, và khoác ca sa, đến ra mắt Phật.

Đức Phật chưa cho gia nhập Tăng đoàn ngay, bảo họ đến ở trong một tịnh thất, tịnh tọa một tuần lễ để quên hết thân thế cao sang của mình, rồi sau mới chánh thức cho xuất gia, ra mắt đại chúng.

3. CỤ TUYỆT THIẾU NỮ CẦU HÔN

Sau khi xuất gia, A-na-luật nghe giảng kinh điển, tập quen lối sống đạm bạc, đối với lời dạy của đức Phật rất hoan hỷ phụng hành.

Tuy chưa chứng quả nhưng được động viên bởi niềm vui Phật pháp, và muốn báo ân đức Phật đã cho phép xuất gia, A-na-luật dự định đi hành khước một phen, làm một chuyến giáo hóa phương xa. Đức Thế Tôn rất hoan hỷ và khuyến khích Tôn giả. Theo ý Ngài, hàng đệ tử cần phải có nhiệt tâm hoằng pháp lợi sanh, trong khi làm việc độ sanh mới có thể nuôi lớn tín tâm, tín tâm mạnh mới có thể khai ngộ chứng quả.

Thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi A-na-luật, nghi biểu trang nghiêm, phong tư mỹ mạo, màu da sáng rõ, mũi như mỏ chim anh vũ. Cũng vì tướng hảo đoan chánh ấy nên trên đường hoằng pháp đã một phen bị thiếu nữ đeo đuổi.

Hôm ấy, A-na-luật từ tinh xá Kỳ Viên đi đến nước Kiều-tát-la, trên suốt đường trường không có trú xứ cho Tỳ-kheo, thầy không còn cách nào khác hơn là xin ngủ nhờ nhà dân chúng. Trong chốn đồng quê vắng vẻ, làng xóm thưa thớt, A-na-luật ghé lại một ngôi nhà có vẻ rộng rãi, định xin tá túc qua đêm. Thật chẳng ngờ hôm ấy trong nhà đi vắng hết, chỉ có một cô gái trẻ tuổi ở nhà.

Thầy hết sức do dự. Một vị Tỳ-kheo nghỉ đêm tại một ngôi nhà chỉ có một thiếu nữ, chẳng biết nên hay không nên, vì lúc ấy đức Phật chế giới không đề cập đến điểm ấy. A-na-luật nhìn ngoài trời thấy một sắc tối đen, mặt trời bị mây đen

phủ kín như sắp mưa to, A-na-luật không biết làm sao nên phải ở lại nhà ấy. Thấy vào nhà độ một lúc, lại có một ông già lở đường ghé vào xin tá túc, nhưng cô gái chủ nhà từ chối quyết liệt. Thấy cô đối xử với ông già không chút gì lễ độ, cũng không có tình người, A-na-luật đã thâm ngạc nhiên.

Thiếu nữ đối với A-na-luật rất ân cần, mời trà mời nước, hỏi gần hỏi xa. A-na-luật chỉ một bề ngồi tịnh tọa, nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mong cho trời mau sáng để đi khỏi nơi đây.

Đến nửa đêm, ánh đèn dần dần mờ ảo, mông lung. Thiếu nữ đến bên giường A-na-luật thốt lời tình tứ:

- Em biết thầy là một Sa-môn, đối với Sa-môn mà có ý nghĩ này nọ thì không phải, nhưng từ khi em gặp thầy thật khó ngăn được cảm tình. Xin thầy hãy tin em, em không phải là hạng con gái trác nết trắng hoa, rất nhiều chàng công tử đến cầu hôn mà em chẳng nhận lời ai. Em thấy thầy dung mạo thanh tân, hành vi đoan trang, em không sợ xấu hổ phận gái mà xin nguyện tự đính ước với thầy. Từ nay mời thầy cứ ở lại nhà em, ba má em nhất định rất vui mừng đấy ạ.

A-na-luật vốn dòng dõi vương tôn anh tuấn, đối với chuyện ái tình của các cô thiếu nữ thầy cũng có chút ít kinh nghiệm. Vốn từ thời còn ở hoàng gia, cũng có nhiều công nương bao vây xin cầu hôn, tuy nhiên A-na-luật nhận thấy ái tình chẳng vui sướng gì, chàng không bị dục nhiễm mê hoặc. Chỉ có tu đạo mới thật là niềm vui an ổn nhất.

Khi lửa ái tình của thiếu nữ bộc phát, khó mà dập tắt ngay. A-na-luật chỉ còn cách nhắm nghiền mắt không ngó

ngàng đến cô gái để cô ta mắc cỡ mà lui ra. Nhưng cô nàng lại có ý bất chánh, tiến tới nắm tay thầy. Thầy vẫn ngồi yên như một quả núi đá không nhúc nhích, cô nọ lại dạn dĩ ôm choàng lấy thầy. Lúc đó A-na-luật mới trừng mắt nhìn cô trách rằng:

- Này cô nương! Cô không mắc cỡ sao ? Nam nữ còn không thể cầu thủ như vậy, huống chi tôi là người xuất gia, cô lại đối với tôi chẳng có chút lễ độ. Tình ái của nam nữ trên thế gian là nguồn gốc của bể khổ sanh tử, gây ra đủ thứ phiền não, thị phi rối rắm. Cô hãy dập tắt lửa tình của cô, hãy nhìn kỹ lại lòng mình.

Lời nói nghiêm nghị của A-na-luật khiến thiếu nữ hổ thẹn cúi đầu. Sau đó, cô sanh tâm hối hận, xin A-na-luật tiếp dẫn cho mình quy y Phật, làm Ưu-bà-di.

Tình nam nữ là tập quán của loài người, nhưng người tu phải vượt khỏi **tính** người mới tiếp thọ được **tính** Phật. Từ đó về sau, A-na-luật không dám ngủ lại ban đêm ở nhà dân gian.

4. LOÀI SÒ ỐC HAM NGỦ

Đạo tâm của A-na-luật rất kiên cố, tuy gặp sắc đẹp mà không xao động, tâm địa của thầy quang minh ai cũng biết. Nhưng, có một phen vì thù miên, thầy bị đức Phật quở trách nặng nề.

Trong buổi giảng kinh của Thế Tôn, A-na-luật bị con ma hôn trầm bì quỵện ám ảnh nên không cưỡng được, thầy ngủ gục tại tòa. Đức Phật ở xa nhìn đến, thấy vậy bèn nói:

*Đốt thay kẻ mê ngủ,
Thu mình trong vỏ sò,
Một giấc ngủ ngàn năm,
Không nghe danh hiệu Phật.*

Người kế bên bèn xô nhẹ A-na-luật, thầy hoảng kinh thức dậy. Đức Thế Tôn hỏi thầy:

- A-na-luật! Ông đi xuất gia vì sợ phép nước, hay vì sợ đạo tặc ?

A-na-luật vội đứng lên cung kính thưa:

- Thưa không phải!

- Vậy thì vì lý do gì mà ông xuất gia ?

- Thưa Thế Tôn! Vì con nhàm chán sanh, lão, bệnh, tử, muốn giải thoát ưu bi, khổ não.

- Mọi người đều khen ông không vì nữ sắc mà phạm giới, chắc ông tự mãn điều ấy lắm, ông xem, trong khi ta thuyết pháp mà ông ngủ ngon như vậy.

A-na-luật nghe Phật quở, liền quỳ xuống, chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn! Xin từ bi lượng thứ cho sự ngu si giải đãi của con, từ nay về sau, cho đến lúc chết con không ngủ trở lại nữa!

Đối với đệ tử đã biết nhận tội sám hối, đức Phật rất hoan hỷ. Và từ khi A-na-luật phát thệ nguyện, đức Phật lại cố động an ủi thầy, khuyên thầy nên gắng dụng công, việc tu hành cố nhiên không thể quá buông lơi, nhưng cũng không thể quá gấp rút. Từ đó về sau, A-na-luật dụng công miên mật

từ sáng đến tối, từ đêm đến ngày không ngừng nghỉ.

Tu hành như thế, không ngủ một lúc, hoặc một ngày hai ngày thì chẳng sao. Nhưng lâu ngày chầy tháng, sức người tuy có thể miễn cưỡng duy trì, nhưng thân tứ đại sẽ mang bệnh không kham. Quả thật ít lâu sau, vì không ngủ nghỉ gì cả A-na-luật bị sưng húp hai mắt, nhức nhối khó chịu.

Đức Phật biết thầy tinh cần dụng công đến sưng mắt, Ngài rất lo lắng. Một hôm đức Phật cho gọi A-na-luật và từ hòa bảo thầy:

- A-na-luật! Ta đã nói với ông, tu hành mà bất cập thì không xong, mà thái quá cũng không được.

- Con đã từng phát nguyện trước đức Thế Tôn, con không thể làm trái lời nguyện.

- Ông đừng quan tâm đến vấn đề phát nguyện, con mắt mới là quan trọng.

Tuy đức Phật từ bi nói như vậy, nhưng A-na-luật vẫn nhất quyết không chịu ngủ. Đức Phật lại tìm phương tiện nói:

- Nay A-na-luật! Tất cả chúng sanh phải có thức ăn mới sống, lỗ tai dùng âm thanh làm thức ăn, lỗ mũi dùng mùi hương làm thức ăn, lưỡi dùng vị nếm làm thức ăn, thân dùng xúc chạm làm thức ăn, con mắt cũng dùng ngủ nghỉ làm thức ăn, ông không ngủ không được, con mắt sẽ thiếu nhu cầu, mà ngay cả Niết-bàn cũng cần đến thức ăn hưởng chi con mắt.

- Niết-bàn ăn những gì ?

- Niết-bàn dùng pháp không phóng dật làm thức ăn! Không phóng dật mới đến được cảnh giới vô vi, cảnh giới vô

vi cũng cần dùng thiền duyệt pháp hỷ làm thức ăn.

- Bạch Thế Tôn! Con không ngủ cũng chẳng hại gì, xin Ngài yên tâm!

Lòng từ bi của Phật, A-na-luật rất cảm kích, nhưng thầy không muốn làm trái lời nguyện. Thầy thức mãi cho đến lúc đôi mắt sưng đỏ. Đức Thế Tôn bèn cho mời ngự y Kỳ-bà đến trị bệnh cho thầy. Kỳ Bà khám bệnh xong bảo A-na-luật chỉ cần ngủ trở lại là mắt sẽ lành ngay, nhưng A-na-luật vẫn cương quyết không ngủ.

Chẳng bao lâu hai mắt thầy mù hẳn.

Từ câu chuyện trên, chúng ta thấy sự quyết tâm tu đạo của tôn giả A-na-luật. Dù biết rằng mắt sẽ mù mà vẫn không rút lui tâm nguyện, không trái lời tự hứa của mình. Đức Phật chỉ mới nói một câu mà Tôn giả đã phụng hành như thế đủ biết lòng cung kính của Tôn giả đối với Phật như thế nào.

5. ĐỨC PHẬT ĐÍCH THÂN VÁ Y

A-na-luật bị mù khiến cuộc sống của thầy có nhiều điều bất tiện, như đối với việc khát thực, vá y thật khó khăn.

Trong Tăng chúng có nhiều vị khỏe mạnh, thân tình, thường mỗi khi đi khát thực về thường đem phần cơm dư chia sót cho các Tỳ-kheo bệnh. Cho nên đối với việc ăn uống, A-na-luật chẳng bận tâm lắm. Từ khi bị hư mắt, không trông thấy mọi vật, A-na-luật lại càng không bị ngoại cảnh lay động, một lòng tinh thành tu đạo.

Một hôm, ba y của thầy đã rách nát, mấy lần thầy định chằm vá lại, nhưng con mắt không thấy đường làm sao may

vá. Cho đến khi chúng rách quá không biết làm sao, gặp lúc A-nan đi qua chỗ của thầy, A-nan thấy vậy mới nói:

- Này huynh A-na-luật! Ba y của huynh rách hết rồi sao không vá lại. Đức Phật có dạy: Thầy Tỳ-kheo y phục mới hay cũ không cần, nhưng phải chú trọng cho tề chỉnh, sạch sẽ.

- Thừa huynh A-nan! Tôi cũng đã thử vá mấy cái y, nhưng con mắt tối đen không xỏ chỉ được. Như nếu huynh có rảnh đến giúp tôi một phen được chứ ?

A-nan rất hoan hỷ đáp ứng, hẹn ngày đến vá giúp ba y.

A-nan về đến tinh xá Kỳ Viên định tìm thêm một vị Tỳ-kheo nữa để giúp A-na-luật, nhưng thiên nhĩ của Phật đã nghe hai người đối đáp, khi gặp A-nan, Ngài liền hỏi:

- Này A-nan! Sao ông không nói với ta đi vá y giúp A-na-luật ?

A-nan nghe Phật hỏi bất ngờ, vội thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc rất tôn quý, những việc vụn vặt của đệ tử chúng con không dám làm bận rộn Thế Tôn. Con và các Tỳ-kheo đều muốn giúp A-na-luật vá y, chúng con đang dự định đi.

- A-nan! Ông đừng nói thế. Ta cũng như các ông, cũng là một phần tử trong Tăng đoàn, ta sẽ đi với ông. Ông khỏi tìm nhiều người làm chi.

Đức Phật nói lời ấy khiến A-nan vô cùng cảm động. Mục-kiền-liên đứng kế bên cũng cảm kích lòng từ sâu thẳm của Phật, các vị đều nguyện theo Phật đến giúp A-na-luật.

Phật đến núi Ba-la-la, bảo A-na-luật:

- A-na-luật! Ông đem hộp kim chỉ ra đây, ta đến để giúp ông vá y.

Nghe tiếng Phật, A-na-luật bất ngờ hoang mang, trong đôi mắt mù bỗng ứa vài giọt lệ, không biết phải nói thế nào đây.

Đức Phật khâu kim, lấy vải trong hộp ra đo cắt. A-nan giúp phụ may luôn. Trong vòng một ngày đức Phật đã vá xong ba y cho A-na-luật.

Một người là tôn sư, là bậc Thế Tôn viên mãn phước đức; một người là đệ tử, là Tỳ-kheo mù lòa, trong tình sư đệ tương quan, thầy từ ái, trò cung kính, đã biểu hiện tình sư đệ của nhà Phật, thân giáo trọng hơn ngôn giáo, đã nêu lên một tấm gương tốt đẹp cho hậu thế chúng ta.

6. NGUYÊN NHÂN SỰ ĐẠO LẠC CỦA PHỤ NỮ

A-na-luật tuy mù lòa nhưng tâm rất sáng suốt, chỉ đối với sinh hoạt hằng ngày của một người mù thật là gặp nhiều điều bất như ý. Từ khi đức Phật vá ba y giúp Tôn giả, Ngài lại càng lân mẫn hơn. Đức Phật dạy Tôn giả tu tập “Kim cang chiếu minh tam muội” chẳng bao lâu A-na-luật chứng được thiên nhãn thông. Tôn giả cảm thấy hân hoan, cảm kích không thể tả. Đức Phật cũng hoan hỷ, trong tâm cũng thư thái, từ đó Ngài mới yên lòng.

Thiên nhãn có thể thấy khắp, không phân biệt gần xa, không kể trong ngoài. A-na-luật mất nhục nhãn mà được

thiên nhân như thế, chúng Tăng đều ái mộ, kính trọng Tôn giả. Điều đó tức nhiên là do sức từ bi của Phật gia hộ, nhưng cũng do chí nguyện kiên quyết tu hành của Tôn giả mới được thành tựu. Từ đó, A-na-luật đối với việc vá y, trì bát không còn lo lắng, chỗ người khác không nhìn thấy tôn giả đều thấu rõ. Trong kinh A Di Đà, đã đặc biệt nêu đại danh A-na-luật-**đà** trong hàng thánh đệ tử, vì thiên nhân của Tôn giả có thể thấy được thế giới Cực Lạc ở phương Tây, dùng thiên nhân để chứng minh cho hàng chúng sanh sơ học, dễ sanh lòng tin tưởng vào cõi nước của Phật A-di-đà.

Thiên nhân của Tôn giả không những chỉ thấy thế giới Cực Lạc, mà cũng thấy mọi tình hình ở chốn địa ngục. Một hôm, Tôn giả nhìn thấy rất nhiều phụ nữ bị đọa trong địa ngục, bèn đến hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con thấy có rất nhiều phụ nữ bị sa đọa vào địa ngục. Theo con thấy, người nữ rất dễ tín phụng lời Phật dạy, người nữ nhiều lòng nhân từ hơn nam giới, vì cố sao họ lại bị đọa vào địa ngục nhiều hơn ?

- Này A-na-luật! Trong Phật pháp, người nữ dễ tín phụng đó là sự thật, nhưng người nữ dễ tạo tội cũng là một sự hiển nhiên. Người nữ có ba thứ tâm lớn hơn nam giới. Thứ nhất, mỗi sáng sớm mới thức giấc, tâm xan tham của nữ nhân rất nặng, họ mong rằng tất cả tài bảo trên thế giới đều gom vào nhà mình. Thứ hai, lúc ban trưa, tâm tật đố của họ tăng lớn mạnh, cảm thấy rằng toàn thể nhân loại đều làm chướng ngại mình. Thứ ba, lúc xế chiều, tâm dâm dục của họ lấy lòng, lúc nào cũng mong có người dựa kề bên mình. A-na-luật! Tâm xan tham, tật đố, dâm dục của nữ nhân rất dễ

chiêu cảm họ phạm tội. Đó là nguyên nhân khiến họ đọa địa ngục rất nhiều.

Nhân sức thiên nhãn của Tôn giả thấy người nữ đọa địa ngục đã khiến đức Phật thuyết một bài pháp cho hàng tín nữ hôm ấy, khiến các bà, các cô một phen chứng kiến mà tỉnh ngộ.

A-na-luật chứng Thánh quả, được thiên nhãn, trở thành bậc đệ tử thượng thủ trong Tăng đoàn. Nhưng đôi khi tôn giả luận đạo với Xá-lợi-phất, vì vấn đề Thiên nhãn thông mà tôn giả cũng bị Xá-lợi-phất răn dạy cho một phen. Số là, A-na-luật đến hỏi Xá-lợi-phất:

- Thưa Tôn giả! Tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh có thể nhìn thấy ba ngàn đại thiên thế giới. Tôi được chánh niệm tinh tấn không lay động, hiện tại thân thể tôi khinh an như đạo chơi trong trời đất tịch tịnh, tâm tôi đã lìa chấp trước không còn tán loạn. Xin hỏi Tôn giả, đó có phải là ly phiền não đắc giải thoát không ?

Xá-lợi-phất, bậc thượng thủ đệ nhất trong Tăng đoàn, thường thay Phật thuyết pháp, nghe tôn giả A-na-luật nói rồi liền bày tỏ ý kiến:

- Tôn giả A-na-luật! Vừa rồi ông nói có thiên nhãn thấy suốt ba ngàn đại thiên thế giới, đó là tâm ngã mạn. Ông nói ông có chánh niệm bất động, đó là tâm trạo cử. Ông nói tâm ông đã lìa chấp trước, không còn tán loạn, đó là tâm cuồng vọng. Theo sự hiểu biết của tôi, cần phải xa lìa tâm ngã mạn, tâm trạo cử, tâm cuồng vọng, mới là lìa phiền não đắc giải thoát.

Đối với lời dạy của Xá-lợi-phất, A-na-luật chẳng những không giận mà rất cảm kích. Tôn giả biết rằng lời nói của Xá-lợi-phất là lời nói của bậc chân chánh thấy đạo. A-na-luật là một người rất khiêm tốn vậy.

7. TRONG RỪNG TỊCH TĨNH

Mùa an cư thứ mười, Phật trụ tại nước Câu Diệm Di, trong chúng đệ tử lúc ấy nổi lên sự tranh chấp chia rẽ mãnh liệt. Nhân đó, đức Phật thuật lại câu chuyện vua Trường Thọ nhần nhục, để nhắc nhở mọi người chấm dứt sự tranh cãi.

Thế Tôn dạy: “Đem oán hận để dẹp oán hận, oán kia không bao giờ dứt, chỉ có từ bi nhần nại mới dập tắt lửa oán thù”.

Lời Phật dạy, nhiều người cảm động đã trừ bỏ tâm sân nhuế, nhưng còn số ít ưa gây gỗ phi pháp, không chịu nhường nhịn ai hết. Khi ấy, đức Phật lại nhớ đến đức nhần nhượng khiêm tốn của A-na-luật. Ngài bèn đi bộ một mình đến khu rừng Ba-lợi-da-sa La nước Bạt-kỳ để thăm A-na-luật đang tu tập tại đó.

Trong rừng Ba-lợi-da-sa-la, ngoài A-na-luật còn có Bạt-đề, Kiếp-tân-na, ba vị cùng tu chung một chỗ. Cả ba đều là anh em chú bác với nhau, khi còn tại gia rất thân thiện, đến lúc xuất gia cũng thân thiện. Ba vị có một lời minh ước, đồng y chỉ với đức Phật, luôn luôn tuân theo lời chỉ dạy của Thế Tôn tu tập.

Trong đó, A-na-luật hiện thời là một vị A-la-hán chứng thiên nhãn, còn Bạt-đề, Kiếp-tân-na cũng trong năm đầu

xuất gia, khai ngộ ngay mùa an cư. Ba vị thánh sống chung một nơi, đồng một sinh hoạt an tịnh hòa nhã, điều ấy không cần nói.

Ba vị ước định chung, bình thường thì không ai nói chuyện với ai, năm ngày họp mặt luận bàn đạo lý một lần, trình bày sự tu hành tâm đắc, hay cần sửa đổi nội dung sinh hoạt thì nêu ra. Thường ngày các vị đi vào làng khát thực, người nào trở về trước thì trải sàng tòa, châm nước trong lu, sắp đặt bồn rửa chân, vãi chùi chân để bên lu nước. Thọ trai xong, thức ăn còn dư đem để một nơi cao ráo, hoặc rộng trong nước đã lọc sạch côn trùng. Người về sau nếu ăn không no sẽ lấy thức ăn đó ăn tiếp.

Sau khi thu dọn gọn ghẽ, tự mình rửa tay, rửa chân, sửa sang tọa cụ và vào trong tịnh thất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng hoặc tọa thiền. Người về tiếp theo, nếu ăn chưa no thì ăn tiếp thức ăn của người trước để lại, nếu như có lợi dưỡng khác thì cũng để dành như vậy. Ăn rồi rửa chén bát, lau khô cất riêng một nơi, quét dọn chỗ ngồi ăn, dẹp cát y bát, rửa tay chân, trải tọa cụ tọa thiền tu tập như người trước. Cho đến xế chiều, người xuất định trước bèn đến xem trong lu có còn nước hay hết, nếu hết thì đi xách thêm, một người xách không nổi thì đưa tay ra dấu kêu thêm người nữa đến giúp. Hai người im lặng khiêng nước xong, im lặng trở về phòng. Và cứ thế, sinh hoạt của các vị trong chốn rừng u tịch đều đặn trôi qua.

Đức Phật không ưa chỗ sân si ồn ào, nhớ nghĩ đến Ana-luật nên đi đến khu rừng hòa bình của ba vị tôn giả. Ngoài bìa rừng có người canh giữ, ông ta không biết đức

Phật, vì bình thường Ngài đi giáo hóa các nơi thì có nhiều đệ tử theo sau, hôm nay đức Phật đi một mình, nên trong lúc bất ngờ ông ta không đề đó là đức Phật quang lâm, bèn cản lại:

- Xin Ngài dừng vào đây, trong rừng này có ba vị thánh đang tu tập.

Đức Phật mỉm cười, từ tốn đáp:

- Ông hãy vào nói với họ có người đến thăm, chắc chắn họ rất mừng khi thấy ta.

Người giữ rừng vào trước báo tin. A-na-luật thoáng nhìn ra thấy đích thị Phật-đà quang lâm đều lộ vẻ mừng rỡ. Ba người vội vàng ra nghinh tiếp, A-na-luật đỡ y bát, Bạt-đề trải tòa, Kiếp-tân-na múc nước rửa chân. Đức Thế Tôn được sự đón tiếp thành kính của ba vị đệ tử. Ngài rửa tay chân xong liền an tọa, hỏi thăm về cách sinh hoạt và sự tu tập. Ba vị đều thật tình trình bày. Đức Thế Tôn nghe xong rất hoan hỷ, khen ngợi:

- Các ông tu hành hòa hợp như thế, cuộc sống đầy an lạc, không tranh cãi đằm tịnh, nhất tâm nhất đức, một thầy một pháp tu như sữa hòa với nước, trên đời không có cái đẹp nào hơn.

Đức Phật khen xong lại nói thêm về sự tu hành của Ngài trong kiếp quá khứ để sách tấn ba người. Từ một nơi gây gổ đến một nơi hòa bình như chốn này, đức Phật rất hoan hỷ. Đối với sự thăm hỏi bất ngờ của Thế Tôn, A-na-luật thật là vui mừng phấn khởi.

8. CẢM HÓA ĐẠO TẶC

Sau khi chứng Thiên nhãn, tôn giả A-na-luật không phải hoàn toàn ở trong chốn rừng núi lo tu tập phận mình, trong tâm Tôn giả thường nghĩ rằng: Hôm nay ta được niềm vui này đều nhờ ân đức của Phật, muốn báo đáp ân ấy ta nên hoằng pháp lợi sanh, ta nên đi hóa đạo những nơi chưa có người bố giáo.

A-na-luật bề ngoài có vẻ lạnh lùng, nhưng trong tâm nhiệt tình vô hạn. Từ hoàng cung của vua chúa, đến phủ đệ của trưởng giả đều lưu dấu vết giáo hóa của A-na-luật. Núi sâu, thôn trang cũng thấy bóng hình của Tôn giả.

Xóm Ma-na-đê-đa ở nước Chiêm-bà (Campa) có người đau nặng, nghe tôn giả A-na-luật thuyết pháp liền dứt hết lo buồn phiền não, tự nhiên mạnh hẳn. Đối với người bệnh, Tôn giả thuyết pháp an ủi, thường rất có hiệu quả. Tôn giả cũng thích thăm viếng người bệnh luôn.

Trừ việc đem lại niềm vui cho bệnh nhân, đối với việc cảm hóa kẻ hung ác hồi đầu, tôn giả A-na-luật cũng có nhiều biện pháp.

Như trước đã kể, khi A-na-luật ngủ đêm tại nhà một thường dân, đã bị thiếu nữ trong nhà dụ dỗ lôi kéo. Từ đó, Tôn giả phát nguyện không ghé nhà ai ban đêm. Điều ấy đối với một vị Tỳ-kheo đi hóa đạo thật có nhiều việc bất tiện, nhưng A-na-luật đã quen với nếp sống đơn giản, ngày ăn một bữa, dưới cây ngủ một đêm, đó là chuyện thường.

Một hôm, A-na-luật đang du hóa tại một làng quê, chiều tối thì đi ra khu rừng kế cận tọa thiền. Hôm ấy, trên

không trăng soi mờ nhạt, mặt đất in bóng cây lưa thưa, một vài ngôi sao băng qua bầu trời, gió thổi lao xao, Tôn giả khép mắt ngồi yên, đợi trời rạng đông.

Đêm càng sâu càng vắng, hình dáng tôn giả chìm lẫn trong rừng cây, im phăng phắt. Bỗng từ xa có tiếng người xì xào bước về phía Tôn giả. Tôn giả khẽ dềnh hắng, cả bọn đều dừng lại cách ngài không xa, Tôn giả chú ý nhìn xem họ là ai. Té ra đây là một bọn cường đạo vừa đi ăn hàng về, định tụ tập trong khu rừng này chia chác với nhau. A-na-luật thở dài một tiếng. Bọn cường đạo biết có người, một tên trong bọn lên tiếng:

- Các bạn! Chúng ta bị lộ rồi, thiệt xúi quẩy, phải giết ngay tên ấy mới được.

Cả bọn rút phắt dao ra, cầm lăm lăm trên tay sáng giới. A-na-luật nói lớn:

- Các người muốn giết ta, hãy đến giết đi. Nhưng ta chết rồi, mấy người cũng không toàn mạng!

Bọn cướp nghe nói kinh hãi, đưa mắt nhìn nhau, chẳng biết đối phó ra sao. Tên đầu đảng xem xét hồi lâu mới nói:

- Ông là ai ? Lại chen vào phá hoại việc làm ăn của chúng tôi đêm nay!

A-na-luật trang nghiêm trả lời:

- Ta là Sa-môn đang tịnh tọa tại chỗ này, bảo rằng ta thấy các người làm quấy thì được, còn nói ta phá hoại việc của các người thì không đúng.

- Ông sẽ đi tố cáo chúng tôi phải chăng ?

- Ta chẳng cần đến quan phủ tố cáo làm gì. Tuy ta không báo cáo các người, quan trên không biết được hành động của các người, nhưng nhân quả báo ứng chẳng tha cho các người bao giờ. Ta xót thương cho các người sau này chịu nhiều quả khổ bi thảm, đáng tiếc thay!

Lời nói của Tôn giả đánh thức lương tâm của bọn cướp. Chúng liền vứt khí giới, bỏ lòng hung ác, bản chất thuần thiện hiện bày. Bọn họ sám hối sửa đổi, và lãnh thọ lời chỉ dạy của Tôn giả, đều phát nguyện quy y Phật, thay lòng đổi mặt để làm người tử tế.

Sáng hôm sau, A-na-luật bảo bọn cướp đem hết tài bảo trả lại cho dân chúng. Những gia đình bị mất cướp đều cảm tạ Tôn giả, cũng nguyện quy y Phật, vâng làm theo lời Phật.

9. TU HỌC BÁT ĐẠI NHỚN GIÁC

A-na-luật một bề hoằng pháp, một bề lo tu học. Một hôm, Tôn giả ở tại nước Chi-đề, thôn Sáu Thủy Chũ. Trong lúc tịnh tọa, Tôn giả bèn suy tư: “Đạo chẳng phải do tham dục mà đạt được, cần phải tri túc mới đạt đến. Đạo không thể tìm cầu ở những nơi ồn náo, chỉ ở những nơi vắng vẻ, an nhàn mới thấy được đạo. Cầu đạo phải tinh cần, chánh niệm, phải đa văn và trí huệ mới làm xong.”

Đang khi suy nghĩ như vậy, đức Thế Tôn ở tại vườn Lê Dã nước Bà-kỳ-sấu biết được tâm Tôn giả, bèn đặc biệt ngự đến thôn Sáu Thủy Chũ khen A-na-luật đã tư duy chân chánh, khởi niệm chân chánh. Một lần nữa, A-na-luật lại được vinh hạnh tự thân Phật quang lâm đến chỗ cư ngụ của

mình.

A-na-luật đem vấn đề của mình suy nghĩ ra trình và thỉnh Phật ấn chứng, thỉnh Phật dạy rõ vấn đề. Tôn giả hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Sống trong Tăng đoàn lục hòa, không nghĩ đến lợi riêng, quên bản ngã, điều ấy chúng con làm được, đối với chúng sanh phải hết lòng từ bi, nhân ái, điều ấy chúng con cũng đã biết. Nhưng bạch Thế Tôn! Chúng tại gia rất đông mà hàng đệ tử xuất gia đi vào xã hội để hoằng pháp lợi sanh cũng rất đông, làm thế nào để họ được giác ngộ, tấn nhập Niết-bàn. Xin đức Phật từ bi khai thị.

Đức Thế Tôn bèn hoan hỷ giảng Bát Đại Nhân Giác:

- A-na-luật! Ông hỏi điều ấy rất hay, ông đã nghĩ đến vấn đề cho người tu học Bồ-tát đạo, ta sẽ vì ông giảng nói Bát Đại Nhân Giác, hàng đệ tử Phật nên chí thành tụng niệm luôn ngày lẫn đêm.

Điều thứ nhất, các ông đối với thế gian và nhân sinh nên quán vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, cần rời xa sanh tử, cầu giác ngộ, cần phải quán sát như thế.

Điều thứ hai, các ông cần phải biết căn nguyên của khổ, vốn là đối với thế gian tham dục không chịu rời bỏ. Các ông nên ít muốn vô vi, mới được thân tâm tự tại.

Điều thứ ba, các ông cần xét kỹ tâm không biết chán đủ của mình, suốt ngày do tham cầu mà tạo tội, nếu có thể an bản thủ đạo, tri túc thường lạc, lấy trí huệ làm sự nghiệp, như thế cuộc sống mới bình an.

Điều thứ tư, các ông không nên giải đãi trong khi làm việc lành. Đối với sự lợi ích cho người không nên thối tâm.

Tiêu diệt phiền não, hàng phục ma chướng mới ra khỏi lao ngục của ba cõi.

Điều thứ năm, các ông cần phải nhận rõ sanh tử u mê rất đáng sợ, cần phải để tâm nghiên cứu các học thuật, nhận rõ đạo lý rồi, nên phát tâm giáo hóa chúng sanh, đem an lạc đến cho họ.

Điều thứ sáu, các ông phải biết rằng người nghèo khổ rất nhiều lòng oán hận. Bồ-tát phải đem tài vật cứu tế họ, dùng tinh thần an ủi họ, dạy họ không nên ghi nhớ hận thù, không nên oán trách người khác.

Điều thứ bảy, các ông sống trong cuộc đời đừng để cho ngũ dục đánh ngã, không kể là xuất gia hay tại gia, cần phải đừng đắm nhiễm thế lạc, cần có nếp sống thanh tịnh cao khiết.

Điều thứ tám, các ông đừng làm kẻ ích kỷ, nên phát tâm Đại thừa độ khắp tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh thoát khổ, đừng vì riêng mình mà cầu an lạc.

Nhân lời thưa hỏi của tôn giả A-na-luật, đức Phật đã giảng tám điều cần yếu cho người tu học Bồ-tát, rất nhiều người theo đó tu hành, cải thiện sanh hoạt, khiến cho nếp sống trở nên an lạc tự tại.

Ngày hôm khác, A-na-luật nhập định tư duy về lời dạy của Phật trong Bát Đại Nhân Giác, tôn giả nghĩ rằng: “Pháp môn này là pháp thiếu dục tri túc, chẳng phải pháp không tri túc, là pháp viên ly, chẳng phải là pháp quần tụ, là pháp tinh tấn chẳng phải pháp giải đãi, là pháp chánh niệm, không phải pháp vọng niệm, là pháp tịch tịnh, không phải pháp sân

nhuế, là pháp trí huệ, chẳng phải là pháp ngu si.”

Suy tư của Tôn giả hòa điệu với lời dạy của đức Phật, như một khúc hợp tấu nhịp nhàng về chân lý của vũ trụ, về con đường tu tập hạnh giải thoát.

10. CÂU CHUYỆN TRONG NHỮNG NĂM CUỐI

Tôn giả hoạt động bên ngoài Tăng đoàn như thế nào, thì trong giáo đoàn đức Thế Tôn cũng đãi ngộ Tôn giả như thế đó. Cuộc đời của Tôn giả nhất định có nhiều sự tích vĩ đại huy hoàng. Hiện tại chúng ta không có nhiều tài liệu để thuật lại, chúng ta chỉ biết rằng tôn giả cũng như các vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... các đại đệ tử đều địa vị như nhau trong Tăng đoàn.

A-na-luật diệt độ lúc nào ? Ở đâu ? Chúng ta không biết rõ. Song chúng ta có thể biết chắc rằng khi đức Thế Tôn nhập Niết-bàn tại thành Câu-thi-na, rừng Ta La Song Thọ, tôn giả A-na-luật và tôn giả A-nan đều có mặt bên cạnh.

Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng hai, trên đỉnh núi phía Tây trắng tròn vằng vặc, đức Thế Tôn nằm giữa hai cội Ta-la, toàn thân phủ sắc trắng, các đệ tử vây quanh bốn bên quỳ lớp lớp. Đức Phật đã dạy lời tối hậu, đêm tĩnh mạch không một tiếng thở mạnh. Ngài dặn dò cặn kẽ các đệ tử nên trì giới, hoằng pháp tu tâm, giữ gìn khẩu nghiệp, thiêu dục, tinh tấn,... những điều ấy đã ghi lại tường tận trong kinh Di Giáo.

Cuối cùng, như còn lo ngại cho hàng đệ tử về sau, đức Thế Tôn hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Đối với pháp ta đã giảng dạy các ông gắng giữ đừng quên, dù chỉ quên một phần trong muôn ngàn. Ta như lương y, biết bệnh cho thuốc, mà lành bệnh hay không, chẳng phải lỗi ở ông thầy. Ta như người dẫn đường tài giỏi, dẫn người đến đường lành, đi cùng không đi chẳng phải lỗi ở người hướng đạo. Này các Tỳ-kheo! Những pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên ta đã nói ấy, đều là chân lý ta đã chứng ngộ, là đèn sáng cho thế gian, là thuyền từ của bể khổ. Người nào hiểu rõ, không còn nghi ngờ đối với Tứ đế, Mười hai nhân duyên là đã vào đạo. Nay ta sắp nhập Niết-bàn, nếu các ông còn có điều nghi ngờ hãy mau ra thưa hỏi, ta sẽ giải thích cho.

Đức Phật đã đấng miệng, tâm lão bà tha thiết, hỏi đi hỏi lại ba lần trong đêm tịch vắng, đại chúng đều lặng thinh không một người thưa hỏi. Đó là vì đức Phật sắp Niết-bàn nên vỗ về an ủi các đệ tử, và cũng vì các đệ tử đối với pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên đã hiểu rõ không còn nghi. Đại chúng đều là những đệ tử theo Phật lâu năm, đối với pháp căn bản không còn chỗ nào không hiểu.

Lúc ấy tôn giả A-na-luật là người đại diện đủ tư cách trong lúc đức Thế Tôn sắp Niết-bàn, quỳ gối hữu, chấp tay cung kính thay cho đại chúng, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử chúng con đều đã hiểu sâu Tứ đế, Mười hai nhân duyên là chân lý của vũ trụ nhân sinh. Trên thế gian này, mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, Tuyết Sơn có thể biến thành biển cả, đại địa có thể biến thành gò đất nhưng giáo pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên của Phật nói không thể khác.

Đức Thế Tôn an tịnh nghe A-na-luật thừa xong, trên gương mặt lộ vẻ hoan hỷ. Câu trả lời cuối cùng của A-na-luật đã an ủi được nỗi khổ tâm của Ngài trong bốn mươi chín năm hành khước hóa đạo.

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, trong số năm trăm vị đại A-la-hán kết tập kinh điển trong núi Kỳ-xà-quật nhất định có tôn giả A-na-luật. Nhưng nói đến sự tích của Tôn giả về sau không thấy lưu truyền, thật là một điều đáng tiếc!

Tôn giả A-na-luật, có ý chí kiên cường, không lay chuyển. Nhân một buổi thùy miên mà nghe lời răn dạy, từ đó cho đến khi mắt mù không hề thối tâm, sức tinh tấn của Tôn giả đến như thế, thật là cao vòi vọi khiến người cảm thán không thôi! Mất nhục nhãn mà được thiên nhãn, tu hành an tường tự tại, truyền đạo an tường tự tại, thật không hổ là vị thượng thủ trong giáo đoàn.



U-U-B-A-L-Y

TRÌ GIỚI ĐỆ NHẤT

1. XUẤT THÂN TỪ GIAI CẤP THỦ ĐÀ LA

Tôn giả U-u-ba-ly được kê liệt trong số mười vị đại đệ tử của Phật, đối với giai cấp nghiêm khắc của xã hội Ấn Độ, không phải là chuyện dễ.

U-u-ba-ly xuất thân từ dòng hạ tiện Thủ-đà-la, số mạng định sẵn là chỉ có làm nô bộc cho người. Ở Cổ Ấn Độ, người sanh trong dòng Thủ-đà-la, ngay từ khi mới lọt lòng đã bị sự kỳ thị, bị xem như đồ phần ế không đáng nhìn tới.

Người Thủ-đà-la, nếu gặp hàng Bà-la-môn hay Sát-đế-lợi trên đường đi, phải quỳ xuống bên đường nhường lối, nếu lén nhìn sẽ bị móc mắt, còn nếu lý luận với hai hạng trên, thì sẽ bị cắt lưỡi. Thật đáng thương cho U-u-ba-ly đã sanh ra trong dòng Thủ-đà-la nên phải chịu một kiếp sống bi thảm như vậy.

Tuổi thơ của U-u-ba-ly được niềm an ủi duy nhất là tình thương của cha mẹ, lòng thương con thì dù ở giai cấp nào cũng chẳng kể mức độ cách biệt.

Từ nhỏ U-u-ba-ly đã không được hưởng quyền lợi về

học vấn. Người của dòng Thủ-đà-la mà muốn học tập pháp điển Mã Nổ của Bà-la-môn, là một vọng tưởng hảo huyền.

Đến khi lớn khôn, cha mẹ Ưu-ba-ly nghĩ đến việc chọn cho con mình một nghề nghiệp để nuôi thân. Lúc ấy, những nghề như thương buôn hoặc công chức thì không cho phép người Thủ-đà-la tham dự. Hơn nữa, đã không được học hỏi mà đi làm công chức hoặc thương buôn làm sao được. Cha mẹ chàng đã biết con đường tương lai của con mình chỉ có chọn lựa trong các nghề nông dân, lao lực, nô lệ, chọn lấy một nghề để sinh nhai cho qua một kiếp tử hèn.

Ban đầu, song thân chàng định cho chàng học nghề làm ruộng, nhưng sau nghĩ đến việc ruộng nương thiệt tâm khổ, người cày cuốc cần phải có sức lực, mà Ưu-ba-ly bấp chắt vốn ốm yếu làm nghề đó sợ sống không lâu. Sau nữa, họ lại định cho chàng học nghề đánh xe, nhưng nghĩ lại dù làm kẻ chăn ngựa hay người đánh xe phải đi sớm về tối, bôn ba lao lực, nên lại thôi. Lòng của người làm cha mẹ muốn chọn cho Ưu-ba-ly một nghề thích hợp thiệt cũng lắm phen do dự.

Làm nô lệ cho người cần nhất là chọn được chủ nhân tử tế. Muốn vậy phải có nghề nghiệp chuyên môn. Và sau khi thương lượng dẫn đo, họ bèn cho Ưu-ba-ly học nghề hớt tóc.

Ưu-ba-ly là một cậu bé học nghề rất dễ dạy, tánh tình khiêm tốn và có thói quen vâng lời, học các kỹ thuật hớt tóc, chải bời, chẳng bao lâu Ưu-ba-ly đã học thành thạo các kiểu cách thời trang, mọi thứ cắt tỉa, thủ thuật nghề nghiệp.

Ra nghề, song thân Ưu-ba-ly lại tìm người giới thiệu

cho con, và Ưu-ba-ly được nhận vào vương cung Ca-tỳ-la để hớt tóc trang điểm cho các vương tôn công tử.

Tuy chỉ là một người thợ hớt tóc, nhưng tâm tánh của Ưu-ba-ly rất thuần lương, trung hậu. Rốt cuộc chàng được sự tín nhiệm của các vương tử, cho ở luôn tại hoàng cung để cắt tóc cho các tiểu vương tử. Các ông hoàng nhỏ như Bạt-đề, Ana-luật đều rất thích chàng thợ cạo Ưu-ba-ly. Bởi vì với lối cắt nhanh gọn, khéo léo, nhẹ nhàng không làm đau đầu, Ưu-ba-ly được mọi người ưa chuộng, và chàng cũng hết lòng kính trọng các vương tử.

2. CẠO TÓC CHO ĐỨC PHẬT

Vào khoảng gần hai mươi tuổi, Ưu-ba-ly đã là một người thợ hớt tóc lành nghề. Lúc ấy đức Phật thành đạo được ba năm, Ngài đã trở về cố hương Ca-tỳ-la. Đến ngày cạo tóc, mọi người bèn giới thiệu Ưu-ba-ly.

“Cạo tóc cho đức Phật!” Ưu-ba-ly nghe tin ấy rất lo sợ hoang mang. Chàng nghĩ đến đức Phật là bậc Đại giác, có ba mươi hai tướng tốt, nhất định đầu tóc của Ngài không giống người thường. Ưu-ba-ly nghĩ đến đó đã e ngại, rủi như lỡ tay xúc phạm đến đức Thế Tôn thì làm sao. Chàng trở về nhà nói hết tâm sự với mẹ. Vốn xuất thân từ dòng Thủ-đà-la đã mang nặng lòng tự ti từ lúc nhỏ, đức Thế Tôn là hàng vương tử thành Phật, chính chàng còn không dám nhìn đến gót chân của Ngài, làm sao dám cạo tóc ?

Mẫu thân bèn an ủi Ưu-ba-ly, khuyên con đừng sợ, nghe đồn rằng đức Phật rất từ bi, thường thuyết pháp cho mọi

người nghèo khổ. Đức Phật chắc chắn không có thành kiến như người đời, chắc chắn sẽ không khinh thị người Thủ-đà-la. Tuy nghe mẹ nói như vậy, nhưng Ưu-ba-ly vẫn không yên tâm. Mẹ chàng bèn bảo ngày mai bà sẽ cùng đi với Ưu-ba-ly đến chỗ Phật.

Thật cũng lạ đời, đã rành rẽ kỹ thuật hớt tóc mà khi đi làm phải có mẹ theo tiếp một bên. Qua câu chuyện này, chúng ta cũng thấy được cá tánh của Ưu-ba-ly.

Hôm sau, bà mẹ dẫn Ưu-ba-ly trước tiên đến bái kiến đức Phật và sau mới bảo cạo tóc cho Thế Tôn.

Ưu-ba-ly cẩn thận, chú ý từng chút, chậm rãi làm việc. Mẹ chàng đứng một bên theo dõi, một lúc sau bà quỳ trước mặt đức Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Kỹ thuật cạo tóc của Ưu-ba-ly ra sao ?

Đức Phật chú ý nhìn Ưu-ba-ly một lúc rồi mới đáp:

- Thân thể rất cong.

Đại khái là do Ưu-ba-ly đối với Phật cung kính nên cúi khom lưng mà cạo tóc, không dám ngẩng lên. Chàng nghe Phật nói lại tập trung tâm ý, theo truyền thuyết thì lúc ấy chàng đã tấn nhập Sơ thiền. Một lúc sau, mẹ chàng lại quỳ xuống thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Lúc này Ưu-ba-ly cạo tóc thế nào ?

Đức Phật lại đáp:

- Lúc này thân thể rất ngay thẳng.

Ưu-ba-ly nghe Phật nói, lại chẳng dám khởi vọng tưởng ngừng nghĩ, nhất tâm nhất ý và lúc đó chàng lại được công phu nhập Nhị thiền.

Chẳng bao lâu, mẹ chàng lại cung kính hỏi thăm:

- Kính bạch Thế Tôn! Bây giờ Ưu-ba-ly cạo tóc ra sao ?

- Hơi thở vào quá thô! – Đức Phật đáp.

Ưu-ba-ly nghe nói liền tập trung tâm ý vào hơi thở, theo truyền thuyết, lúc đó chàng đã nhập đệ Tam thiền.

Sau cùng, mẹ chàng lại hỏi:

- Kính bạch Thế Tôn! Hiện tại Ưu-ba-ly cạo tóc thế nào ?

- Hơi thở ra quá thô!

Lúc ấy, Ưu-ba-ly chẳng khởi một niệm, quên luôn con dao cạo trong tay, và theo truyền thuyết lúc đó chàng đã vào đệ Tứ thiền.

Đức Phật liền gọi vị Tỳ-kheo đứng gần:

- Ông đến lấy con dao trong tay của Ưu-ba-ly ra, chú ấy đã nhập Tứ thiền, không còn tưởng niệm gì cả, và cần một người đỡ giữ chú bé đừng cho té xuống đấy.

Theo ký sự này, chúng ta có thể biết Ưu-ba-ly đã chú tâm đến mức nào trong công tác, mỗi lần nghe lời chỉ dạy của Phật đều sửa đổi thật đúng. Với bản chất ưa suy tư và tánh tình nghiêm túc, nên trong cuộc sống được nhiều người giúp đỡ, và ngay bản thân mình đã không để cho người gièm chê hoặc phê bình một lời. Do đó, về sau Ưu-ba-ly được tôn

xưng là Trì giới bậc nhất, không phải không có lý do.

3. XUẤT GIA TRƯỚC LÀM SƯ HUYNH

Đức Phật trở về Ca-tỳ-la-vệ, khắp rưới mưa pháp trong hoàng cung. Những hạt giống Bồ-đề đã gặp duyên nảy mầm tăng trưởng. Các vương tử dòng họ Thích nghe đức Thế Tôn thuyết pháp nhiều người phát tâm xuất gia theo Phật.

Trong số ấy có nhiều người được phụ mẫu cho phép, cũng có người phụ mẫu không tán thành, các hoàng thân này cùng hẹn nhau lén trốn đi, đến rừng Ni-câu-đà tìm đức Phật, xuất gia rồi sẽ báo tin cho hoàng gia biết sau.

Trong số bảy vương tử ấy có mặt Bạt-Đề, A-nan và A-na-luật. Muốn xuất gia phải cạo bỏ râu tóc, các hoàng thân bắt buộc phải mang theo Ưu-ba-ly. Trong khu rừng gần kề tinh xá của Phật, dưới bóng cây rừng, khi Ưu-ba-ly cạo tóc cho vương tử Bạt-đề đã tuôn rơi từng giọt nước mắt. A-na-luật thấy thế mới dùng quyền vương gia mà trách hỏi Ưu-ba-ly:

- Người thấy chúng ta xuất gia, đáng lý phải vui vẻ, tại sao lại khóc ?

Ưu-ba-ly sợ sệt đáp:

- Thưa vương tử! Xin Ngài khoan thứ cho sự vô lễ của kẻ tiện dân. Vì vương tử Bạt-đề đã đối xử với hạ dân rất tử tế, hôm nay, Ngài đã xuất gia với các vương tử, xuất gia rồi kẻ hèn này không còn được gặp lại, nghĩ đến đó hạ dân không cầm được nước mắt. Xin vương tử đừng trách mắng.

A-na-luật nghe xong, thông cảm và an ủi Ưu-ba-ly:

- Người đừng lo lắng, chúng ta sẽ giúp đỡ cho người sinh sống.

Và quay sang các vương tử, A-na-luật nói:

- Nay các vương huynh vương đệ! Ưu-ba-ly hầu hạ chúng ta cũng khá lâu, y rất siêng năng, trung thành. Hôm nay chúng ta đi xuất gia, nên an bài cho cuộc sống của y. Chúng ta hãy gói tất cả những đồ trang sức trên thân mình lại và cho Ưu-ba-ly. Chúng ta xuất gia rồi đâu cần dùng mấy thứ này.

Các vương tử đều tán thành ý kiến của A-na-luật. Mỗi người đều cởi y phục gấm vóc và đồ trang sức châu báu tặng cho Ưu-ba-ly, và bảo trở về thành Ca-tỳ-la, còn họ lại đi tìm Phật.

Các vương tử đi rồi, Ưu-ba-ly định quay về nhưng lúc ấy hốt nhiên đổi ý: “Bây giờ mà ta đem những thứ châu báu này về thành thuật lại, thì lão vương và hoàng gia đại thần nhất định sẽ gán cho ta tội a tòng theo các vương tử, đưa đi xuất gia, tội đáng chết, ta khó mà toàn mạng. Các vương tử tôn quý như thế mà còn bỏ vinh hoa của thế gian để đi xuất gia, còn kẻ hạ tiện như ta thì có lưu luyến cái gì trên cuộc đời này? Hay là ta cũng đi tìm Phật xin theo tu luôn!”

Nghĩ xong Ưu-ba-ly bèn quyết định, như thổi sáo bị nam châm thu hút, không chút do dự đem bọc đồ trân bảo treo lên nhánh cây, để mặc ai đi ngang có thấy được lấy xài, còn mình đi về hướng đức Phật.

Đi một hồi, lại nghĩ đến thân phận hạ tiện của mình, trong lòng Ưu-ba-ly nổi lên niềm bi ai tủi hổ, chàng ngồi bên

đường khóc lóc, tự nhủ:

- Ta làm gì có tư cách được xuất gia? Các vị ấy là vương tử, còn ta chỉ là thân nô bộc, làm sao dám sánh ngang hàng xuất gia với vương tôn ?

Chàng than thở oán trách thế gian không công bình, giận cho số phận mình không may, vừa buồn vừa khóc như vậy, thì bỗng nghe bên tai có người hỏi:

- Có chuyện gì mà anh khóc lóc buồn thảm như vậy ?

Ưu-ba-ly ngó lên, thấy tôn giả Xá-lợi-phất, vội chùi nước mắt, quỳ xuống thưa:

- Bạch Tôn giả! Ngài là đại đệ tử của đức Phật, khi Ngài theo Phật về hoàng cung con có được biết Ngài. Xin thỉnh ý Ngài. Một người dòng dõi Thủ-đà-la như con không biết có được theo Phật xuất gia làm đệ tử hay không ? Con đã mạo muội vọng tưởng như vậy, thật quá quắc, xin Tôn giả từ bi chỉ bảo.

Xá-lợi-phất hỏi lại:

- Anh tên gì ?

- Con tên Ưu-ba-ly.

Tôn giả bèn nhớ lại khi trước, chú thợ cạo của đức Phật đã nhập Tứ thiền lúc ấy, chính là người này. Tôn giả liền nói:

- Giáo pháp của đức Thế Tôn rất tự do, bình đẳng. Không kể người trí hay người ngu, không chia nghề nghiệp sang hèn, chỉ cần có khả năng giữ gìn giới luật, là ai ai cũng có thể làm đệ tử Phật, ai cũng có thể xuất gia, ai cũng có thể chứng quả Chánh giác vô thượng. Anh hãy theo ta, đức Thế

Tôn nhất định sẽ rất hoan hỷ thọ nhận anh làm đệ tử xuất gia.

Ưu-ba-ly nghe nói, mừng rỡ quá đỗi, bèn theo sau tôn giả Xá-lợi-phất về bái kiến đức Phật. Đức Phật cũng hoan hỷ làm lễ thế độ cho Ưu-ba-ly và trao luôn cụ túc giới. “Nước trăm sông đều chảy về biển cả, bốn chủng tánh xuất gia, đồng một họ Thích”, đó là tinh thần của đức Phật quy định trên pháp chế, hôm nay đã thực hiện thành sự thật qua việc Ưu-ba-ly xuất gia.

Đức Phật dạy Ưu-ba-ly:

- Ông rất có thiện căn. Ta biết ông sau này nhất định sẽ tuyên dương chánh pháp của ta. Trước khi ông đến đây, các vương tử đã đến xin ta làm lễ thế độ. Tuy ta đã thọ nhận họ làm đệ tử nhưng phải hạn cho họ tu tập trong bảy ngày, đợi họ quên được tập khí vương tử rồi, chỉ còn nhất thứ là đệ tử của ta thôi, ta sẽ làm lễ cho họ. Lúc ấy họ sẽ dùng lễ độ để ra mắt ông.

Ưu-ba-ly cảm động đến rơi lệ. Tuy ngày trước đã có dịp cạo tóc cho đức Phật, nhưng không ngờ đức từ bi của Ngài cao rộng như thế. Thấy tự nguyện từ đây trở đi sẽ làm một đệ tử tín thành, sẽ luôn luôn theo Phật học tập.

Bảy ngày sau, đức Phật cho gọi Bạt-đề, A-na-luật... bảy vị vương tử ra mắt đại chúng. Ở giữa đông đảo huynh đệ, họ bất ngờ khi nhìn thấy thầy Tỳ-kheo Ưu-ba-ly, các vương tử đều ngạc nhiên quá lạ, đều do dự không biết phải gọi Ưu-ba-ly như thế nào mới đúng. Đức Phật nghiêm nghị bảo:

- Các ông do dự điều gì ? Trong pháp xuất gia học đạo

việc trước nhất là phải hàng phục tâm kiêu mạn. Ta đã cho Ưu-ba-ly xuất gia trước, thọ giới trước, các ông phải đánh lễ thầy ấy chứ còn sao nữa ?

Bạt-đề, A-na-luật... nghe Phật dạy, đều khiêm tốn cúi đầu làm lễ Ưu-ba-ly, ngay lúc ấy họ cảm thấy tín tâm xuất gia càng thêm mạnh mẽ. Ngược lại, Ưu-ba-ly cảm thấy lúng túng không an. Phật bảo thầy:

- Ông cũng nên dùng lễ huynh trưởng mà đối với các ông ấy.

Ưu-ba-ly hết cả e ngại, cảm động quá chỉ còn biết đánh lễ đức Phật.

Một người bị xem là kẻ nô lệ hạ tiện, đối với những người xuất gia sau, là những vương tử mình đã từng phục dịch, ở trong Phật pháp lại được lãnh thọ sự đối đãi ngang hàng, đó là việc chưa từng có ở trong một xã hội nặng nề về giai cấp như Ấn Độ.

Việc Ưu-ba-ly xuất gia khiến cho pháp chế của đức Phật dần dần thực hiện. Trong Tăng đoàn không có sự phân chia chủng tộc. Về sau Ưu-ba-ly được thành tựu, thật không cô phụ ân huệ của Phật.

4. MỘT ĐOẠN BỐN SANH

Mùa hạ trong năm Ưu-ba-ly xuất gia, đang khi chúng Tăng cử hành lễ an cư, Ưu-ba-ly đã tinh tấn tu đạo và khai ngộ. Do đó, Tôn giả đã thành một bậc thượng thủ trong Tăng đoàn, được sự cung kính của hai chúng tại gia, xuất gia. Việc ấy cũng làm nhiều người kinh ngạc. Một người dòng Thủ-đà-

la thấp hèn mà căn cơ mẫn nhuệ đến như vậy, đó không những làm rạng rỡ cho dòng Thủ-đà-la, mà cũng làm vẻ vang cho tinh thần bình đẳng của Phật giáo.

Nhân dịp này, đức Phật đặc biệt nói đến một đoạn bốn sanh của Ưu-ba-ly.

Về thời quá khứ có hai người bạn đều sanh trong gia đình bần cùng, tuy vậy cả hai đều không quên làm việc thiện, bố thí cúng dường. Do nhân duyên công đức ấy về sau họ tái sanh, một người làm quốc vương tên là Phạm Đức, một người sanh trong một gia đình Bà-la-môn cao quý, tên là Ưu-bà-gia. Ưu-bà-gia kết hôn với một cô nương đẹp mỹ miều, rất mực yêu dấu. Một hôm, nhân lúc Ưu-bà-gia tổ thái độ lịch sự thân mật với một vài thiếu nữ, bị phu nhân bắt gặp và nàng không bằng lòng chút nào. Nàng hờn giận Ưu-bà-gia, nằm khóc lóc ba, bốn hôm rồi sau đó chẳng thềm nói chuyện với chàng, suốt ngày cứ lầm lì im lặng.

Cô vợ trẻ đa nghi dữ quá khiến Ưu Bà Gia chẳng biết làm cách nào, chỉ biết rầu rĩ mà thôi. Cho đến một hôm, mùa xuân đã qua, sắp sang hè, cô vợ yêu bấy lâu không nói chuyện, bỗng nhiên nay bảo chàng:

- Bữa nay chàng hãy đi ra phố mua ít hoa tươi về trang hoàng trong phòng chúng ta nhé!

Chàng trưởng phu đa tình nghe được vợ nói mấy lời rất mừng vui, lập tức ra chợ tìm hoa tươi. Mua xong về giữa đường gặp lúc giữa trưa nóng bức, nhưng tâm tình chàng rất cao hứng vì được giảng hòa với vợ, nên chàng vừa đi vừa lớn tiếng hát vang.

Lúc ấy, vua Phạm Đức đang ở trong cung, nhà vua lên lầu quan sát phong cảnh thấy Ưu-Bà-Gia đi ngang qua cung vua. Tiếng ca bay đến tai vua Phạm Đức. Nhà vua nghe hát rất lấy làm lạ, nghĩ thầm: “Nhìn cách phục sức của chàng ta thì thuộc dòng Bà-la-môn, nhằm lúc trời nóng đổ lửa như thế này mà bỗng nhiên ca hát ngoài đường, nhất định chàng ta phải là một người lạ quan lắm.” Nhà vua nổi tánh hiếu kỳ, sai người cho gọi Ưu-Bà-Gia đến hỏi chuyện. Hai người đàm đạo giây lâu, nhà vua rất vừa ý, phong cho Ưu-bà-gia một chức quan to trong triều, và từ đó rất sủng ái Ưu-bà-gia.

Ưu-bà-gia được vua Phạm Đức tín nhiệm, uy quyền càng ngày càng lớn. Cho đến về sau nhân dân chỉ biết có Ưu-bà-gia mà không biết có vua Phạm Đức. Ưu-bà-gia không biết đủ. Một hôm, nhân vua Phạm Đức ngủ say, chàng khởi ý định hành thích vua đoạt ngôi. Đang lúc nuôi âm mưu soán đoạt, bỗng chàng giật mình tỉnh ngộ, cảm thấy lòng tham muốn về danh lợi quyền tước thật đáng ghê sợ. Chàng đem hết tâm niệm ác độc của mình thuật lại cho vua Phạm Đức nghe, nhà vua lại càng khen ngợi lòng trung thực của chàng. Sau đó, Ưu-bà-gia nguyện từ bỏ địa vị sát hối xuất gia, tu hành không bao lâu liền được thần thông.

Lúc ấy, trong hoàng cung có một người thợ cạo tên Hằng-già-ba-la nghe vua Phạm Đức khen ngợi chí xuất gia của Ưu-bà-gia, ban đầu sanh tâm tùy hỷ, và cũng phát nguyện xuất gia làm đệ tử Ưu-bà-gia, một lòng tu đạo rồi cũng đắc thần thông như thầy.

Hai thầy trò Ưu-bà-gia đều trở thành bậc Thánh, có thần thông ngang nhau. Một hôm, vua Phạm Đức lên núi

cúng dường Ưu-bà-gia, vua đánh lễ thầy rồi lại nghĩ thầm: “Đối với bậc thánh không nên so đo về chỗ xuất thân của quá khứ”, bèn tự mình làm gương, hướng về thầy Hằng-già-ba-la đánh lễ, và bảo cả trăm quan đại thần tùy tùng cùng đánh lễ Hằng-già-ba-la. Thầy tuy xuất thân hạ tiện, do oai lực của pháp mà khiến ngay cả nhà vua cũng quỳ lạy.

Trên đây tuy chỉ là một đoạn sự tích của Phật ngày xưa, nhưng pháp vốn vĩnh cửu bất biến, ở trong Phật pháp không kể là xuất thân từ hạng nào, đều không thành vấn đề, người đã khai ngộ đều được mọi người tôn trọng, mà chứng ngộ thì không phân chia giai cấp.

Đức Thế Tôn kể xong câu chuyện, trân trọng bảo đại chúng:

- Ưu-bà-gia thuở ấy chính là thân ta, chàng thợ cạo Hằng-già-ba-la nay chính là Ưu-ba-ly vậy!

Một đoạn cổ sự đơn giản như thế, nhưng nếu nghiên cứu kỹ, chúng ta sẽ thấy nó hàm chứa biết bao ý chỉ. Vì tham quyền mà sanh tâm sát hại. Trong thời kỳ tu nhân của đức Phật đã từng nuôi dưỡng ý niệm đó. Ưu-ba-ly là dòng Thủ-đà-la, hiện tại được khai ngộ chứng quả, làm bậc thượng thủ trong chúng, được mọi người tôn trọng, chuyện ấy cũng không phải lần đầu, mà cũng đã có nguyên nhân trong quá khứ.

Đức Thế Tôn nói pháp rồi, khiến tất cả lòng nghi ngờ trong chúng đối với Ưu-ba-ly hoàn toàn tiêu tan.

5. TAO NGỘ TRÊN ĐƯỜNG HÀNH HÓA

Sau khi chứng ngộ, với bản tánh cần thận gò bó, rất chú trọng tứ oai nghi hằng ngày đối với giới điều đức Phật chế ra, Tôn giả đều nhất nhất tuân thủ, không hề hủy phạm, các bậc Tỳ-kheo đồng học đều tôn xưng là bậc Trì giới đệ nhất.

Về vấn đề này, nếu là người tu chân chánh thì đối với bậc trưởng lão nghiêm trì giới luật đương nhiên rất cung kính, hoan hỷ cúng dường. Còn người nào không tuân quy củ, không nghiêm trì giới hạnh sẽ không ưa người trì giới, đó cũng là chuyện tự nhiên.

Do đó, trong Tăng đoàn có số người không ưa Ưu-ba-ly, thậm chí còn phê bình nữa là khác.

Một bậc Tỳ-kheo giữ giới lúc cư trú tại viện, sẽ có những tín đồ cung kính đến quỳ trước phòng tổ bày niềm tin, nhưng khi đi ra ngoài hóa đạo không nhất định sẽ được sự hoan nghinh của tăng và tục.

Một hôm, tôn giả Ưu-ba-ly cùng một nhóm các Tỳ-kheo trì giới như pháp đi du hóa các nơi. Các vị xiển dương, đề cao tinh thần trì giới, thường thường cử hành các pháp sám hối khi Yết-ma cử tội, Yết-ma diệt tận, Yết-ma y chỉ, Yết-ma quả trách... thì rất hoan hỷ tiếp đón tôn giả. Và trái lại, có một số Tỳ-kheo, khi nghe tin Ưu-ba-ly đến chẳng vui chút nào. Họ bàn soạn với nhau:

- Bữa nay Tỳ-kheo trì giới Ưu-ba-ly đến đây. Lão ấy mà tối nhất định sẽ có chuyện dạy dỗ chúng ta chuyện gì nên làm, chuyện gì không được làm, làm tăng thêm lòng nghi hối cho chúng ta. Chúng ta nên tìm cách cản trở lão ấy, đừng cho

ghé đây.

- Lão ta mà đến thì mình đóng cửa lại, đem tọa cụ treo ngoài cửa đừng thềm hỏi han gì lão.

- Cần gì. Hễ lão vừa tới thì ta bỏ đi nơi khác.

Ưu-ba-ly vẫn thường gặp những tình cảnh như thế nên trong lòng hối hận không muốn đi ra ngoài hoàng pháp, nhưng đức Phật lại thường cổ động Tôn giả.

Cho nên một hôm, bà ni Thâu-lan-nan-đà tự nhiên đến mắng ngay tôn giả Ưu-ba-ly:

- Ông không phải là người chân tu, chuyên môn ưa gây sóng gây gió. Tại sao ông cứ theo hỏi đức Thế Tôn: Đây là hai bộ Tăng trì, kia là một bộ Tăng trì, chuyện này nên làm, chuyện kia không nên làm... khiến cho cuộc sống chúng tôi tăng thêm khổ sở rối rắm!

Gặp những cảnh như vậy, Ưu-ba-ly chỉ một bề nhẫn nhục, không trả lời đi lại. Một vị Tỳ-kheo giữ giới nghiêm minh thì người chân chánh tu đạo sẽ rất hoan nghinh, còn kẻ tu giả dối thì chẳng ưa chút nào.

Đức Phật rất lưu tâm đến Tôn giả. Mỗi khi gặp các Tỳ-kheo đi hoàng hóa các nơi trở về, Ngài đều thăm hỏi:

- Các ông có gặp Tỳ-kheo Ưu-ba-ly không ?

- Bạch Thế Tôn! Con có gặp, tôn giả đang giáo hóa nơi đó, nơi đó...

- Tại nơi ông ấy đi ngang, mọi người có cung kính cúng dường không ?

- Bạch Thế Tôn! Có những địa phương chẳng đủ lễ với

Tôn giả. Đồ chúng tại gia thì không biết Tôn giả là bậc trì giới, còn Tỳ-kheo xuất gia thì không muốn gặp Tôn giả, thậm chí còn có Tỳ-kheo ni nổi sân mắng chửi nữa!

- Như thế là làm sao ? – Đức Phật hoài nghi hỏi.

Tỳ-kheo kia thật tình thưa:

- Tại vì mọi người thấy rằng sống chung với một vị Tỳ-kheo trì giới thật là bất tiện!

Đức Phật nghe xong không vui, liền triệu tập các Tỳ-kheo, dạy bảo giới rất đáng tôn quý, người trì giới như một ngọn đèn sáng, người có phẩm hạnh đoan chánh, thân tâm thanh tịnh tự nhiên ưa chỗ xán lạn. Còn những ai ưa làm điều quấy quá ám muội mới không ưa ánh sáng, thích chỗ hắc ám.

Đức Phật cho người mời các Tỳ-kheo vô lễ với Ưu-ba-ly và Tỳ-kheo ni sân hận nhục mạ Ưu-ba-ly đến. Ngài hỏi:

- Các ông cự tuyệt Ưu-ba-ly, tránh mặt không gặp và sân si ác khẩu mắng chửi ông ấy, thiệt có như vậy chăng ?

Những người này không dám nói dối với Phật, chỉ biết thừa nhận:

- Bạch Thế Tôn! Dạ phải, chúng con quả thật có vô lễ với Tôn giả ấy.

Đức Phật nghiêm nghị quở trách:

- Các ông thật ngu si! Không cung kính Tỳ-kheo trì giới thì còn ai đáng cung kính hơn ? Giới là thầy của các ông. Giới ở nơi nào pháp ở nơi đó. Giới còn là pháp còn. Các ông không cung kính Tỳ-kheo trì giới chứng tỏ các ông có ý đồ phi pháp!

Vì ái hộ cho Ưu-ba-ly, đức Thế Tôn quả trách nặng nề các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni kia. Như thế đủ biết tôn giả Ưu-ba-ly đã có địa vị trọng yếu đến đâu.

6. NGƯỜI DẸP TRANH CÃI

Trong Tăng đoàn, người y pháp tu hành chứng quả rất nhiều, mà người phạm giới cũng không ít, như Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di, Đề-bà... trong Tỳ-kheo ni thì có Tu-ma, Bà-phả, Thâu-lan-nan-đà... đều hay phạm giới. Hạnh ác của họ, danh đồn ác của họ thường làm Phật phiền lòng, Ngài thường khuyên mọi người nên lấy tôn giả Ưu-ba-ly làm mô phạm.

Tăng đoàn vốn thanh tịnh và hòa hợp. Nhưng các Tỳ-kheo tánh xấu khó sửa đổi cũng có lúc khởi gây kinh phi pháp, thầy không nhường tôi, tôi chẳng nhường thầy. Đôi bên hiềm khích làm ảnh hưởng đến sự tu hành của đại chúng và ảnh hưởng đến thanh danh của Tăng đoàn. Mỗi khi ở nơi nào có Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ni khởi sự tranh cãi, thì đức Phật cần phải cử một vị trưởng lão thượng tọa đến đó giải hòa phân xử. Chọn một người có đủ tư cách ấy, không phải là bậc danh cao đức trọng, chỉ cần yếu là có thể phân minh phải trái, có tài cầm cân công bình là được. Mỗi khi có sự tranh cãi xảy ra ở đâu, đức Phật đều sai tôn giả Ưu-ba-ly đến trước phân xử. Việc gây gổ ở nước Câu-diệm-di, ở nước Sa-kỳ, Ưu-ba-ly đã từng làm sứ giả hòa bình, như nắng xuân ôn hòa chiếu đến nơi nào thì những khối băng giá ngưng đọng đều tự nhiên chảy ra.

Ưu-ba-ly thường theo Phật, thường xuyên ở tại thành Xá-vệ. Các Tỳ-kheo nơi đây rất hòa hợp, vì thường được

thân cận với đức Thế Tôn. Một thầy, một đạo như sữa hòa với nước, từ xưa đến nay không hề xảy ra những việc không vui hòa, mè đậu lộn lạo. Ưu-ba-ly hiểu ý Phật, mỗi khi vâng lời Phật đi dần xếp việc cãi vã, Tôn giả thường có một nguyên tắc “Nơi nào gây gỗ chấm dứt ngay nơi ấy”. Tôn giả không đem việc gây ở chỗ này đi nói lại chỗ kia, không đem kể xấu người khởi gây cho người khác nghe. Nơi nào thị phi nơi ấy biết. Tôn giả không ưa khai thác rộng việc bất hòa, đã mở những gút mắc của tranh cãi thì không cho lưu dấu vết.

Với tư cách hòa chúng như vậy, thật không hổ là bậc trì giới, là thượng thủ trong Tăng đoàn.

Một hôm, đang trong mùa an cư, đức Phật sai tôn giả đến nước Sa-kỳ dẹp một nhóm gây nhau, Ưu-ba-ly từ chối không đi, đức Phật hỏi:

- Vì sao ông không đi ?

Ưu-ba-ly biết câu chuyện này không có Phật giải hòa không xong, nhưng Tôn giả không tiện yêu cầu, chỉ mượn cố thoái thác:

- Bạch Thế Tôn! Cái y Tăng-già-lê của con quá dày, nếu như đi đường gặp mưa ướt không khô, mà mang thêm một y nữa thì không hợp pháp, xin đức Thế Tôn từ bi, phen này đừng sai con đi được không?

Phật nghe xong, suy nghĩ giây lâu. Ngài muốn Ưu-ba-ly đi hóa giải, nên lại hỏi:

- Ông đi phen này mấy hôm trở về ?

- Bạch Thế Tôn! Nếu như con phải đi, thì từ Xá-vệ đến nước Sa-kỳ mất hai ngày, ở lại đó hai ngày, trở về cũng mất

hai ngày, một chuyến đi về cũng mất sáu ngày.

Đức Phật gật đầu nói:

- Từ nay về sau, trong thời gian an cư, Tỳ-kheo giữ trong người hai cái y, được phép trong vòng sáu ngày không phạm.

Vì muốn Ưu-ba-ly đi điều tra việc gây gỗ mà đức Phật đã sửa đổi giới điều, chẳng phải là đem pháp luật chịu theo người, mà vì Ưu-ba-ly đã có địa vị trọng yếu như thế nào đối với Phật pháp!

Đức Phật sai Ưu-ba-ly đi điều tra chuyện gây gỗ, dẹp tranh cãi, đối với các Tỳ-kheo ưa gây, Phật cũng thường bảo Ưu-ba-ly làm pháp Yết-ma sám hối cho họ. Trước khi cử hành pháp Yết-ma, Tôn giả trình trọng bảo mọi người:

- Thưa chư vị Đại đức! Tôi vâng lời Phật, vì các ông hay gây gỗ làm các pháp Yết-ma, trị tấn các ông. Lúc ấy, xin các ông đừng sợ hãi, đừng khởi niệm không vui.

Có một số Tỳ-kheo nghe tiếng nói uy nghiêm của Ưu-ba-ly đã không dám ở lại nơi đó, đã đi rồi cũng không dám tranh cãi, chẳng dám để cho vị chấp pháp như núi là Ưu-ba-ly làm pháp Yết-ma. Do đó, môi trường gây gỗ dần dần biến mất. Thật tôn giả là vị trưởng lão hòa bình khéo dứt gây.

7. HỎI PHẬT VỀ GIỚI

Tôn giả Ưu-ba-ly có địa vị trọng yếu như thế và được tôn xưng là Trì Giới Đệ Nhất, là vì tất cả những vấn đề quan hệ đến giới pháp, Tôn giả thường đến đức Thế Tôn thưa hỏi đối thoại luận bàn, điều ấy có thể thấy ghi lại trong Luật

tạng. Vì đó là những mẩu chuyện rời, hoặc là những giới điều khô khan, chúng tôi khó lòng dùng lối viết chuyện diễn tả vào đây. Hiện tại chỉ có thể sưu tập một hai việc, thuật ra đây đủ để biết những việc khác.

Trong chủng tộc Thích-ca thành Ca-tỳ-la-vệ, toàn quốc đã quy định luật lệ chung, nếu là người phụ nữ dòng họ Thích, không được kết hôn với người khác ngoài họ Thích. Nếu bất tuân sẽ trị tội nặng.

Lúc ấy có cô gái Hắc-ly-xa dòng họ Thích, tuổi đang thanh xuân, trong lúc mặt hoa dáng nguyệt tròn đầy lại bất hạnh chồng chết sớm, khiến một đời xuân trẻ gặp cảnh cô quả thiệt khó chịu được cảnh sớm tối tịch mịch. Ít lâu sau có một thanh niên thuộc họ khác đến cầu hôn, Hắc-ly-xa đã thuận lòng ưng chịu, nhưng gặp tên em chồng cản trở, muốn chiếm chị dâu làm vợ mình.

Tên này phẩm hạnh không ra gì, nhằm lúc Hắc-ly-xa gặp niềm vui mới, nàng đôi ba phen cự tuyệt không chịu đáp ứng, khiến hắn ta nổi giận thề rằng:

- Mi đã có tình riêng, ta sẽ giết mi cho xem.

Hắn bèn bỏ thuốc mê vào trong rượu khiến Hắc-ly-xa uống nhầm say bất tỉnh. Hắn đánh đập cô thương tích cùng mình và lên quan báo cáo.

- Cô này là vợ tôi, tư thông với người khác họ.

Khi Hắc-ly-xa tỉnh dậy, có miệng không lời, đã mang tội như vậy ắt là bị xử tử. Cô bèn thừa dịp người gác hờ hững, chạy trốn đến thành Xá-vệ và theo các Tỳ-kheo ni trong thành xuất gia.

Quan quân thành Ca-tỳ-la truy nã cô gái khắp nơi không thấy tung tích. Sau nghe tình báo cho biết Hắc-ly-xa hiện đào tẩu ở nước Xá-vệ, họ bèn tức tốc biên thư cho vua Ba-tư-nặc.

“Nước chúng tôi có một nữ tội phạm đã mang tội quốc pháp. Nghe tin cô ta đang đào tỵ ở quý quốc, chúng tôi mong rằng quý quốc giao trả nữ tội phạm ấy lại cho nước chúng tôi. Sau này, nếu có tội phạm của quý quốc trốn sang nước chúng tôi, chúng tôi cũng sẽ giao lại quý quốc xử lý.”

Vua Ba-tư-nặc xem thư xong hỏi các quan:

- Hắc-ly-xa thiệt có trốn đến nước ta chăng?

Các quan thưa:

- Khải bẩm đại vương! Hắc-ly-xa quả thật đang trốn tại nước ta, nhưng cô ấy đã theo các Tỳ-kheo ni xuất gia. Đại vương đã ban lệnh từ trước nếu ai phạm đến các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni sẽ bị tội nặng. Hiện tại, cô ta đã xuất gia thì đâu có ai dám làm gì được. Xin thỉnh ý đại vương phải dùng biện pháp gì đây ?

Vua Ba-tư-nặc suy nghĩ đôi ba phen, rồi biên thư phúc đáp:

“Hắc-ly-xa quả thật có trốn ở nước tôi, nhưng hiện nay đã xuất gia, không thể truy tội. Nếu như việc khác sẽ xin như lời của quý quốc. ”

Vua quan dòng Thích ca nhận được hồi âm ấy, đều bưng bưng tức giận. Có một nữ tội nhân mà không trừng trị được thì quốc pháp dùng vào đâu ?

Vì một nữ phạm nhân xuất gia khiến cho hai nước gây

mầm hiềm khích, tôn giả Ưu-ba-ly biết được việc ấy, bèn đến hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Người đã phạm quốc pháp, chúng ta có thể thâm nạp cho xuất gia không ?

- Nay Ưu-ba-ly! Quốc pháp hợp lý hay không hợp lý đó là việc của chánh phủ và dân chúng, nếu như đã phạm tội khi chưa được tuyên bố ân xá, Tăng đoàn không được làm phép xuất gia!

Vị Tỳ-kheo ni thâm nhận Hắc-ly-xa bị đức Thế Tôn quở trách một phen. Điều đó không phải Phật thiếu lòng từ, không cứu tội nhân, nhưng vì Tăng đoàn thanh tịnh phạm giới luật thì bị diệt tận, còn phạm phép nước phải chịu luật nước xử trị. Phật pháp không thể che chở cho tội nhân. Vì muốn kiện toàn Tăng đoàn, để cho giới pháp không xúc phạm quốc pháp, tôn giả Ưu-ba-ly đã bàn luận vấn đề này với Phật.

Ưu-ba-ly lại có khi thưa hỏi với đức Phật về một vấn đề lý thú:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni có thể làm mai mối cho nam nữ không ?

Đức Phật trả lời:

- Nay Ưu-ba-ly! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đem tâm tình người nam ngỏ với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, cho đến giới thiệu giao hội một lần, sẽ phạm Tăng-già-bà-thi-xa, cần phải hối quá.

- Như vậy thì, bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni trong Tăng đoàn đối với việc hôn lễ của tín đồ tại gia, phải

nên có thái độ thế nào mới đúng ?

- Không nên lưu tâm lắm, nếu là hợp pháp, thì có thể đối trước Tam bảo làm lễ chứng minh cho họ.

Giới là ý nghĩa *phòng phi chỉ ác*, vốn là khuôn phép cho thân tâm, mà vấn đề nam nữ rất dễ gây rắc rối, dễ đem lại phiền não bất an, tôn giả Ưu-ba-ly – trì giới đệ nhất – đã thưa thỉnh đức Phật việc này. Trong giới luật đã liên quan đến việc hạn chế tương giao nam nữ rất nhiều.

8. PHÉP THĂM NUÔI BỆNH NHÂN

Đối với bệnh nhân thế nào ? Ưu-ba-ly đã một phen xin đức Phật giảng giải tỉ mỉ về vấn đề này.

Khi có bệnh, tuy đang đau ốm nhưng phải thế nào mới hợp giới pháp ? Khi thăm nuôi bệnh, phải chăm nom thế nào mới hợp pháp ? Ưu-ba-ly rất quan tâm đến việc này.

Có lúc Tôn giả theo sau đức Thế Tôn, thấy một vị Tỳ-kheo bệnh nằm nơi ô uế không thể tự ngồi dậy, lại một lần khác Tôn giả thấy một Tỳ-kheo bệnh nằm bên đường đi, các Tỳ-kheo khác thấy rõ ràng nhưng vì đức Phật chưa chế giới khán bệnh nên thầy chỉ nhiễu quanh người bệnh rồi bỏ đi, không chăm nom. Lại có những Tỳ-kheo khi mang bệnh cho rằng không cần trì giới nên tự ý buông lung. Vì những chuyện như vậy, Tôn giả bèn đưa vấn đề ra thỉnh vấn đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu như có Đại đức Tỳ-kheo bệnh, thì nên chăm sóc như thế nào ?

- Nay Ưu-ba-ly! Khi có Tỳ-kheo đại đức bệnh, không

nên để nằm tại phòng thất nhỏ hẹp, nên để nằm ở phòng chính thoáng khí sáng sửa phía ngoài. Đệ tử của vị ấy nên thường hầu hạ hai bên, quét dọn trong phòng, cắm hoa đốt hương, tùy thời theo dõi hơi thở của thầy. Nếu các Tỳ-kheo đồng học đến thăm, nên rót nước mời trà. Nếu khách hỏi điều gì, người bệnh muốn đáp nhưng sức yếu không có tinh thần giảng giải, thị giả nên trả lời thay. Khi hỏi thăm an ủi nên tùy thuận thuyết pháp, vì người bệnh phục vụ mọi thứ, cung cấp đầy đủ những điều cần yếu của người bệnh về ăn uống, thuốc men. Nếu có tín chúng tại gia đến thăm bệnh, nên mời ngồi ở sau người bệnh, và vì họ thuyết pháp, nếu có cúng dường nên niệm Phật chú nguyện tiếp thọ. Nếu người bệnh muốn đại, tiểu tiện, người thăm bệnh nên lè lệ lui ra. Trong phòng trừ người thị giả nuôi bệnh, ngoài cửa phòng cũng cần có người, không nên để người đột nhập.

Này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo Đại đức bệnh nên theo như trên mà khán bệnh.

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo tiểu đức khi bệnh, chúng con đến chăm sóc thăm nom như thế nào ?

- Này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nhỏ nếu đau ốm, không nên để nằm nơi phòng chính, đừng để hơi bệnh ô uế bay đến các phòng khác. Sư trưởng hoặc đệ tử của người đó đều nên đến chăm sóc. Nếu như không có đệ tử hay sư trưởng, các vị đồng trụ xứ nên cử người khán bệnh, đôi ba người thay phiên nhau chăm sóc. Bệnh nhân nếu cần thuốc men ăn uống, người khán bệnh nên cung cấp đầy đủ, nếu không có đầy đủ thuốc và vật thực thì đại chúng nên cấp cho, như đại chúng cũng không có, nên lấy những y bát đáng giá của người bệnh mà

đổi lấy thuốc men, vật thực. Nếu như người bệnh tiếc rẻ không muốn đổi, nên bạch với vị trưởng lão đại đức mềm mỏng thuyết pháp để người bệnh vui lòng xả bỏ vật chất, rồi sau mới đem đổi. Nếu không có cách gì đổi chác, đại chúng nên đi xin về nuôi người bệnh. Nếu không xin được thì lựa thức ăn thượng vị của chúng Tăng đem cho, hoặc Tăng chúng không có, người khán bệnh nên đem theo hai bát vào làng xóm khát thực, lựa thức ăn ngon cho người bệnh. Nay Ưu-ba-ly! Khi chăm sóc bệnh cho Tỳ-kheo nhỏ nên làm như thế.

Những vấn đề liên quan đến Tỳ-kheo có bệnh, cách ăn uống, thuốc thang quy định thế nào, cho đến sau khi bệnh nhân viên tịch xử lý những vật còn lại, tôn giả Ưu-ba-ly đều thưa hỏi Phật. Tôn giả đã lưu tâm tỉ mỉ đến người bệnh, chúng ta thấy rõ tinh thần từ bi vì người của Tôn giả, và đó cũng là tinh thần trì giới.

Một vị Tỳ-kheo xuất gia, cắt ái từ thân, xa cách làng xóm gia đình, gia nhập Tăng đoàn, mà lúc đau bệnh nếu không ai săn sóc sẽ rất khổ sở. Nhưng từ khi Ưu-ba-ly thưa hỏi đức Phật về cách khán bệnh thì quy củ ổn định, khi bệnh không còn bất ổn nữa. Trong tám phước điền thì khán bệnh là phước điền đệ nhất, nào là sư phụ, sư huynh, sư đệ, đệ tử đều chăm lo cho bệnh nhân. Qua câu chuyện giữa đức Phật và Ưu-ba-ly, chúng ta thấy vấn đề ấy rất quan trọng đối với Tăng chúng.

9. PHÁ TĂNG VÀ HÒA TĂNG

Ưu-ba-ly đứng trên lập trường trì giới, nên thường

không quan tâm đến vấn đề pháp chế, vấn đề nam nữ, vấn đề lão bệnh, nhưng Tôn giả quan tâm nhất là vấn đề phá Tăng và hòa Tăng.

Trong Tăng đoàn lục hòa, hòa hợp về giới luật mới có thể đồng sống chung, cho nên một vị Tỳ-kheo trì giới đặc biệt để ý đến vấn đề Tăng đoàn hòa hợp.

Một hôm, Phật ở tại thành Xá-vệ, Ưu-ba-ly nghĩ đến vấn đề đoàn kết của chúng Tăng, Tôn giả bèn đến chỗ của đức Phật, cúi đầu đánh lễ và thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Con xin hỏi về thế nào là phá hòa hợp Tăng ?

- Này Ưu-ba-ly! Đức Phật ngừng một chút rồi mới nói. Nếu có vị Tỳ-kheo hiểu nghĩa lý sâu xa đúng pháp đúng luật, thì các đệ tử của vị ấy dù tại gia hay xuất gia đều phải lễ bái, cung kính, tùy thuận theo lời chỉ dạy của vị ấy. Nếu có người khinh thị, đàm tiếu, chê bai, hủy báng đó là phá hòa hợp Tăng. Nếu các tín đồ tại gia, đối với chư Tăng phân chia nhân ngã, hoặc khiêu khích gây mầm chia rẽ trong Tăng đoàn, hoặc làm nhiều chuyện rối rắm, gọi đó là phá hòa hợp Tăng. Hoặc như quan quân chính quyền cố dùng quyền thế mà can thiệp vào nội bộ tự viện, xua đuổi Tăng Ni, gọi là phá hòa hợp Tăng.

- Bạch Thế Tôn! Người phá hòa hợp Tăng bị tội ra sao ?

- Ưu-ba-ly! Tội phá hòa hợp Tăng phải đọa địa ngục, chịu khổ trong một kiếp.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là hòa hợp Tăng ?

- Nay Ưu-ba-ly! Lễ bái cung kính tùy thuận theo vị Tỳ-kheo như pháp, như luật, và có thể phát tâm hỗ trợ chúng Tăng, khen ngợi chúng Tăng, thì gọi là hòa hợp Tăng.

- Như vậy thì người hòa hợp Tăng được những công đức gì ?

- Công đức của người ấy được sanh lên cõi trời thọ hưởng khoái lạc trong một kiếp.

Công và tội của hòa Tăng và phá Tăng, không phải Ưu-ba-ly không biết, nhưng Tôn giả muốn chính kim khẩu Phật nói ra điều đó để tăng thêm sự quan trọng và sức mạnh. Tôn giả vốn là một người khiêm tốn, giữ luật, rành rẽ nghĩa lý, tác phong của Tôn giả, thái độ của Tôn giả khiến chúng ta phát khởi lòng kính ái vô lượng.

10. KẾT TẬP TẠNG LUẬT

Bình thường tôn giả Ưu-ba-ly xử lý những rắc rối trong Tăng đoàn, thường làm pháp Yết-ma sám hối cho các Tỳ-kheo phạm giới, thường luận bàn với đức Phật về những chỗ vi tế trong giới luật. Lâu dần, tôn giả thành một bậc danh cao đức trọng, về phương diện giới luật, Tôn giả có đầy đủ quyền hạn. Đức Phật tuyên bố tôn giả là người Trì giới đệ nhất, và các vị Tỳ-kheo trong Tăng đoàn cũng công nhận như vậy.

Có các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni, nếu không hiểu một vài điểm trong giới luật, không tiện thưa hỏi Phật, thấy đều thỉnh giáo với Ưu-ba-ly. Tôn giả như một cổ đại hồng chung trầm mặc, bình thường ít nói, nhưng gặp việc cũng phát ra

ảnh hưởng lớn.

Một đời của Ưu-ba-ly, vì Tôn giả là vị Tỳ-kheo trì giới, rất ít giao thiệp với kẻ thế tục, không có những hoạt động ngoài xã hội. Giới luật được thành lập vì Tăng đoàn nên sanh hoạt của Ưu-ba-ly xưa nay không rời khỏi Tăng đoàn. Những ký sự liên quan đến Tôn giả, chúng ta cũng chỉ có thể giới hạn trong Tăng đoàn.

Khi đức Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả cũng xấp xỉ bảy mươi tuổi. Các vị đại đệ tử vân tập trong hang Tát-bát-la, do Đại Ca-diếp làm thủ tọa, đã đề cử A-nan kết tập tạng Kinh, Ưu-ba-ly kết tập tạng Luật, nhưng đang khi đại chúng cung thỉnh, Tôn giả đã khiêm tốn từ chối:

- Tôi không dám đảm nhiệm trách nhiệm lớn lao, xin chư vị hãy mời trưởng lão khác.

Tôn giả Đại Ca-diếp ủng hộ Ưu-ba-ly, thấy từ chối, bèn nói:

- Tôn giả Ưu-ba-ly! Xin đừng khách sáo. Tuy hôm nay ngồi tại tòa có năm trăm người đều là Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng ngay từ ban đầu, đức Thế Tôn đã thọ ký Tôn giả thành tựu được mười bốn pháp, trừ đức Phật ra, trong Tăng đoàn Ngài là người trì giới đệ nhất, tạng Luật hiện tại do Tôn giả tụng ra đấy!

Ưu-ba-ly nhận lời, và trước tiên đưa ra nhiều nguyên tắc, yêu cầu đại chúng cùng tuân theo, rồi sau mới tụng luật.

Khi Tôn giả lên tòa, mỗi mỗi điều luật đều nói rõ giới này Phật nói lúc nào, ở đâu, nói với người nào, do nguyên nhân gì mà chế giới, và phạm giới ấy có tội, không tội ra sao.

Các vị trưởng lão tham gia cuộc kết tập, đối với sự ghi nhớ tỉ mỉ của Tôn giả đều khâm phục sát đất.

Một vị xuất thân từ dòng hạ tiện, lại có địa vị cao tột như thế trong Tăng đoàn, thiệt chẳng phải là điều ngẫu nhiên. Sau hết, vì tôn giả đã chủ trì buổi kết tập Thánh điển Luật tạng, một trong ba tạng, nên được hưởng thọ sự kính ngưỡng bái phục của muôn đời sau, khiến cho các dân tộc khổ nạn thêm tín tâm mạnh mẽ, khiến cho ánh sáng bình đẳng của Phật giáo đã chiếu sáng ngàn vạn đời cho tất cả chúng sanh.



A-NAN ĐÀ

ĐA VĂN ĐỆ NHẤT

1. NHÂN DUYÊN XUẤT GIA

Đang lúc tôi cầm viết để tả lại sự tích một đời của tôn giả A-nan-đà, bỗng nhiên tôi nhớ lại lời khen tặng của Bồ-tát Văn-thù về A-nan:

*Tướng như thu mãn nguyệt
Nhãn tựa thanh liên hoa
Phật pháp như đại hải
Lưu nhập A-nan tâm.*

Dịch:

*Tướng như trăng thu đầy
Mắt biếc tựa sen xanh
Phật pháp rộng như bể
Đều rót vào tâm A-nan .*

Trong số các vị đệ tử của Phật, người có tướng mạo trang nghiêm, trí nhớ thật mạnh mẽ, phải kể đến tôn giả A-nan.

Tôn giả có một cuộc đời thật phi thường, đối với giáo đoàn đương thời và cho đến Phật pháp hôm nay đều có ảnh

hưởng rất sâu xa.

A-nan-đà cũng như La-hầu-la, đều là đồng chơn vào đạo. Khi A-nan gia nhập Tăng đoàn, không biết vào khoảng mấy tuổi, điều này khó khảo chứng. Nhưng căn cứ vào truyền thuyết, trong nhóm các vương tử A-na-luật, Bạt-đề... đồng xuất gia thì A-nan là người nhỏ tuổi nhất tham dự trong ấy.

Phụ thân của A-nan là Bạch Phạn Vương, còn Đề-bà-đạt-đa là anh ruột. Sở dĩ, A-nan gia nhập Tăng đoàn trong tuổi đồng niên, vì đó là điều trông mong của đức Phật. Khi đức Phật trở về quê thuyết pháp, Bạch Phạn Vương sợ A-nan chịu ảnh hưởng về tư tưởng xuất thế của Phật, cho nên sau khi gặp Phật không lâu, nhà vua bèn đưa A-nan sang nước Tỳ-xá-ly, không để có cơ hội thường tiếp xúc với Phật. Khi Phật đi sang nước Tỳ-xá-ly, Bạch Phạn Vương lại đưa A-nan trở về thành Ca-tỳ-la.

Nói đến chỗ này thiệt là nhân duyên bất khả tư nghì. Trong số các vương tử, đức Phật hy vọng nhất là A-nan theo Ngài xuất gia. Buổi tương kiến đầu tiên, vừa thấy A-nan, đức Phật đã nghĩ thầm “Nếu như A-nan xuất gia, thì tương lai có thể thiệu long Phật chủng, khiến Phật pháp lưu truyền vĩnh viễn ở hậu thế”. Một nhân vật vĩ đại thì điều quan trọng là chọn người có thể nối tiếp sự nghiệp cho mình, xây dựng cho người ấy, đề cử người ấy thêm lên. Phật thành đạo không bao lâu, Ngài bèn chọn A-nan, thật là Ngài đã nhìn xa thấy rộng.

Phật biết A-nan đã trở về thành Ca-tỳ-la, bèn lập tức quay về và đến ngay cung điện của Bạch Phạn Vương, ngự

tại căn phòng kế cận phòng của A-nan. A-nan mở cửa ngõ qua thấy đức Phật bèn cung kính đảnh lễ, và lấy quạt quạt cho đức Phật. Qua thái độ này chúng ta có thể thấy rằng trong tâm hồn thơ bé của A-nan đã sớm khởi lòng tin tưởng cung kính đối với đức Phật.

Do đó, khi gặp cơ hội, A-nan bèn cùng các vương tử Bạt-đề... thế phát xuất gia, gia nhập Tăng đoàn.

2. GIÚP CHO NỮ GIỚI XUẤT GIA

A-nan dần dần lớn lên trong Tăng đoàn. Với thiên tánh ôn hòa, từ bi, dung mạo truyền cảm, tôn giả là nhân vật được phái nữ bên trong và bên ngoài Tăng đoàn tôn kính. Đối với các Tỳ-kheo ni, Tôn giả hết lòng lo lắng, với các tín nữ tại gia, Tôn giả thường ban cho họ niềm an ổn. Ở một chốn lạnh lùng nghiêm túc, chỉ dùng toàn lý trí như Tăng đoàn thì A-nan với dung mạo dễ mến và tình cảm phong phú, như vầng thái dương một sớm mùa đông làm ấm áp tâm tình của các cô.

Nếu như không có A-nan, ngày nay trong Tăng đoàn cho phép hay không cho phép người nữ xuất gia làm Tỳ-kheo ni ? Điều ấy thật khó biết.

Nói về duyên khởi của nữ giới được hứa khả xuất gia theo chánh pháp, hoàn toàn do công lao của tôn giả A-nan-Đà.

Số là hoàng hậu Kiều-đàm-di, em gái của thánh mẫu Ma-da phu nhân, là dưỡng mẫu của Phật. Bà thấy sau khi Phật thành đạo trong vòng năm năm, trong dòng họ Thích có

các vương tử Bạt-đề, A-na-luật... đầu tiên quy y Phật và xuất gia, vương tôn La-hầu-la cũng đã là sa di, vua Tịnh Phạn đã băng hà. Bà nghĩ trước, nghĩ sau, muôn phần cảm khái. Do thiện căn bắt đầu nảy mầm, bà bèn đến xin đức Phật cho phép được ở trong Tăng đoàn xuất gia như pháp.

Bà yêu cầu lần thứ nhất, Phật liền từ chối. Bà lại yêu cầu đôi ba phen, cũng bị Phật không chấp thuận. Sau Phật sợ bị Di mẫu kềm nài phiền phức, bèn dẫn đồ chúng đi sang nước Tỳ-xá-ly, ngụ tại tinh xá Na-ma-đề-ni.

Di mẫu vẫn không nản lòng, bà tập hợp năm trăm người nữ dòng họ Thích cũng đồng ý nguyện, cắt bỏ tóc tai, đi chân đất rời thành Ca-tỳ-la đuổi theo đến thành Tỳ-xá-ly. Ca-tỳ-la cách Tỳ-xá-ly khoảng hai ngàn dặm đường. Các vị phu nhân, tiểu thư này từ trước đến giờ chỉ quen ở thâm cung, lên xe xuống lầu, không hề động đến móng tay. Hôm nay, lại biến thành các vị ni cô, ba y một bát, đầu trần chân đất, lội bộ suốt hai mươi ngày đường. Dân chúng hai bên đường phần cảm động, phần hiếu kỳ, họ rủ nhau đi xem chật ních, có người còn dự bị thức ăn đem cho đoàn người cầu pháp. Và rốt cuộc các bà, các cô cũng đến được tinh xá Na-ma-đề-ni.

Lúc ấy trời đã về chiều. Vì không quen đi đường ai nấy đều thở không ra hơi, hình dung tiều tụy, mệt nhọc, cả đoàn cứ lẩn quẩn trước cửa tinh xá, chẳng dám bước vào. Thời may, A-nan trong tinh xá đi ra, thấy Di mẫu và năm trăm người nữ dòng họ Thích, đều mặc y phục Tỳ-kheo ni, bụi bặm lấm lem, nước mắt đầm đìa,

A-nan vốn giàu tình cảm, đã ngạc nhiên kêu lên:

- Các vị làm gì ở đây ?

Di mẫu đáp:

- Chúng tôi vì muốn cầu đạo, cắt ái từ thân, bỏ nhà đến đây cầu xin được thế độ. Nếu như lần này Phật không cho phép, chúng tôi liều chết tại đây chớ không về.

A-nan nghe Di mẫu nói, cảm động rơi nước mắt, bèn an ủi:

- Các vị hãy yên tâm! Tôi thấy tình cảnh các vị như thế này trong lòng đã hết sức áy náy. Các vị hãy chờ ở đây một lát, tôi sẽ vào xin đức Thế Tôn giùm cho.

Nhà thầy A-nan trẻ tuổi lại đa cảm, vội trở vào tinh xá, đem hết nguyện vọng của Di mẫu và bọn người nữ thừa lên đức Phật, khẩn cầu Phật thương xót họ, cho phép được xuất gia.

Phật từ chối:

- Ta cũng thương cho bọn họ đấy, nhưng vì sự truyền thừa chánh pháp không thể chấp thuận được. Ông ra bảo họ rằng ta không bằng lòng.

A-nan không chịu đi ra, còn nài nỉ với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu là ai khác thì con có thể từ chối được, nhưng đằng này là Di mẫu, nếu nói thẳng chắc là sẽ có chuyện không hay. Họ đã nói chẳng thà chết chứ không chịu về.

- Này A-nan! Hứa khả cho người nữ xuất gia trong Tăng đoàn thiệt chẳng tiện chút nào!

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Phật pháp lại phân biệt nam

nữ hay sao ? – A-nan cố xin giùm cho phái nữ, nên ở trước Phật ra sức vận động.

- Này A-nan! Pháp của ta dù ở cõi trời hay cõi người, đều một vị, ta không lựa riêng nam hay nữ, tất cả đều là chúng sanh đáng thương, ta đều đối xử bình đẳng. Người nữ có thể tin theo pháp của ta như bên nam giới, tu hành như nhau, chứng quả như nhau, chỉ không nhất định họ phải xuất gia. Đây là vấn đề pháp chế, không phải vấn đề nam nữ bình đẳng. Người nữ xuất gia như đám ruộng tốt sanh sản nhiều cỏ dại, không gặt hái được bao nhiêu.

Đức Thế Tôn nhìn xa thấy rộng nên lời nói của Ngài hàm chứa ý nghĩa đặc biệt. Đương nhiên nếu chiếu theo tình người thì nên cho phép nữ giới xuất gia, nhưng nếu đứng về mặt pháp lý, thì nam nữ cùng tu học trong một trụ xứ là một việc rất khó giải quyết. Trí huệ và tình cảm là hai đường đối nghịch nhau, Phật không cho phép người nữ xuất gia chính vì điểm đó. Người nữ rất nặng tình cảm, họ có thể vì tình mà bỏ đạo, thôi tu. Đó là điều không thể chấp thuận. Hoặc có thể vì nữ nhân tâm ngã mạn, ham danh nặng hơn nam giới, nên Ngài không hứa khả cho xuất gia là muốn dạy cho họ một bài học.

Thiệt là Phật từ chối cứng rắn đến vậy, A-nan bản tính vốn ôn hòa chưa từng cãi đức Phật một câu, mà phen này cũng rơi lệ, sụt sùi đánh lễ Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ Ngài nhẫn tâm để họ chết, mà không đưa tay từ bi cứu độ ?

Phật thấy rằng trên đời này, pháp lý và tình cảm cũng

có khi không thể vẹn toàn. Ngài cũng biết rõ mối quan hệ nhân duyên, không thể có một pháp nào trên đời này thanh tịnh, thường trụ bất biến mãi mãi được. Ngài trầm mặc giây lâu, rồi mới bắt đầu dĩ bảo A-nan:

- Chẳng còn cách nào khác hơn. Thôi! Ông ra kêu họ vào đây.

Từ mệnh Phật vừa ban ra A-nan vui mừng vội vàng chạy ra báo tin vui, Di mẫu và năm trăm người nữ nghe tin cũng mừng rỡ đến ướt nước mắt.

Họ theo nhau vào diện kiến Phật. Ngài thản nhiên như không quan tâm đến, ôn hòa cho phép họ xuất gia làm Tỳ-kheo ni, nhưng yêu cầu phải giữ gìn Bát kính pháp.

Với sự hỗ trợ của A-nan, rốt cuộc giáo đoàn Ni bộ được thành lập. Di mẫu rất cảm kích đối với ơn của A-nan, bà thành khẩn nói lên vui mừng của mình:

- A-nan! Chúng tôi vâng giữ Bát kính pháp, cũng như người đẹp mà được mặc y phục mỹ lệ vậy.

Ngày nay, trong Tăng đoàn cho phép nữ giới xuất gia, đều là nhờ sự ủng hộ đầu tiên của A-nan. Do nhân duyên ấy, phái nữ đối với Tôn giả có duyên đặc biệt, Tôn giả là người rất được họ kính ngưỡng.

3. CÂU CHUYỆN VỀ MA ĐĂNG GIÀ

Vẻ đẹp và tuổi trẻ của A-nan đã gây ra nhiều chuyện phiền phức rối ren. Đó là câu chuyện về Ma-đăng-già.

Hôm ấy, sau mùa an cư, A-nan bưng bát đi vào thành Xá-vệ khát thực. Trên đường về đi ngang một giếng nước, có

một cô gái dòng Thủ-đà-la đang lui cui xách nước, A-nan thấy khát, bèn đến bên giếng và nói:

- Cô nương! Xin bố thí cho tôi miếng nước.

Cô gái ngẩng đầu lên, thấy một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi trang nghiêm và nhận ra đó là A-nan-Đà. Cô vội nhìn xuống y phục của mình và then thùng nói nhỏ:

- Thưa Tôn giả! Tôi không tiếc chi với Ngài, nhưng tôi thuộc dòng hạ tiện, làm sao có thể cúng dường cho Ngài ?

A-nan an ủi:

- Này cô nương! Tôi đã là Tỳ-kheo không có tâm phân biệt cao thấp sang hèn đâu!

Cô gái bèn vui vẻ đem gàu nước trong treo đưa cho A-nan. A-nan uống xong, thốt lời cảm ơn và lặng lẽ tiếp tục đi.

Mối tình đầu chớm nở trong lòng cô thiếu nữ, cô không ngăn nổi tia mắt lưu luyến đưa theo hình ảnh A-nan. Dáng dấp quý phái cao sang của dòng vua ấy, lời lẽ ôn hòa ấy, như một nét mực đậm in trên tâm hồn trong trắng của cô, vĩnh viễn không thể xóa nhòa. Thậm chí cô lại vọng tưởng mơ mộng rằng, giá mà được kết hôn với A-nan thì hạnh phúc biết mấy mà kể.

Cô gái về đến nhà bơ phờ như người mất hồn, không thiết gì đến ăn uống, làm công chuyện qua loa rồi nằm vật trên giường suy tư miên man. Bà mẹ thấy vậy gạn hỏi duyên cớ. Ban đầu cô không chịu nói, hỏi đôi ba phen, cô mới yêu cầu mẹ mời A-nan về nhà, cô muốn A-nan làm chồng cô. Bà mẹ nghĩ hoài không ra, A-nan đã đi tu làm thầy Tỳ-kheo, mà lại thuộc dòng hoàng tộc làm sao cưới cô được ? Nhưng vì

lòng thương con gái, dù khó đến đâu cũng phải tìm cách thực hiện. Bà bèn đi thỉnh một đạo bùa chú của ngoại đạo, đợi A-nan đi khuất thực ngang nhà, sẽ dùng chú thuật mê hoặc A-nan.

Ma chú linh nghiệm hay không, điều đó chẳng rõ, nhưng A-nan cũng còn nhớ cô gái bên giếng nước. Khi A-nan đi ngang qua nhà, nàng ra đứng trước cửa, nhìn A-nan cười chúm chím và đưa tay vẫy. A-nan mê mẫn bước vào trong nhà. Cô gái vừa mừng vừa thẹn luỳnh quỳnh cả lên. Ngay lúc ấy A-nan sực nhớ ra mình là một vị Tỳ-kheo, A-nan liền tưởng đến đức Phật. Đồng thời đức Phật dùng oai thần gia hộ cho Tôn giả trí huệ sáng suốt trở lại, giống như Ngài nổi một luồng gió đưa A-nan về tinh xá Kỳ Viên.

Ngày hôm sau, A-nan bình tĩnh lại, cũng đi vào thành khát thực. Lạ thay cũng gặp cô gái ấy, nàng mặc áo mới, đeo tràng hoa, đứng bên đường như chờ đợi A-nan. Cô vừa thấy Tôn giả liền lẻo đẹo theo sau một bên, như con thiêu thân bu theo ánh đèn không chịu rời một bước. Trước tình trạng này, A-nan chẳng biết tính sao, phải quay trở về tinh xá bạch với đức Phật. Đức Thế Tôn bảo A-nan gọi cô ta đến, Ngài sẽ đích thân nói chuyện với cô. A-nan vừa ra đến cổng, thấy cô nàng còn đứng đó, Tôn giả bèn hỏi:

- Tại sao cô cứ theo tôi mãi như vậy ?
- Thầy thiệt là ngọc mới đi hỏi tôi một câu lẩn thẩn đến thế.
- Đức Thế Tôn muốn gặp cô, mời cô theo tôi về tinh xá.

Nghe nói đến đức Phật, cô gái đã lo sợ một phen, nhưng vì muốn đoạt được A-nan, cô lấy hết can đảm đến gặp Ngài. Phật thấy cô bèn nói:

- A-nan là người tu, nếu muốn làm vợ A-nan, điều kiện cần yếu trước tiên là phải xuất gia tu đạo một năm, nài có chịu không ?

- Phật-đà! Con bằng lòng.

Cô gái không ngờ đức Phật từ bi quá đổi, đưa điều kiện hết sức dễ dàng để tác thành cho cô, nên cô chấp nhận một cách mau lẹ.

- Theo phép xuất gia của ta, phải có cha mẹ bằng lòng, nài có thể mời cha mẹ đến chứng minh được không ?

Đức Phật không làm khó dễ ai, điều kiện của Ngài cũng dễ thôi. Cô gái liền về nhà dắt mẹ đến. Bà mẹ cô cũng vui mừng đối trước Phật, để cô gái xuất gia tu hành rồi sau sẽ kết hôn với A-nan.

Cô nài vì muốn làm vợ A-nan, rất cao hứng mà cạo tóc, mặc áo nhuộm, làm Tỳ-kheo ni. Cô đem hết nhiệt tâm nghe Phật thuyết pháp, và cũng rất tinh tấn y theo lời chỉ dạy của Phật tu tập. Ở trong giáo đoàn Tỳ-kheo ni, nài hòa hợp với các sư tử, sư muội sinh hoạt theo Phật pháp.

Biển ái, tình si của cô dần dần lắng dịu. Xuất gia chưa được nửa năm, cô đã thức tỉnh rằng thái độ của mình trước đây thật đáng hổ thẹn.

Đức Phật thường giảng nói ngũ dục là pháp bất tịnh, là nguồn gốc của mọi khổ đau. Loài thiêu thân ngu si tự ném mình vào lửa để bị thiêu rụi, con tầm vô tri làm kén tự trói

mình. Nếu như từ bỏ được ngũ dục, nội tâm được thanh tịnh, cuộc sống mới an ổn được.

Giờ đây nàng tự biết mình mê đắm A-nan thật là ý tưởng bất thiện, bất tịnh. Nàng hối hận vô cùng. Một hôm, nàng đến quỳ dưới chân Phật, khóc và sám hối:

- Bạch Thế Tôn! Con đã tỉnh mộng, con không dè lúc trước con ngu si đến mức như vậy. Hôm nay, con chứng được Thánh quả, **được xem như qua mặt A-nan**, con rất cảm kích ân của Thế Tôn. Ngài vì hóa độ bọn chúng sanh ngu muội như con, đã dùng hết phương tiện và nhọc lòng dạy dỗ. Từ nay về sau, con nguyện suốt đời làm Tỳ-kheo ni, theo chân đức Thế Tôn, làm một sứ giả cho chân lý.

Sự giáo hóa khẩn thiết của đức Phật, cuối cùng đã thấm đọng vào tâm hồn mãi cảm của thiếu nữ, nàng tỉnh ra thấy trời đất thanh lương, thành một bực Tỳ-kheo ni mẫu mực..

Tên nàng đã nổi danh là Ma-đăng-già. Đức Phật giúp cho một cô gái dòng hạ tiện xuất gia, điều ấy đối với giai cấp thâm nghiêm Ấn Độ, khiến cho nhiều người nghe được phê bình, phản đối. Nhưng bậc đại thánh Phật-đà đã nêu lên chủ trương bình đẳng, như trăm sông chảy về biển, bốn chủng tộc xuất gia đều là Thích tử. Nàng Ma-đăng-già vì yêu mến dung mạo của A-nan mà sau cùng chuyển họa thành phước. Giai thoại ấy đã lưu lại trong Tăng đoàn những lời bàn tán đẹp ngàn năm.

4. THUYẾT PHÁP CHO TỖ KHEO NI

Chính vì dung mạo đẹp đẽ và giàu tình cảm, mà không

những các cô gái thế tục theo đuổi A-nan, cho đến các Tỳ-kheo ni cũng luyện mộ Tôn giả.

A-nan đối với ni giới thật là tận tình giúp đỡ, thêm vào đó có những nhân duyên đặc biệt, nên nữ giới, ngay cả các Tỳ-kheo ni đối với Tôn giả đặc biệt cung kính. Có lúc A-nan cùng Đại Ca-diếp trên đường hành hóa, ghé ngang một lan nhĩ của các Tỳ-kheo ni, các cô đều đồng thỉnh A-nan khai thị trước, rồi sau mới mời đến Đại Ca-diếp. Luận về tuổi tác, hạ lạc, giới hạnh thì Đại Ca-diếp hơn A-nan xa, nhưng các Tỳ-kheo ni không kể đến chuyện ấy.

Cuộc sống của người xuất gia, về mặt tâm lý, như một bãi chiến trường. Lý trí và tình cảm thường giao tranh với nhau trong mỗi một bề trong của nhà tu. Lý trí thắng thì thành Phật đắc Tổ, tình cảm thắng đương nhiên là phạm phu tục tử. Nếu nói rằng yêu cầu mỗi vị xuất gia đều lạnh lùng như cây khô, xác chết, không còn một chút ái tình của người đời thì chắc là khó được.

Ở Kỳ Viên tinh xá, có một vị Tỳ-kheo ni trẻ tuổi, thấy phong tư A-nan thanh nhã độ lượng, cô ôm ấp ngày đêm không thể quên. Nhưng cổ ngữ Trung Hoa có nói "Nam nữ thọ bất thân" hướng chi đây là chốn Tăng đoàn nghiêm trang cách biệt? Cô Tỳ-kheo ni ấy tuy thâm thương trộm nhớ A-nan, nhưng không thể đột xuất vào phạm vi giới cấm, trừ những lúc nhìn lén A-nan vài cái, ngoài ra không cách gì khác hơn.

Một hôm, Tỳ-kheo ni ấy mang bệnh. Cô nhờ người thưa với A-nan một lời "Thưa tôn giả! Hiện giờ con đang bệnh nặng, không còn hy vọng bao nhiêu, xin Tôn giả từ bi

đến thăm một phen!”

Lời yêu cầu đáng thương như vậy khiến A-nan động tâm. Sáng hôm sau, tôn giả đắp y mang bát trước khi đi khát thực, thuận tiện ghé thăm. Tỳ-kheo ni bệnh y phục không được chỉnh nằm tại giường. Khi thấy A-nan đến gần dùng đôi mắt đa tình nhìn A-nan trân trối. A-nan thấy thái độ lãng mạn của cô, biết được chuyện không tốt liền quay lưng bỏ đi, không hỏi han gì cả. Cô ni nọ thấy A-nan đã đến gần, đột nhiên không nói một lời mà chuyển thân bước ra, nhất định Tôn giả đã bất mãn hành vi của mình. Cô sanh lòng hổ thẹn vội vàng ngồi dậy, đắp y, trải tọa cụ và thỉnh A-nan trở lại, mời ngồi tại tòa. A-nan liền khai thị:

- Này cô! Không nên dùng vật bất tịnh nuôi thân, không nên dùng kiêu mạn nuôi tâm, không nên chứa chấp tư tưởng tham ái, ý niệm dâm dục. Này cô! Khi đau bệnh nên để thân tâm an trụ nơi cảnh giới vô sở cầu thì mới mau lành mạnh.

Tỳ-kheo ni trẻ tuổi lúc này dường như quên thân phận xuất gia của mình, đưa mắt nhìn A-nan một cách tình tứ và nói:

- Chẳng phải tôi không biết đạo lý mà Tôn giả vừa nói. Nhưng đối với tôi, không được ăn ngon hay mặc đẹp, tôi cũng có thể chịu nổi, chỉ có tình cảm của tôi đối với Tôn giả, tôi đã hết sức chế ngự mà không được. Người ta ai cũng muốn được yên thân, ai cũng có một điều mong ước chứ!

- Này cô! Không nên nghĩ như vậy, chúng ta đi xin thức ăn, áo mặc là để giữ gìn thân mạng, giữ thân mạng là để tu

đạo, tu đạo mới có thể an tâm. Bỏ quên đạo lý để chạy theo tìm cầu những dục lạc giả dối cho thân mình là một điều lầm lẫn. Người khách buôn thoa dầu vào bánh xe là để cho xe dễ chạy, người bệnh ghẻ xước dầu trên mình không phải để trang điểm, cũng không phải vì dục lạc, chỉ với mục đích trị bệnh mà thôi. Chúng ta dưỡng thân an tâm, cần yếu đoạn trừ ý niệm ái dục, lia tâm ham vui. Xa rời tâm hữu lậu, cầu đạo chơn thật, đừng để cho các pháp vô thường hư huyễn làm mê hoặc.

Tỳ-kheo ni nghe rồi, cảm động sâu xa liền dứt sạch tâm niệm ái dục, chứng được **vô sanh** pháp nhẫn.

5. CHIA BÁNH MANG TIẾNG

A-nan vì những chuyện của các cô thường chuốc vào mình những điều phiền phức, bị người ganh ghét, phê bình, đức Thế Tôn cũng thường bận tâm vì Tôn giả.

Nhưng A-nan không giống như Ca Lưu Đà Di. A-nan không theo đuổi các cô, trái lại các cô cứ chạy theo A-nan. A-nan đối với họ bằng một tình cảm thuần khiết, không hề có một niệm ái dục, chúng ta xem lời khai thị của A-nan với cô Tỳ-kheo ni trên cũng đủ biết.

Dù cho Tôn giả đối với nữ giới chân chính thế mấy mà trong Phật giáo, phạm những việc gì dính dáng đến phái nữ, đều là sự chẳng lấy làm vinh dự lắm. Nam nữ luyện ái nhau, tuy chẳng phải là tội ác lớn nhưng vốn là hành vi bất tịnh.

Một hôm, Phật ngụ tại nước Xá-vệ, có một đàn việt làm rất nhiều bánh in đem cúng dường Phật dạy A-nan đem

bánh phân chia cho các Tỳ-kheo. A-nan chia xong, còn dư bánh khá nhiều, Phật lại bảo đem chia cho những người nghèo trong vùng.

A-nan vâng lời, nhóm họp hết những người bần khổ đến lãnh bánh. Có đến cả ngàn người kéo đến, A-nan tính số người với số bánh, thì vừa đủ một người một cái.

Khi A-nan đang chia bánh, trong số người lãnh phần có một thiếu nữ xinh đẹp thuộc nhóm ngoại đạo lõa hình. Khi chia đến cô, thiệt chẳng may, phần bánh lại có hai cái dính chung gỡ không ra. A-nan không biết tính sao, bèn đưa hết cho cô ấy. Đó chỉ là một sự vô tâm, nhưng mấy người hạ tiện đứng quanh thấy vậy bèn cơ hiềm. Một phần vì tật đố, một phần vì hiếu kỳ, họ xì xầm với nhau “Thầy A-nan đẹp trai, đem cho cô gái kia hai phần bánh in nong hậu. Chắc hai đàng đã quen biết trước, có tình ý gì rồi đã.”

A-nan nghe mấy lời bàn tán, trong lòng không vui. Thiệt miệng người độc địa, chẳng biết phải cư xử ra sao mới vừa ? Người tu hành, vốn đã chịu nhiều thua thiệt, mà thế gian đing ninh rằng đã tu thì phải nhẫn nhục, họ lại hay nặng nhẹ cho tổn thương.

Đức Phật thường dạy các đệ tử nên tránh mọi cơ hiềm của thiên hạ, nhất là về vấn đề nam nữ. Chẳng cần biết ông tu hành chín chắn ra sao, nếu để bị mang tiếng dính dáng với nữ nhân, thì chắc chắn là cất đầu lên không nổi. Thật ra, đối với người chưa chứng Thánh quả mà nói hoàn toàn không mê sắc đẹp là chuyện không thể có. Nhưng bậc tu hành đối với ái dục nên phòng thủ chắc chắn, đề cao cảnh giác.

A-nan thường nghĩ đến việc bị khổ phiền vì chuyện đàn bà con gái. Một hôm, Tôn giả ngồi tư duy nơi chỗ vắng, nghĩ thầm “Người đời đều do ái dục mà sanh, sinh hoạt hằng ngày bị nhận chìm trong ái dục mà không biết chán. Họ vừa thích tìm cầu ái dục cho bản thân, lại vừa thích đàm tiếu chuyện ái dục của người khác. Ái dục đem lại nhiều khổ não, tranh đấu cho thiên hạ. Đức Thế Tôn thường quở trách ái dục, thật là có ý sâu xa.”

A-nan thuở giờ chưa nghĩ đến mấy chuyện này, đến khi vì chia bánh in cho cô gái đẹp bị mang tiếng nợ kia, Tôn giả mới thấm thía. Chiều xuống, Tôn giả đứng dậy, chỉnh y phục, đến trước Phật đem hết những cảm tưởng của mình bạch với đức Thế Tôn. Phật nghe xong, bèn kể cho A-nan nghe về một đoạn nhân duyên của Ngài trong đời quá khứ:

“A-nan! Ông nói đúng, người đời bị chìm trong biển dục không biết nhàm chán. Thời quá khứ, có một ông vua tên Đánh Sanh dùng pháp ôn hòa trị dân, không cầm dao gậy chi cả mà người hung ác đều phục tùng. Nhưng nhà vua là một người tham dục, đắm sắc. Khi cai trị thì đi đến đâu cũng nghe như dân ca tụng đức độ, nhưng về phần dục lạc lại quá đam mê. Bao nhiêu cung phi, mỹ nữ trong nước còn chưa đủ, nhà vua lại tuyển chọn thêm giai nhân của các nước. Nhà vua bị doanh vây trong ngũ sắc, cung tần ái phi hầu hạ ngày đêm, nhà vua cũng không vừa ý, tính chuyện giết luôn quốc vương nước bạn để đoạt lấy hoàng hậu. Rốt cuộc vì tham dục quá độ, chìm đắm trong bể sắc, triều chính ngày càng bê trễ, bị nhân dân nổi loạn, vương quyền tiêu tan, nhà vua phải chịu những ngày tàn thê thảm.

A-nan! Tham dục không biết chừng tai hại đến như thế. Vua Đảnh Sanh đó là một tiền thân của ta.”

A-nan nghe Phật khai thị xong, tự nghĩ một người ôn nhu như mình, cũng giống vua Đảnh Sanh, lại càng phải gấp hạ thủ công phu xa lìa ái dục.

6. LÀM THỊ GIẢ PHẬT

A-nan từng được Phật chấm là người có thể nói thành Phật pháp. Tôn giả đặc biệt bị nhiều nữ nạn, nên vì muốn A-nan giữ được bản thân chuyên tâm tu đạo, Phật nghĩ đến việc chọn A-nan làm thị giả. Đó là vào khoảng thời gian đức Thế Tôn trên năm mươi tuổi, Ngài trụ tại tinh xá Trúc Lâm, việc tuyển chọn này xảy ra.

Trước đó, khi Phật thành đạo không lâu, hầu cận Ngài có hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Sau lại đến Tỳ-kheo Na-ca-ba-la (Migajàla) cũng từng làm thị giả. Có thể nói, trong hai mươi năm, đức Thế Tôn không có thị giả thường trực cố định, các Tỳ-kheo thay phiên nhau hầu Phật.

Đức Thế Tôn ngày càng già, cần có một vị thị giả túc trực bên cạnh. Các đệ tử Tỳ-kheo bèn triệu tập một buổi họp, đề cử một vị thị giả. Phiên họp này các đệ tử thượng thủ rất đông, trong số đó, trước tiên là Kiêu Trần Như đứng dậy xin làm thị giả Phật. Tôn giả là một trong năm vị Tỳ-kheo vốn là cự thần theo Phật trong thời kỳ Ngài tu tập khổ hạnh. Có thể nói tôn giả là vị Tỳ-kheo đầu tiên trong giáo đoàn. Tuổi tác của tôn giả tuy lớn hơn Phật, đem tấm lòng thành xin suốt đời hầu hạ Thế Tôn. Nhưng đức Phật không hứa khả. Ngài

nói rằng tôn giả đã già nua, chỉ cần tự lo cho mình cũng đủ rồi. Kế đó, cũng có nhiều vị xin làm thị giả Phật, Phật đều từ chối, bảo các vị hãy lo đi hóa đạo nơi khác. Lúc ấy, tôn giả Mục-kiền-liên biết ý Phật, bèn rủ Xá-lợi-phất đến khuyên A-nan:

- Tỳ-kheo A-nan! Ý đức Thế Tôn chọn ông làm thị giả. Giống như tòa lâu đài mở cửa về phía Đông, ánh nắng sẽ chiếu thẳng đến vách phía Tây. Ông còn trẻ, mau mắn, thông minh nhu hòa, chúng tôi mong rằng ông sẽ bằng lòng.

A-nan nghe nói, thấy trách nhiệm quan trọng bèn từ chối. Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cố khuyên mãi, Tôn giả mới đưa ra ba điều kiện:

* Một, A-nan không mặc y phục thừa của đức Phật, dù cũ hay mới.

* Hai, nếu có Phật tử thỉnh Phật cúng dường, A-nan không đi trước.

* Ba, không phải thời đến gặp Phật, A-nan không đến.

Ngoài ra đều xin theo hầu Phật như ý.

Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất đem ý của A-nan bạch lại với Thế Tôn – đối với Phật mà cũng ra điều kiện. Nhưng đức Phật chẳng những không giận, mà còn rất hoan hỷ khen A-nan:

- A-nan thật là vị Tỳ-kheo có phẩm cách. Ông ấy đưa ra các điều kiện trên là để tránh sự cơ hiểm, đó là sự dự phòng chánh đáng. Tỳ-kheo A-nan sợ các thầy khác phê bình rằng: "Thầy A-nan vì muốn mặc áo đẹp, ăn ngon mới làm thị giả. A-nan vì vật chất mới theo hầu Phật". Ông ấy biết lo xa

nên mới yêu cầu như vậy.

Từ khi A-nan làm thị giả Phật lúc ấy khoảng hai mươi tuổi. Trong hai mươi bảy năm theo bên cạnh đức Thế Tôn, Tôn giả luôn luôn vâng theo ý Phật, hành động theo lời dạy của đức Thế Tôn, thường xuyên túc trực bên Ngài, đi các nơi giáo hóa. Do nhân duyên ấy mà tất cả biển Phật pháp đều rót vào tâm A-nan.

Tỳ-kheo A-nan, mỗi ngày ở cạnh đức Phật, sự phiền nhiễu về người nữ giảm dần, và tôn giả nghiêm nhiên là người trung gian giữa Phật và các Tỳ-kheo.

Sống trong Tăng đoàn, A-nan thường giữ tánh khiêm tốn, kính nhường, biết tầm quý. Rất nhiều tín chúng nhờ quen biết với A-nan mà đến quy y với Phật. Tuy trước đây, A-nan hay bị những rắc rối với phái nữ khiến thiên hạ có những lời phê bình chẳng hay ho, đến khi một phen gánh vác trọng trách, Tôn giả đã tu dưỡng rất thuần thực.

7. TÌNH BẠN TRONG PHẬT PHÁP

Đã là thị giả Phật, mà lại chưa khai ngộ, nhưng trong Tăng đoàn vẫn xem A-nan đồng bậc với các vị thượng thủ đáng kính. Kỳ thật là vì tâm tính của Tôn giả ôn hòa khiến cho ai ai tiếp xúc qua đều cảm thấy mát như gió xuân. A-nan đối với người không hề đưa điều tốt của mình ra, hoặc nói cái dở của người. Luôn luôn ẩn ác dương thiện, tận tâm giúp đỡ mọi người cho họ được dễ dàng. Mỗi khi cùng ngoại đạo luận bàn Phật pháp, cũng chỉ hiển chánh mà không phá tà. Tôn giả chưa từng có ý hại người để lợi mình, Tôn giả như tia

nắng xuân ấm áp từ từ làm tan băng giá.

Khi ở tại tinh xá Trúc Lâm, A-nan đã từng khiến ngoại đạo Câu-già-na không dám đưa vấn đề đến hỏi khó Tăng đoàn. Ở vườn Cù-sư-la, Tôn giả cũng khiến ngoại đạo Chiên Đà cảm động, hoan hỷ phụng hành Phật pháp. A-nan tuy không hề biện luận thao thao với ngoại đạo, nhưng danh tiếng của Tôn giả đối với họ không nói cũng biết.

A-nan có duyên với chúng sanh, nên trong số bạn bè tục gia, và các thầy Tỳ-kheo, rất nhiều người kết giao với tôn giả. Tôn giả thích nghe người thuyết pháp, cũng thích thuyết pháp cho người nghe. Phật từng nói A-nan chỉ cần nhìn qua diện mạo và thái độ của người, cũng đoán biết được tánh tình người ấy. A-nan đối với cư sĩ, như mẹ hiền thương con, còn đối với bậc trưởng lão thượng túc, lại ôn hòa như em út.

A-nan có một người bạn cư sĩ tên Lư-gi, ở tại thành Basa. Một hôm, đức Thế Tôn dẫn các đệ tử quang lâm đến đấy, bộ tộc Ma-la trong thành rất vui mừng cung nghinh. Họ cùng ước định, người nào không ra đón Phật sẽ bị phạt hai trăm đồng vàng. Lư-gi lại là người không có một chút lòng tin Phật pháp. Trừ A-nan, ông không hề tôn kính một người xuất gia nào, dù đó là đức Phật.

Nhưng hôm ấy, Lư-gi cũng có mặt trong đoàn người cung đón Phật, A-nan thấy bạn một phen ngạc nhiên. Hỏi ra thì ông ta nói rằng vì sợ bị phạt hai trăm đồng vàng nên phải ra đón Phật. A-nan nghe xong chẳng vui nhưng vẫn nhiệt tình tiếp đãi bạn. Sau đó, trong lúc nghỉ ngơi, A-nan đem chuyện Lư-gi thưa với Phật. Phật rất thông cảm, cho là y đáng thương và bảo A-nan tìm cách đưa y đến gặp Phật. Phật

khai thị rất nhiều, sau cùng Lư-gi cởi mở tâm tình, phát tâm quy y Tam bảo, giữ ngũ giới.

Về sau Lư-gi thường mang các thứ y phục, thức ăn, thuốc men, ngoạn cụ... đến cúng dường Phật. Và cảm tình của A-nan đối với bạn càng thân thiết, vốn xưa là bạn cũ, bây giờ lại cùng một thầy, nên A-nan xem gia đình bạn như gia đình mình.

Một hôm, A-nan cần ít thước vải bèn đến nhà Lư-gi xin. Hôm ấy, Lư-gi đi vắng. A-nan nghĩ rằng: “Đã đến đây, chẳng lẽ về tay không”, bèn thực tình nói với vợ con Lư-gi đem vải ra, tùy tiện chọn một tấm mang về. Lư-gi lúc sau nghe vợ con nói lại, bèn vội đến tinh xá, hỏi A-nan:

- Sao Tôn giả không chọn thứ vải tốt, lấy làm gì cái thứ vải thô ấy ?

- Tôi không cần vải tốt. Tôi chỉ chọn vải thô để làm khăn tắm, thay thế bạn cúng dường cho các vị Thượng tọa đầy thôi.

Cảm tình giữa hai người thân thiết như vậy, đương nhiên có một số người trong Tăng đoàn phản đối thái độ tự nhiên ấy, nhưng đức Phật không hề ngăn cấm việc làm của Tôn giả.

A-nan làm thị giả, tuy không giống tinh thần hoạt động tân tiến của Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, mà cũng không giống sự bảo thủ của Đại Ca-diếp. A-nan là người ôn hòa, nên tánh tình rất mực trung dung.

A-nan từng tiếp tay với đức Phật, khuyên bảo thầy Tỳ-kheo Quạt-đà – nhà thầy vì ái dục nên muốn ra đời – A-nan

cổ động thầy tu hành cho đến chứng Thánh quả. Tôn giả cũng từng điều hòa những tranh chấp trong Tăng đoàn, khiến kẻ ưa gây gỗ biết phục thiện. Ở tinh xá Kỳ Viên, A-nan từng đàm luận với Xá-lợi-phất về vấn đề “diệt đế”, “sáu xúc chạm”. Ở thành Ba-liên-phất, cùng Bạt-đà-la đàm đạo các vấn đề, ở nước Câu-diêm-di nói các yếu điểm tu đạo cho các Tỳ-kheo, tại Đông viên từng thay Phật nhận lời thỉnh của các Tỳ-kheo đi trước thuyết pháp, khen ngợi lòng hiếu của Mục-kiền-liên, tuyên dương sự thuyết pháp của Phú-lâu-na. Trong và ngoài giáo đoàn, Tôn giả đối với mọi người đầy pháp tình hữu nghị, đủ để biểu lộ hết tư cách và nhiệm vụ của một đại đệ tử.

8. ÔNG ANH ĐÁNG GIẬN

Người mà A-nan giận nhất trong đời, phải kể là ông anh Đề-bà-đạt-đa.

Đề-bà-đạt-đa cũng là một trong bảy vị vương tử đầu tiên xuất gia theo Phật. Có thể vì ham vui mà đi theo chứ không phải phát tâm chân chánh, nên sau khi xuất gia ông không an tâm tu hành, hay khoe điều kỳ lạ để lèo người, và muốn đắc thần thông.

Tuy là anh em ruột, nhưng A-nan và Đề-bà-đạt-đa tánh tình khác xa. Đề-bà-đạt-đa vốn nhiều dã tâm mà không an phận. Đức Phật thường khuyên ông nên hoàn tục làm cư sĩ ủng hộ Phật pháp, không nên ở trong Tăng đoàn tạo tội, nhưng ông không nghe.

Ông yêu cầu Phật dạy về pháp môn thần thông, nhưng

Phật bảo ông trước hết phải tu tập cho thân tâm thanh tịnh, không nên tham cầu phép lạ, vì thần thông và phép lạ không đủ tiêu biểu cho đức hạnh. Sau khi Phật từ chối, ông rất tức giận, lại đến nài nỉ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, các vị đại A-la-hán dạy thần thông cho mình. Xá-lợi-phất và các vị biết tánh ông hung ác cũng đều từ chối, chỉ dạy ông tu quán đạo lý khổ, không, vô thường, vô ngã.

Do đó, Đề-bà-đạt-đa ôm lòng phản nghịch. Ông nghĩ rằng không tiêu diệt đức Phật thì không thể tự do tung hoành. Và thế từ nay về sau không đội trời chung với Phật.

Một hôm, A-nan cùng đức Phật đi ngang qua núi Kỳ-xà-quật, gặp lúc Đề-bà-đạt-đa đang đi dạo trên đỉnh núi. Vừa thấy Phật, ông biết đây là cơ hội ngàn năm, bèn vắn một tảng đá to nhắm ngay đức Thế Tôn xô xuống. Thấy có em mình là A-nan theo bên Phật, Đề-bà cũng chẳng kể tình ruột thịt, xô tiếp luôn tảng đá. Bên dưới đức Thế Tôn vẫn đứng yên, còn A-nan phải nhảy tránh ra xa. Tảng đá rớt bên chân Phật. Một lúc sau, A-nan mới hoàn hồn hỏi thăm Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngài không việc gì chứ ? Chuyện này chắc lại do Đề-bà-đạt-đa gây ra. Con thật không giữ nổi bình tĩnh. Thế Tôn gặp cảnh nguy hiểm quá.

Phật an nhiên đáp:

- A-nan! Dùng bạo lực hoặc âm mưu để hại Phật, đều không thể được. Trước kia, Đề-bà-đạt-đa sai người giết lén ta, rồi thả voi say, bây giờ thì xô đá rớt đè. Nhưng ông đừng lo, người nào tạo nghiệp người ấy sẽ chịu hậu quả. Ta không thấy ta gặp nguy hiểm mà thấy ông bị một phen hoảng sợ,

ông xem ông vừa làm gì đấy ?

Đạo lực của A-nan làm sao sánh bằng Phật, Tôn giả hổ thẹn, cười và thưa:

- Con vừa mới hoảng kinh nhảy lên, đã bị Thế Tôn bắt gặp.

Phật cũng cười, vỗ nhẹ A-nan rồi hai thầy trò tiếp tục đi.

Cách đó không lâu, một hôm khác, A-nan theo Phật du hóa, trên đường đi bỗng gặp Đề-bà-đạt-đa dẫn nhiều người đi ngược chiều sắp đến. Đức Phật bèn vội tránh sang đường khác, đi một bên đường mòn. Tuy bản tánh ôn hòa, A-nan cũng không dẫn được bực tức, bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sao Thế Tôn lại né tránh Đề-bà-đạt-đa ? Ông ấy là đệ tử Phật, chẳng lẽ Ngài lại sợ ông ấy sao ?

Phật biết tâm A-nan bất bình, bèn an ủi:

- A-nan-đà! Ta chẳng phải sợ gì ông ấy, nhưng ta không muốn gặp mặt. Cần gì phải tiếp xúc với người ngu ? Như đánh nhằm chó điên ắt là bị cắn bậy. Với người đầy ác tâm như ông ấy, không gặp mặt, không phải là tốt hơn sao ?

Thầy nhường lối đi cho trò, đó là chuyện xảy ra thông thường cho những hạng đệ tử như Đề-bà-đạt-đa.

A-nan nghe Phật dạy, tuy vẫn còn bực mình nhưng không nói thêm nữa.

Một lần khác, Đề-bà-đạt-đa đến quấy rối đạo tràng của đức Phật. Phật đang tịnh tọa trong thất, y bèn đứng ở giảng đường la lối:

- Các thầy! Ai tin theo ta thì đến đây!

Mặc cho y nói gì thì nói, các Tỳ-kheo chẳng thềm đếm xỉa đến. ĐỀ-bà-đạt-đa quay sang A-nan:

- A-nan! Mi là em ta, mi dám không tin lời nói của ta hử ?

Một bề ôn hòa nhã nhặn như A-nan mà lúc đó cũng chịu không được, đáp thẳng thừng:

- Hôm nay may cho anh lắm đó. Nếu có mặt hai tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ở đây, chắc không để cho anh thao túng như vậy. Đức Thế Tôn đang tịnh tọa, xin anh đừng làm ồn. Anh hung ác quá đỗi, nghĩ đến lúc sau này anh gặp quả báo dữ, tôi thật buồn cho anh!

ĐỀ-bà-đạt-đa nổi giận, muốn động thủ đánh A-nan, nhưng thấy A-nan chưa bao giờ nổi xung đến như vậy bèn không dám nhắc tay, chỉ làm thỉnh bỏ đi.

Ít lâu sau, ác báo của ĐỀ-bà-đạt-đa xảy ra hiện tiền, phải chết một cách thê thảm. Trong lòng A-nan nghĩ đến một ông anh như ĐỀ-bà-đạt-đa, thật là khó quên.

9. LỜI DỰ ĐOÁN CỦA PHẬT

A-nan làm thị giả Phật trong hai mươi bảy năm thật đặc lực. Mỗi khi có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và các tín đồ tại gia đến tham bái Phật, Tôn giả đều sắp đặt thời gian thích hợp. Các Tỳ-kheo ở xa đến viếng Phật, khi chưa được gặp Phật, cũng rất thích nói chuyện với A-nan. Tất cả mọi người đều tin tưởng thân thiết nơi Tôn giả. Còn các Tỳ-kheo ni rất thích nghe Tôn giả giáo giới. Mỗi khi Tôn giả bảo:

- Các chị em! Nên tuân giữ giới luật cẩn thận!

Ai nấy đều hoan hỷ tiếp thọ.

Các tín đồ nam nữ tại gia cũng rất thích nghe A-nan thuyết pháp. Tôn giả thường dạy họ tôn kính Tam Bảo, giữ năm giới, phụng dưỡng song thân, cúng dường Tăng chúng. Họ thích A-nan giảng dạy mà không thích A-nan làm thỉnh. Tôn giả còn là người chưa khai ngộ, mà đã có đầy đủ những đức tốt như thế.

Theo hầu bên Phật đi hóa đạo khắp nơi, thấm thoát A-nan đã năm mươi tuổi.

Một hôm, Phật ở tại giảng đường nơi thành Xá-vệ của vua Ba-tư-nặc, A-nan đứng hầu, trên mặt lộ vẻ buồn lo. Phật hỏi A-nan vì sao ra như vậy. A-nan mới thưa rằng trong một đêm, Tôn giả nằm mộng thấy bảy việc kỳ lạ cổ quái khiến lòng hoang mang lo sợ. Phật liền hỏi:

- Ông nằm mộng thấy bảy việc gì ?

- Bạch Thế Tôn! Giấc mộng thứ nhất, con thấy nước ở sông to, biển cả đều bị lửa đốt cháy, ánh lửa bốc lên thấu trời xanh.

Đức Phật nghe xong đổi sắc mặt, dường như cảm xúc và giải thích:

- Nay A-nan! Bậc thánh vốn không nói chuyện mộng mị. Nhưng mộng của ông quả thật kỳ quái. Nước sông ngoài biển cả bị lửa thiêu trọn, đó là tượng trưng cho các Tỳ-kheo trong Tăng đoàn tương lai, ác nghịch mạnh, tâm lạnh ít oi, chấp giữ vào sự cúng dường rồi lại sanh ra gây gổ, như nước trong lạng mát mẻ lại biến thành biển lửa. Giấc mộng thứ hai

của ông ra sao ?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy mặt trời sắp lặn, thế giới Ta-bà tối đen, trên bầu trời không có lấy một ngôi sao!

Đức Phật đã tám mươi tuổi, lúc ấy rất cảm khái giải thích:

- Này A-nan! Không bao lâu ta sẽ vào Niết-bàn, các đại đệ tử cũng Niết-bàn, điều ấy biểu thị bằng con mắt của nhơn thiên sắp tiêu diệt. Còn giấc mộng thứ ba ?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy các Tỳ-kheo không theo lời Phật dạy mà cũng đắp ca-sa, chúng xuất gia rớt dưới hầm, còn hàng tại gia thì đi trên cầu.

Phật thốt nhiên thở dài nói:

- A-nan! Điều ấy ám chỉ Tỳ-kheo đời sau mở đại hội giảng kinh chỉ nói ngoài miệng, không phụng hành, họ lại tạt đổ hại nhau, không sợ nhân quả, rốt cuộc bị đọa lạc. Hàng cư sĩ thừa cơ lên tòa cao, khinh chê Tăng bảo. Họ xâm chiếm chùa chiền, phỉ báng Tỳ-kheo, hủy hoại tháp miếu. Còn điềm mộng thứ tư ?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy Tỳ-kheo pháp y không đủ, bị mắc kẹt trong đám gai.

Phật lại cảm xúc nói:

- A-nan! Điều ấy nói rằng các Tỳ-kheo sau này bỏ pháp y không mặc, xả giới luật, ưa thế tục, nuôi nặng vợ con, đó thật là bất hạnh cho Phật pháp! Mộng thứ năm ra sao ?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy trong rừng rậm um tùm, có rất nhiều heo rừng đào bới gốc rễ các đại thọ chiên đàn.

Phật lộ vẻ lo buồn nói:

- Ôi! Điều đó nói các Tỳ-kheo sau này chỉ tính toán về sinh kế, buôn bán Như Lai, tụng kinh làm nghề nuôi thân. Còn mộng thứ sáu ?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy voi lớn bỏ rơi voi con, sư tử là chúa loài thú chết, hoa thơm rơi trên đầu, cầm thú kinh sợ bỏ chạy. Chẳng bao lâu trong thân sư tử sanh trùng bọ, trở lại cắn rĩa thịt sư tử.

Phật chỉ còn biết lắc đầu nói:

- Voi lớn bỏ voi con, đó là điềm báo hiệu các Tỳ-kheo trưởng lão đời sau tự lo lợi riêng, không nâng đỡ lớp thanh niên hậu bối! Trùng trong thân sư tử ăn thịt sư tử, đó là ám chỉ không phải ngoại đạo phá hoại Phật pháp, mà chính hàng đệ tử xuất gia, tại gia tự phá hoại pháp của ta. Còn giấc mộng thứ bảy của ông ra sao ?

- Con thấy đầu con cao ngang đỉnh núi Tu-di.

Phật trầm ngâm hồi lâu mới nói:

- A-nan! Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Trời, người dân chúng đều nhờ ông kết tập kinh điển.

Bảy điềm mộng của A-nan, qua sự giải thích của Phật, đã dự đoán sự suy đồi của Phật giáo về sau, và sự đổi thay của thời đại.

“Như trùng trên thân sư tử, lại ăn thịt sư tử” đó là điều chê cười hàng đệ tử Tăng tục hiện nay. Chỉ thị ấy đối với chúng ta là một sự đau đớn khốc liệt thấu xương.

Chúng ta có thể phỏng đoán, vào những năm đức Phật về già, vì các điềm mộng của A-nan mà giải nói một cách cảm khái như vậy, tâm tình thật trầm trọng. Hồ thẹn cho chúng ta sanh nhằm thời mạt pháp, phải làm thế nào để cho đức Thế Tôn hoan hỷ, để cho lời dự đoán kia không thành sự thật.

10. BÊN GIƯỜNG NIẾT BÀN HỎI DI GIÁO

Đức Thế Tôn thành đạo đã bốn mươi chín năm, đã đến lúc nhập Niết-bàn. Ngài tuyên bố sẽ nhập diệt ở nơi rừng Ta La Song Thọ, thành Câu-thi-na, cách Ca-tỳ-la khoảng ba mươi dặm.

Như mặt trời sắp lặn lóe lên tia sáng cuối cùng, trước khi Niết-bàn từ kim thân đức Thế Tôn phóng ra ánh hào quang đặc biệt khác thường. A-nan theo hầu bên Ngài nhận được sự chiêu cảm ấy, và do sức huân tu bên cạnh bậc đạo sư, đức huệ của Tôn giả ngày càng thành thục.

Đức Thế Tôn nằm kiết tường trên sàng tòa do A-nan trải sẵn, đầu quay về phương Bắc. Lúc ấy mặt trời đã chìm ở cõi Tây, bóng tối mông lung phủ đầy, cây Ta-la không phải kỳ trở hoa mà vẫn nở, không cần gió đưa mà từng phiến hoa lác đác rơi quanh thân đức Bổn sư. A-nan quỳ bên gối Phật, nhẹ giọng thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Về sau đối với người nữ, chúng con phải có thái độ thế nào ? Xin Thế Tôn nói lại một lần nữa cho con rõ.

- A-nan! Người muốn xa lìa phiền não, đạt đến chứng ngộ không thể bận tâm vì nữ nhân. Nhất là ông, tuy bây giờ đã lớn tuổi rồi đó, nhưng ông không tiếp xúc với họ vẫn tốt hơn. Nếu bắt buộc phải tiếp xúc nên xem người già như mẹ, người lớn như chị, người nhỏ như em. Này A-nan! Ông phải nhớ kỹ lời ta đấy!

Đức Thế Tôn trả lời vấn đề ấy xong, lại dạy rõ về cách thức trà tỳ, xây tháp, mỗi mỗi dặn dò. A-nan vốn tình cảm yếu đuối, nghe những lời Phật dạy, nghĩ đến đây là lời dạy bảo sau cùng của đáng Đạo sư, mũi lòng rơi lệ. Tôn giả không dám quỳ bên Phật, vội lùi ra sau rừng cây khóc lóc một phen.

A-nan nghĩ đến lúc Thế Tôn vào Niết-bàn, các đại đệ tử khác đều đã khai ngộ, chỉ còn ta, sau này sẽ nương vào ai để đạt đạo đây ? Nghĩ đến từ nay về sau không còn ân sư để hầu hạ, Tôn giả lại càng buồn đứt ruột.

Đức Phật không thấy A-nan bên cạnh, bèn sai người ra kêu Tôn giả vào. Ngài lại dạy tiếp:

- A-nan! Ông không nên buồn rầu! Có hội họp phải có biệt ly, có hưng thịnh thì có lúc suy diệt, ta chẳng từng nói với ông đó ư ? Thế gian là vô thường, có sanh ắt có tử, cỗ xe đã hư nát rồi mà còn tìm cách sửa chữa lại để xài, đó không phải kế lâu dài. Sắc thân hữu vi phải bại hoại. Đứng về pháp tánh thì ta luôn luôn chiếu cố đến các ông. Ông theo làm thị giả ta rất lâu, ân cần nhẫn nại, ông đối với ta không hề thiếu sót, ta đem công đức ấy đền đáp cho ông. Ông nên dụng tâm tinh tấn tu tập chẳng bao lâu sẽ đoạn dứt phiền não, chứng Thánh quả!

Đức Thế Tôn nói đến đó, A-nan lại cảm xúc khóc không ra tiếng. Đức Thế Tôn nhìn quanh đại chúng nói tiếp:

- Nay các Tỳ-kheo! A-nan làm thị giả ta rất trung thành, theo bên ta bao nhiêu năm một mực ôn hòa tử tế, nghe kinh pháp không quên sót, tương lai sau này công đức của ông ấy sẽ rạng rỡ trên thế gian.

A-nan tay bưng mặt, lại đi ra chỗ khác. Lúc ấy nhằm trăng tròn tháng hai, ánh trăng trong vắt trải khắp rừng Ta-la. Tâm tưởng của đức Thế Tôn tịch nhiên cao vợi thấu suốt hết tất cả hội chúng. Nét mặt mọi người đều hiện ra vẻ trang nghiêm vô cùng và lúc đó ai cũng khóc lóc bi thương, dù rằng bậc Thánh đi nữa cũng không ra khỏi tình người!

Đại chúng cứ khóc hoài chẳng nín, chẳng biết nước mắt dùng làm gì trong lúc này ? Đúng hơn là phải đưa vấn đề làm sao để cho Phật pháp tồn tại lâu dài ra thưa hỏi Thế Tôn. Mọi người thương lượng với nhau, rồi lại tìm A-nan, cử Tôn giả đến hỏi Phật mấy vấn đề:

Thứ nhất, Thế Tôn Niết-bàn rồi lấy ai làm thầy?

Thứ hai, sau khi Phật Niết-bàn, an trụ như thế nào ?

Thứ ba, làm sao hàng phược kẻ ác ?

Thứ tư, khi kết tập kinh điển làm sao mọi người có thể tin ?

Đức Thế Tôn an nhiên như thường lệ, từ bi vui vẻ trả lời:

- Nay A-nan! Các ông nên nhớ kỹ, các ông nên y theo giới luật làm thầy, an trụ trong tứ niệm xứ, gặp người hung ác mặc tẩn lánh đi, đầu kinh nên để “Tôi nghe như thế này...”

khiến người tin được. Các ông nên làm đúng như pháp, pháp là nơi thường trụ của pháp thân ta.

Thế Tôn nói xong, mọi người nghe rồi lại cảm động, lại thương tâm!

Tiếng nói ấy uy nghiêm làm sao!

Thế Tôn vào Niết-bàn ngay khi ấy.

Đệ tử các nơi nghe tin đều tập hợp kéo về. A-nan nghĩ đến lúc đức Thế Tôn còn tại thế, hàng nữ nhân ít có người được thấy Phật tham bái. Lúc này, Tôn giả bèn ưu tiên cho các Tỳ-kheo ni và các tín nữ đến đảnh lễ di hài Thế Tôn trước. Tôn giả luôn luôn thông cảm với người nữ.

11. THAM DỰ CUỘC ĐẠI HỘI KẾT TẬP

Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn rồi. A-nan như con thơ mất mẹ, dự lễ trà tỳ viên mãn, tôn giả một mình trở về tinh xá tưởng niệm ân sư. Trải qua mấy ngày mỗi mệt, thân thể đau đớn, Tôn giả bèn đóng cửa thất tịnh tọa, mỗi ngày chỉ uống một ít sữa, không ăn gì thêm, không nói một lời như thế suốt ba ngày.

Ba ngày sau Tôn giả lên đường về thành Vương Xá phương Nam, vì đã gần ngày kết tập kinh điển. Tuy A-nan chưa khai ngộ, nhưng Tôn giả có địa vị trọng yếu trong giáo pháp, Tôn giả không thể không vì pháp quên mình, và trước hết báo đền pháp thân huệ mạng cho đức Thế Tôn.

Trên đường đi, một phen ngang qua nước Tỳ-xá-ly, có thầy Tỳ-kheo vẫn thường theo bên Tôn giả từ trước đến nay, bỗng tản lạc đi đâu. Tôn giả về đến thành Vương Xá, bị Đại

Ca-diếp quả trách một phen, cũng lặng thinh chịu tội.

Lúc Tôn giả về đến thôn Kim Cang, nước Tỳ-xá-ly, khoảng một tháng sau đức Thế Tôn Niết-bàn. A-nan là cao đệ thường trực bên cạnh Phật, nên những tín chúng ngưỡng mộ Thế Tôn, nghe tin tự nhiên kéo đến bên tôn giả. Mỗi ngày họ tụ tập ở tinh xá, yêu cầu A-nan thuyết pháp cả ngày lẫn đêm. A-nan không thể từ chối phải chịu ý mọi người, phương tiện khai thị cho họ.

Trong tinh xá, cũng có thầy Tỳ-kheo tên Bạt-xà-phất, vì tín chúng tụ tập, đi lại nói năng ồn ào, những tiếng động lao xao cứ lọt vào tai thầy khiến thầy không thể ngồi yên tham thiền. Thầy lại là một vị Tỳ-kheo đã chứng quả, do đó thầy lại thầm trách A-nan tự thân không chịu cầu khai ngộ, mà cứ thuyết pháp cho thiên hạ. Đến nỗi bực quá, thầy bèn làm thơ nói mát mẻ A-nan.

A-nan bị đá kích, không dám cãi gượng, Tôn giả biết thân mình là hàng hữu học chưa chưa ngộ đạo. Kỳ hạn an cư ở Vương Xá đã đến gần kề, trách nhiệm đọc tụng kinh điển về ai, Tôn giả cũng có thể đoán được điều ấy. Trong lúc cực kỳ hệ trọng này mà phí công giảng thuyết đầu lưỡi, có lợi ích gì ? Bẩm tánh A-nan vốn ôn hòa nhường nhịn, nên Tôn giả thôi thuyết pháp cho tín đồ, dự bị lên đường về Nam. Chẳng phải Tôn giả không biết trình độ tu chứng của mình, nhưng Tôn giả hay chịu theo ý mọi người. Phen này phần bị cư sĩ khích lệ thuyết pháp, phần thì chịu họ mà mắc lỗi, phần thì bị bạn đạo chê cười châm biếm, lời trách cứ của Bạt-xà-phất như mũi tên nhọn đâm ngay tim A-nan. Từ đó, Tôn giả phát nguyện đem tâm hướng ngoại quay trở về bên trong, mong

sớm khai ngộ.

Khi A-nan về đến thành Vương Xá, vừa đúng một ngày nữa là đại hội kết tập bắt đầu. Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp được cử làm thủ tọa, tuyển chọn năm trăm vị Tỳ-kheo tham dự đại hội. Các vị ấy đều là bậc A-la-hán, cho nên không kể tên A-nan, vì A-nan chưa đạt được quả vị.

Đương nhiên là Đại Ca-diếp cũng thừa nhận sở trường của A-nan, bao nhiêu lời thuyết pháp của đức Thế Tôn, A-nan đều ghi nhớ chẳng sót, nhưng chỉ sợ một điều quan trọng là: Nếu như để cho một người chưa dứt hết phiền não như A-nan tham dự đại hội, thì đối với đức Phật đã nhập diệt và chúng sanh đời sau, chẳng biết sẽ có những lỗi lầm như thế nào ?

A-nan tuy chưa khai ngộ nhưng lại được cảm tình của mọi người rất nhiều, ai ai cũng ủng hộ Tôn giả. Cho nên khi nghe mọi người đề cử A-nan. Đại Ca-diếp bèn nói:

- A-nan chưa chứng Thánh quả. Tôi cũng biết ông ấy là sư tử, nhưng hiện tại chỉ là sư tử ở trong bầy dã can thôi.

A-na-luật cũng đồng ý với nhận xét đó. Điều này thật là một sự bất ngờ cho A-nan. Vì A-na-luật cũng là anh em chú bác với A-nan. Nhưng A-nan có bản tính quật cường, càng bị nén xuống thấp thì càng vọt lên cao. Những lời đả kích là duyên tốt cho Tôn giả. A-nan chẳng hề nản lòng, và như hoa mai mùa đông, phải chịu một cơn gió tuyết lạnh lùng mới tỏa hương đặc biệt. Chiều hôm ấy, Tôn giả nỗ lực tu tập, trầm tư mặc tưởng, buông bỏ tận cùng, vào nửa đêm thì khai ngộ chứng quả. Ngày hôm sau, A-nan hiện đại thần thông,

không đợi cửa động mở bèn bay vào đại hội.

Lúc ấy phong tư của Tôn giả như mặt trăng tỏ rạng vừa ra khỏi đám mây, như ánh thái dương chiếu trên những cánh hoa sen tươi đẹp. Các vị đại Tỳ-kheo đều kinh ngạc nhìn tôn giả biểu lộ sự tán thán. Dưới sự chỉ đạo của Đại Ca-diếp, và sự đề cử của toàn thể đại hội, tôn giả lên tòa sư tử, bắt đầu tụng:

“Tôi nghe như thế này, một thuở, Đức Phật ở tại nơi nọ...”. Tôn giả đem trí nhớ của mình tụng lại những thời thuyết pháp của đức Thế Tôn, lưu loát như nước chảy. Các đại Tỳ-kheo trong hội một lần nữa tiếp thọ lời dạy của Phật. Ai nấy đều cảm động, tôn giả Kiền-trần-như già nua xúc động đến nổi xỉu tại tòa.

Những kinh điển đầu tiên như Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng nhưt A Hàm, và các kinh Thí Dụ, Pháp Cú đều được kết tập trong kỳ đại hội lần thứ nhất này, do chính tôn giả A-nan tụng lại.

12. NHẬP NIẾT BÀN

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, trưởng lão Đại Ca-diếp kế thừa y bát, hai mươi năm sau, Tôn giả đã hơn một trăm tuổi, bèn vào núi Kê Túc nhập Niết-bàn. Sắp ra đi, Tôn giả đem gia nghiệp Phật pháp dặn dò trao lại A-nan, lúc ấy cũng gần tám mươi tuổi. Tôn giả kế thừa dòng pháp, cũng là điều tự nhiên như hoa đến kỳ kết quả, và đó cũng là niềm hy vọng của đức Thế Tôn.

Như thế, Phật pháp trong thời vua A-Xà-Thế ủng hộ đã

mở mang bình thường. Từ lúc Đại Ca-diếp nhập diệt về sau hàng đệ tử thân cận đức Thế Tôn chỉ còn lại A-nan, lãnh đạo giáo đoàn cũng là A-nan, tuổi tác mỗi năm mỗi cao. Đến năm Tôn giả một trăm hai mươi tuổi, một hôm nọ trên đường đi, nghe một thầy Tỳ-kheo trẻ tụng bài kệ rằng:

*Nếu người sống trăm tuổi
Không thấy thủy lão hạc
Chẳng bằng sống một ngày
Mà được thấy hạc ấy.*

A-nan nghe qua, thấy bài kệ bị tụng sai lầm một cách tệ hại, thật là râu ông nọ cắm cằm bà kia, Tôn giả bèn lập tức cải chánh. Bài kệ phải tụng như thế này.

*Nếu người sống trăm tuổi
Không hiểu pháp sanh diệt
Chẳng bằng sống một ngày
Mà được hiểu rõ ràng.*

Thầy Tỳ-kheo kia nghe A-nan dạy xong, trở về thưa lại với sư phụ. Chẳng dè sư phụ của thầy nổi sùng nói rằng:

- Ông đừng nghe A-nan nói bậy. Năm nay A-nan đã già cả, lú lẫn rồi. Ta dạy ông không sai đâu.

Thầy Tỳ-kheo trẻ lại đem lời sư phụ nói lại với A-nan. Tôn giả định đi tìm ông ta để hỏi tại sao lại nói những lời ngu si như vậy ? Nhưng suy nghĩ lại, con người đã thốt ra lời ấy có nói chưa chắc đã chịu nghe, nên thôi. Một vị trưởng lão ôn hòa như A-nan, thống lãnh giáo đoàn đương thời, nắm trong tay giáo quyền tối thượng, nhưng vẫn áp dụng lối xử sự nhún nhường.

Tuy vậy, một bậc trưởng lão thánh tăng đã một trăm hai mươi tuổi, đối với việc đời không còn chút lưu luyến, sau khi gặp chuyện trên lại càng chán ngán thế gian. Tôn giả nghĩ “Cái cõi đời này thật hết ý kiến. Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn chưa bao lâu mà có người hiểu sai Phật pháp như vậy, sau này trong giáo đoàn lại có những điều tà kiến sao cho xiết. Ta vì Phật tụng lại giáo pháp mà mọi người chấp chặt vào kiến chấp của họ, không chịu theo đúng pháp mà làm, ta còn ở lại nơi đây để làm gì?”

Nghĩ ngợi như vậy, Tôn giả tự nhiên nhớ đến đức Phật, rồi liên tưởng đến các vị đại đệ tử Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... Tôn giả lại suy tư triền miên: “Ôi! Những vị ấy như chim bay theo gió, một lúc vào Niết-bàn. Trong bao nhiêu vị thánh bây giờ chỉ còn mình ta, như rừng cây bị đốn sạch, còn sót lại một cây cỏ thụ không đủ che mưa đỡ gió. Cõi nhân gian này thật trống rỗng, ta cũng nhập Niết-bàn thôi!”

Suy nghĩ xong, Tôn giả bèn quyết định đem Phật pháp trao phó lại cho Thương-na-hòa-tu, ôm bát hướng về sông Hằng mà đi. Nhân vì lúc ấy vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà đang khai chiến với Tỳ-xá-ly. Tôn giả dự tính nếu nhập diệt ở nước Ma-kiệt-đà thì di thể không được chia cho nước Tỳ-xá-ly, như đến Tỳ-xá-ly nhập diệt, họ cũng không chia phần cho Ma-kiệt-đà. Nên Tôn giả bèn chọn sông Hằng là biên giới giữa hai nước, sẽ ở trên không trung mà nhập Niết-bàn.

Vua A-Xà-Thế nghe tin A-nan sắp nhập Niết-bàn, cơ hồ muốn té xỉu. Nhà vua tức tốc mang binh mã đuổi theo, chạy đến bên bờ sông Hằng, thì tôn giả đã lên thuyền ra giữa sông. Nhà vua bèn quỳ mọp sát đất mà lớn tiếng kêu:

- Đức Phật tối thắng tự tại! Xin Ngài từ bi, Tôn giả đã ban an lành cho chúng con. Tôn giả là đèn sáng của ba cõi. Xin Ngài hãy quay trở lại a!

Bờ sông bên kia, dân chúng Tỳ-xá-ly cũng tụ tập bên bờ, kêu réo như A-xà-thế. A-nan bèn ở trong thuyền nói lớn:

- Ta đã suy xét, chính vì sự oán hận của hai nước các ông, mới đặc biệt đến khoảng giữa sông Hằng mà nhập diệt, cầu mong cho các ông được hòa bình, thân thiện.

Tôn giả nói xong, bèn ngồi giữa hư không nhập Hỏa quang tam muội, tấn nhập Niết-bàn, khiến di thể rơi xuống hai bên, cho hai nước xây tháp cúng dường. Một tháp được xây ở giảng đường Đại Lâm phía Bắc nước Tỳ-xá-ly, một tháp xây ở cạnh tinh xá Trúc Lâm thành Vương Xá. Do nhân duyên nhập diệt của Tôn giả, hai nước bèn cởi mở oán thù, không gây chiến với nhau, cứu được muôn ngàn tài sản và mạng sống nhân dân. Sự hy sinh của Tôn giả thật cao quý lớn lao vô cùng.

Tôn giả A-nan nhập diệt rồi, công lao của Ngài đối với đức Phật, sự cống hiến đối với Phật pháp, tư cách ôn hòa từ mẫn, khiêm tốn nhân nhượng của một bậc thánh, mỗi độ gió xuân về, lại khiến mọi người hoài niệm.



LA HẦU LA

MẬT HẠNH ĐỆ NHẤT

1. CẬU BÉ HẠNH PHÚC

Đức Phật của chúng ta khi còn là thái tử của vương thành Ca-tỳ-la, đã kết hôn với công chúa Da-du-đà-la thành Câu-lợi. Vào năm thái tử và công chúa mười chín tuổi, sanh hạ La-hầu-la. Thái tử rất vui mừng, nhưng đó không phải là sự vui mừng như tình thường người đời khi sanh con. Vì thái tử đã nhiều lần xin vua cha đi xuất gia, đều không được chấp thuận. Vua Tịnh Phạn có nói “Trừ phi có được đưa cháu đích tôn thì mới cho phép thái tử xuất gia”. Hiện tại, thái tử đã có La-hầu-la như ý phụ vương, nguyện vọng xuất gia sẽ đạt được, bảo sao thái tử không vui mừng.

Trong đêm thái tử sắp rời hoàng cung, ngày mùng tám tháng hai, lúc ấy La-hầu-la mới sanh được bảy ngày. Vương phi Da-du-đà-la đang ôm La-hầu-la trong tay và nằm ngủ. Thái tử vén rèm nhìn hai người lần cuối, và quay lưng, leo lên lưng ngựa, vượt thành ra đi. Từ đó, La-hầu-la đã xa lìa hình bóng người cha thân yêu của thế gian.

Nhưng thái tử xuất gia thành Phật, thân phụ đổi thành lão sư, về sau đợ La-hầu-la thành Thánh quả. Đó mới thật

ông cha đệ nhất của thiên hạ.

La-hầu-la xa cha được mẹ và ông ngoại thương yêu, là vương tôn độc nhất vô nhị. Chuỗi ngày vô tư trôi qua trong cung, đến khi vừa hiểu biết, trong tâm hồn trẻ thơ của La-hầu-la cũng cảm thấy không có cha là một điều đáng buồn. Nhưng bù lại, cậu bé được mẫu thân rất mực cưng chiều, đó là niềm vui duy nhất của La-hầu-la, là nguồn an ủi, là người che chở cho cậu. Trong thâm cung vắng vẻ, La-hầu-la cũng là nguồn hy vọng của vương phi, hai mẹ con nương nhau cùng sống qua năm tháng.

Có người nói, Da-du-đà-la là phận nữ nhi khổ mệnh, La-hầu-la là đứa bé đáng thương, nhưng đó là nói theo thường tình thế gian. Nỗi khổ tâm, đáng thương của họ chỉ trong thời gian ngắn, hễ có hy sinh lớn tất thành tựu kết quả lớn. Về sau, nhờ sự hóa độ của đức Phật, Da-du-đà-la xuất gia khai ngộ, La-hầu-la xuất gia được chứng quả. Đó mới là bậc nữ lưu vinh hạnh nhất, là đứa bé hạnh phúc nhất!

Trước giờ cáo biệt, thái tử cũng định bế đứa con đang ngủ một tí, nhưng sợ làm động Da-du-đà-la thức dậy, lại cản trở việc xuất gia. Nên khi nhìn con lần cuối, Ngài đã nói: “Hãy đợi đến khi ta thành Phật, sẽ trở lại thăm con!” Đức Phật xem tất cả chúng sanh như La-hầu-la, một La-hầu-la không quan trọng bằng vô số La-hầu-la đang trông đợi tình thương của Phật. Đức Phật đã ban cho chúng sanh bao nhiêu lòng từ bi, thì ở trong hoàn cảnh của La-hầu-la, lại càng dễ được hưởng lòng từ bi của Phật. Cho nên chúng ta đừng cho rằng sự việc La-hầu-la xa lìa phụ thân từ nhỏ là đáng thương. La-hầu-la là con của bậc đại thánh, được nuôi dưỡng trong

tình thương cao rộng như trời đất, là một cậu bé hạnh phúc nhất đời.

2. CHÚ BÉ KHÔNG BIẾT MẶT CHA

Đức Thế Tôn thành đạo được ba năm, từ nước Ma-kiệt-đà phương Nam về thăm cố hương. Trên từ vua Tịnh Phạn, dưới đến nhân dân dòng họ Thích, đều ra ngoài thành nghinh đón Phật, chỉ có Da-Du-đà-la và La-hầu-la không tham dự trong hàng người ấy.

Trong tâm bà Da-du nghĩ thầm "Khi Ngài đi xuất gia, ta đã vì Ngài chịu hết mọi nỗi khổ, Ngài mặc y phục bạc màu, ta ở trong cung cũng mặc giống Ngài, ta nghe Ngài tu khổ hạnh ăn một ngày một bữa, ta cũng tập làm theo. Ta đối với Ngài như vậy, thật hết lòng. Nếu Ngài còn nghĩ đến ta, tự nhiên sẽ đến cung thăm ta".

Mười năm không gặp Phật, lòng Da-du-đà-la cũng như mọi người đều muốn diện kiến Ngài, nhưng vì lễ phép, vì tự tôn bà phải nhẫn nại. Bà ngồi trên lầu cao nhìn ra, sẽ thấy được cảnh mọi người nghinh đón đức Phật.

Cậu bé La-hầu-la lên mười đến nói với mẹ:

- Mẹ mẹ, cha con đã về. Bà nội biểu con cho mẹ hay.

La-hầu-la ngây thơ, lúc ấy nào hiểu được tâm sự của mẫu thân. Cậu chỉ thấy mẹ của mình hôm nay sao nghiêm nghị quá, nhưng dù sao cậu cũng là con yêu, nên lại ngây ngô hỏi:

- Mẹ mẹ! Mẹ coi người ta ở ngoài cung điện nhiều biết bao nhiêu. Cha con nhất định cũng ở trong đó, cha con ra

sao?

Câu nói từ miệng cậu bé, không biết hình dáng cha mình ra sao, càng khiến Da-du-đà-la thương tâm, nỗi lòng của người lớn, trẻ con hoàn toàn không thể biết.

Bà Da-du một tay kéo La-hầu-la bên mình, chỉ ra cửa, mắt rướm lệ nói:

- Con nhìn xem! Trong số các thầy Sa-môn kia người nào có vẻ trang nghiêm nhất chính là phụ thân của con.

La-hầu-la mở to đôi mắt, nhìn theo tay mẹ.

- Con chẳng nhận được phụ thân đâu. Con chỉ biết có ông nội, còn người nữa là mẹ mẹ yêu quý thôi.

Một giọt nước mắt của bà rơi xuống mái tóc La-hầu-la. Bà nắm tay con trở lui vào cung.

Xa cách mười năm, hôm nay Da-du-đà-la mới thấy lại đức Phật một lần. Mười năm không tin tức thoáng qua như một giấc mộng. Trong tâm tư của bà, như mặt nước yên tĩnh bị ném trúng một viên đá, những gợn sóng lao xao. Đức Phật biết tâm tưởng bà, nên dắt Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào cung thăm viếng.

Cuộc gặp gỡ giữa một đấng Chánh giác và một vị vương phi mỹ lệ khiến lắm kẻ lưu ý. Đức Thế Tôn trang nghiêm, im lặng một chút, từ bi thương xót nhìn Da-du-đà-la đang quỳ dưới chân, La-hầu-la quỳ bên cạnh. Da-Du trăm mối ngổ ngang bên lòng, xúc động rơi nước mắt, bà cũng biết giữa đức Phật và bà có một sự ngăn cách không thể vượt qua. Đợi cho Da-Du bình tĩnh lại, đức Thế Tôn mới chậm rãi nói với bà:

- Để cho nàng chịu nhiều tân khổ, tuy đó là sự thiếu sót của ta, nhưng ta đã vì tất cả chúng sanh mà ra đi. Hôm nay, ta đã đạt được bốn nguyện của ta trong nhiều kiếp, nàng hãy hoan hỷ cùng với ta.

Đức Phật nói xong, lại nhìn sang La-hầu-la, từ hòa vỗ về cậu bé:

- Thật mau quá, con đã lớn như thế ư!

Đức Phật dường như rất vô tình mà cũng dường như rất tình cảm. Thái độ của Ngài, lời nói của Ngài, đã khai thị cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, nghe xong tưởng chừng như phải khóc một trận mới hả.

La-hầu-la, bấy giờ chẳng biết phải gọi phụ thân của mình như thế nào. Xưng hô là cha cha ư ? Đây là một bậc Thánh trang nghiêm, tự miệng cậu bé chẳng dám gọi như thế. Xưng hô là Phật-đà, chẳng biết đúng hay không. Nhìn bao nhiêu vị Tỳ-kheo, Sa-môn đi theo đức Phật, trong tâm cậu bé thông minh ấy đã khởi nghĩ: “Đức Phật chẳng phải là phụ thân của một mình ta, Phật là bậc đại từ phụ của tất cả chúng sanh!”

Chỉ có mười tuổi, đã chịu nguyện đem phụ thân của riêng mình hiến cho chúng sanh làm đấng cha lành, thật là một cậu bé chẳng tầm thường.

3. SA DI ĐÀU TIÊN

Đức Thế Tôn ở tạm trong hoàng cung vài ngày, và phen này, trong cung điện vắng bóng cung nữ, chẳng có yến tiệc rượu chè, chỉ có một ngàn vị Tỳ-kheo theo Phật. Cung

điện hoàng gia tạm thời trở thành Tăng phòng tinh xá.

Đức Thế Tôn biết các thầy Tỳ-kheo sơ học, nếu ở lâu trong vương cung, dễ sanh tâm so sánh với lối sống đạm bạc của Tăng đoàn, nên chỉ vài ngày sau, Ngài đưa đại chúng về trụ tại rừng Ni-câu-đà ở cách thành Ca-tỳ-la không xa.

Tuy ở Ni-câu-đà, nhưng đức Thế Tôn cũng thường về hoàng cung trì bát khất thực hoặc thuyết pháp. Cậu bé La-hầu-la, ngây thơ một cách dễ thương, thân mật nói với Ngài:

- Phật-đà! Con rất thích được ở chung với Ngài.

Câu nói ấy đã biểu lộ phụ tử tình thâm, đức Thế Tôn cũng trả lời:

- Rồi cũng có ngày ta cho con sống gần bên ta.

Phật nói câu ấy không lâu, quả nhiên La-hầu-la xuất gia theo luôn bên Ngài.

Nguyên nhân là vì Da-du-đà-la thường khuyến khích La-hầu-la thêm hoạt bát lanh lẹ, mặc quần áo đẹp cho và bảo con rằng:

- Con hãy theo phụ thân xin tài sản đi, cha con có những châu báu mà chúng ta chưa được thấy!

Do đó, La-hầu-la thường chạy theo đức Phật nói:

- Phật-đà! Cho con gia tài!

Một hôm, đang lúc đức Thế Tôn khất thực trở về rừng Ni-câu-đà, Ngài đi trước, La-hầu-la chạy theo sau, chẳng có ai ngăn cản cậu, cậu cứ lẻo đẻo theo sau Phật kêu:

- Cho con gia tài a! Cho con gia tài a!

Da-du-đà-la nhìn thấy đứa con duy nhất đi sau lưng

Phật, rất sợ La-hầu-la bị đưa xuất gia, bất giác rơi nước mắt.

Đức Phật về đến rừng, gọi Xá-lợi-phất đến nói:

- Xá-lợi-phất! Cậu bé La-hầu-la cứ theo ta xin gia tài, ta không muốn cho y thứ tài sản và hạnh phúc mong manh, ta muốn cho y bảo bối vô giá. Này Xá-lợi-phất! Ông hãy cho y xuất gia, làm sa-di đầu tiên của Tăng đoàn!

Đức Phật nói xong, gọi Mục-kiền-liên cạo tóc cho cậu bé, dạy lễ bái Xá-lợi-phất làm thầy, truyền giới sa-di cho La-hầu-la, đó là khởi nguyên của chúng sa-di.

La-hầu-la vốn là tất cả hoài bảo của bà Da-du-đà-la, bây giờ đã gia nhập Tăng đoàn, đó cũng là dụng ý của đức Phật. Khi còn là Thái tử hạ sanh La-hầu-la, Ngài đã rời bỏ ngôi vị ra đi và đắc thành Phật quả, thì vương vị mai sau của nước Ca-tỳ-la Vệ nhất định sẽ về tay La-hầu-la. Nhưng chủ trương của đức Phật, để cho một đứa bé con làm chủ cả bàn dân thiên hạ là chuyện không thể được, cho nên thừa cơ hội, Ngài phương tiện cho con xuất gia.

La-hầu-la xuất gia là một điều đau buồn cho bà Da-du. Cậu bé là nguồn hy vọng của bà, bà thương quý cậu hơn cả thân mình. Thái tử đã ra đi, bây giờ con yêu cũng lìa bỏ, đối với bà thật là trời sập đất thẳm. Chúng ta cũng có thể đồng ý với bà Da-du trách đức Phật nhẫn tâm, để cho bà chịu nhiều đau khổ quá đáng. Nhưng chơn lý và nhân tình là hai lối trái ngược nhau rất xa, phải hàng phục được tình cảm yếu đuối của thế nhân, mới khế hợp được với chơn lý pháp tánh vậy.

4. TUỔI TRẺ NGHỊCH NGỘM

La-hầu-la xuất gia làm Sa-di rồi, vương phi Da-du cũng đành chịu, không biết làm sao hơn. Vua Tịnh Phạn thông cảm cho nỗi khổ tâm của bà, bèn đến tìm Phật, yêu cầu một điểm:

- Bạch Thế Tôn! Mong rằng Ngài quy định từ nay về sau, các người trẻ tuổi muốn xuất gia phải được sự đồng ý cho phép của cha mẹ.

Đức Phật hoan hỷ nhận lời.

Da-du-đà-la chẳng còn hứng thú gì trên cõi đời này, tất cả đều khô héo. Về sau, Di mẫu của Phật là phu nhân Kiều-đàm-di xuất gia làm Tỳ-kheo ni, Da-du cũng theo đoàn người nữ họ Thích đến Tỳ-xá-ly xuất gia. Ban đầu, bà không cảm thấy chút gì an lạc khi sống trong Tăng đoàn vắng lặng. Nhưng nhờ đức Thế Tôn cảm hóa, chẳng bao lâu, bà được khai ngộ, khôi phục lại niềm vui, cùng sinh hoạt bình thường, an ổn tự tại trong Phật pháp. Bà rất vui mừng, rất cảm kích đức Thế Tôn. Đức Phật cũng hoan hỷ, đến lúc ấy Ngài mới hết trách nhiệm với bà.

Chú sa-di La-hầu-la còn quá nhỏ, không thể bắt buộc tu hành giống như người lớn được. Ít lâu sau, khi Tăng đoàn có chế độ Sa-di, Xá-lợi-phất cũng thêm một chú nhỏ là Sa-di Quân Đầu, và hai chú bé thường chơi chung với nhau. Lúc vắng người, cả hai cùng bày những trò chơi trẻ con để đùa nghịch.

Một cậu bé mới trên mười tuổi, mỗi ngày sống trong Tăng đoàn nghiêm túc, nếu như đó là ý nguyện của chú bé

thì không nói chi, như nếu vì hoàn cảnh ép buộc, thì tâm lý sẽ có nhiều thay đổi. La-hầu-la xuất gia không thấy Tăng đoàn vui vẻ gì, chỉ ngoài mặt không lộ nét bức bối. Một thiếu niên khoảng trên mười lăm tuổi, đối với sự chỉ dạy của người lớn tự nhiên là vâng theo, nhưng dưới khoảng tuổi ấy, theo bản năng tự nhiên của cậu, sẽ có những bất mãn, những tư tưởng phản kháng lại. Khi La-hầu-la được mười bảy, mười tám tuổi tánh tình rất ôn hòa, rất nhiệt tâm trong công tác. Nhưng vào những năm ban sơ tuổi nhỏ, La-hầu-la cũng như bao trẻ con khác, ưa đối gạt người.

Lúc ấy La-hầu-la ở rừng Ôn Tuyên ngoài thành Vương Xá, có nhiều quan đại thần, trưởng giả, cư sĩ đến hỏi thăm đức Thế Tôn hiện ở đâu. Cậu thường tìm cách nói gạt để trêu ghẹo mọi người. Nếu đức Phật đang ở tinh xá Trúc Lâm, thì La-hầu-la lại nói Ngài ở núi Kỳ-xà-quật. Đức Phật ở tại Kỳ-xà-quật thì cậu nói gạt rằng Phật ở tinh xá Trúc Lâm. Hai nơi ấy cách xa nhau khoảng hai dặm, khiến thiên hạ cứ đi tới đi lui mệt đừ, mà rốt cuộc không gặp được Phật. Khi họ thất vọng quay về, La-hầu-la còn cười nhạo:

- Các ông không gặp được Phật sao ?
- Đại đức! Ngài còn cười nhạo bọn tôi nữa ư ?
- Ai trêu chọc các ông ? Tôi lo cho các ông thôi chứ.

Cậu bé La-hầu-la nghịch ngợm không bao giờ nhận lỗi của mình.

Con nhà giàu có, thế lực thì hay ỷ lại vào tiền của và địa vị của cha mẹ, ưa làm chuyện bậy bạ. La-hầu-la vốn là cháu vua Tịnh Phạn, con Phật, tuy xuất gia trong Tăng đoàn

bình đẳng nhưng vẫn là con nít, chắc cũng được nhiều người sủng ái, nên theo ý tôi, cậu bé có những tập khí kiêu mạn, cũng là tâm lý chung.

La-hầu-la gạt mọi người một lần, hai lần, thiên hạ còn bị lầm, nhưng sau vài lần mọi người đều biết, và tiếng đồn La-hầu-la nói dối, chọc ghẹo người đến tai Phật. Đức Thế Tôn không vui chút nào. Một hôm Ngài đích thân đến rừng Ôn Tuyền, răn dạy La-hầu-la một phen.

5. LỜI RĂN CỦA PHẬT

Hôm ấy, đức Thế Tôn đến chỗ ở của La-hầu-la, với dáng hết sức oai nghiêm. La-hầu-la không ngờ vội chỉnh y ra nghinh đón Phật. Đợi cho Thế Tôn an tọa, cậu đem nước đến cho Phật rửa chân. Đức Phật không nói một lời, rửa chân xong, bèn chỉ nước dơ trong chậu bảo La-hầu-la:

- Này La-hầu-la! Thứ nước dơ bẩn này có đem uống được không ?

- Bạch Thế Tôn! Nước rửa chân rất dơ, không thể uống được.

- Ông cũng giống thứ nước đó! – Đức Thế Tôn quở – Nước vốn trong sạch, rửa chân xong bèn trở nên cáu bẩn, giống như ông vốn là vương tôn, liả bỏ mọi thứ vinh hoa phú quý tạm bợ của thế gian, xuất gia làm Sa-môn, tuy chưa thọ giới Tỳ-kheo, nhưng ông đã thọ mười giới Sa-di. Ông không tinh tấn tu tập, không để thân tâm thanh tịnh, không giữ miệng cẩn thận lời nói, dối gạt chọc ghẹo người, cấu uế của tam độc đầy dẫy trong tâm ông, giống như nước trong sạch bị

dơ bẩn một thứ.

Chưa bao giờ đức Thế Tôn nghiêm nghị như vậy. La-hầu-la cúi đầu chẳng dám ngó Phật. Đức Phật bảo đem nước đổ đi, cậu bé mới nhúc nhích. Đợi La-hầu-la đổ hết nước xong, Phật lại hỏi:

- La-hầu-la! Ông lấy cái chậu này đựng cơm được không ?

- Bạch Thế Tôn! Chậu đựng nước rửa chân không thể đem đựng cơm, vì chậu đã dơ, đây cái ghét không thể đựng thức ăn được!

- Ông cũng giống cái chậu đó. Tuy làm Sa-môn thanh tịnh mà không tu giới định huệ, thân khẩu ý không thanh tịnh, chứa đầy cấu uế không chân thật, thức ăn đạo lý làm sao nhét vào tâm ông ?

Phật nói xong lấy chân đá nhẹ cái chậu lăn mấy vòng, La-hầu-la thấy thế hoảng sợ. Phật lại hỏi:

- La-hầu-la! Ông sợ cái chậu này bị đá bể không ?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ. Chậu rửa chân là đồ vật xấu, có bể cũng chẳng sao.

- La-hầu-la! Ông không tiếc cái chậu này, giống như mọi người không thương mến ông. Ông xuất gia làm Sa-môn, không giữ oai nghi, nói dối đùa gheo, ai mà thương ông được. Không ai quý tiếc gì ông, cho đến lúc ông chết mà ông không hối cải, lại càng chìm trong mê mờ.

La-hầu-la sợ toát mồ hôi, xấu hổ muốn độn thổ, phát nguyện từ nay về sau cố gắng sửa đổi tâm tánh.

Đức Phật răn dạy xong, lại nói thêm một ví dụ cho La-hầu-la nghe:

- Đời quá khứ, có một quốc gia nọ nuôi hai con voi lớn dũng mãnh thiện chiến. Mỗi khi nhà vua cử binh ra trận, lại trang bị áo giáp cho chúng. Ngà voi mang giáo nhọn, bên tai giắt kiếm bén, bốn chân đều có dao sáng ngời, sau đuôi lại cột thêm gậy sắt. Tuy mang nhiều vũ khí như thế, nhưng mỗi khi giao chiến chúng đều cuộn vòi dấu kín, vì đó là chỗ nhược, nếu để trúng tên liền chết ngay, vì muốn giữ gìn mạng sống phải giữ kỹ chiếc vòi.

La-hầu-la! Ông cũng phải như voi kia giữ kỹ cái vòi, cẩn thận giữ gìn lời nói, mỗi khi mở miệng nói đùa như voi bị thương, huệ mạng của ông sẽ mất, không được mọi người thương mến, không được người trí ưa thích, đến khi lâm chung sẽ bị rơi vào ba đường khổ.

Đức Thế Tôn dùng hết tình hết lý, khẩn thiết, nghiêm trang răn dạy, mỗi lời mỗi câu đều in sâu vào tâm La-hầu-la, chú bé phát nguyện từ nay sẽ sửa đổi.

Như hạt lúa chúng ta tuy xay giã thành hạt gạo, nhưng còn dính bụi cám, phải vo chà sạch sẽ thì gạo trắng mới ra gạo trắng. La-hầu-la tuy có bản tính tốt ngoan ngoan, nhưng phải có pháp thủy của đức Thế Tôn tẩy rửa một phen mới trở nên thanh tịnh vô nhiễm được.

Từ đó La-hầu-la trở thành một người khác.

6. SA DI CÓ THỂ Ở CHUNG VỚI TỖ KHEO

Khi đức Thế Tôn ở tại vườn Cù-sư-la, La-hầu-la cũng ở

đó với Sa-di Quân Đầu, cũng theo sư phụ Xá-lợi-phất hầu Phật nghe pháp.

Mỗi ngày, La-hầu-la dậy sớm quét dọn trong vườn, trong ngoài sạch sẽ rồi mới tu tập theo lời Phật dạy. Một khu vườn rộng lớn, quét dọn cho sạch hết phải tốn biết bao thì giờ. Hôm nọ, La-hầu-la quét dọn xong bèn đi nghe Phật thuyết pháp, đến chiều mới trở về phòng. Lúc ấy phòng của La-hầu-la bị thầy Tỳ-kheo quản lý để cho một vị Tỳ-kheo khách ở, những y bát tọa cụ của La-hầu-la đều bị bỏ ở ngoài, khách thì an nhiên ở trong phòng.

Phật đã quy định một người một phòng, phòng của mình đã bị người khác chiếm, biết làm sao ? Hơn nữa La-hầu-la còn là Sa-di, trong Tăng đoàn Sa-di phải kính trọng Tỳ-kheo, và Phật cũng dạy phải nhẫn nại, nên La-hầu-la không dám đến hỏi thầy kia sao lại ở phòng mình. La-hầu-la đứng ngơ ngơ ở ngoài cửa thật là tiến thoái lưỡng nan. Lúc ấy mây đen kéo đến đầy trời, báo hiệu sắp có mưa to, La-hầu-la không biết núp vào chỗ nào, bèn chui vào nhà xí, tuy có hơi hám thật, nhưng chỉ còn cách ngồi trong đó thôi. Lúc ấy thật cảm thấy nỗi quạnh quẽ của tình cảnh không nhà. La-hầu-la đang tọa trong nhà xí, nỗ lực nhớ đến lời Phật dạy, bất cứ trong hoàn cảnh khốn khổ nào, bất cứ gặp những phiền phức gì, đều không nên khởi tâm oán hận. Sức tu của La-hầu-la quả thật tiến bộ rất nhiều.

Bên ngoài mưa tuôn xối xả, nước chảy tràn xuống những chỗ trũng, có một con rắn đen ở trong hang bên cạnh, bị ngập nước bèn bò ra, dần dần bò vào nhà xí. Rắn độc miền nhiệt đới rất nguy hiểm, mà La-hầu-la không hề để ý,

lúc ấy sinh mạng của chú sa-di như chỉ mảnh treo chuông.

Đức Phật đang ở trong thất, hốt nhiên nhớ đến La-hầu-la, Ngài dùng thiên nhãn thấy được sự nguy hiểm gần kề, bèn đi ra nhà xí, đằng hắng một tiếng, bên trong cũng có tiếng đằng hắng. Phật bèn hỏi:

- Ai ở trong đó ?
- Dạ ! La-hầu-la!
- Ra mau! Ta bảo ông đi ra!

La-hầu-la không ngờ đức Thế Tôn đã kêu mình, vội bước ra, bất giác quỳ bên chân Phật, nước mắt đoanh tròn. La-hầu-la còn nhỏ, tình cảm không khỏi yếu ớt.

Phật bèn hỏi vì sao La-hầu-la lại ngồi trong nhà xí. La-hầu-la thuật lại mọi việc. Phật bèn dạy La-hầu-la hãy vào trong phòng Ngài. La-hầu-la vui mừng, như từ địa ngục mà bước lên thiên đường.

Trẻ con tuổi nhỏ, cất áy từ thân, vào trong Tăng đoàn, cần phải được các Tỳ-kheo lớn chiếu cố đến. Vì nhân duyên đó, đức Phật bèn quy định cho các Sa-di, có thể ngủ chung phòng với Tỳ-kheo hai đêm. Tình thương của đức Phật, chỗ vi tế nhất đều lưu ý đến.

Xưa nay, sư phụ thâm đệ tử phải có trách nhiệm dạy dỗ. Thầy của La-hầu-la là Xá-lợi-phất, thường bận giúp Phật hoàng hóa bên ngoài, ít có dịp ngó ngang đến La-hầu-la. Nhưng từ khi sự kiện ấy xảy ra, Xá-lợi-phất thường gọi La-hầu-la đến ở một phòng với Tôn giả.

7. ĐỨC NHÃN NHỤC

Từ khi được đức Phật chỉ dạy, và lại thường được ở bên cạnh sư phụ Xá-lợi-phất, nhận được sự hướng dẫn của thầy, La-hầu-la tu tiến rất nhanh.

Khi đức Phật giảng kinh, Xá-lợi-phất đều dẫn La-hầu-la đi nghe. Khi Xá-lợi-phất tịnh tọa, La-hầu-la cũng tịnh tọa một bên, khi đi thuyết pháp giáo hóa, Xá-lợi-phất cũng dắt theo bên mình, dạy cho La-hầu-la những kinh nghiệm vì pháp, vì mọi người. Mỗi ngày khát thực xong, La-hầu-la lại theo sau Xá-lợi-phất, trong Tăng đoàn Tôn giả được xem như đức Phật thứ hai, thật là ân sư tôn quý của La-hầu-la.

Một hôm, La-hầu-la đi theo Xá-lợi-phất khát thực tại thành Vương Xá. Trên đường đi gặp một tên lưu manh, hấn lấy cát ném vào bát Xá-lợi-phất, và lấy gậy đánh trên đầu La-hầu-la.

La-hầu-la bị thương, máu nhỏ giọt xuống y. Tên lưu manh thấy vậy chẳng những không biết lỗi, còn chửi:

- Mấy lão trọc, chỉ biết đi xin ăn, cứ xưng là từ bi nhĩn nhục, ta đánh lỗ đầu mày, thử xem làm gì ta.

La-hầu-la lúc ấy mười tám tuổi, đã lộ vẻ tức giận căm gan, nhưng Xá-lợi-phất an ủi:

- La-hầu-la! Nếu thật là đệ tử Phật, cần phải có tinh thần nhĩn nhục, trong tâm không chứa niềm sân hận, phải đem lòng từ bi thương xót chúng sanh. Đức Phật thường dạy chúng ta, lúc vinh dự đứng sanh lòng cao hứng, khi bị làm nhục cũng đừng oán hận. Này La-hầu-la! Nên điều phục tâm giận tức, giữ chắc nhĩn nại. Trên thế gian không có gì sánh

bằng người có sức nhẫn mạnh mẽ, cõi trời cõi người, dù sức mạnh đến đâu cũng không hơn nhẫn nại.

La-hầu-la nghe Xá-lợi-phất khai thị, lẳng lặng đến bên ao nước, mặt nước soi rõ bóng dáng, La-hầu-la lấy tay khoát nước rửa sạch vết thương, xé một chút vải băng lại. Xá-lợi-phất theo dõi tình hình, trong lòng vừa an ổn vừa thương tình.

La-hầu-la nhẫn nại, an nhiên theo Xá-lợi-phất, khát thực xong, trên đường về mới nói với thầy:

- Con nghĩ đến vết thương trên đầu, lúc ấy khó mà bỏ qua. Nhưng trên thế gian này sao lắm kẻ hung ác, đến đâu cũng gặp toàn những việc đáng chán. Con không giận đời, chỉ nghĩ đến cái cõi đời này nhiều người không biết điều. Đức Phật dạy chúng ta nên có lòng đại từ đại bi với họ, để mặc hạng người cuồng bạo nhục mạ chúng ta. Sa-môn Tỳ-kheo giữ hạnh nhẫn, chứa đức cao mà người cuồng ngu trở lại khinh chê, lại đi kính trọng mấy kẻ hung dữ độc ác. Đức Phật dạy chân lý từ bi, họ trở lại cho là hôi như xác chết, như trời mưa cam lồ mà loài chó hoang lại chỉ ưa đồ dơ bẩn, ưa những nơi hôi hám. Những chơn lý Phật dạy, những lời nói từ bi của Ngài mà đem nói với những hạng người hung dữ, không có chút căn lành ấy, chẳng có hiệu quả gì.

Đây là lần đầu tiên La-hầu-la đem việc tu hành và ý nghĩ của mình bày tỏ với sư phụ. Xá-lợi-phất nghe xong rất hoan hỷ, đem những lời của La-hầu-la về bạch với Phật. Phật cũng rất vừa lòng, khen La-hầu-la ngày nay rất ngoan, đối với người hung ác nên có thái độ như thế, và cách nhìn đời cũng biết như vậy. Phật lại dạy thêm:

- Người không biết nhẫn, sẽ không tiếp thọ được Phật pháp, giận đời oán người là trái với pháp, xa chư Tăng, thường luân hồi trong đường ác. Hạnh nhẫn nhục mới là hạnh an ổn, mới có thể tiêu trừ tai nạn. Người trí huệ thấy được nhân quả sâu xa, khắc phục tâm sân hận, thường hành nhẫn nại. Tinh thần của Phật pháp, chân nghĩa của Phật pháp không giống như lối nhìn của người đời. Những gì thế gian cho là cao quý thì Phật pháp cho là hạ tiện, Phật pháp cho là tốt, là phải thì người đời không chịu làm theo. Trung không ưa nịnh, tà chẳng thích chánh, ác không thích đi chung với thiện. Người tham dục thì ghét người vô dục. Trong tình cảnh ấy, người tu hành chỉ có việc nhẫn nại. Nhẫn là duyên trợ đạo tốt nhất, có thể khiến người tu mau chứng Thánh quả. Nhẫn như thuyền bè trên sông biển, có thể vượt qua mọi sóng gió, nhẫn là thuốc lành trị bệnh, cứu mạng sống cho người trong cơn nguy. Tu thành Chánh giác, vượt qua ba cõi, được trời người kính ngưỡng, là vì tâm ta đủ sức an ổn, phải biết rằng đức nhẫn rất quý vậy.

Do nhân duyên La-hầu-la bị kẻ côn đồ vô cơ hành hung lỗ đầu, mà trong lúc tuổi trẻ máu nóng lại có thể nhẫn chịu như một ông thánh, khiến sư phụ rất an tâm, đức Phật cũng mừng thầm và dẫn khởi đến đoạn thuyết pháp trên. Xá-lợi-phất nghe xong vô cùng cảm động, La-hầu-la cũng rơi lệ, lại càng cảm kích hơn.

8. LỊCH TRÌNH CHỨNG NGỘ

La-hầu-la đối với chuyện bị chiếm phòng, tự nguyện nhượng bộ, trên đường đi bị kẻ ác đánh trọng thương đều có

thể nhẫn được, tu dưỡng cần mật như vậy, chỉ còn một đoạn nữa là được khai ngộ.

La-hầu-la thông minh khéo léo, tinh tấn tu hành, khi còn Sa-di ưa chọc ghẹo thiên hạ, hôm nay đã trở thành một thầy Sa-môn nghi biểu trang nghiêm. Vào năm hai mươi tuổi, đức Phật hứa khả cho thọ giới Tỳ-kheo.

Tuy còn trẻ nhưng La-hầu-la đạo mạo như một người lão thành. Những cuộc nhóm họp đông đảo trong sinh hoạt của Tăng đoàn, thầy ít khi tham dự, chỉ im lặng dụng công tu tập.

Thiệt là chẳng biết La-hầu-la dụng công thế nào mà chưa được khai ngộ. Nguyên nhân chính là thầy chưa quên được cái vinh dự lớn của mình. Dù sao thầy cũng là con yêu của đức Phật, là cháu cưng của vua Tịnh Phạn. Trừ những bậc thượng thủ ra, các Tỳ-kheo khác đều kính trọng thầy, ái mộ thầy, khen ngợi thầy. Được nghe luôn những lời khen tặng, các thầy tu trẻ rất dễ bị động tâm, mấy ngôn từ hoa mỹ ấy đáng sợ như ác ma, khiến cho La-hầu-la dụng công tinh tấn đến đâu cũng chưa đạt quả vị.

Thậm chí có thầy Tỳ-kheo đã hỏi Phật về chuyện khai ngộ của La-hầu-la:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo La-hầu-la nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành, không phạm một lỗi nhỏ, vì muốn cầu khai ngộ, thầy đã tận tình buông sạch, vậy mà tại sao thầy vẫn chưa đoạn trừ hết phiền não, giải thoát hoàn toàn ?

Đức Thế Tôn trả lời dứt khoát:

- Giữ giới tịnh tâm, giữ thân đoan chánh, nhất định có

thể dứt sạch ô nhiễm, nhất định dần dần chứng quả.

Đối với việc La-hầu-la chưa khai ngộ, đức Phật không mấy bận lòng, Ngài vẫn đầy tin tưởng, đợi ngày ấy sẽ đến.

Mấy phen dường như khai ngộ mà vẫn chưa khai ngộ, La-hầu-la đem chỗ tâm đắc của mình bạch với Phật. Phật dạy La-hầu-la từ đây về sau nên thường cùng bạn bè đàm luận về đạo lý ngũ uẩn hòa hợp, và tự mình nên tư duy về ngã mạn, ngã vô pháp, pháp khổ, pháp vui v.v...

Một ngày nọ, vào sáng sớm, đức Phật cùng với La-hầu-la đi ra khỏi tinh xá Kỳ Viên, vào thành Xá-vệ khát thực. Trên đường đi, Phật quay lại bảo La-hầu-la:

- La-hầu-la! Ông hãy quan sát sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Ông xem thân tâm của mọi người và tất cả sự vật trên thế gian đều nên khởi quán vô thường, không nên chấp trước.

La-hầu-la nghe vài câu nói đơn giản như thế, tâm địa hốt nhiên sáng tỏ. Tôn giả cáo biệt Phật, ngưng việc khát thực trở về tinh xá, ngồi kiết già một lòng suy nghĩ về ý nghĩa thâm thúy của lời dạy đó. Tôn giả lại dùng từ bi quán trừ tâm sân hận, dùng bất tịnh quán trừ tâm tham dục, dùng sở tức quán trừ tâm tán loạn, dùng trí huệ đối trị ngu si. Tôn giả vào sâu trong thiền định và cơ duyên đã chín muồi, Tôn giả khai ngộ ngay hôm ấy.

Đức Thế Tôn khát thực trở về đến chỗ La-hầu-la đang tọa thiền, lại chỉ dạy thêm:

- Nên dùng sức đồng thể đại bi, lòng từ vô duyên để đối xử với người và sự việc, tâm lượng rộng rang có thể dung

nap tất cả chúng sanh, mới có thể diệt ác, đếm hơi thở quán tâm, có thể đạt được giải thoát.

La-hầu-la từ tòa đứng dậy, đánh lễ đức Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Phiền não con đã hết, con đã chứng ngộ xong.

Đức Phật hoan hỷ, còn hơn sự hoan hỷ của La-hầu-la, Ngài khen ngợi:

- Trong các đệ tử ta, Tỳ-kheo La-hầu-la là Mật hạnh đệ nhất.

Gọi là mật hạnh, nghĩa là trong ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, La-hầu-la đều biết hết, đều có thể làm hết.

Nghĩ đến hồi ban đầu, La-hầu-la theo Phật xin gia tài, hiện tại Tôn giả chứng ngộ là đã được đức Phật trao cho pháp tài vô tận. Nghĩ đến thuở còn sa-di nhỏ tuổi gia nhập Tăng đoàn, đã làm bận lòng đức Phật không biết bao nhiêu, hiện tại Tôn giả đã xa lìa mọi dục lạc thế gian, đạt được niềm vui chơn chánh của pháp mầu. Thật là vinh hạnh cho Tôn giả.

9. CHẾ ĐỘ HIẾN CÚNG TINH XÁ

Sau khi La-hầu-la khai ngộ, địa vị trong giáo đoàn càng được đề cao, nhất là hàng tín chúng tại gia, có biệt nhãn đối với Tôn giả. Một điều không thể phủ nhận, trong hàng Tỳ-kheo, La-hầu-la được cúng dường nhiều nhất.

Vấn đề cúng dường nếu nông hậu, vật chất đầy đủ sẽ làm chướng ngại việc tu đạo. Nhưng La-hầu-la đã chứng Thánh quả, những thứ bên ngoài không làm hệ lụy được. Hễ vừa có dư một vật gì, Tôn giả đều đem cho người khác.

Một hôm, Phật đang thuyết pháp tại một thôn làng trong nước Ca-tỳ-la, có một trưởng giả tin Phật và xin quy y. Ông trưởng giả này, có duyên với La-hầu-la, hay là vì quan niệm về địa phương, La-hầu-la cũng người Ca-tỳ-la, ông phát tâm hộ pháp cho Tôn giả tất cả những thứ cần dùng, ông đều cung cấp đầy đủ.

Về sau, ông đặc biệt cất một tinh xá cúng riêng cho La-hầu-la, tôn giả cũng an trụ ở đó. Lúc ấy các Tỳ-kheo đi hành khước rất đông, nên tinh xá của La-hầu-la luôn luôn có khách Tăng ghé lại. Nhà ông trưởng giả cứ nghĩ là tinh xá của mình bố thí, lại hay can thiệp vào việc chùa. La-hầu-la thưa chuyện với Phật xin thỉnh ý phải làm sao ? Phật dạy:

- La-hầu-la! Trong pháp ta, việc của Tăng đoàn thì hàng tín đồ tại gia không thể quản lý. Tín chúng phát tâm cúng dường tinh xá, không phải vì đó mà tự do can dự thao túng. Ông nên bảo cho ông trưởng giả ấy, hỏi ông ta cúng dường tinh xá với mục đích gì ? Nếu thật là bố thí cho Tăng già, vật đã bố thí không còn là của mình. Như nếu ông ta muốn quản lý, nói cho ông ấy biết tinh xá không phải là nhà khách. Tinh xá do Tăng trụ trì, phần cư sĩ hộ pháp thì được, quản lý thì không được.

La-hầu-la đem lời đức Phật nói lại với trưởng giả. Thiệt là người không hiểu rành Phật pháp, bị quyền thế ám ảnh, hoặc quá nhiệt tình mà chấp chặt, bảo ông đừng xen vào chuyện tinh xá, ông không thể hoàn toàn xả bỏ được. Từ đó cảm tình giữa La-hầu-la và ông bị sứt mẻ, lúc trước ông kính trọng tôn giả, bây giờ ông lại thấy bức bối, gai mắt.

Một hôm, La-hầu-la có chút việc đi đến thành Xá-vệ,

đúng lúc ấy trưởng giả đến thăm tinh xá. Thấy không có ai, vắng bóng tôn giả, thừa cơ hội ấy, ông bèn đem tinh xá cúng dường cho thầy Tỳ-kheo khác.

Tín đồ tại gia mà ăn nói ngược ngạo như vậy thật là trái lẽ. Khi La-hầu-la xong việc trở về, thì tinh xá đã thuộc về người khác, tôn giả bèn trở lại tinh xá Kỳ Hoàn. Đức Phật hỏi tôn giả vì sao trở về cấp tốc như vậy, La-hầu-la trình bày mọi việc. Đức Phật nghe xong chẳng bằng lòng với thái độ của nhà ông trưởng giả nọ. Ngài cảm khái cho những người không hiểu sâu Phật pháp mà bảo họ làm đúng Phật pháp thiệt là khó thay!

Phật liền triệu tập các Tỳ-kheo:

- Vật nào đã bố thí cho người, mà thí

chủ lại đem tặng lại các ông, các ông không được tiếp nhận.

Đó không phải là đức Phật thiên vị La-hầu-la, mà vì pháp tắc trong giáo đoàn, để tránh những rắc rối về sau. Đáng buồn cho lời dạy của Ngài, Phật giáo ngày nay xảy ra những việc tranh chấp về tài sản, đều là vì những nguyên nhân ấy.

Khi La-hầu-la còn làm Sa-di, phòng thất bị người chiếm đoạt, bèn vào nhà xí tránh gió mưa, không vì chỗ ở mà tranh chấp với người. Bây giờ là một vị Tỳ-kheo khai ngộ, được tặng cho tinh xá, rồi tinh xá ấy lại bị đem tặng người khác, trong tâm lượng khoáng đạt của bậc thánh ấy không hề có niệm bất bình. Đến khi đức Phật quy định chế độ cúng dường tinh xá, chúng ta lại có dịp nhắc lại chuyện

xưa.

10. NHẬP DIỆT

Những nhân vật oanh liệt trong Tăng đoàn thuở ấy là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-nan v.v... còn La-hầu-la thì không, một người nghiêm túc trong mật hạnh trì giới, chỉ im lặng tu tập, im lặng không tranh đua với thế gian. Hoặc là vì La-hầu-la quan hệ đến đức Thế Tôn, nên Ngài đặc biệt hạn chế tôn giả. Chúng ta cũng biết La-hầu-la có tư cách nhu thuận, phẩm chất kiên cường, nhưng chúng ta cũng thấy trong sinh hoạt của một vị Tỳ-kheo Tôn giả không phải là người sôi nổi.

Cho nên trong kinh sử không thấy ghi lại những sự tích La-hầu-la nhiệt tình thuyết pháp, hay nghị luận với ngoại đạo. Đúng như lời đức Thế Tôn nói, Tôn giả là người nghiêm túc trong tế hạnh, trong giới luật, là một vị mật hạnh đệ nhất.

La-hầu-la nhập diệt khi nào, cũng như năm tháng đản sanh của Tôn giả, có hai truyền thuyết. Có thuyết nói, thái tử Tất-đạt-đa năm mười chín tuổi hạ sanh La-hầu-la. Có thuyết lại nói đến năm Ngài hai mươi lăm tuổi mới hạ sanh La-hầu-la. Về năm diệt cũng có hai thuyết, một thuyết nói Tôn giả nhập Niết-bàn trước đức Phật vài năm, thuyết khác nói, khi đức Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả còn quỳ bên giường.

Ấn-Độ là một nước không mấy chú trọng về lịch sử, còn Trung Hoa chúng ta cũng không ít nhà phiên dịch phóng đại và tưởng tượng huyền hoặc. Những sự tích lật vạt về cuộc đời đức Thế Tôn và các vị Thánh đệ tử được ghi chép trong

kinh điển, thật cũng có ít nhiều cất xén.

Căn cứ theo ký sử có thể khảo cứu qua kinh điển, thì Tỳ-kheo ni Da-du-đà-la, mẫu thân của La-hầu-la nhập diệt vào năm bảy mươi tám tuổi, và La-hầu-la nhập diệt được kể là sớm hơn.

Vào một buổi chiều, Da-du-đà-la đã suy tư đến rất nhiều sự việc. Bà nghĩ Kiều-đàm-di, Liên Hoa Sắc đều đã nhập Niết-bàn, La-hầu-la cũng nhập Niết-bàn. Ta sanh đồng một năm với đức Phật, năm nay ta đã bảy mươi tám tuổi, nghe nói đức Phật sẽ nhập Niết-bàn vào năm tám mươi tuổi. Nghĩ đến chuyện ta nhập diệt đồng một lúc với Ngài, tuy hiện tại đối với đức Phật chỉ có pháp tình mà không có tình riêng gì khác, nhưng chuyện ấy là một điều bất kính, chi bằng ta nhập diệt sớm là tốt hơn.

Da-du-đà-la được đức Phật hứa khả, hưởng về Phật đảnh lễ cảm tạ xong, bèn hiện thân thông bay lên hư không mà đi. Và đêm đó bà ở trong phòng nhập định Niết-bàn.

Căn cứ vào ký sử nhập diệt của Da-du-đà-la thì La-hầu-la đã nhập diệt trước cả bà và đức Phật. Và theo đó, tính tuổi của Tôn giả không quá sáu mươi. Đại khái Tôn giả chỉ sống trên năm mươi năm là cùng.

Đương nhiên, đối với một vị thánh thì xem cái chết, dù sớm hay muộn cũng là chuyện thường. Bỏ sắc thân hư huyền giả dối này, đem sanh mạng an trụ trong lý thể pháp tánh, chuyện ấy không có gì phải buồn, trái lại đó là một sự hạnh phúc.

La-hầu-la vào năm hai mươi tuổi đã khai ngộ chứng

quả, cái mục đích tối hậu của đời người đã đạt được thì khi nhập diệt nhất định là an nhiên vi tiếu mà ra đi.

